PHẠM VĂN SƠN

VIỆT NAM TRANH ĐẤU SỬ

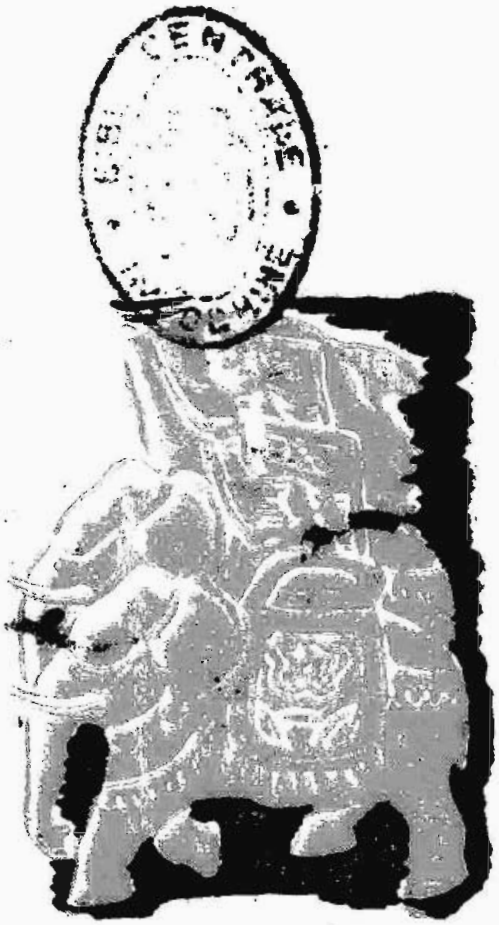

1949

IN LẦN THỨ NHẤT

PHẠM VĂN SƠN

VIỆT-NAM
TRANH ĐẤU SỬ

BIBLIOTHEQUE
PIERRE PASQUIER
97318

1949

Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

LÝ THƯỜNG KIỆT

Lời tác giả

NƯỚC Việt-Nam thân-yêu của chúng ta sở-dĩ còn tồn-tại tới ngày nay vì chúng ta không quên nguồn gốc. Mà quên làm sao được khi chúng ta có một giải non sông gấm vóc chạy dài từ Ải Nam-Quan vào tới mũi Cà-mâu, cảnh trí như tranh vẽ, nguyên-liệu thiên-nhiên dồi-dào, những cánh đồng phì nhiêu bát-ngát thừa nuôi sống trên hai chục triệu con người và hứa hẹn rất nhiều về mọi cuộc mở mang rộng lớn cho đời sống của dân-tộc!

Về tinh-thần, chúng ta có một nền văn-hóa cổ cựu nhiều thuần phong mỹ-tục, một trật-tự xã-hội điều hòa và trong bao nhiêu thế-hệ, người công-dân đã tìm được đầy đủ cái sinh thú giữa gia-đình cũng như ngoài quốc-gia hùng mạnh.

Những sự-trạng tốt đẹp đó là công-nghiệp của nghìn đời, là một cuộc tranh đấu của tiền-nhân liên-miên vô-tận từ 4.000 năm lập-quốc đến giờ.

Chúng ta có thể kiêu-hãnh được ông cha để lại một gia-tài vô-cùng quý giá nhường ấy mà vì vậy cuốn Lịch-Sử Việt-Nam của chúng ta đã được người ngoại-quốc chú ý đến rất nhiều.

Chúng tôi cầm bút biên chép riêng những trang sử tranh-đấu của nước nhà qua các thời-đại không thể không ngược dòng thời gian để lòng rung động với những cái oai-hùng của quá-khứ, rồi sau đây theo rõi hiện-tại và tìm hiểu tương-lai trong một phút tự-sỉ và tự-hào.

Tự-hào là chúng ta đã thuộc về một giòng giống từ thuở ra đời đã có nhiều phen thắng-cường-lân, bại kẻ địch, xây dựng được quốc-gia trên nền-tảng của tự-do và độc-lập. Tự-sỉ là chúng ta đã có những phen lầm đường lỡ bước nên đã chịu nhiều giai-đoạn đau đớn lầm than.

Trong cuộc Thế-Giới-Chiến vừa qua, dân Việt-Nam chúng ta chẳng tranh-vương đồ-bá mà cũng lâm vào cảnh núi xương sông máu. Vết thương đau của dân-tộc càng ngày càng mở rộng. Chúng ta vì Độc-Lập và Tự-Do mà bước vào vòng khói lửa cho tới ngày nay.

Có nên nói rằng muốn sao thì cái cảnh nhà tan nước phá hiện tại cũng đã có những ảnh-hưởng tai-hại một phần nào và ta cũng nên tự-thú rằng trước cái hoang-tàn, trước cái bất-chắc của tình-thế do chiến-tranh gây nên, một số người của chúng ta đã bị ngã lòng tuyệt-vọng.

Không lúc nào bằng lúc này, cần phải có những cuốn sách diễn-tả cái tinh-thần quật-cường, những cuộc chiến-thắng liên-tiếp của anh-hùng liệt-sĩ XƯA và NAY đã hy-sinh xương máu trong cuộc giải-phóng dân-tộc.

Loại sách đó sẽ là một liều thuốc bồi dưỡng những tâm-hồn bạc nhược, là một ánh-sáng hé ra cho người ta nhận thấy tương-lai của Tổ-Quốc để lại mạnh dạn bước lên đường tranh-đấu cho tới khi lý-tưởng của quốc-gia và dân-tộc được thỏa-mãn.

Chúng tôi chép cuốn Sử này cũng mong đạt được cái cao vọng đó trong muôn một và chờ trông các nhà học-giả trong nước bổ-khuyết cho những lỗi lầm thiếu-sót.

PHẠM-VĂN-SƠN

Tài liệu để soạn sách này

Phần Bắc thuộc và cận kim thời đại ở Việt-Nam Sử-lược của cụ Trần-trọng-Kim đã nghiên cứu trong các sách kể dưới đây và riêng về triều nhà Lý có nghiên-cứu thêm ở quyển Lý-Thường-Kiệt của ông Hoàng-xuân-Hãn. Phần cận đại, một ít trích ở Cải-Tạo đặc san số 36-37, về hiện đại hoàn toàn của tác giả.

A. — Sách chữ nho và chữ quốc ngữ :

1) Đại-Việt Sử-Ký, của NGÔ-SĨ-LIÊN
2) Khâm-định Việt-Sử Thông giám cương mục.
3) Trần-triều thế phổ hành trang.
4) Bình-Nguyên công thần thực lục.
5) Hoàng-Lê nhất thống chí.
6) Lịch-triều hiến-chương, của PHAN-HUY-CHÚ.
7) Đại-Nam thực lục tiền biên.
8) Đại-Nam thực lục chính biên.
9) Đại-Nam thống chí.
10) Đại-Nam chính biên liệt truyện.
11) Đại-Nam diễn lệ toát yếu, của ĐỖ-VĂN-TÂM.
12) Minh-Mệnh chính yếu.
13) Quốc-triều sử toát yếu, của CAO-XUÂN-DỤC.
14) Thanh-triều sử-ký.
15) Trung-Quốc lịch-sử.
16) Hành thục ca, của bà NGUYỄN-NHƯỢC-THỊ.

B. - Sách chữ Pháp :

1) Cours d'Histoire Annamite, par TRƯƠNG-VĨNH-KÝ
2) Notions d'histoire d'Annam, par MAYBON ET RUSSIER.
3) Pays d'Annam, par E. LURO.
4) L'Empire d'Annam, par GOSSELIN
5) Abrégé de l'histoire d'Annam par SCHNEIDER.
6) Histoire de la Cochinchine, par P. CULTRU.
7) Les origines du Tonkin
8) Le Tonkin de 1872 à 1886 } par J. DUPUIS.
9) La vie de Monseigneur PUGINIER, par E. LOUVET
10) L'Insurrection de GIA-ĐỊNH par J. SILVESTRE (Revue Indochinoise, Juillet — Août 1915).

VIỆT-NAM
TRANH ĐẤU SỬ

Nước Tàu về đời nhà Tần

Nước Việt-Nam qua các Triều-Đại.

NƯỚC Việt-Nam là một quốc gia ở vào Đông-Nam Á-Châu, bề ngang hẹp, bề dọc dài, cong như hình chữ S, hai đầu phình ra (Bắc-Việt và Nam-Việt) ở giữa (Trung-Việt) thì thắt lại.

Đông và Nam giáp bờ bể Nam-Hải (Mer de Chine) tây giáp Ai-Lao và Cao-Miên ; Bắc giáp nước Trung-Hoa liền với tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam.

Diện-tích rộng chừng 312.000 cây số vuông chia ra :

— Bắc-Việt 105.000 cây số vuông.

— Trung-Việt 150.000 cây số vuông.

— Nam-Việt 57.000 cây số vuông,

Dân số trên 20 triệu người. Theo một vài người Pháp kê cứu thì người Việt-Nam và người Thái đều ở miền núi Tây Tạng xuống. Người Việt-Nam theo sông Hồng-Hà lần về phía Đông-Nam lập ra nước Việt-Nam ngày nay, còn người Thái thì theo sông Mékong lập ra nước Xiêm và Lào.

Người Việt-Nam thuộc về giống da vàng. Người nào làm ăn nơi đồng ruộng thì ngăm ngăm đen. Người thư-nhàn thì nước da vàng như mầu ngà cũ.

So sánh với người Tầu thì người Việt-Nam hao hao giống người Tầu chỉ khác là có vẻ linh lợi và nhanh nhẹn hơn. Mặt thì xương xương, bèn bẹt, trán cao rộng, mắt đen hơi xếch, về đàng cuối, mũi hơi tẹt, răng to nhuộm đen, râu thưa, tóc nhiều và dài, hơi cứng. Dáng đi nhẹ nhàng nhưng vững chắc.

Áo quần thì rộng. Đàn ông tóc húi ngắn. Đàn bà quấn khăn, áo mặc dài quá đầu gối, tay áo thì chật, ống quần thì rộng. Đàn bà ở Bắc-Việt và phía Bắc Trung-Việt quấn khăn. Ở nơi thành thị thì mặc quần và ở nơi thôn quê thì mặc váy. Ở phía nam Trung-Việt và ở Nam-Việt thì đàn bà mặc quần cả và búi tóc.

Người Việt-Nam là một giống thông minh linh lợi và theo đạo Khổng. Đàn ông lấy Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín làm trọng, là năm điều chính của Khổng-Giáo. Đàn bà thì theo Tiết, Nghĩa, Cần, Kiệm.

Từ Bắc chí Nam người Việt-Nam nói cùng một thứ tiếng, theo cùng một phong tục. Về mặt tinh thần như vậy có thể nói là duy nhất.

Sự mở mang bờ cõi của người Việt-Nam xưa kia về phía Bắc đã gặp hai sự cản trở vì phương Bắc trực tiếp Trung-Hoa, một dân tộc đông trên 400 triệu người, phía tây lại lắm rừng nhiều núi không tiện đi lại nên người Việt chỉ có thể tiến về phía Nam theo bờ bể đánh Lâm Ấp, Chiêm-Thành và Chân-Lạp thành quốc gia Việt-Nam ngày nay.

Người Việt-Nam thành lập quốc gia kể tới bốn nghìn năm, vì vị-trí ở sát một nước lớn như Trung-

Quốc mà dân số chiếm 1/4 dân số toàn thể Thế-Giới, lại văn minh sớm vào bậc nhất nên lịch sử của Việt-Nam đã trải nhiều giai đoạn hắc ám. Bên cạnh Trung-Quốc hùng cường ấy trong bao nhiêu thế-hệ mà Việt-Nam đã giữ nổi nền độc-lập, cá-tính quốc-gia và tinh-thần cố-hữu của mình kể cũng là một điều phi-thường. Vì vậy mà dân tộc Việt-Nam càng ngày càng được Thế-Giới chú ý cho tới cuộc tranh dành độc-lập ngày nay có nhiều trang sử oanh-liệt đẹp đẽ.

Nhà chép sử cuối cùng của chúng ta, ông TRẦN TRỌNG KIM, một học giả trứ danh chia lịch-sử Việt-Nam ra làm năm thời-đại.

1)—THƯỢNG CỔ THỜI ĐẠI.— Kể từ họ Hồng-Bàng cho đến đời nhà Triệu ; giai-đoạn này không có căn cứ thiết-thực và cũng như lịch-sử nhiều dân tộc nói rằng dòng giống Việt-Nam là dòng giống thần tiên thuộc về Vua Đế-Minh cháu ba đời vua Thần-Nông đi tuần thú về phương Nam gặp một nàng tiên lấy nhau đẻ ra hai Hoàng-Tử là Đế-Nghi cho làm Vua phương Bắc và Lộc-Tục làm Vua phương Nam xưng là Kinh-Dương-Vương. Kinh-Dương-Vương làm Vua nước Xích-Qủy năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch kỷ nguyên ?) lấy con gái Động-đình-Quân là Long-Nữ đẻ ra Sùng-Lãm nối ngôi gọi là Lạc-Long-Quân. Lạc Long-Quân lấy con gái Vua Đế-Lai tên là Âu-cơ. Nước Xích-Qủy chia ra những nước gọi là Bắc-Việt gồm có đất Hồ-Quảng, Quảng-Đông, Quảng-Tây. Nhưng đây chỉ có thể coi là dã sử mà thôi cũng như

người Nhật tự coi mình là giòng giống của Thái Dương thần nữ để lấy đó làm một điều hãnh diện cho chủng tộc.

2) — THỜI-ĐẠI THỨ NHỈ LÀ BẮC-THUỘC THỜI-ĐẠI. — Kể từ khi Vua Vũ Đế nhà Hán (bên Tầu) chiếm lấy đất Nam-Việt của nhà Triệu — Người Nam-Việt vào hồi đó chưa được tiến hóa, học hành còn kém, sách vở không có. Người Tầu trên một nghìn năm đô hộ người Việt-Nam đã đặt cả nền văn-hóa của mình ở đấy. Ảnh hưởng của nền văn-hóa này rất là xâu xa và đã thành quốc túy đến cận kim thời đại do sự xúc tiếp với nền văn hóa Âu Tây gần một trăm năm về đây đã phai nhạt được ít nhiều.

3) — THỜI-ĐẠI THỨ BA TỨC LÀ THỜI-ĐẠI TỰ-CHỦ. — Mặc dàu cuộc thống trị của người Trung-Hoa đã thành nền tảng ở đất Việt trên 1000 năm, lan cành bén rễ rộng xâu, nhưng nòi giống người Việt-Nam có một tinh thần cố-hữu bất diệt, một cá-tính vô cùng bền bỉ, nền văn hóa Trung-Quốc mãnh liệt như vậy cũng vẫn không thể đồng hóa nổi nước Việt-Nam dù rằng trong phong tục lễ nghi, tiếng nói người Việt có nhiều điều của người Tầu phảng phất phổ cập vào.

Và về phương diện chính trị, mặc dầu chính sách cai trị của người Tầu có nhiều khi rất ôn hòa đạo đức, (Thời Sĩ-Nhiếp và Nhâm-Diêm là hai vị Thứ-Sử của Trung-Quốc đã thương dân Việt-Nam như con) người Việt-Nam với người Tầu vẫn là hai dòng nước song hành mà vẫn không hợp-

chủng với nhau. Cũng nên công bằng nói rằng trong giai đoạn trên 1000 năm Bắc-Thuộc đó, người Tầu cũng đã khai hóa cho người Việt rất nhiều, nhưng người Việt vẫn nhớ đến giòng giống của mình, cội rễ của quốc gia với một quan niệm rất thiết tha về độc-lập nên luôn luôn tìm cơ hội để tự giải phóng trong khi người Tầu lấy sức mạnh đặt nền thống trị ở Việt-Nam. Đối với nhiều dân tộc trên thế giới trong kỷ nguyên ấy, quan niệm đó, tinh thần đó có thể coi là rất sớm sủa.

Thời đại độc-lập này kể từ nhà Ngô (Ngô-Quyền) nhà Đinh cho đến nhà Hậu Lê, nước Việt-Nam nghiễm nhiên là một quốc gia có triều đình riêng một phương trời với tất cả những sự đàng hoàng như một vương triều Trung-Quốc tuy vẫn phải xưng thần nạp cống, nhưng kỳ thực không ai xâm phạm đến ai nữa. Sự xưng thần nạp cống đó chỉ là một phương sách mềm rẻo về chính trị để giao hảo với một nước to, mạnh, phú cường gấp trăm mình cho khỏi những cuộc binh đao tàn khốc vô ích.

Trong thời kỳ này vừa thoát hẳn vòng lệ-thuộc, người Việt-Nam vội xây đắp lại giang-san, chấn chỉnh lại đời sống của dân chúng, sửa sang nền võ bị tức là vấn đề phòng nạn xâm lăng của Trung-Quốc cho nên về các phương diện kể trên đây bành trướng nhiều, còn về văn học thì chưa được chu đáo lắm.

Sau này đến đời nhà Lý, nhà Trần, công việc trong nước mọi mặt đều được chỉnh bị, thành nền nếp. Kẻ cường lân không dám nhòm ngó quấy nhiễu. Việc văn học, chính trị, tôn giáo mỗi ngày

một tiến do những bực minh quân lương tể. Về phía Bắc có thể chống được với Trung-Quốc và về phương Nam bờ cõi mở rộng thêm. Nhà Lý nhà Trần lại gày được quốc hồn mạnh mẽ. Cuối đời nhà Trần, do sự lộn sộn về chính trị, người Trung-Hoa lại đem quân sang (Nhà Minh) định tái chiếm Việt-Nam thì người Việt sẵn đức tự tin, giầu lòng đoàn-kết, đánh đuổi được quân xâm lăng ra khỏi đất nước. Cầm đầu phong trào này là vua Lê-Lợi, người anh hùng áo vải ở đất Lam-Sơn. Với triều đại nhà Lê một trăm năm đầu có thể nói là toàn thịnh: võ công, văn tự, nông nghiệp nhất là về năm Quang-Thuận (1460-1469) và Hồng-Đức (1470-1497) thật là một giai đoạn lịch-sử vô cùng sán lạn.

Sau thời kỳ oanh-liệt kể trên, những vị vua kế tiếp của Lê Triều tinh thần suy nhược, chính sự rối ren, trong nước sinh cuộc binh đao và cuộc Nam Bắc phân tranh tức là *thời đại thứ tư*.

Nước Việt-Nam từ khi Ngô-vương-quyền đánh đuổi được quân Nam-Hán cho tới nhà Đinh kế tiếp đã lập thành được một quốc gia đủ quyền tự chủ đời nọ nối theo đời kia được gần 600 năm. Đến đầu thế kỷ thứ 16, nhà Lê tới lúc suy vi thì nhà Mạc thoán đạt triệt bỏ con cháu nhà Lê về phía Nam (Thanh-Hóa Nghệ-An) dựng lên triều đại dài được trên 60 năm. Nhà Mạc đóng ở phương Bắc (Bắc-Kỳ) gọi là Bắc Triều và họ Trịnh phù con cháu nhà Lê lập nên Nam-Triều. Mỗi bên hùng cứ một phương. Sau này họ Trịnh diệt được nhà Mạc thì lại lâm vào cảnh nội chiến nữa là Trịnh Nguyễn giao tranh. Trịnh đuổi Mạc, ra thay

NƯỚC TẦU VỀ ĐỜI NGŨ-QUÍ

thế Mạc ở phương Bắc và Nguyễn lại lập triều đình ở phương Nam. Thực quyền của dòng họ Lê bấy giờ thì không còn nữa và đã lọt sang tay họ Trịnh. Cả hai họ Trịnh và Nguyễn đều xưng chúa mà không dám xưng vương vì họ đều nấp sau cái bình phong phù Lê, bởi, mặc dầu họ Lê suy rồi nhưng dân nước vẫn còn nhiều cảm tình với dòng họ đã có công đánh đuổi quân Minh giữ vững nền độc lập của quốc gia trọn một thế kỷ. Trịnh Nguyễn đánh nhau trước sau bảy lần từ năm Đinh-Mão (1627) đến năm Nhâm-Tí (1672) tức là tự đời vua Thần-Tôn nhà Lê đến đời vua Gia-Tôn vừa 45 năm.

Năm Ất-Dậu (1765) chúa Nguyễn-Phúc-Khoát (Vũ-Vương) mất. Thế-tử còn nhỏ. Trương-Phúc-Loan là một quyền thần làm nhiều điều càn rỡ nên ở phía Nam (Qui-Nhơn) anh em ông Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ, Nguyễn-Lữ nổi lên đánh bật chúa Nguyễn về phía Nam và về phía Bắc tiến ra diệt Trịnh lập nên Nhà Tây-Sơn oanh liệt được ngót hai chục năm (1788-1802) rồi vì anh em nghi ngờ nhau sinh ra ly tán. Một điều may mắn cho Chúa Nguyễn trong dịp này là sự gặp gỡ Giám-Mục Bá-Đa-Lộc (Evêque d'Adran). Ngài liền nhờ Giám Mục mang con là Hoàng-Tử Cảnh sang nước Pháp cầu viện binh, và vì nhà Tây Sơn tới lúc suy vi, vị vua anh hùng nhất là Quang-Trung lại chết sớm, nên Chúa Nguyễn bình định được từ Nam chí Bắc, giang sơn từ Ải Nam-Quan tới Mũi Cà-Mâu, lập thành bản triều cho tới bây giờ.

CẬN KIM THỜI ĐẠI. — Cận kim thời đại bắt đầu từ vua Thái-Tổ (Gia-Long) bản triều cho đến cuộc Bảo-Hộ của nước Pháp trở về đây. Vua Thế-Tổ nhà Nguyễn cũng như nhiều vị khai sáng các triều đại đã rất khôn ngoan, khéo léo sàu sắc, nhiều sáng kiến mới gây dựng được cơ nghiệp. Các vị vua kế nghiệp kém Ngài về các phương diện này lại thêm triều thần là những kẻ hủ nho thiển cận nên đã làm nhiều điều vụng về như việc ngược đãi các giáo-sĩ ngoại-quốc: Pháp, Y-Pha-Nho, Bồ-Đào-Nha, giết- tróc các giáo dân, đóng các cửa bể không chịu xúc tiếp với các dân tộc Tây-Phương. Vì thế người Pháp đã nắm được những cơ hội tốt đẹp dùng võ-lực xâm chiếm Việt-Nam và đặt nền Bảo-Hộ ở đây. Có cuộc Bảo-hộ của người Pháp trên giải đất Việt-Nam trong 80 năm, và trước đây lại thêm trên 1000 năm đụng chạm với người Trung-Hoa, một dân tộc hùng-cường với một nền văn-minh cổ cựu nhất thế-giới đã có lần quàn hùng tướng mạnh dầy xéo lên các dân tộc tự Á sang Âu, người ngoại quốc đọc sử Việt-Nam sẽ được thưởng thức một cách vô cùng hào hứng những trang sử oanh liệt của chúng ta mà chúng ta có thể nói ra không chút khoe khoang kiêu hãnh. Người ta sẽ hiểu dân-tộc Việt-Nam có một sức chịu đựng phi thường các cuộc áp bức vô cùng nguy hiểm và có tinh thần quật cường vô cùng dũng mãnh; cho nên nước Việt-Nam trải qua bao nhiêu thế-kỷ đã không bị xóa nhòa trên bản đồ thế giới trong khi nhiều quốc gia khác đã bị lu mờ tàn tạ thảm thương.

Sau cuộc Thế-Giới Chiến kỳ thứ hai vừa qua, cũng như một vài dân tộc bị trị khác biết lợi dụng thời cơ đạp đổ chế độ Thực-Dân, Việt-Nam lại tiếp tục cuộc tranh đấu cổ-truyền, dành được chủ quyền ở tay hai Đế-Quốc Pháp, Nhật năm 1945. Từ cuộc Cách Mạng tháng 8 (1945) cho đến cuộc bang giao Việt-Pháp ngày nay qua Hiệp-ước Elysée, trong đó nền Độc-Lập của Việt-Nam đã được nước Pháp long trọng công nhận và quốc-tế-hóa, dân tộc Việt-Nam hiện giờ đang đi đến một chỗ rẽ của Lịch-Sử.

Bằng cuộc kháng-chiến tiếp diễn luôn 4 năm nay, đến giờ phút này vẫn chưa hạ màn, người Việt-Nam củng-cố ý-niệm Độc-lập và thực hiện nó vừa bằng ngoại-giao vừa bằng chiến-sự.

Một phần kết quả của cuộc kháng chiến thế nào ta đã thấy rõ, còn tương lai sẽ trả lời ta về những điều phải đến.

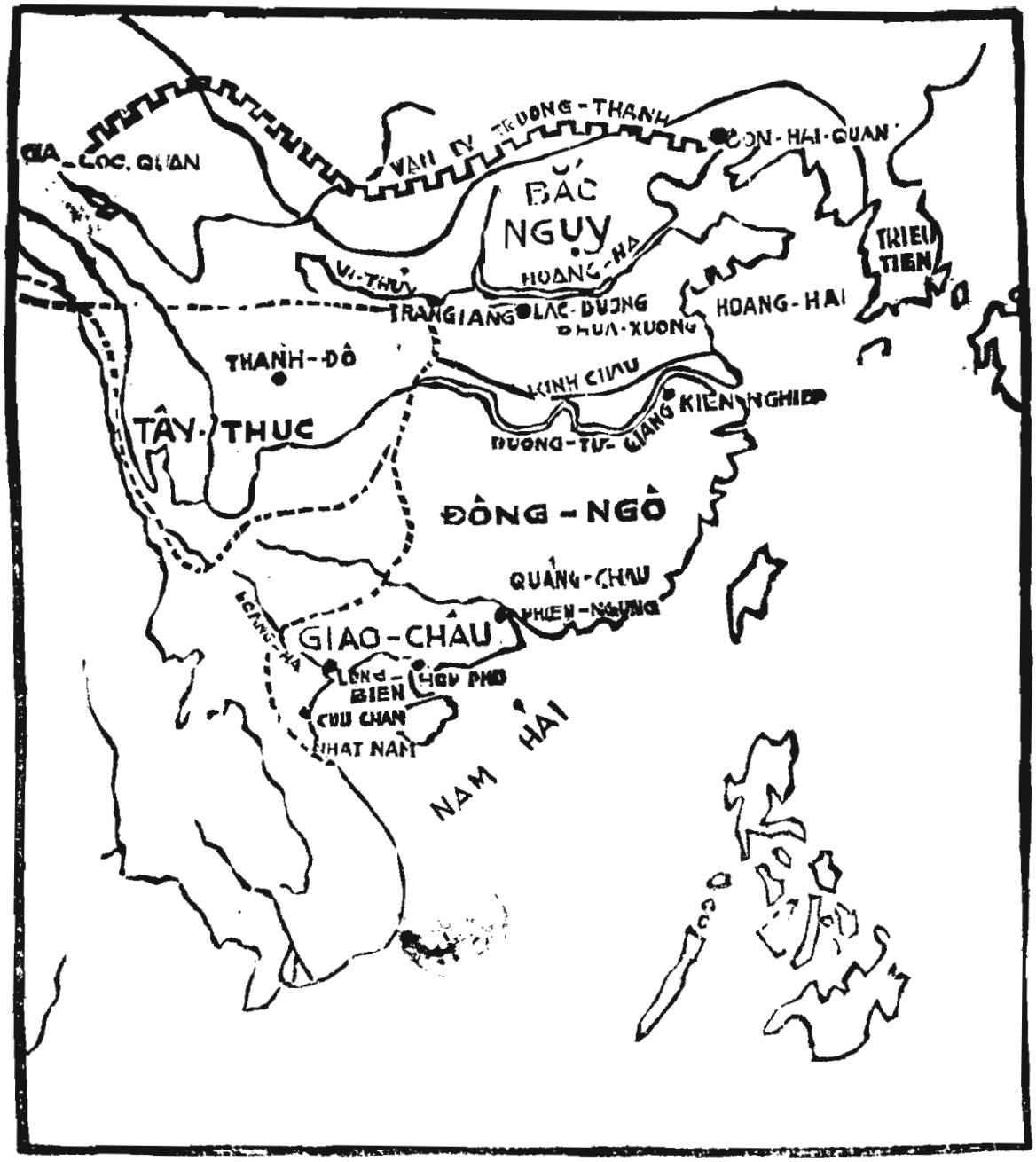

NƯỚC TẦU VỀ ĐỜI TAM QUỐC
VÀ ĐỊA-PHẬN GIAO-CHÂU

Chúng ta đã gặp gỡ người Trung-Hoa

Hai bà Jeanne d'Arc của Việt-Nam thượng cổ thời đại

GIÁ trị lịch sử của một dân tộc phải là tinh thần tranh đấu và óc liêm sỉ của dân tộc đó. Nếu khi nước Pháp bị người La-Mã chinh phục và sau đó người Anh đô hộ mà không có Vercingétorix và nữ chiến sĩ Jeanne D'Arc thì đâu có một nước Pháp hiển hách về cận đại ! Cuộc cách-mạng 1789 đã tô nên những trang sử rực rỡ đẹp đẽ cho nước Pháp, nếu truy nguyên thì nó cũng ở những chỗ bột khởi của ông cha người Pháp thuộc dòng giống người Gô-loa xưa kia. Nói một cách khác theo quan niệm của người Á-Đông. *Hổ phụ, đâu có sinh khuyển tử.*

Đem Việt-Nam so sánh với nước Pháp thì ta thấy hai dân tộc giống nhau vô cùng: Vào lúc ban sơ, khi còn ở trong vòng cổ lậu, chưa văn minh tiến hóa nên người Gô-Loa bị những giống mạnh giỏi hơn (người Hồng-Mao và La-Mã) cướp nước, thống trị. Người Việt-Nam bắt đầu thiết lập quốc-gia, chưa có học-thuật, chưa có văn-hóa thì bị ngay nước Trung-Hoa khổng lồ văn minh sẵn, tiến hóa nhiều đầy óc phong kiến đem binh hùng tướng mạnh sang chiếm cứ. Điều đó là một việc

tất nhiên phải xảy ra từ khi có Lịch-sử loài người, giữa sự đụng chạm của các dân tộc trình độ lực lượng khác nhau.

Nhưng áp bức mạnh bao nhiêu, phản-lực chống áp bức hăng hái bấy nhiêu thì giá trị càng tăng thêm. Người Việt-Nam cũng như người Pháp nếu có nhiều khi thua những dân tộc mạnh hơn mình kể cũng là thường và thắng được họ thì thật là một điều phi thường.

Nước Trung-Hoa xâm lăng kia hẳn đã nhiều phen ngạc nhiên rằng mình là một anh Khổng Lồ mà ăn hiếp không nổi một chú bé con.

*
* *

Năm Giáp-Ngọ (34) là năm Kiến-Vũ thứ 10, vua Hán-Quang-Vũ sai Tô-Định sang làm Thái-Thú Bộ Giao-Chỉ tức là nước Nam-Việt sau khi diệt được con cháu Triệu-Vũ-Vương là Triệu-Dương-Vương. Nước Nam-Việt bị đổi ra Bộ Giao-Chỉ lại chia thêm ra làm chín quận, mỗi quận đặt một quan Thái-Thú cai trị rất là tàn nhẫn.

Tô-Định là người độc ác tham lam, lòng người Nam-Việt đều oán hờn. Tô-Định năm Canh-Tí (40) giết ông Thi-Sách người ở Huyện Châu-Diên (Phủ Vĩnh-Tường thuộc tỉnh Vĩnh-Yên ngày nay và ngày xưa thì lại sát nhập về tỉnh Sơn-Tây).

Vợ ông là Trưng-Trắc con gái quan Lạc-Tướng (tức là quý tộc của người Nam-Việt thời đó) ở huyện Mê-Linh (làng Hạ-Lôi, huyện Yên-Lãng, tỉnh Phúc-Yên) phần vì thù chồng phần vì hận nước đã cùng em gái là Trưng-Nhị huy động dân

chúng nổi lên đánh Tô-Định. Viên Thái Thú này bại trận chạy trốn về quận Nam-Hải (Quảng-Đông) là một trong chín quận của Giao-Chỉ-Bộ :

1·) Nam-Hải		(Quảng-Đông)
2·) Thương-Ngô	}	(Quảng-Tây)
3·) Uất-Lâm	}	
4·) Hợp-Phố		Quảng-Đông
5·) Giao-Chỉ	}	Bắc-Kỳ và mấy tỉnh ở
6·) Cửu-Chân	}	phía Bắc Trung-Kỳ
7·) Nhật-Nam	}	đảo Hải-Nam.
8·) Châu-Nhai	}	
9·) Đạm-Nhĩ	}	

Các quận Cửu-Chân, Nhật-Nam và Hợp-Phố nổi lên theo hai vị nữ anh hùng và chẳng bao lâu 66 thành trì lọt vào tay Hai Bà. Hai Bà liền đóng đô tại Mê-Linh là quê hương của mình, lập triều đình và xưng Vương. Năm Tân-Sửu (41) vua Hán-Quang-Vũ cho Mã-Viện là một danh tướng thời ấy sang đánh. Mã-Viện đem quân theo bờ bể phá rừng đào núi làm đường sang Lãng Bạc gặp quân Trưng-Vương. Chống với một đạo quân có huấn luyện, dầy kinh nghiệm về quân sự lại dưới quyền một vị lão tướng ngoài 70 tuổi đã từng xông pha trăm trận dĩ nhiên phần ưu thắng không ở về phía hai Bà Trưng là những người không chuyên về chiến trận trong một quốc gia vừa mới thành hình.

Hai Bà rút quân về Cẩm-Khê, (Phủ Vĩnh-Tường Vĩnh-Yên) rồi sau một cuộc tấn công nữa, Hai Bà thua to, chạy về đến xã Hát-Môn thuộc huyện Phúc-Lộc, (tức là Huyện Phúc-Thọ tỉnh Sơn-Tây) Hai Bà reo mình xuống sông Hát Giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng-Hà). Bấy giờ

là mồng 6 tháng 2 năm Quý-Mão (43) Người Việt-Nam thương xót hai vị nữ anh hùng cứu quốc làm đền thờ khắp mọi nơi và hàng năm cúng tế rất là long trọng cho tới bây giờ.

Mã-Viện đánh được Trưng-Nữ-Vương xong liền xửa đổi lại việc cai trị ở Giao-Chỉ. Các quan Thái-Thủ của Tầu vẫn cứ giữ thói tham-tàn như khiêu khích dân Giao-Chỉ nên khi nhà Đông-Hán sắp đổ thì Giao-Chỉ lại rấy-động can qua, vì vậy hai thế-kỷ sau Giao-Chỉ lại sản xuất thêm một vị nữ anh-hùng cứu quốc nữa :

Bà Triệu - Ẩu

NĂM Mậu-Thìn (248) là năm Xích-Ô thứ 11 nhà Đông-Ngô (lúc đó nhà Đông-Hán bên Tầu bị diệt rồi và nước Tầu chia ra ba nước : Bắc-Ngụy, Tây-Thục, Đông-Ngô. Đất Giao-châu thuộc về Đông-Ngô. Nhà Hán mất thì Thái-Thú Giao-Châu là Sĩ-Nhiếp lại xin lệ thuộc về Đông-Ngô) cho Lục-Dận sang làm Thứ-Sử Giao-Châu. Ai mà không nhớ rằng người Tầu sang đặt nền thống trị ở Việt-Nam, chỉ vì quan lại nhũng nhiễu, hà khắc nên đất Giao-Chỉ, sau này thành Giao-Châu, luôn luôn có những cuộc khởi loạn trừ một vài giai đoạn yên ổn là do những quan cai trị có lòng nhân đạo biết thương dân. Đó là trường hợp các ông Tích-Quang, Sĩ-Nhiếp và Nhâm-Diêm. Và những cuộc loạn ly đó dĩ nhiên phải có vì cái cá-tính quật cường của dân tộc Việt-Nam.

Bấy giờ ông Triệu-Quốc-Đạt cùng em gái là bà

Triệu-Ẩu người Huyện Nông-Cống (Thanh-Hóa) khởi binh đánh quân Ngô, cướp quận Cửu-Chân. Bà Triệu là một vị anh thư thời đó, tuổi độ 20, thông minh chí khí, mồ côi sớm cả cha lẫn mẹ ở với ông Đạt thì bị chị dâu hành hạ. Bà là người có óc cách mạng. liền giết người chị dâu tàn ác vào trong rừng ở, chiêu binh tập mã được hơn nghìn thủ túc. Anh Bà có ý can ngăn ; bà trả lời rằng :

« Tôi muốn cưỡi gió mạnh, đạp sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi chốn cát lầm, chứ không muốn bắt chước các bạn quần thoa cúi đầu còng lưng làm tì thiếp cho người ta ! »

Ông Triệu-Quốc-Đạt nghe theo. Bà Triệu vì có can đảm phi thường nên được quân sĩ cảm phục tôn lên làm chủ-tướng, giao tranh cùng Lục-Dận được năm sáu tháng. Sau vì quân ít thế cô, bà chạy về xã Phủ-Diễn thuộc huyện Mỹ-Hoà (Thanh-Hóa) thì tự tử. Năm ấy bà mới 23 tuổi.

Cuối đời nhà Đông-Hán, nước Tầu chia ra làm ba nước (Tam-Quốc) Hết đời Tam-Quốc là đời nhà Tấn và Nam Bắc Triều, Giao-châu hay bị nước Lâm-Ấp (Chiêm Thành) sang quấy nhiễu. Trong giai đoạn này nước Tầu cũng loạn lạc nhiều, ông Lý Bôn nổi lên đánh đuổi người Tầu tức là vua Tiền Lý Nam-Đế. Nối nghiệp vua Lý-Nam-Đế năm 549 ông Triệu-Quang-Phục lên làm vua xưng là Triệu-Việt-Vương lại đánh nhau với quân Tầu và thu-phục được toàn cõi.

Sau Triệu-Việt-Vương là Hậu-Lý-Nam-Đế, Nam-Việt lại bị Tầu chinh phục trong 306 năm nữa. Việc này xảy ra vào đời nhà Tùy năm 618, Tùy mất về nhà Đường).

Năm 722, ở Giao-Châu có Mai-Thúc-Loan nổi lên chống với nhà Đường (722) đến năm 791 lại tiếp có ông Phùng-Hưng rấy động tức là Bố-Cái Đại-Vương. Sau mấy tháng lên ngôi, ông Phùng-Hưng mất đi, con là Phùng-An nối ngôi. Tháng 7 năm Tân-Vị vua nhà Đường lại mang đại quân sang chiếm được Giao-Châu.

Năm 906-907 nhà Đường sắp mất thì ở Giao-Châu họ Khúc nắm được cơ-hội đuổi quân Tầu lấy lại độc-lập cho quốc-gia.

* * *

Ngô-Vương-Quyền, người đã đặt hòn đá đầu tiên cho nền Độc-Lập Việt-Nam

NĂM Đinh-Mão (907) bên Tàu nhà Đường mất ngôi và bị cái nạn tam phân ngũ liệt trong vòng 52 năm, ông Khúc-thừa-Dụ (906-907) không bỏ lỡ cơ hội lên cầm chính quyền ở Giao-Châu, rồi tiếp đến con là ông Khúc-Hạo, cháu là Khúc-Thừa-Mỹ thì quân nhà Hán lại sang xâm lăng. Khúc-thừa-Mỹ bị bại trận, người Hán đặt Lý-Tiến làm Thứ-Sử Giao-Châu.

Tướng của ông Khúc-Hạo ngày trước là ông Dương-Diên-Nghệ đánh đuổi được bọn Lý-Tiến, Lý-Khắc-Chính rồi ông Dương-Diên-Nghệ lại bị Kiều-Công-Tiễn là nha tướng giết đi để cướp quyền. Ngô-Quyền là tướng và là con rể của Dương-Diên-Nghệ lại trừ được Kiều-Công-Tiễn để báo thù cho Chúa, lúc đó giữ Ái-Châu (Thanh-Hóa) Kiều-Công-Tiễn bại trận sang cầu cứu nhà Nam-Hán. Vua Nam-Hán liền cho Thái-Tử Hoàng-Thao dẫn

quân đi trước còn tự mình đem quân tiếp viện đi sau. Quân nhà Nam-Hán tới sông Bạch-Đằng thì Kiều-Công-Tiễn đã bị Ngô-Quyền trừ xong rồi (938).

Còn đối với quân của bọn Hoàng-Thao, lúc đó đang ở trên sông Bạch-Đằng, Ngô-Quyền dùng các cọc gỗ đầu bịt sắt nhọn cắm xuống lòng sông cho nước thủy-triều lên mới khai chiến rồi bỏ chạy. Quân Nam-Hán khi đã đi xâu vào mặt trận thì nước thủy-triều xuống, thuyền bè mắc hết vào cọc nhọn, Quân của Ngô-Quyền quay lại đánh úp các mặt. Toàn đội quân Nam-Hán bị chết quá nửa và chủ tướng là Hoàng-Thao bị bắt đem về rồi giết đi.

Vua Nam-Hán thấy dân khí người Việt-Nam mạnh mẽ, thất vọng rút quân về Phiên-Ngung, tan mộng xâm lăng Giao-Châu.

Với họ Khúc, họ Ngô, nước Việt-Nam chấm rứt giai đoạn Bắc-Thuộc dù sao nó cũng là một cái nạn cho người Việt-nam trong thời gian trên 1000 năm.

Đánh Tống Bình Chiêm

Ngô-Vương làm vua được 6 năm thì mất, Giao-Châu lại loạn. Trong nước chia ra làm 12 sứ quân đánh lẫn nhau (945-967). Sau này kiệt-hiệt hơn cả, ông Đinh-Bộ-Lĩnh dẹp được loạn sứ quân, tức là vua Đinh-tiên-Hoàng.

VUA Đinh-Tiên-Hoàng dựng ra nhà Đinh (968-980) sau bị tên nho lại là Đỗ-Thích ám-sát cùng với người con trưởng là Nam-Việt-Vương Liễn. Kế tiếp vua Đinh-Tiên-Hoàng là người con nhỏ. Nhà Tống thấy nội tình nước Việt-Nam

thuận tiện cho việc xâm lăng liền đem quân đội sang do bọn Hầu-Nhân-Bảo, Lưu-Trừng và Tôn-Toàn-Hưng lĩnh đạo.

Trong triều lúc đó có ông Lê-Đại-Hành làm Thập-đạo tướng-quân là người có tài hơn cả. Triều-đình bèn tôn ông lên làm vua gọi là Đại-Hành Hoàng-Đế để giải quyết tình thế hồi đó rất bối rối.

Quân nhà Tống tiến sang Việt-Nam hồi tháng ba năm Tân-Tị (981) theo đường Lạng-Sơn và thủy quân sang lối sông Bạch-Đằng-Giang.

Vua Lê-Đại-Hành bầy mưu trá hàng Hầu-Nhân-Bảo đến chỗ hiểm bắt giết đi. Hai bộ tướng của Hầu-nhân-Bảo bị bắt và quân sĩ bị hại quá nửa. Thủy quân của Lưu-Trừng thấy thế chùn lại rồi rút về.

Muốn ổn định tình thế cho dân khỏi bị lầm than vì chiến tranh ông xin giao hiếu với nhà Tống cho Tống khỏi mất thể diện. Nhà Tống thấy người Việt hùng cường nên cũng không kiếm chuyện nữa và phong cho Lê-Đại-Hành làm Giao Chỉ Quận Vương sau lại gia phong làm Nam-Bình-Vương (993-997).

Thời vua Lê-Đại-Hành lên ngôi, ông cho sứ sang Chiêm-Thành là một xứ ở miền Nam Việt-Nam (ở vào quãng tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi bây giờ). Người Chiêm có lẽ là nòi giống Mã-Lai, theo văn minh Ấn-Độ cũng là một dân tộc cường thịnh thời bấy giờ và hết đời nọ tới đời kia luôn lu[illegible] [illegible]ấy nhiễu đất Giao-Chỉ, cứ năm bẩy năm lại có một lần và khi họ bị thua họ lại chịu tiến cống.

Vua Chiêm-Thành giam cầm sứ-giả của Việt-Nam. Ông Lê-Đại-Hành cho là họ phạm vào quốc thể Việt-Nam nên sau khi đã yên với nhà Tống liền đem binh mã sang hỏi tội Chiêm-Thành, chiếm được kinh đô của xứ đây. Chiêm-Thành phải xưng thần nạp cống.

Việt-Nam dưới Triều Lý đã đọ gươm thử sức với Trung-Quốc thế nào?

TRUNG-QUỐC từ hồi Hán-Quang-Vũ năm Kiến-Vũ 10 rồi đến nhà Đường đã có dịp nhận thấy rằng trong các đám phiên thần, Bắc thì có các rợ Hung-Nô, Nam thì có giống Bách-Việt mà Trung-Quốc thường lên giọng « Thiên-Triều » coi là man-di bắt đầu giật mình từ cuộc rấy động của hai gái Việt-Nam (chị em Trưng-Nữ-Vương) và ngoài hai thế kỷ sau bà Triệu; Trung-Quốc dần dần trông thấy Việt-Nam tiến-hóa về chính-trị thì quốc sử bắt đầu có đường mới, quy-củ, quân sự có tổ chức, biên giới có đề phòng và mở mang mỗi ngày một rộng, dân sinh thì nông-nghiệp mỗi ngày một bành trướng cho nên Trung-Quốc bắt đầu kiêng nể. Việc bang-giao với Việt-Nam đã phải áp dụng nhiều lần chính sách hòa-hoãn, ngoài ra còn vì lẽ Tống khi ấy đang lúng túng với Liêu và Hạ là hai lân quốc khá hùng cường về miền Bắc, giáp Vạn-Lý Trường Thành.

Cứ xem như khi nhà Đinh gặp biến-cố, Trung-Quốc lăm mò sang bị Lê-Đại-Hành đánh bại quân Tống ở Bạch-Đằng-Giang, tại Chi-Lăng (giáp giới Bắc-Giang và Lạng-Sơn) tướng chỉ-huy của Tống là Hầu-Nhân-Bảo bị rụng đầu, lục-quân của Thẩm-

Khâm-Tố ở Tây-Kế. (tháng ba năm Tân-Tị 981) tan tành, Tống Triều biết rằng Việt-Nam là cái mồi khó nuốt. Rồi người ta nản với giải-pháp quân-sự trong một giai đoạn.

Biên giới của Việt-Nam bày giờ mới chỉ rõ rệt về phương Nam vào khoảng Thanh-Hóa, cách biệt với Chàm do dầy núi Hoành-Sơn.

Từ Cao-Bằng sang Đông, cương giới cũng đã được chỉ-định khá phân biệt. Địa phận Đông-Khê so sánh với ngày xưa không khác lắm. Từ nơi này ra biển, bắc-ngạn sông Kỳ-Cùng thuộc về Tống gồm có châu Tây-Bình, Lộc-Châu và Huyện Thanh-Viễn, rồi tới chỗ gần bể, lĩnh thổ Việt-Nam còn ăn vào tỉnh Quảng-Đông đến gần vịnh châu Khâm. Về Cao-Bằng dân Mán (gồm có các dân Nùng, Mán, Thổ, Mường) không hẳn thuộc về ai, biên giới về phía này có thể nói là chưa có những ảnh hưởng của Triều Lý cùng tới vùng Bảo-Lộc và Yên-Báy ngày nay. Từ Hải-Ninh, Moncay, đến Khâm-Châu (Kintcheou) và từ Huyện Quảng-Lăng đến Ôn-Châu ở Phía Nam Lạng-Sơn đến Ung-Châu (Nanning) cả Lý và Tống đều kiểm soát. Xét biên giới Tống-Việt trên bản đồ, ta thấy chỉ độ một phần tư biên giới Trung-Việt ngày nay là khá định, còn về phía Tây các bộ lạc gần như Độc-Lập. Lý-Triều tập trung hoàn toàn ở Trung Nguyên cho tới Thanh-Hóa, địa-thế của Việt-Nam như ôm đất Ung-Châu, biên dân Hoa-Việt thường hay sang quấy lẫn nhau ở khu vực này và đó là một phần nguyên cớ để hai triều đình Lý Tống xung đột với nhau.

Tháng hai năm Mậu dần (1033), họ Nùng (Nùng-tồn-Phúc) hùng-cứ vùng Quảng-Nguyên (địa-phận Cao-bằng bây giờ) có thời quy-phục về Tống-Triều (977), lập riêng một nước (Trường-sinh), tự xưng đế không chịu theo nhà Lý. Vua Lý-thái-Tôn tự thân chinh đi giẹp bắt được Tồn-Phúc và con cả Trí-Thông, giết đi còn con thứ là Nùng-Trí-Cao được rộng dung. Sau này Trí-Cao nổi lên đánh phá thành Ung tiến đến Quảng-châu, hạ được nhiều thành-trì, làm sao-xuyến cả triều Tống, nhưng sau bị tướng Tống là Địch-Thanh đánh bại, và sau này y rút về nước Đại-Lý (phía tây Côn-minh ngày nay) rồi chết ở đó. Cũng đã có thời Trí-Cao quy-phục Lý-triều rồi lại phản Lý. Nhưng nhờ có cuộc dương đông kích tây của Trí-Cao mà triều Lý có dịp bành trướng lãnh-thổ ở biên-giới miền bắc Việt-Nam và bằng cuộc bang-giao với Tống trong việc dấy động của Trí-Cao mà Lý-triều dò-dẫm tình thế để mở rộng cương-vực. Nhưng qua một thời-gian khá dài, hai bên vẫn giữ được tình hòa-hảo dù có nhiều sự xung-đột xảy ra giữa các biên-dân. Nhưng từ ngày có cuộc loạn Nùng-Trí-Cao (1052-1053), Tống bắt đầu đề phòng về biên-cảnh và nhòm-ngó Giao-Chỉ theo lời đề-nghị của Tiêu-Chú lúc đó làm quan coi huyện Phiên-Ngu (Quảng-Châu). Cái tham vọng nuốt đất Lý là do y phát-sinh ra, nhất là sau đó y bị huyền-chức muốn phục-chức vừa đúng lúc Tống-thần-Tông lên ngôi lại có Vương-an-Thạch làm tể-tướng. Hai người này đều muốn mở rộng giang-sơn nhà Tống, Bắc thì muốn xâm lăng Liêu, Hạ, Nam thì Giao-chỉ. Vì việc này Tiêu-Chú được phục-hồi, nhưng đến khi y tới Quế-châu giao-dịch với các tù-trưởng từ đạo Đặc-

Ma đến châu Điền-Đống thì biết rằng trong khoảng 10 năm, Giao-chỉ đã giầu mạnh hơn xưa nhiều, đã thắng Chiêm-thành và mở-mang bờ-cõi Nam và Bắc. Tiêu-Chú sinh ra trù-trừ. Nhưng đến năm 1072 ở Giao-Chỉ, Lý-thánh-Tông qua đời, Vua Nhân-Tông còn bé. Bà thái-hậu Thượng-Dương và thái-phi Ỷ-Lan ghen-tị nhau. Ngoài triều đình, hai vị đại thần là Lý-đạo-Thành và Lý-thường-Kiệt chính-kiến bất-đồng.

Cuộc biến-cố này đến tai Tống-triều và vua tôi Tống liền quyết định lợi dụng cơ hội đó. Nhưng hỏi đến Tiêu-Chú, y là người học thức (đỗ tiến-sĩ) và có tinh-thần trách nhiệm nên không dám làm liều. Y đã phản đối những báo cáo đưa về Tống triều. Y quả quyết rằng Giao-chỉ bây giờ mạnh nhiều và sung túc nhân tài, quân đội có kỷ cương, không nên mở cuộc Nam chinh. Nhưng hình bộ lang trung là Thẩm-Khỉ lên tiếng khinh thường lực lượng Giao-chỉ và được vua Tống cho đi thay Tiêu Chú để thi hành chương trình xâm lăng.

Việc thứ nhất của Thẩm-Khỉ là tổ chức tây bắc Quảng-Tây để lấy đường tiếp tế, đặt các doanh trại, tự xây thành đắp lũy đánh trại Vương-Khẩu làm nhân dân ai oán vô cùng nổi lên phản đối.

Việc thứ hai là tổ chức huấn luyện quân đội trong 51 động thuộc Ung-Châu, xung công các thuyền chở muối để tập thủy chiến, sợ người Giao-Chỉ biết nên cấm ngặt việc giao dịch giữa các biên dân Hoa-Việt.

Việc thứ ba dụ dỗ các tù trưởng của Lý để theo về Tống (trường hợp Lưu-Kỷ ở Quảng-Nguyên, Nùng-Thiên-Mỹ ở châu Ân-Tình thuộc Bắc-Kạn giáp châu Thất-Khê).

Tháng ba năm 1074, viên chuyển vận sứ Quảng-Tây tố cáo các việc kể trên và do các cuộc xung-đột với Liêu, Hạ chưa ngã ngũ tuy Tống-Thần-Tông đã quyết định đánh Giao-Chỉ lại ngừng lại và Vương-An-Thạch cũng không tin rằng Thẩm-Khỉ có thể chinh-phục được Giao-Chỉ, nhất là sau đó ít lâu Thẩm-Khỉ đã để xảy ra nhiều việc vụng về nên bị đổi đi Đàm-Châu.

Ta coi trên đây đủ rõ Tống Triều đã không dám giải quyết một cách cẩu thả vấn đề Giao-Chỉ mặc dầu lòng tham lên cực độ.

Lúc này ở Giao-Chỉ Lý-Thường-Kiệt lên cầm quyền được hai năm và cũng rõ nội tình Tống-Triều cùng mưu đồ của họ nên ông huy động quân đội rất nhiều ở biên giới.

Tháng ba năm Giáp-Dần (1074) vua Tống hạ chiếu : cho Lưu-Di người thay Thẩm-Khỉ ở Quế-Châu dặn dò rằng nếu xảy ra sự biến-cố gì chỉ nên giữ thế thủ mà thôi và buộc chuyển lệnh này cho viên coi Ung-Châu là Tô-Giám. Chính sách của Tống Triều sau đó thay đổi là về Bắc-thùy hòa với nước Liêu cắt 700 dặm đất Hà-Đông biếu nước Liêu để quay chiều về phía Nam tức là *hòa với nước mạnh để hiếp nước yếu*. Như vậy ai bảo rằng chính sách thực dân ngày nay với ngày xưa khác nhau ?

Lưu-Di lại bắt chước Thẩm-Khỉ chiêu binh luyện mã. Tình thế của đôi bên mỗi ngày một căng và đã xảy ra hai việc :

A.— Lý Triều đòi lại tụi Nùng-Thiên-Mỹ, Thủ-Lĩnh châu Ân-Tình (Bắc-Kạn ngày nay) và 700 bộ thuộc trốn sang Trung-Thổ. Tống không chịu. Giao-Chỉ rất bực tức.

B.— Con Nùng-Trí-Cao là Trí-Hội ở châu Qui-Hóa lúc ấy quy phục Tống được Tống dùng để đánh Giao-Chỉ. Vua Tống xuống chiếu cho Ty Kinh-Lược Quảng-Tây mộ đinh tráng các khê động làm thanh-viện cho Trí-Hội.

Tình thế rồn rập thúc đẩy Lý-Thường-Kiệt quyết định sự tấn công Tống-Triều trước. Xét bấy giờ chỉ có hai đường cho quân Tống vào Giao-Chỉ: đường bộ lấy Ung-Châu, đường thủy lấy các cửa bể Khâm và Liêm làm cứ-điểm.

Đánh Khâm-Châu, thủy quân Giao-Chỉ có thể tập trung ở Đồn-Sơn (tại Vịnh Hạ-Long) lên lối sau núi đá mà tiến vào Khâm-Châu.

Đánh vào Ung-Châu (Nam-Ninh) có nhiều đường: đường Quảng-Nguyên theo bờ sông Tả mà qúa trại Thái-Bình. Từ châu Tô-Mậu vượt núi qua các đất Lộc-Châu, Cổ-Vạn, Tư-Lăng và Thượng-Tư. Đường chính từ châu Quảng-Lăng qua Tây-Bình, Bằng-Tường, Tư-Minh và trại Vĩnh-Bình. Nếu chiếm được Khâm-Châu thì thẳng lên Ung-Châu cũng gần và không phải qua những đồn trại Tống như đường trên.

Quân Lý hạ-du tập trung ở Vĩnh-An và quân Thượng-Du ở dọc biên thùy tại các châu Quảng-Nguyên, Quảng-Lăng, và Tô-Mậu, tổng số có từ 6 đến 10 vạn.

Đại quân Lý-Thường-Kiệt do đường thủy đánh vào ven bể Quảng-Đông. Còn lục quân do Tông Đản từ biên-giới tấn công Quảng-Tây. Chiến lược của Lý-Thường-Kiệt là đem bộ binh vào quấy rối các trại Hoành-Sơn, Thái-Bình, Vĩnh-Bình, Cổ-Vạn lân cận châu Ung để Tống Quân phải chú ý về

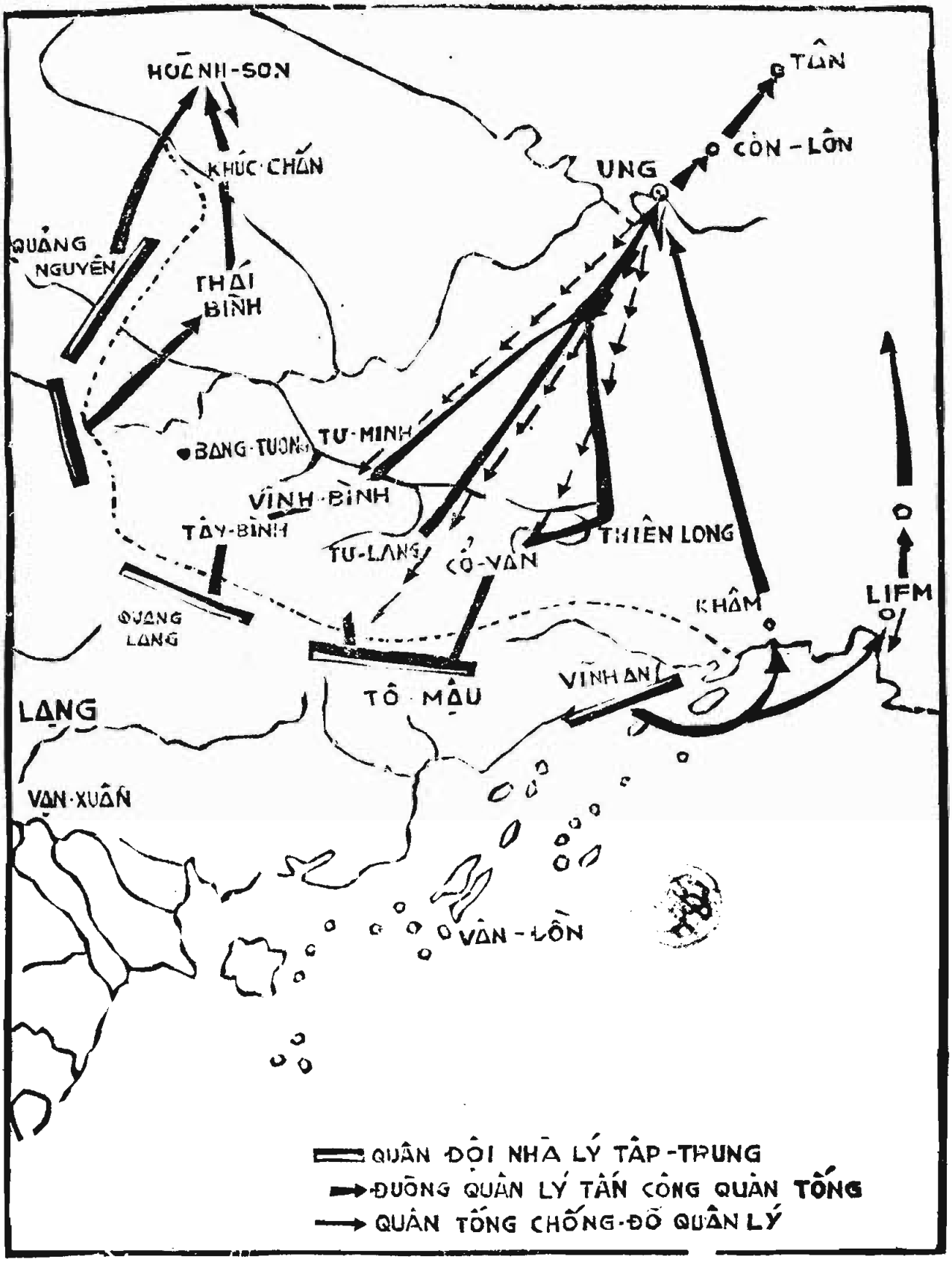

LÝ-THƯỜNG-KIỆT TẤN CÔNG QUÂN TỐNG

mặt này và sẽ kéo xuống miền Tây và Tây-Nam để cứu các trại ấy. Mặt đông nam châu Ung sẽ bỏ ngỏ. Quân Tống quả trúng kế đổ xô vào các ngả kể trên thì thủy quân của Lý đổ bộ lên Khâm-Châu rồi tiến thẳng đến Ung-Châu. Tất cả 7 ngày quân Giao-Chỉ đã từ châu Khâm đến châu Ung.

Tống quân đi cứu các trại biên thùy thì thành Ung bị mất liền và không đi cứu thì quân Lý có thể tiến thẳng đến Ung để bao vây, hai đàng cũng nguy. Bộ binh ở tả dực theo chỉ thị cứ tiến thẳng đường biên giới vượt qua các trại Vĩnh-Bình, Thái-Bình, từ Lạng-Châu đến chiếm châu Tây-Bình, châu Lộc, quận Quảng-Nguyên và châu Môn cướp trại Hoành-Sơn. Quân Tống chống lại cũng kịch liệt nhiều chúa trại tử trận (Hoành-Sơn, Vĩnh-Bình, Thái-Bình v.v ...) khi thế quấn Giao-Chỉ mỗi ngày một mạnh, đi đến đâu cũng dễ dàng và tinh thần của quân Tống thì hoảng hốt và suy nhược dần.

Thủy quân của Lý-Thường-Kiệt theo kế sách đã định đè sóng tiến vào cửa bể Khâm-Châu (1075) và Liêm-Châu. Bộ binh Giao-Chỉ gần Khâm-Châu cũng kéo vào các trại Như-Hồng, Như-Tích và Đề-Trạo. Ngày 20 tháng 11, Khâm-châu bị lọt vào tay Giao-Chỉ ba ngày sau đến lượt Liêm-Châu (2-1-1076). Các quan văn võ trong hai thành bị hại cả và sự chống đỡ rất là yếu, nhất là ở Khâm-Châu.

Xét trận mở đầu, ta thấy Lý-Thường-Kiệt đã dùng thủ đoạn vào hai điểm cốt yếu trong chiến lược xưa nay:

1. — Triệt để dùng sở-trường của mình về thủy quân.

2. — Rình chỗ bất ngờ mà đánh úp.

Giờ phút này quân Giao-Chỉ tiến vào nội địa Trung-Quốc. Lý-Thường-Kiệt khôn khéo liền yết bảng kể tội quân Tống đã dung túng các dân làm phản ở Giao-Chỉ trốn sang và dấu họ đi, mọi kháng-nghị của Giao-Chỉ với các quan Tống ở Quảng-Châu bị bỏ rơi, cuộc hành binh chỉ có mục đích là đuổi bắt bọn dân phản bội ấy và ông tố cáo ý-chí xâm lăng Giao-Chỉ của Tống-Triều và kích-thích lòng dân ở chỗ Trung-Quốc dùng các phép thanh-miêu, trợ dịch làm dân khốn khổ nên ông đem quân đến cứu . . .

Vì các lời phủ-dụ đó, dân khắp nơi hết hoang mang và bầy hương án bên đường đón tiếp quân Giao-Chỉ coi như là quân cứu tinh và gọi Lý Thường-Kiệt là *cha* Lý.

Ngày 10 tháng chạp Tông-Đản kéo thẳng đến Ung-Châu. Đại quân ở Liêm và Khâm tiến lên phía Bắc. Đạo đồ bộ ở Khâm-châu tiến lên Ung-Châu. Đạo đồ bộ ở Liêm-châu tiến sang Đông-Bắc chiếm châu Bạch.

Nửa tháng sau Ty Kinh-Lược Quảng-Tây mới hay tin về cuộc biến cố này để tâu về triều làm vua tôi Tống hết sức hoang mang bối rối.

Sau đó Quảng-Châu và Quảng-Tây được lệnh của vua Tống phải phòng bị cẩn mật, các tướng phải cố thủ ở các nơi hiểm yếu và không được khinh địch. Ít bữa sau nghe tin các nơi khác bị mất nữa, triều đình Tống càng hoảng hốt xuống chiếu chỉ giữ các nơi hiểm yếu nhất, tiền, vải, lương thực phải chuyển đi, cách chức Lưu-Di, cho Thạch-Giám thay coi Quế-Châu và đưa viện binh tới giúp các nơi đang bị uy-hiếp.

Lấy được Khâm, Liêm xong, Lý-Thường-Kiệt chia quân làm hai đạo :

A. — Một, từ Liêm-Châu kéo lên lấy châu Bạch chặn quân tiếp ứng, từ phía đông tiến đến.

B. — Một, rời Khâm-Châu kéo thẳng lên Ung-Châu cách xa chừng 120 cây số.

Ngày 10 tháng chạp (18-1-1076) đại quân đến thành Ung. Cả hai đạo quân này vây chặt thành Ung mà Tống triều xưa nay tin là rất vững lúc đó do Tô-Giám trấn thủ là người thông-minh, cương quyết và ở đấy đã lâu năm. Tô-Giám có thể là một địch thủ lợi hại của họ Lý. Tô áp dụng chính sách cố thủ tính chờ viện binh chỉ 14 ngày tới nơi. Tuy nhiên vẫn có cuộc giao-tranh của hai bên và mỗi bên đều chịu một phần thiệt hại. Nếu Tô-Giám thiếu sự khôn ngoan, dân và quân có lẽ đã trốn hết vì việc hãm thành của quân Giao-Chỉ đã gây nên một làn không khí vô cùng kinh-khủng. Tô đem hết tiền bạc công-tư ra khích-lệ mọi người phao tin viện quân sắp tới và chém đầu một kẻ trái lệnh định trốn (*trường hợp Địch-Tích*).

Ung-châu cho sứ cáo cấp về Quế-Châu cách đó 400 cây số về phía Bắc. Lúc đó Lưu-Di còn trọng nhậm liền cho Trương-thủ-Tiết đem quân đi cứu. Đạo quân này đi vòng theo đường Quí-Châu để tới Tân-Châu nghe ngóng tình thế nên không dám thẳng tiến. Thế của Ung-Châu càng thêm nguy ngập, vòng quân của Giao-Chỉ cứ thắt chặt dần. Tô phải cho người đem lạp-thư phá vòng vây chạy ra ngoài cầu tiếp-viện với viên Đề-kiểm Tống Cầu. Cầu nhận được thư khóc yêu cầu Thủ-Tiết tiến quân. Thế chẳng đừng, Thủ-Tiết đành kéo đi

giữ ải Côn-Lôn giữa đường Ung-Châu cách Ung 40 cây số. Quân Giao-Chỉ biết tin liền chẹn đánh. Quân Tống tan rã, Thủ-Tiết bị giết. Việc này vào ngày 4 tháng Giêng năm Bính-Thìn.

Thành Ung-châu bị vây vào khoảng gần một tháng nhờ được địa thế cao. Tô lại giỏi điều khiển binh lính, quân Giao-Chỉ tìm đủ phương pháp để đột kích vào mà không có hiệu quả. Bên quân Giao-Chỉ quân và voi chết nhiều. Bên Tống bị tên độc bắn vào thành cũng thiệt hại lớn. Sau nhờ kế hỏa-công nghĩa là bắn các chất nhựa vào thành biết rằng thành khi ấy thiếu nước, kế này thành công một phần lớn, tiếp đến kế thổ-công là lấy đất đổ vào bì xếp thành đống làm bậc nhảy vào thành ngày 23 tháng Giêng năm Bính-Thìn (1-3-1076) Mặc dầu quân Giao-Chỉ đã lọt vào bên trong, Tô còn cố gắng với bọn tàn quân chiến đấu đến giờ phút cuối cùng. Đến khi kiệt sức, Tô cùng 36 người nhà tự sát và tự thiêu mà chết.

Tất cả dân và quân thành Ung đã vì cuộc chiến tranh này mà chết hết. Ung-Châu thất thủ, Thường-Kiệt kéo quân lên phía Bắc định lấy Tân-Châu. Tướng trấn thủ thành này là Cổ-Cắng Lặc sợ quá bỏ thành chạy trước.

Quân Lý đánh thành Ung hơn một tháng lúc ấy cũng đã có phần mỏi mệt. Chủ đích của quân Lý dĩ-nhiên không phải là mở một cuộc xâm lăng sang Trung-Quốc, nhưng để phá mưu-mô Đế-Quốc của Tống-Triều cho nên chỉ cần đốt phá các trại, các căn cứ quân sự của Tống để khỏi bị một cuộc tấn công và sau đó Tống có trả thù vào Giao-Chỉ ít nhất phải tái-tạo những miền bị

chính sách tiêu-thổ không phải là ít công, ít của, và Lý-Thường-Kiệt đã áp dụng đúng chiến lược : *nếu không thể tránh được cuộc xung đột, nên lợi dụng lúc kẻ địch bất ngờ mà đánh trước.*

Tháng ba năm Bính-Thìn (1076) Lý-Thường-Kiệt rút quân ra khỏi đất Tống để đề phòng sự phục thù của Tống-Triều bằng cách lén đánh hậu-phương của mình. Chính Vương-an-Thạch đã có ý này thật và dự-bị cuộc khởi hấn. Nhưng dư luận của Tống-Triều xôn-xao, kẻ muốn người không, Vương-An-Thạch lúc đó bị cô-thế nên việc này lịm dần đi cho đến khi họ Vương chán nản xin từ-chức.

Phải chi Tống nuốt trôi được Giao-Chỉ mười thế-kỷ trước trên con đường xâm lăng, Tống có lẽ còn đi xa nhiều và chẳng khỏi tai hại cho bao nhiêu lân-quốc thời Trung-Cổ.

Nhà Trần xung đột với Mông-Cổ.

Nhà Lý đến đời Cao-Tôn và Huệ Tôn thì suy nhược. Vua Huệ-Tôn nghe Trần-Thủ-Độ nhường ngôi cho con gái là bà Chiêu-Hoàng. Bà Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho chồng là Trần-Cảnh. Nhà Lý làm vua được 8 đời, tính được 216 năm. Nhà Lý tàn thì đến nhà Trần, Trần-Cảnh (lên ngôi 1225) tức là vua Trần-Thái-Tôn kế tiếp. Từ Lý đến Trần quốc gia Việt-Nam đã có một hùng khí rõ rệt, bờ cõi rộng lớn thêm. Cuộc xung đột với Tống như ta đã thấy rồi sau đây với Mông-Cổ đã là cả một lời giải thích thực-trạng Việt-Nam trong giai đoạn đó.

Việc xung đột này xảy ra ngay trong bước đầu của triều nhà Trần.

NÓI đến người Mông-Cổ, không một ai trên thế giới đã đọc những lịch sử hưng vong của các thời đại mà không biết dân tộc này. Họ ở phía Bắc nước Tầu vào khoảng thượng lưu sông Hắc-Long-Giang (Amour). Vóc người cao lớn, khỏe mạnh, hung tợn, hiếu chiến, bắn cung cưỡi ngựa không ai bì kịp. Binh lính của họ thường là quân kị chia thành từng đoàn, từng đội rất thạo nghề ra trận. Từ Á sang Âu họ đã làm kinh khủng Thế-giới những nơi đám chiến sĩ của họ đã qua, quân của họ đã reo, ngựa của họ đã hí.

Thành-cát-tư-Hãn (Gengis Khan) miếu hiệu là Nguyên-Thái-Tổ chiếm được cả vùng Trung-Á, đất Ba-tư sang cả đất Đông-Bắc Âu-Châu. Họ chinh phục được cả nước Tây-Hạ, phía Tây-Bắc nước Tầu hạ được nước Kim, tràn xuống Triều-Tiên (Cao-Ly) sau cùng họ thôn tính được nhà Tống lấy quốc

hiệu là Nguyên. Cả nước Trung-Hoa từ đó thuộc về Mông-Cổ (nhà Nguyên). Chưa đủ thỏa mãn cái mộng Đế-Quốc, nhà Nguyên tìm đường tiến về phía Nam. Họ đem quân đi lấy nước Đại-Lý (thuộc tỉnh Vân-Nam) rồi tướng Mông-Cổ là Ngột-Lương-Hợp-Thai sai sứ sang bảo vua Trần-Thái-Tôn về thần-phục Mông-Cổ.

Thái-Tôn không những không chịu lại còn giam sứ của nhà Nguyên lại. Một cử chỉ đó tỏ được hết cái óc cương-cường của người Việt-Nam thời bấy giờ mặc dầu người Việt-Nam biết Mông-Cổ là một giống kiêu hùng, đã đè bẹp hầu khắp các dân tộc trên thế giới và chưa từng gặp địch thủ.

Năm Đinh-Tỷ (1257) vua Thái-Tôn sai ông Trần-Quốc-Tuấn đem binh lên phía Bắc chờ quân Mông-Cổ. Ngột-Lương-Hợp-Thai tiến từ Vân-Nam theo sông Nhị-Hà xuống Thao-Giang (tỉnh Hưng-Hóa) để đổ về Thăng-Long. Quân Mông-Cổ nhiều quá và đang hăng hái, quân Việt lui về Sơn-Tây rồi rút về sông Hồng-Hà. Quân Mông-Cổ và quân Nam sô sát nhau một trận ở Đông-Bộ-Đầu (phía đông sông Nhị-Hà ở về hạt Thượng-Phúc) Thái-Tôn phải bỏ kinh đô về đóng ở sông Thiên-Mạc (Huyện Đông-An tỉnh Hưng-Yên)

Vào đến thành Thăng-Long, Ngột-Lương-Hợp-Thai thấy ba người sứ Mông-Cổ còn bị trói trong ngục. Cởi ra thì một người bị chết. Y giận cho giết hại hết nam phụ lão ấu trong thành.

Thấy tình thế chiến tranh chừng bất lợi vua Thái-Tôn hỏi ý-kiến Thái-Sư TRẦN-THỦ-ĐỘ. Thủ-Độ trả lời : « *Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ-Hạ đừng lo !* »

Thái-Tôn lại vững lòng và tiếp tục chiến-sự. Được ít lâu nhờ quân Nguyên mỏi mệt, một phần do thủy-thổ không hợp, quân Việt đánh bại quân Nguyên một trận lớn ở Đông-Bộ-Đầu. Quân Nguyên chạy về Quí-Hòa thì ở đấy lại bị dân chúng tự động đón đánh. Họ đành phải rút về Vân-Nam và vì quá mỏi mệt chán nản đi đâu cũng không quấy đảo dân chúng như khi mới sang hùng dũng kiêu ngạo và tàn ác vô cùng.

Sau nhà Tống bị mất hẳn về Mông-Cổ. Người Mông-Cổ vẫn theo đuổi trí xâm lăng, song vì bại trận và Việt-Nam muốn cho yên chuyện khỏi khổ dân chúng nên xin mở cuộc bang giao. Nhà Nguyên cũng thuận để cùng giao hiếu, nhưng trong bụng vua tôi nhà Nguyên vẫn rình cơ hội để tái chiếm Việt-Nam nên thường sai sứ sang sách nhiễu điều nọ điều kia như dụ vua Việt-Nam sang chầu.

Vua Việt-Nam tìm cớ thoái thác.

Nhà Nguyên một mặt vẫn hòa hoãn với Việt-Nam, một mặt vẫn đòi tiến cống ba năm một kỳ mà lễ cống thì phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền mỗi hạng ba người và sản vật thì: sừng tê, ngà voi, quế, đồi mồi, châu báu và các vật lạ.

Đồng thời họ lại đặt các viên chức giám sát các châu quận nước Việt-Nam để dần dần đặt nền Bảo-Hộ ở đây. Những thứ người và vật họ đòi tiến cống không ngoài ý xem nhân tài các giới và sản vật Việt-Nam có những gì quý, kể như vậy thì cái óc thực dân của Đế-Quốc Mông-Cổ ngày

xưa với các Đế-Quốc thực dân ngày nay thật khéo gặp nhau.

Họ lại còn đòi ;

1·) Vua phải thân sang chầu.
2·) Cho con hay em sang làm tin.
3·) Biên số dân sang trình.
4·) Phải chịu việc binh-dịch.
5·) Phải nộp thuế-khóa.
6·) Phải nhận quan Giám-Trị.

Về phần vua Thánh-Tôn bề ngoài vẫn đấu dịu với Mông-cổ, nhưng bề trong vẫn chiêu binh luyện mã để đề phòng tranh chiến. Nhà Trần là một vương triều tổ-chức dân quân rất mạnh cho tuyển tráng đinh các bộ làm lính, phân quân ngũ ra làm quân và đô; mỗi quân có 30 đô, mỗi đô có 80 người, luôn luôn luyện tập.

Năm Bính-Dần (1266) vua Thánh-Tôn xin bãi bỏ lệ tiến cống, cùng chế-độ quan Giám-trị, cãi rằng dân Việt-Nam không phải là dân lạc hậu, man-di... Vua Mông-cổ không thuận vẫn bắt theo 6 điều trên. Vua Việt-nam cứ lần lữa không chịu. Từ đấy hai bên sửa soạn cơ hội để đánh nhau.

*
* *

Hai mươi sáu năm sau

Quân nhà Nguyên xâm lăng lần thứ hai
(1284-1288)

Vua Trần-Thái-Tôn mất và Thánh-tôn nhường vị cho Thái-tử Trần-Khâm lên làm vua tức là vua Nhân-Tôn.

Cuộc khủng hoảng chính-trị giữa hai nước lại bùng lên vì nhà Nguyên vẫn cay với Việt-nam về cuộc thất bại trước bởi họ là một dân-tộc bách chiến bách thắng, vậy mà qua Việt-nam lại phải rút quân về, chết hại nặng nề.

Lòng kiêu hãnh dân tộc của họ bị tổn thương quá nhiều nên họ vẫn luôn luôn dò xét nội tình Việt-nam để lại mò sang. Lần này nhà Nguyên nhân việc thay đổi vương-vị của Việt-nam liền sai Lễ-bộ Thượng-thư là Sài-Thung sang sứ. Sài-Thung đến kinh thành, dương dương tự đắc đi thẳng vào cửa Dương-Minh cho thư vào trách vua Nhân-Tôn về việc tự lập không xin phép Nguyên-Triều và đòi Nhân-Tôn sang chầu Thiên-Triều Hoàng-Đế.

Vua Nhân-Tôn sai quan đại thần ra tiếp. Sài-Thung không đáp lễ. Rồi đến cuộc gặp gỡ của vua Nhân-Tôn với Sài-Thung là cả một sự khó chịu vì Nhân-Tôn nói cho Nguyên-sứ biết Ngài không sang Trung-Quốc được lấy cớ rằng không quen phong thổ...

Khi sứ Nguyên về đến nước thì vua Nhân-Tôn cho sứ đem thư sang cùng nhắc lại việc này.

Năm Nhâm-ngọ (1282) Nguyên-chủ lại đòi tiến cống người và các quý vật như cũ. Nhân-Tôn cho chú họ là Trần-di-Ái, Lê-Tuấn, Lê-Mục sang thay mình. Vua Nguyên không bằng lòng bèn xuống chỉ lập tòa Tuyên-Phủ-Ti đặt quan liêu đưa sang Việt-Nam.

Bọn này sang tới nơi bị Nhân-Tôn đuổi về ngay.

Nguyên-chủ giận lắm bèn phong cho Trần-di-Ái làm Annam Quốc-vương, Lê-Mục làm Hàn-

Lâm học-sĩ, Lê-Tuất làm Thượng-thư và uỷ Sài-Thung đem 1.000 quân đưa bọn này về nước. Nhân-Tôn được tin liền cho quân đón đánh tại Ải Nam-quan. Sài-Thung bị bắn mù một mắt, trốn chạy về Tầu còn bọn Trần-di-Ái bị bắt đưa về phải tội đồ làm lính.

Đại binh của Thoát-Hoan sang lần thứ nhất.

Có thể nói rằng qua các giai đoạn lịch-sử đấu tranh của Việt-nam với các dân tộc láng giềng, chỉ có cuộc xung đột với nhà Nguyên là nguy hiểm và khó khăn hơn cả.

Một đảng Nguyên quân vốn là những quân chuyên nghề chiến tranh, đông gấp trăm lần quân Việt-nam, các tướng nhà Nguyên lại giầu kinh nghiệm về thao lược; như vậy về phương diện tinh thần họ cũng nhiều tin tưởng vì có nhiều bảo đảm vật chất hơn.

Đây là một đoạn lịch-sử mà không những người Việt mà cả đến người ngoại quốc xem đến sẽ thấy hứng thích vô cùng mà nhân ở chỗ đó người ta thấy rõ hơn hết bao giờ tinh thần quật cường và bản năng tự-vệ của dân tộc này.

Nguyên-chủ thấy bọn Sài-Thung đại bại, bị thương chạy về, giận lắm liền phong cho con là Thoát-Hoan làm Trấn - Nam - Vương đem 50 vạn quân cùng với các đại tướng Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi giả vờ mượn đường qua Việt-Nam sang tấn công Chiêm-Thành.

Quan Trấn-Thủ Lạng-Sơn vội cáo cấp về kinh đô. Vua Nhân-Tôn ngự thuyền ra sông Bình-Than

(thuộc huyện Chí-Linh Hải-Dương) để họp với các chư hầu nghĩ mưu đối phó.

Tháng 10 năm Quí-Mùi (1283) Trần-Quốc-Tuấn được phong làm Tiết-Chế Thống-Lĩnh quân đội. Ông cùng Trần-Khánh-Dư đem quân phòng giữ các nơi hiểm yếu.

Năm sau (1284) ông Trần-Quốc-Tuấn hội họp các tướng lãnh và quân đội ở Đông-bộ-Đầu để ra chỉ-thị. Quân thủy và bộ được hơn 20 vạn. Ông khuyên :

« Các vương hầu và các tướng sĩ ai nấy đều cần phải giữ phép tắc, đi đâu không được quấy nhiễu dân-sự và phải đồng lòng hết sức đánh giặc chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các ngươi phải giữ ».

Mấy nơi quan-hệ là miền duyên-hải (Quảng-Yên) được Trần-Khánh-Dư và Trần-Bình-Trọng chiếm cứ và nhiều địa-điểm quân-sự khác. Còn chính Trần-Quốc-Tuấn thì đóng đại quân ở Vạn-Kiếp (thuộc Hải-Dương) để tiếp ứng cho các nơi.

Được ít lâu quân Nguyên hội tại Hồ-Quảng tiến sang Lạng-Sơn. Thế giặc mạnh như vũ bão, Nhân-Tôn phải họp các vị bô lão tại điện Diên-Hồng để trưng cầu dân ý. Thật là một chính-trị khôn khéo để hiểu biết lòng dân đối với thời cuộc. Kết quả là dân chúng một lòng hăng hái, đồng thanh quyết chiến mặc dầu lực lượng của quân Nguyên gấp trăm lực lượng của Việt-quân.

Quân Nguyên chia làm hai đạo.

A. — Một theo lối Quảng-Châu tức là đi đường thủy.

B. — Một tiến vào cửa Ải Nam-Quan đánh thúc xuống làm thế bao vây Việt quân như hai gọng kìm và trước khi đó, Thoát-Hoan đưa thư sang điều đình với nhà Trần nói mượn đường sang đánh Chiêm-Thành.

Nhân-tôn khước từ rằng: « *Việt-Nam không có đường nào dù thủy hay bộ để sang Chiêm-Thành* ». Thoát-Hoan giận lắm lại cho sứ đến thương thuyết rằng :

« Nhà Nguyên không có bụng xâm lăng Việt-Nam, xin đừng ngại, chỉ cần đi qua Việt-Nam để tiến đánh Chiêm-Thành mà thôi » và để che đậy mưu mô của mình, sứ Nguyên còn yêu cầu Việt-Nam giúp đỡ ít nhiều lương thực, khi xong việc sẽ hậu tạ.

***

GIAI ĐOẠN THỨ NHẤT

Quân Nam lùi để tiến

Dĩ nhiên cuộc thương thuyết thất bại rồi chiến tranh xảy ra ngay ở địa phận thành Lạng-Sơn. Thế của Nguyên quân đang mạnh nên mấy cửa ải như Khả-Li, Lộc-Châu bị thất thủ; quân Việt phải rút về Chi-Lăng. Rồi Trần-Quốc-Tuấn lui về Vạn-Kiếp, đồng thời ra lệnh các quân đội các nơi về tập trung ở đó.

Nhân-Tôn đã có ý lo ngại. Ngài liền ngự một chiếc thuyền nhỏ đi Hải-Dương để gặp Trần-Quốc-Tuấn và nói :

— Giặc mạnh như vậy, nếu chống với nó nguy hại cho muôn dân chăng ?

Trần-Hưng-Đạo cương quyết nói : « *xin chém đầu tôi trước rồi hãy hàng giặc !* »

Vua Nhân-Tôn nghe lời anh dũng của Trần-Hưng-Đạo lại yên lòng và liền đó Trần-Hưng-Đạo huy động ngay được 20 vạn quân ; lòng người vẫn hăng hái như thường và thế trận các nơi lại được chỉnh bị ráo riết.

Trước mặt quân sĩ, Trần-Quốc-Tuấn đã đọc một bài hịch như sau. Chúng tôi xin chép nguyên văn vì nó là một áng văn có giá-trị, không những về đạo-lý giày người ta phải biết cái lẽ trung-quân ái-quốc, nó còn kích-thích lòng kiêu-hãnh dân-tộc để khêu gợi óc tự-cường, tự-tín vì thế lòng quân lại phấn khởi và bốc mạnh lên như giông tố :

« Ta thường nghe chuyện : « Kỷ-Tín liều thân « chịu chết thay cho vua Cao-Đế ; Do-Vu lấy mình « đỡ ngọn giáo cho vua Chiêu-Vương ; Dự-Nhượng « nuốt than để báo thù cho chủ ; Thân-Khoái chặt « tay để cứu nạn cho nước ; Kinh-Đức là một chức « quan nhỏ, mà liều thân cứu vua Thái-Tôn được « thoát vòng vây ; Kiêu-Khanh là một bề tôi ở xa, mà « kể tội mắng thằng Lộc-Sơn là quân nghịch-tặc. « Các bậc trung-thần nghĩa-sĩ ngày xưa, bỏ mình « vì nước, đời nào không có ? Giả sử mấy ông ấy « cũng cứ bo-bo theo lối thường tình, chết già « ở xó nhà, thì sao cho lưu danh sử sách đến nghìn « muôn đời như thế được ?

« Nay các người vốn dòng vũ-tướng, không « hiểu văn-nghĩa, nghe những chuyện cổ tích ấy, « nửa tin nửa ngờ, ta không nói làm gì nữa ; ta « hãy đem chuyện đời Tống, Nguyên mới rồi mà « nói : Vương-công-Kiên là người thế nào ? tỳ tướng « của Vương-công-Kiên là Nguyễn-văn-Lập lại là

« người thế nào ? mà giữ một thành Điếu-Ngư « nhỏ mọn, chống với quân Mông-Kha kể hàng trăm « vạn, khiến cho dân sự đời Tống, đến nay còn đội « ơn xâu. Đường-ngột-Ngại là người thế nào ? Tỳ « Tướng của Đường-ngột-Ngại là Xích-tử-Tư lại là « người thế nào mà xông vào chỗ lam chướng xa- « xôi đánh được quân Nam-Chiếu trong vài ba « tuần, khiến cho quân tướng đời Nguyên đến « nay còn lưu tiếng tốt. Huống chi ta cùng các ngươi « sinh ở đời nhiễu nhương gặp phải buổi gian nan « này, trông thấy những nguỵ-sứ đi lại rầm rập « ngoài đường, uốn lưỡi cú-diều mà sỉ mắng triều « đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể-phụ, lại cậy « thế Hốt-tất-Liệt mà đòi ngọc lụa, ỷ thế Vân-Nam- « Vương để vét bạc vàng ; của kho có hạn, lòng « tham không cùng, khác nào như đem thịt mà « nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau !

« Ta dây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, « ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức « rằng chưa được sả thịt lột da quân giặc, dầu « thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da « ngựa, thì cũng đành lòng. Các ngươi cùng ta « coi giữ binh quyền, cũng đã lâu ngày, không có « áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan « còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta « tăng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì « ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống « chết, lúc nhàn-hạ thì cùng nhau vui cười, những « cách cư-xử so với Vương-công-Kiên, Đường- « ngột-Ngại ngày xưa cũng chẳng kém gì.

« Nay các ngươi trông thấy chủ nhục mà không « biết lo, trông thấy quốc-sỉ mà không biết thẹn,

« thân làm tướng phải hầu quân giặc, mà không « biết tức, tai nghe nhạc để hiến ngụy sứ, mà « không biết cảm ; hoặc lấy việc trọi gà làm vui « đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc « vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ « con, hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, « hoặc ham về săn bắn mà quên việc binh, hoặc « thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc « đến, thì cựa gà trống sao cho đâm thủng được « áo giáp ; mẹo cờ bạc sao cho dùng nổi được quân « mưu ; dầu rằng ruộng lắm tiền nhiều, thân ấy « nghìn vàng khôn chuộc ; vả lại vợ bìu con ríu, « nước này trăm sự nghĩ sao ; tiền của đâu mà « mua cho được đầu giặc ; chó săn ấy thì địch sao « nổi quân thù ; chén rượu ngon không làm được « cho giặc say chết ; tiếng hát hay không làm được « cho giặc điếc tai, khi bấy giờ chẳng những là thái « ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các ngươi « cũng hết, chẳng những là gia-quyến của ta bị « đuổi, mà vợ con của các ngươi cũng nguy ; chẳng « những là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về « sau, tiếng xấu hãy còn mãi mãi, mà gia thanh « của các ngươi cũng chẳng khỏi mang tiếng nhục, « đến lúc bấy giờ các ngươi dầu muốn vui vẻ, phỏng « có được hay không ?

« Nay ta bảo thật các ngươi : nên cẩn thận như « nơi củi lửa, nên giữ gìn như kẻ húp canh, giậy « bảo quân sĩ, luyện tập cung tên, khiến cho người « nào cũng có sức khỏe như Bàng-Mông và Hậu-« Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được quân giặc « mà lập nên được công danh. Chẳng những là thái « ấp của ta được vững bền, mà các ngươi cũng đều

« được hưởng bổng-lộc ; chẳng những là gia-quyến « của ta được yên-ổn, mà các ngươi cũng đều được « vui vợ con, chẳng những là tiền nhân ta được vẻ « vang, mà các ngươi cũng được phụng thờ tổ-phụ, « trăm năm vinh hiển ; chẳng những là một mình « ta được sung-sướng, mà các ngươi cũng được lưu « truyền sử sách, nghìn đời thơm tho ; đến bấy giờ « các ngươi dầu không vui-vẻ, cũng tự khắc được « vui-vẻ.

« Nay ta soạn hết các binh pháp của các nhà « danh gia hợp lại làm một quyển, gọi là « Binh- « thư yếu-lược ». Nếu các ngươi biết chuyên tập « sách này, theo lời dạy bảo, thì mới phải đạo thần- « tử ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời giậy « bảo, thì tức là kẻ nghịch-thù.

« Bởi cớ sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta là kẻ « thù không đội trời ở chung, thế mà các ngươi cứ « điềm-nhiên không nghĩ đến việc báo thù lại « không biết dậy quân-sĩ, khác nào như quay ngọn « giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay không mà chịu « thua quân giặc, khiến cho sau trận Bình-Lỗ mà « ta phải chịu tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt « mũi nào đứng trong trời đất nữa. Vậy nên ta « phải làm ra bài hịch này để cho các ngươi « biết bụng ta ».

* * *

GIAI ĐOẠN THỨ HAI

Thành Thăng-Long thất thủ

Lời hịch này làm các tướng sĩ nức lòng đánh giặc. Họ khắc vào cánh tay hai chữ *SÁT-ĐÁT* nghĩa là giết giặc Mông Cổ, để luôn-luôn nhớ đến kẻ thù và hăng hái trong cuộc giao tranh.

Từ Lạng-Sơn quân Nguyên đánh xuống Vạn-Kiếp kéo về Bắc-Ninh rồi về Đông-Bộ-Đầu. Quân của họ đi đâu cướp bóc tàn phá dân sự đến đấy. Bấy giờ quân Nam đóng ở phía Nam-Ngạn sông Hồng-Hà bị đạn đại bác của Nguyên quân bắn sang, đồn trại bị phá hủy rất nhiều. Quân Nam lại rút lui. Quân Nguyên liền bắc cầu-phao để tiến sang thành Thăng-Long hạ trại thì Trần-Quốc-Tuấn đưa vua Nhân-Tôn xa giá ra ngoài và chạy về phía Nam. Quân Nguyên đuổi theo.

Đánh thành Nghệ-An

Toả-Đô đem đạo quân thứ hai sang đánh Chiêm-Thành, nhưng bị quân Chiêm phòng giữ cẩn thận các nơi hiểm yếu nên không đột nhập vào được. Nguyên chủ hạ lệnh cho Toa-Đô kéo ra mặt Nghệ-An hợp với đạo quân của Thoát-Hoan để đánh vào Việt-Nam.

Thoát-Hoan liền cho đại tướng Ô-Mã-Nhi theo đường bể tiếp viện cho Toa-Đô, còn mình thì đóng các đồn trại từ sông Hồng-Hà (bắt đầu từ Hà-nội) xuống đến sông Đại-Hoàng (thuộc Nam-sang tỉnh Hà-Nam).

Quân Nam cầm cự ra sao ?

Đại tướng Trần-Quang-Khải được lệnh đem quân vào án-ngữ Toa-Đô ở Nghệ-An. Xa giá Trần-Nhân-Tôn về Thiên-Trường và Trần-Bình-Trọng đóng giữ Thiên-Trường cầm cự với Thoát-Hoan. Trong khi này thì xa-giá chạy về Hải-Dương.

Tại Nghệ-An thế quân Nguyên rất mạnh do sự tiếp ứng của Ô-Mã-Nhi ngoài bể tiến vào.

Ở Thiên-Trường, Trần-Bình-Trọng thấy quân Nguyên đã đến khúc sông Thiên-Mạc, huyện Đông-An tỉnh Hưng-Yên. Hai bên kịch chiến. Trần-Bình-Trọng bị bắt. Thoát-Hoan dỗ dành, thết đãi long trọng, biết Trần là một tay anh-kiệt của An-Nam. Thoát-Hoan dụ Trần :

— Nhà ngươi có muốn làm vua đất Bắc không?

Trần quát lên :

— Ta chỉ muốn làm quỷ nước Nam chớ không thèm làm vua đất Bắc. Ta bị bắt chỉ có một chết mà thôi, đừng hỏi lôi thôi !

Thoát-Hoan biết không thể mua chuộc được lòng người chiến sĩ liền đem Trần ra chém.

Tình thế Nam-quân có vẻ nguy-ngập.

Xa giá chạy ra Quảng-Yên, thuyền đi về sông Tam-Chỉ (Tiên-Yên) tông tich bại lộ, liền chuyển lên bờ vào làng Thủy-chú rồi lại xuống thuyền ra sông Nam-Triệu (tức Bạch-Đằng-Giang, thuộc Hải-Dương) vượt cửa bể Đại-Bàng (thuộc huyện Nghi-Dương) rồi vào Thanh-Hóa.

Một số người hèn nhát là Trần-Ích-Tắc, Trần-tú-Viên ra hàng Thoát-Hoan. Còn Trần-Quốc-Tuấn lúc nào cũng bình tĩnh mặc dầu bao nhiêu cuộc chiến bại.

Thế bại chuyển sang thế thắng

Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi xung đột với quân của Trần-quang-Khải nhiều trận ở Nghệ-An, thắng bại không rõ rệt về bên nào. Lương thực của Nguyên

quân mỗi ngày một cạn sau phải rút bỏ Nghệ-An, xuống thuyền vượt bể ra ngoài Bắc để hợp với đại-binh của Thoát-Hoan. Tin ấy báo về Thanh-Hóa.

Trong một buổi họp, Hưng-đạo-Vương nói:

— «Quân của Toa-Đô từ Chiêm-Thành ra Thuận Hóa, Nghệ-An, Thanh-Hóa, xông pha nhiều trận nay lại phải lùi ra Bắc, lúc này ở thủy, bộ hai đường họ phải nhiều sự gian nan vất vả, nay cho quân đuổi theo đón đường mà đánh...»

Năm vạn quân được huy động do Trần-nhật-Duật, Trần-quốc-Toản và Nguyễn-Khoái tiến đón Nguyên quân ở Hải-dương Tháng tư năm Ất-dậu (1285) Trần-nhật-Duật ra đến bến Hàm-Tử (Hưng-Yên) thì gặp chiến thuyền của Toa-Đô. Hai bên đánh nhau rất dữ. Quân Toa-Đô đại bại phải chạy ra giữ cửa Thiên-Trường.

Trận Chương Dương Độ

Trần-quang-Khải lại được lệnh từ Nghệ-An ra đánh Thăng-Long và Trần-nhật-Duật đem quân chặn đường không cho Toa-Đô từ Thiên-Trường lên liên kết với Thoát-Hoan.

Quân của nhà Nguyên lúc ấy vừa đóng trong thành Thăng-Long vừa đóng ở dưới nước về mạn huyện Thượng-Phúc.

Quân của Trần-quang-Khải, Trần-quốc-Toản và Phạm-ngũ-Lão từ Thanh-Hóa theo đường bể đi ra gặp quân Nguyên giao tranh ở bến Chương-Dương rất mạnh. Quân Nguyên thua to chạy về Thăng-Long thì Nam quân đuổi theo vây thành

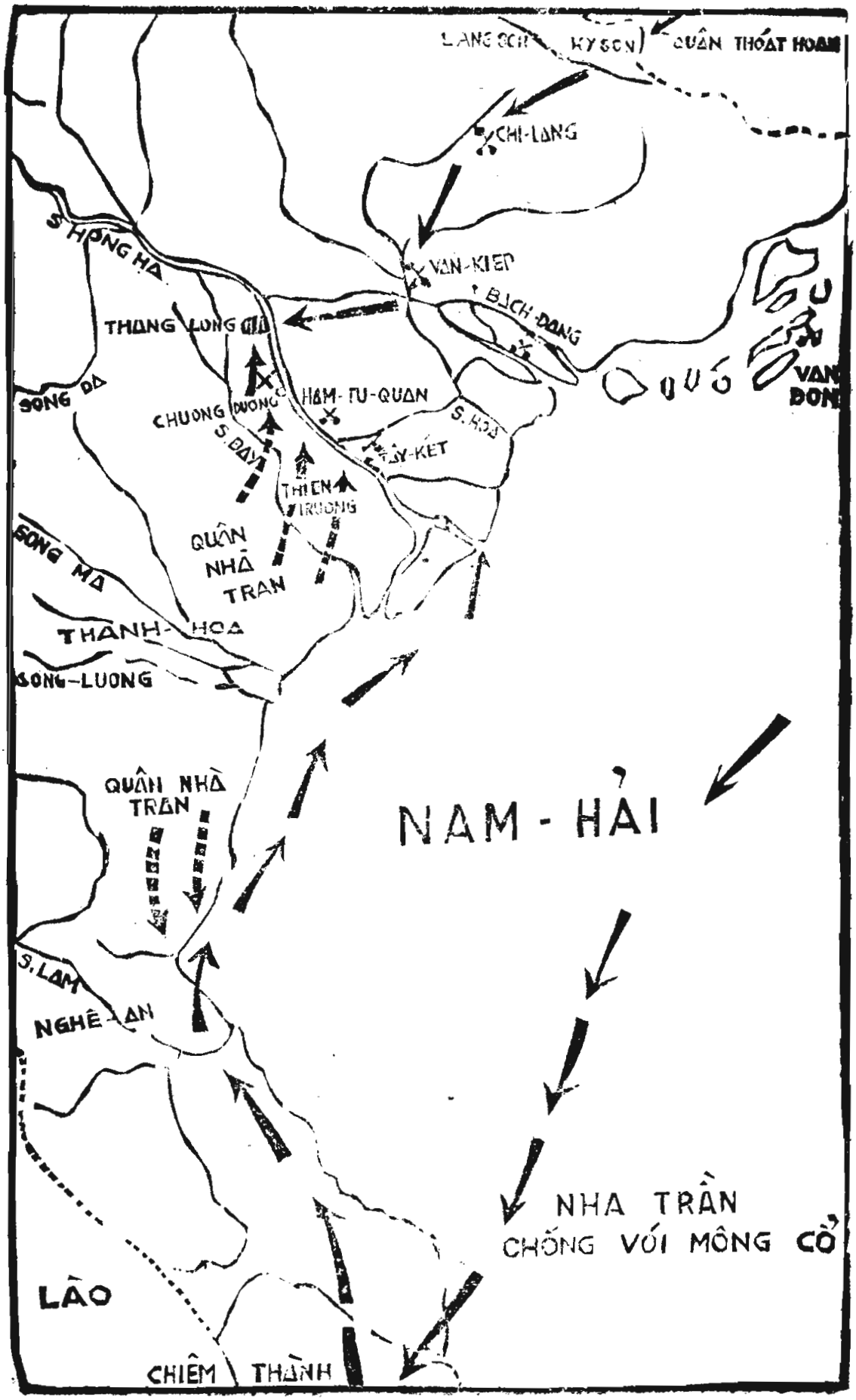
LẠNG SƠN
KỲ SƠN
QUÂN THOÁT HOAN
CHI-LĂNG
S. HỒNG HÀ
VẠN-KIẾP
BẠCH-ĐẰNG
THĂNG LONG
VÂN ĐỒN
SÔNG ĐÀ
CHƯƠNG DƯƠNG
HÀM-TỬ-QUAN
S. HÓA
S. ĐÁY
TRẦN-SY-KẾT
THIÊN TRƯỜNG
QUÂN NHÀ TRẦN
SÔNG MÃ
THANH-HÓA
SÔNG-LƯƠNG
QUÂN NHÀ TRẦN
NAM - HẢI
S. LAM
NGHỆ-AN
NHA TRẦN
CHỐNG VÓI MÔNG CỔ
LÀO
CHIÊM THÀNH

Thăng-Long. Quân Thoát Hoan ra trợ chiến cho đám quân ngoài chạy về thì bị phục binh của Trần-quang-Khải đánh úp. Quân Nguyên hai đằng đều bị bại, phải bỏ thành Thăng-Long chạy qua sông về Bắc-Ninh.

Trận Tây-Kết

Quân Toa-Đô đóng ở Thiên-Trường lúc này mất liên lạc nên không biết rằng Thoát Hoan đã bỏ thành Thăng-Long chạy về Bắc-Giang liền kéo lên định hợp với Thoát-Hoan đóng ở Thiên-Mạc. Mấy đạo tiền quân của y bị bại và quân Nam bao vây khắp mọi nơi, y liền lui về đóng ở Tây-Kết để dò xét hành tung của đội quân Thoát-Hoan.

Thế quân Nam phấn khởi vô cùng.

Lúc này Nam quân áp dụng chiến-thuật tập trung lực-lượng do các tướng lĩnh Trần-nhật-Duật Trần-quang-Khải đánh rẽ hai đạo quân Nguyên do Thoát-Hoan và Toa-Đô quản đốc để không liên lạc được với nhau và đặt phục binh ở những quãng đường ra bể.

Tới giai-đoạn này, có thể nói quân Nam làm chủ tình thế nên trong cuộc giao tranh lực lượng của họ trội trông thấy và bên quân Nguyên phần ốm đau tật bệnh nhiều, phần bị vất vả khó nhọc và thua nhiều trận, đi đâu cũng bị phục binh đánh up, tinh thần họ luôn luôn thảng thốt nên họ mất hẳn đà.

Cầm cự không nổi, Toa-Đô và Ô-Mã-Nhi liền điểm binh lên bộ tính chạy ra bể, nhưng bị phục binh của Nam quân chẹn đường. Toa-Đô trúng

tên tử trận. Ô-Mã-Nhi bí lối quay vào Thanh-Hóa rồi khi cùng đường, y xuống một chiếc thuyền con trốn ra bể chạy miết về Tầu.

Sau cuộc thắng trận lớn này, người ta mang đầu Toa-Đô về nộp, Nhân-Tôn trông thấy đầu viên đại tướng Nguyên than rằng:

« *Làm bề tôi nên như người này !* »

Rồi cởi áo ngự bào đắp vào đầu Toa-Đô và cho làm lễ mai táng rất tử tế.

Trận Tây-kết đánh vào ngày tháng 5 năm Ất-Dậu (1235) tính ra quân Nguyên bị bắt hơn 3 vạn người, chiến thuyền khí giới thì không sao kể xiết.

Trận Vạn Kiếp

Như trên đây ta đã biết, quân Mông-Cổ sang Việt-Nam hồi đầu chiến tranh là 50 vạn quân (hải lục) giúp Thái-Tử Thoát-Hoan có hai viên Thượng Tướng Ô-mã-Nhi và Toa-Đô. Sau trận Tây-kết thì hai vị thượng tướng 1 chết và 1 trốn về Tầu. Quân đội chết trận, chết dịch rất nhiều.

Thoát-Hoan với đám tàn quân chán nản vô cùng và tự lượng không thực hiện nổi chương trình xâm lăng buổi ra đi. Vua tôi nhà Trần nhận biết tinh thần của họ sụp đổ nhiều rồi nên cho 3 vạn quân mai phục ở các nơi rừng lau, sậy hai bên sườn núi theo đường ra bến Vạn Kiếp đón chờ họ rút lui.

Hưng-võ-Vương Nghiễn và Hưng-Hiếu-Vương Uý (hai con của Thống lĩnh Trần-Quốc-Tuấn) được lệnh đem ba vạn quân ra đóng từ Hải-Dương ra Quảng-Yên, còn đại bản doanh của Trần-Quốc-

Tuấn tiến thẳng lên Bắc-Giang để gặp Thoát-Hoan. Quân Nguyên thua chạy gặp bọn Nguyễn-Khoái chẹn đường, 10 phần tan vỡ mất năm, Tướng Nguyên là Lý-Hằng bị bắn chết, Thoát-Hoan và mấy bộ tướng là A-Bát-Thích, Phàn-Tiếp, Lý Quán cố sức đánh lấy đường để chạy. Sau bị đuổi gấp quá, Thoát-Hoan phải chui vào 1 cái ống đồng để lên xe cho quân kéo đi. Tới châu Tư-Minh họ gặp bộ đội của Hưng-Võ-Vương và Hưng-Hiếu-Vương đuổi một phen nữa. Lý-Quán cũng bị tử trận còn lại Thoát-Hoan, A-Bát-Thích và Phàn-Tiếp chạy thoát được về Tầu.

Cuộc giao tranh giữa đội quân hùng mạnh của Mông-Cổ đã từng giày xéo các dân tộc từ Á sang Âu, số lượng tới 50 vạn, mãnh tướng như Toa-Đô, Ô-Mã-Nhi, A-Bát-Thích với quân Việt-Nam ít ỏi thưa thớt có ngờ đâu phần thắng lợi lại về Việt-Nam.

Chiến-thuật của Trần-Quốc-Tuấn là biết tùy thời tiến thoái, gây sự tự tin và kiên nhẫn trong lòng dân chúng. Ngoài ra ông lại lập được cái thế quân dàu nhất trí nên đối trọi với đám quân kiêu hùng chưa hề có địch thủ, ông đã có lợi-khí dũng mãnh hơn là sự ĐẠI-ĐOÀN-KẾT. Với sự đại đoàn kết đó đến ngày nay lịch-sử nhân-loại đã nhiều phen dẫn chứng : *Một dân-tộc muốn sống thì không một sức mạnh nào của cường quyền đè nén nổi họ.*

Quân Mông Cổ sang Việt-Nam lần thứ hai

Chiến-cuộc lần thứ nhất bắt đầu từ tháng 12 năm Giáp-thân (1284) đến tháng sáu năm Ất-Dậu (1285) bọn Thoát-Hoan bại trận về nước,

Nguyên-chủ giận dữ vô cùng, liền cho đóng thêm 300 chiến thuyền và huy động 3 tỉnh Giang-Hoài, Hồ-Quảng và Giang-Tây lại chiêu binh luyện mã để phục thù ngay. Nhưng Triều thần can ngăn rằng quân đội viễn chinh còn mỏi mệt, kẻ ốm đau chưa dậy được, kẻ bị thương còn băng bó hãy nên hoãn ít lâu Vua Nguyên nghe hợp lý và thuận theo.

Sang mùa xuân tháng 2 năm Đinh-Hợi (1287) Thoát-Hoan lại được cử làm Đại Nguyên-Súy cùng bọn A-Bát-Xích, Ô-Mã-Nhi, Phàn-Tiếp, Áo-Lỗ-Xích kén chọn được 7 vạn quân tinh nhuệ bản bộ 500 chiến thuyền, 6000 quân Vân-Nam, 15000 quân ở 4 châu ngoài bể và các nơi thêm vào tổng số là 30 vạn giả danh đưa Trần-Ích-Tắc về nước làm An-Nam quốc Vương và ủy cho Trương-văn-Hổ tải 171 vạn thạch lương theo đường bể tiến sang Việt-Nam.

Quân Nguyên lại chia hai đường tấn công vào nội địa Việt-Nam hồi tháng một qua các châu Khâm, Liêm và Tư-Minh. Bọn Trương-Ngọc lĩnh 2000 quân chở lương thực khí giới. Trịnh-Bằng-Phi, Áo-lỗ-Xích dẫn 2 vạn quân đi đường bộ, Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp mang một đại đội đi đường bể đánh thẳng vào.

Tin báo về thành Thăng-Long, Hưng-đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn bình tĩnh như thường, hội chư tướng chia quân ra ba mặt :

a) Trần-Nhật-Duật, Nguyễn-Khoái dẫn 3 vạn quân lên đón mặt Lạng-Sơn.

b) Trần-quốc-Toản, Lê-Phụ-Trần dẫn 3 vạn quân đi giữ mặt Nghệ-An, (đường thủy mà quân

Mông-Cổ có thể do đó đột nhập vào nội địa An-Nam để đánh thốc ra Bắc-Hà).

c) Còn Ngài, Trần-Quốc-Tuấn, thống xuất đại quân tiến ra Quảng-Yên chia ra 3 địa điểm quanh châu Tư-Minh là Xa, Từ, Chúc, để đóng đồn. Ngài đóng quân ở núi Phù-Sơn và sai một tướng ra giữ sông Đại-Than (thuộc Hải-Dương).

Cũng như lần trước, quân Mông-Cổ trong giai đoạn đầu rất mạnh mẽ quân Việt-Nam bị đánh lui về Vạn-Kiếp. Thoát-Hoan chiếm núi Phả-Lại và Chí-Linh do Trịnh-bằng-Phi đem hai vạn quân đến phá đồn Vạn-Kiếp của Nam quán, Ô-Mã-Nhi và A-Bát-Xích đem bộ đội đánh từ Lục-đầu-giang xuống Hoàng-Hà.

Hưng-Đạo-Vương rút về Thăng-Long và xa-giá về Hà-Nam rồi đi ra bể đánh vào Thanh-Hóa. Ô-Mã-Nhi đuổi theo không kịp..

Thoát-Hoan vây thành Thăng-Long nhưng đánh không nổi lại rút về Vạn-Kiếp, Chí-Linh và Phả-Lại. Xa-giá lại trở về Bắc.

Trận Vân-Đồn

Trong khi Trương-Văn-Hổ tải lương còn đương lênh đênh ngoài bể thì ở Vạn-Kiếp, quân Nguyên sắp cạn lương. Thoát-Hoan cho Ô-Mã-Nhi đem quân ra cửa bể Đại-Bàng (huyện Nghi-Dương thuộc Hải-Dương) đón Trương-Văn-Hổ thì gặp quân của Trần-Khánh-Dư tại Vân-Đồn (Quảng-Yên) chặn đường. Ô-Mã-Nhi do sự thúc bách của tình thế,

trổ hết lực-lượng đánh nhau với Nam-quân Trần-Khánh-Dư thua trận. Quân Nguyên kéo thẳng ra bể để đón thuyền lương. Trần-Khánh-Dư bị gọi về chịu tội. Khi đó, ông nói với sứ :

« Tôi thua trận dĩ nhiên phải chịu tội, nhưng xin khoan cho vài hôm để tôi lấy công chuộc tội..»

Khi đó thuyền lương của quân Nguyên ở ngoài bể tiến vào. Quân của Ô-Mã-Nhi đi yểm-hộ Trần-Khánh-Dư lại xếp đặt lại thuyền bè và quân đội mai phục mọi nơi. Công việc bố trí vừa xong thì thuyền của Trương-Văn-Hổ đến cửa Lục-Đầu Quân Nguyên bị phục kích thuyền lương mất sạch khí giới bị tịch thu rất nhiều. Còn Trương-Văn-Hổ nhảy xuống thuyền con trốn về Quỳnh-Châu.

Thượng-Hoàng liền xá tội cho Trần-Khánh-Dư nói với Hưng-Đạo-Vương rằng :

« Quân Nguyên trông cậy vào lương thực và khí giới, nay ta cướp được hết các thứ này chắc thế của chúng không bền được nữa. Nhưng ở các nơi khác tất chưa biết tin này có lẽ nên tha cho những tên quân bị bắt để chúng về báo tin, quân sĩ của chúng ngã lòng, ta phá mới dễ..»

Thật là một mánh lới tuyên truyền rất khôn khéo.

Quả nhiên, từ đó quân đội của Thoát-Hoan sao-suyến, nhất là lương thực mỗi ngày một cạn chỉ muốn rút lui về Tầu. Ô-Mã-Nhi đợi mãi thuyền lương không thấy cũng rút về Vạn-Kiếp.

Trận Bạch-Đằng

Tinh thần của quân Nguyên bấy giờ vô cùng khủng-hoảng. Thoát-Hoan định cho người về Tầu xin tiếp viện binh lương thì quân Nam đã được lệnh lên chẹn các đường về Lạng-Sơn, giữ núi Kỳ-Cấp, ải Nữ-Nhi làm cho họ tuyệt lộ.

Bộ tham mưu của Thoát-Hoan bàn :

— Chúng ta đóng ở đây, thành trì không có, khí giới lương thực cạn đến nơi, các chỗ hiểm trở bị mất, bây giờ lại là mùa hạ, khí giời sinh nhiều tật bệnh nên rút về nước chờ cơ hội khác....

Thoát-Hoan đồng ý liền cho Ô-Mã Nhi, Phàn-Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch-Đằng rút về trước. Bộ quân do Trịnh-Bàng-Phi và Trương-Quân đi sau để đề phòng việc đánh úp.

Trần-quốc-Tuấn hiểu rõ cơ mưu của Nguyên quân liền cấp cho người đi đường tắt lên mé thượng lưu sông Bạch-Đằng, đóng các cọc đầu bịt sắt cắm khắp giữa dòng sông và phục binh các nơi chờ lúc nào nước triều lên đem binh ra khiêu chiến, rử cho thuyền Nguyên ra giữa giòng, nước chiều xuống Nam-Quân mới đổ ra đánh phá kịch liệt. *Mẹo này dùng đầu tiên do Ngô-Vương-Quyền và đã giết được Thái-Tử Hoằng-Thao thời Nam Hán năm 938.*

Phạm-Ngũ-Lão, Nguyễn-Chế-Nghĩa lại đem quân lên mai phục ở ải Nội-Bàng (thuộc Lạng-Sơn) chờ quân Nguyên chạy qua.

Quân của Ô-Mã-Nhi ít lâu kéo tới Bạch-Đằng-Giang. Trần-quốc-Tuấn cùng đại quân lúc đó đóng ở sông Hóa-Giang chỉ xuống nước cùng thề : « *Trận*

này không phá được giặc Nguyên thì đừng về tới sông Hóa! » Quân Ô-Mã-Nhi và Phàn-Tiếp đang lênh đênh trên sông Bạch-Đằng thì Nguyễn-Khoái dẫn chiến thuyền ra đánh. Ô-Mã-Nhi cho quân xô ra thì quân của Nguyễn-Khoái bỏ chạy. Bấy giờ nước triều lên, mặt nước mênh mông. Nguyên quân vô tình không biết cứ đuổi theo. Khi họ qua địa phận có cọc đóng thì Nguyễn-Khoái quay lại và đàng sau quân Nguyên, đại quân của Trần-quốc-Tuấn tiến đến vừa đúng lúc nước triều xuống. Thuyền quân Nguyên bị vướng hết vào cọc, đổ vỡ mất nhiều. Nam quân càng đánh càng hăng. Trong khi đó thì quân Nguyên lúng túng và hỗn loạn nên bị chết như rạ, máu chảy đỏ cả lòng sông. Tướng Nguyên bị bắt hầu hết : Ô-Mã-Nhi, Phàn Tiếp, Tích-Lệ, Cô-Ngọc.

Trận Bạch-Đằng-Giang đánh vào tháng 3 năm Mậu-Tí (1288) Nguyên quân bị bắt rất nhiều và mất 400 chiến thuyền.

Trận cuối cùng.

Như ta coi đó thủy quân do bọn Ô-Mã-Nhi lãnh đạo bị tan tành mười phần không còn một. Tin này càng làm cho lục quân của Thoát-Hoan vô cùng tuyệt vọng. Họ kéo nhau chạy về phía ải Nội-Bàng đúng như kế hoạch của Nam Quân đã tính trước. Đi theo Thoát-Hoan bấy giờ có A-Bát-Xích, Áo- Lỗ-Xích, Trương-Quân, Trương-Ngọc, Trịnh-Bàng - Phi...

Phạm-Ngũ-Lão chờ ở đó ít ngày trước liền đổ ra đánh. Các tướng Nguyên hết sức bảo vệ cho Thoát-Hoan. Đạo quân đi sau yểm hộ của Trương-

Quân lúc đó là 3000 người mở con đường máu tháo lui. Trương-Quân bị Phạm-Ngũ-Lão chém chết. Chạy qua cửa ải này quân của Thoát-Hoan mười phần chỉ còn vài ba.

Từ ải Nữ-Nhi đến núi Kỳ-Cấp trên một quãng đường hơn 100 dặm họ được tin báo Nam quân đều đóng đồn ải túc trực, quân Nguyên càng sợ hãi. Về mặt sau họ lại nghe thấy tiếng reo hò long trời lở đất. Thoát-Hoan phải sai A-Bát-Xích và Trương-Ngọc đi tiên phong để mở đường, Áo-Lỗ-Xích đi sau để đoạn hậu.

Họ bị nghẽn đường.Tên thuốc độc hai bên sườn núi bắn xuống như mưa rào. Hai tướng bị tử trận ngay tại chỗ, quân sĩ cũng chết đầy đường rất là thê thảm. Còn lại có Trịnh-Bàng-Phi cố gìn giữ Thoát-Hoan chạy qua Lộc-Châu lên do con đường tắt về châu Tư-Minh và Áo-Lỗ-Xích cũng nhặt được ít nhiều tàn quân cùng Thoát-Hoan chạy được về Yên-Kinh . . .

Cuộc chiến tranh này là cuộc cuối cùng, trong khi đó quân Mông-Cổ coi người bằng nửa con mắt, hùng cường trấn động cả năm châu đã mấy phen đọ gươm thử sức cùng quốc-gia Việt-Nam trước sau huy động hàng trăm mãnh tướng, ngót triệu quân mã tráng kiện, kết quả là một sự thất bại nhục nhã cho họ, một dân tộc đã mở kỷ nguyên đầu tiên trong lịch-sử thế giới về xâm-lăng và thực-dân.

Họ thua nên cay cú quá nhiều với Việt-Nam có nhiều lần lại muốn tiếp tục chiến tranh để rửa hờn rồi lại thôi một phần vì nội-bộ nhà Nguyên thay đổi (vua Nguyên Hốt-Tất-Liệt mất, Nguyên-

Thành-Tôn kế vị) một phần người ta nản vì phải bao nhiêu sự hao tổn về người về của mà chẳng đi tới đâu còn như ở Việt-Nam hồi đó, quân dân nhất trí, muôn người như một, quốc gia lại có trật tự, kỷ cương, nhân tài xung mãn.

Người anh hùng áo vải đất Lam-Sơn hay là Cuộc đụng chạm bằng binh đao với nhà Minh

Nhà Trần làm vua được 175 năm truyền được 12 đời. Năm 1400-1407 thì bị Hồ-Quý-Ly lên thay lấy quốc-hiệu là Đại-Ngu đóng đô ở Thanh-Hóa gọi là Tây-Đô. Nhà Hồ sửa sang mọi việc chính-trị, chỉnh đốn võ bị đánh Chiêm-Thành lấy được Quảng-Nam, Quảng-Ngãi bây giờ. Sau nhà Hồ bị quân nhà Minh sang diệt được. Nhà Hồ chỉ được có 6 năm thì mất.

HƯNG vong là luật của muôn đời.

Các triều-đại nhà Trần trước đây thịnh vượng oanh liệt như ta đã thấy, chẳng thế xưa kia dân tộc Việt-Nam cho đến ngày nay dân số chẳng tới 1 phần trăm dân số của Trung-Quốc mà lại chống trọi nổi với Trung-Quốc, một Trung-Quốc đang tiến hóa hùng cường.

Con cháu cuối cùng của họ Trần sau này hèn kém nên đến Trần-Giản-Định là hết. Hồ-Quý-Ly lên thay thế cho nhà Trần không phải là không có tài, nhưng vì sự củng cố địa-vị chưa xong thì nhà Minh lại mang quân sang. Nhà Minh là một vương triều thay thế cho nhà Nguyên sau khi đánh đổ được

con cháu của Nguyên-Thái-Tổ (Thành-Cát-Tư-Hãn) Họ cũng lại do thám các lân quốc để tìm cơ hội chinh phục.

Bấy giờ họ Hồ lên thay nhà Trần, lòng người còn đang hoang mang, một phần bạc nhược về nhiều cuộc rối loạn vừa vì chính sự trong nước (họ Trần đổ, họ Hồ lên) vừa vì sự đánh phá của Chiêm-Thành giữa lúc dân khí suy vi. Nhà Minh đã nhằm đúng cơ hội để kéo đại binh do bọn Trương-Phụ, Mộc-Thạnh cầm đầu.

Bọn này đánh phá được họ Hồ rồi lập nền đô hộ ở Việt-Nam; dĩ nhiên là dưới sự áp-bức của quân Tầu dân Việt-Nam phải đau khổ lầm than không thể tả được như bao nhiêu thế kỷ trước.

Nền thống-trị của nhà Minh chưa được mấy năm, các nơi đã nổi lên các phong trào khởi nghĩa nên người Minh tuy chiếm được Việt-Nam lúc đó mà vẫn chưa bình định được hẳn chỉ mới có vơ vét được quý vật như vàng, bạc, châu báu, đàn bà con gái và những sách quý giá về văn học của Việt-Nam đem về nước.

Tại làng Lam-Sơn (Thanh-Hóa), ông Lê-Lợi là một nông dân do thời thế loạn ly tang-tóc tạo nên thành đấng anh hùng. Ông là người hào hiệp, biết bao dung kẻ dưới, kính nhường người trên nên lòng người bốn phương đều quy phục.

Nhà Minh biết ông là người khẳng khái có chí lớn nên mời ra làm quan, ông từ chối. Ông phất cờ khởi nghĩa năm 1418 cùng các tướng Lê-Thạch, Lê-Kiều tự xưng là Bình-Định-Vương. Mấy trận đầu do mưu kế thắng được quân Tầu, nhưng lực lượng chưa được rồi rào nên ngài lại lui binh

về núi Chí-Linh sau lấy được Nghệ-An bấy giờ mới được đà phát triển để vẫy vùng ra Bắc.

Quân nhà Minh lúc đó đóng ở Tây-Đô (Thanh-Hóa) nghe tin ngài động binh đem quân đánh dẹp bị bại. Nhưng tuy thắng mà thế vẫn yếu, chống giữ không nổi sau ngài cũng có trận thua, vợ con bị bắt, ngài đem quân chạy về núi Chí-Linh.

Năm sau (1419) ngài lại đem quân ra đánh phá Thanh-Hóa, giết được tướng nhà Minh là Nguyễn-Soạn nhưng lại rút về Chí-Linh vì quân ít, lương thực chưa được sung túc. Sau đó quân Minh đem đại quân vào vây Chí-Linh, nhờ có ông Lê-Lai hy inh giả làm Bình-Định-Vương thế cho Ngài, Ngài mới chốn thoát. Quân Minh tưởng là bắt được Bình-Định-Vương nên rút về Tây-Đô.

Ngay năm ấy ở Nghệ-An nhiều người Việt-Nam làm quan cho nhà Minh cũng hưởng ứng với phong trào nổi lên phản Minh nên quân Minh phải soay sở khắp mặt, Ngài lại có dịp chiêu binh luyện mã, bồi dưỡng lực lượng.

Năm 1420, Ngài đem quân ra đóng ở làng Thời-Định đánh xuống Tây Đô. Tướng Minh là Lý-Bân đem quân đi đánh bị phục binh của ngài đột kích thua chạy.

Giữa lúc muôn vàn khó khăn này thì ngài gặp được ông Nguyễn-Trãi con ông Bảng-Nhỡn Nguyễn-Phi-Khanh là người có tài thao lược thời đó tìm đến đồn Ba-Lâm giúp Ngài.

Đến tháng 11 năm Tân-Sửu 1421, Trần-Trí đem mấy vạn quân hợp cùng người Lào, bị ngài đánh thua, sau đó quân Lào cũng rút lui.

Năm 1422, Ngài lại tiến đánh đồn quận Gia-

Liễn, quân Minh-Lào vây kín bốn mặt. Nhờ sự nhất trí giữa Ngài cùng quân sĩ nên lại thoát được mọi sự nguy hiểm rồi Ngài lại rút về Chí-Linh lần thứ ba. Thời kỳ này khốn khổ vô cùng, lương thực cạn hết quân sĩ phải ăn rau cỏ, voi ngựa phải thịt hết dần.

Thấy quân sĩ mỏi mệt, cần phải nghỉ ngơi, ngài bất đắc dĩ phải nghị hòa với quân Minh. Đã có một thời kỳ giao-hiếu (1423) quân Minh giúp trâu, bò, thóc lúa, ngựa, cá mắm, Ngài đưa vàng bạc ra tạ, sau vì quân Minh có bụng ngờ giữ sứ của Ngài là Lê-Trân, ngài tuyệt giao ngay rồi đem quân về Lư-Sơn.

Năm Giáp-Thìn (1424) ngài bàn cùng các tướng đánh Nghệ-An vì nơi này người nhiều của lắm làm chỗ trú chân. Ít lâu sau ngài hạ được thành Đa-Cang, tướng Minh là Lương-Như-Hốt bỏ chạy. Trần-Chí, Phương-Chính đem đại quân xuống đánh bị bại, tướng Trần-Trung bị giết cùng 2000 sĩ tốt. Ngài lại cho vây Trà-Long, nơi này phải hàng vì không có viện binh của Minh tiếp cứu.

Cuộc chiến tranh giữa Minh và Việt-Nam liên tiếp luôn trong mấy năm bên Tầu Minh-Đế chưa biết, sau Binh-Bộ Thượng-Thư là Trần-Hạp sang thay Hoàng-Phúc thấy thanh thế Nam quân đáng sợ nên cấp tốc cáo cấp về Trung-Quốc. Minh Đế hoảng hốt khiển trách bọn Trần-Chí và ra lệnh đại tấn công.

Tại Khả-Lưu, vua Lê-Lợi thắng một trận lớn và đã dùng thế phục binh bắt được tướng Minh là Chu-Kiệt, giết được Hoàng-Thành. Trần-Chí phải rút về giữ thành Nghệ-An.

Năm 1425, lòng dân theo Ngài rất nhiều thêm cả viên tri-phủ Ngọc-Ma là Cầm-Quì, nên Ngài

cho vây thành Nghệ-An. Đồng thời Ngài cho bọn Lê-Sát, Lưu-văn-Chú đem binh ra hỗ trợ cho Đình-Lê bao vây thành Tây-Đô. Qua tháng 7 Trần-nguyên-Hãn đem cả thủy bộ quân vào lấy được hai thành Tân-Định và Thuận-Hóa.

Năm Bính-Ngọ (1426) Ngài cho nhiều bộ-đội tràn ra Đông-Đô (Hà-nội) đánh Quốc-Oai, Quảng-Oai, tiến về phía Trung-Du để chặn đường viện binh của quân Minh về mạn Vân-Nam và Lạng-Sơn do Lưỡng-Quảng kéo sang. Quân Minh thua chạy về Ninh-Giang (khúc trên sông Đáy).

Minh-Đế cho một vạn quân sang tiếp cứu bị thua đau chạy về thành Tam-Giang.

Lúc này quân Nam đánh đâu được đấy khắp các mặt từ Nghệ-An ra Đồng-Quan. Minh triều thấy thế nguy phái Vương-Thông làm đại tướng đem 5000 quân sang và cách hết quan tước của bọn Trần-Chí và Phương-Chính.

Bọn Vương-Thông chia ba đường đánh quân Nam hợp với quân đội cũ được 10 vạn, đóng từ Quốc-Oai (Sơn-Tây) đến huyện Từ-Liêm Thanh-Oai dài hơn mấy chục dặm. Một cuộc giáp chiến đã xẩy ra tại ngay hai phủ huyện kể trên, hơn một 1000 quân Minh bị chết và sa-lầy, Đại tướng Mã-Kỳ phải một mình một ngựa chạy trốn.

Vương-Thông lúc này đóng ở Minh-Kiều định cho một đạo quân đi luôn đánh tập hậu quân Nam bị bại lộ kế-hoạch nên đạo quân đó đến Trung-Đông thì bị phục-kích, Binh-Bộ Thượng-Thư Trần-Hạp bị tử trận, quân sĩ bị giết và ngã xuống sông rất nhiều cả thảy hơn 50.000, bị bắt sống trên 1 vạn.

Trận Tụy - Động đánh vào khoảng tháng 10 năm Bính-Ngọ (1426) Bọn Vương-Thông, Phương-Chính và Mã-Kỳ kéo nhau về Đông-Quan, Bình-Định-Vương cho một đại đội thủy quân theo dòng sông Đáy tiến theo sông Nhị-Hà đóng ở Đông-Bộ-Đầu. Về phần Ngài, Ngài chia mấy ngả tiến về Đông-Quan.

Trong giai đoạn này quân Việt-Nam thắng thế một cách rõ rệt, Vương-Thông ở một tình thế bế tắc, tiến thoái không đường liền tìm tờ chiếu của vua nhà Minh, niên hiệu Vĩnh-Lạc nói về việc tìm con cháu nhà Trần để lập lại, cho người điều đình với Bình-Định-Vương để làm cớ xin bãi binh. Vì vậy ngài mới cho tìm được Trần-Cao là cháu ba đời vua Trần-Nghệ-Tôn ra xưng là Vệ-quốc-Công để cầu phong với nhà Minh cho đôi bên chóng kết liễu cuộc binh đao.

Ngài chấp nhận thư xin hòa của Vương-Thông và buộc Vương-Thông phải tập trung quân đội các nơi để rút hết về Tầu. Mấy người Việt-Nam làm quan cho Minh e rằng người Minh về nước, họ sẽ bị truy tội nên dèm pha rằng : « Ngày xưa Ô-Mã-Nhi đã hàng nhà Trần rồi mà lại bị vua tôi nhà Trần tìm cách hãm hại.... » nên Vương-Thông nghe họ lại cho người về Tầu xin viện binh.

Sự dở dáo này làm Bình-Định-Vương giận lắm. Ngài liền huy động quân đội tấn công các thành Diêu-Diên (huyện Gia-Lâm — Bắc-Ninh) Thị-Kiều (Thị-Cầu Bắc-Ninh) Tam-Giang (Vĩnh-Yên Xương-Giang (Bắc-Giang).

Quân Nam đánh đâu được đấy và bên trong thì thành Nghệ-An cũng đầu hàng. Giờ đó tất cả các nơi gần yên nên đại quân Việt-Nam chỉ còn vây thành Đông-Quan (Thăng-Long), mà tiến vào.

Viện binh Nhà Minh sang

Tin thất bại của Minh quân đưa về đến nơi Minh-Đế kinh hoàng liền cho An-Viễn-Hầu Liễu-Thăng đem 10 vạn quân 2 vạn ngựa và một số rất đông các đại tướng kèm theo Hoàng-Phúc là một vị quân sư rất giỏi sang tiếp ứng cho Vương-Thông cùng do đường Quảng-Tây và Vân-Nam tiến sang. Năm ấy là năm Đinh-vị (1427).

Quân Liễu-Thăng sang Việt-Nam do đường Lạng-Sơn. Nam quân do Lê-Sát, Trần-Lưu chỉ huy, lùi từ cửa Nam-Quan về Ải Chi-Lăng. Quân Liễu-Thăng thấy đi đến đâu quân Nam rút đến đấy khinh thường, lại thêm Bình-Đình-Vương vờ đưa thư tới Liễu-Thăng xin lập Trần-Cao và bãi binh. Liễu-Thăng không thèm xem thư cho quân tiến đánh. Ngày 18 tháng 9 quân Liễu-Thăng đến gần Chi-Lăng thì Lê-Sát và Trần-Lưu bỏ chạy ; Liễu-Thăng bị dụ đến chỗ bùn lầy không tiến được, phục binh bổ vây và giết được tại làng Mai-Sao (thuộc Ôn-Châu) ngày hôm ấy là 20 tháng 9 năm Định-Vị. Tàn quân của Liễu-Thăng bị giết hợn 1 vạn ; nhiều tướng Minh như Lý-Khánh, Lương - Minh hoặc chết trận hay phải tự sát. Bọn Hoàng - Phúc, Thôi-Tụ đem bại binh chạy về thành Xương-Giang (Phủ-Lạng-Giang) thì thành này đã bị Nam quân lấy mất rồi do tướng Trần-Nguyên-Hãn.

Bình-Định-Vương cho chặn các đường tải lương, các tướng Phạm-Vân, Lê-Khôi, Nguyễn-Xí đánh úp các mặt, hơn 5 vạn quân Minh tan tác thảm thương. Các tướng chỉ huy như Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ bị bắt sống. Chủ-lực-quân bấy giờ chỉ còn ở bọn Mộc-Thạnh khi đó đang giữ ở cửa Lê-Hoa, cố thủ chờ viện quân, chưa biết rằng viện quân đã bị tiêu diệt gần hết rồi. Bình-Định-Vương cho tên tì-tướng của Liễu-Thăng khi đó bị bắt đem hết ấn tín lên cho Mộc-Thạnh biết. Y sợ quá liền đem quân chạy thì lại bị đánh tan hơn một vạn, bị bắt sống hơn một nghìn vừa người lẫn ngựa.

Vương-Thông xin hòa lần thứ hai

Bình-Định-Vương sai đưa bọn Hoàng-Phúc và hai cái hổ phù, hai cai dấu dài và ngắn của chinh-lự phó tướng về Đông-Quan cho Vương-Thông biết. Vương-Thông tuyệt vọng và xin hòa, lập đàn thề ở phía Nam thành Đông-Quan xin hẹn đến tháng chạp thì rút hết về Tầu. Y cho lệnh các nơi giải binh theo như điều kiện nghị hòa và về phần Việt-Nam cho sứ sang giao hiếu với Minh-Đế và trả lại các tướng sĩ bị bắt cho người Tầu.

Vua nhà Minh tuy biết việc đưa Trần-Cao ra xin tái lập chỉ là một mánh lới chính trị, nhưng cũng đành chấp nhận việc bãi binh nên phong cho Trần-Cao làm Annam Quốc-Vương.

Về phần Bình-Định-Vương thì trả lại trên 2 vạn quân tướng tù-binh, cấp cho 500 chiếc thuyền và hậu đãi các lương thực cho quân đội Tầu rút về.

Cuộc giao tranh đến đây là chấm rứt.

Bình-Ngô Đại-Cáo

TRONG thời Trần đánh nhau với Mông-Cổ, bài hịch của Hưng-Đạo-Vương mà chúng tôi đã trình bầy trên đây có một dọng kích thích ba quân rất mạnh vì nó đập vào tinh thần liêm-sỉ của dân tộc. Nó vạch rõ sự tàn hại mà một dân tộc chiến bại phải chịu nếu không quật cường chống lại xâm lăng. Bài Bình-Ngô Đại-Cáo của ông Nguyễn-Trãi, kém dọng hùng dũng đối với bài hịch của Trần-Quốc Tuấn nhưng đậm về văn chương, lâm ly thống thiết, ôn cái oanh-liệt của nghìn xưa để phấn khởi nhân tâm trước ngọn cờ chiến thắng. Hai áng danh-văn thời loạn này có chỗ giống nhau và cũng có chỗ khác nhau nhưng đọc đến hai áng danh văn ấy người Việt-Nam hẳn có nhiều cảm tưởng xâu-xa. Xin nhớ rằng bài hịch của Trần-Quốc-Tuấn làm ra đang khi có cuộc xung đột với Mông-Cổ, còn bài Bình-Ngô Đại-Cáo do ông Nguyễn-Trãi viết sau khi đã hàng phục được quân Minh.

* * *

Tượng mảng :

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điếu phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên :

Lưu-Cung sợ uy mất vía, Triệu-Oa nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm-Tử giết tươi Toa-Đô, sông

Bạch-Đằng bắt sống Ô-Mã. Xét xem cổ tích đủ có minh-trưng (1).

Vừa rồi :

Vì họ Hồ chính sự phiền hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cuồng Minh đã thừa tứ-ngược (2), bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khóe, ác chứa ngót 20 năm. Bại nhân nghĩa nát cả càn-khôn, nặng khoa-liễm (3) vét không sơn trạch : Nào lện rừng đào mỏ, nào xuống biển mò châu. Nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim chả. Tàn hại côn-trùng thảo-mộc, nheo nhóc thay ! quan quả điên liên (4). Kẻ há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội, dơ bẩn thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây :

Núi Lam-Sơn dấy nghĩa, chốn hoang giã nương mình. Ngẫm non sông căm nỗi thế thù, thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng rức óc, chốc là mười mấy nắng mưa, nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã

---

(1) Minh trưng : chứng cớ rõ ràng.

(2) Tứ-ngược : hết sức làm tàn ngược.

(3) Khoa liễm : thuế má.

(4) Quan : người góa vợ ; quả : người góa chồng ; điên-liên : những kẻ không có nhà ở, không trông cậy vào đâu được.

tinh, ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trằn trọc trong cơn mộng-mị, chỉ băn khoăn một nỗi đói hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì :

Tuấn kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy ác hiếm người bàn bạc. Đòi phen vùng vẫy, vẫn đăm. đăm con mắt dục đông (1), mấy thuở đợi chờ luống đẳng đẵng cỗ xe hư tả (2). Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ vọng dương (3), thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội-vã như khi chửng nịch (4). Phần thì giận hung-đồ ngang giọc, phần thì lo quốc bộ khó khăn. Khi Linh-Sơn lương hết mấy tuần, khi Khôi-Huyện quân không một đội. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phất phới, ngóng vân-nghê bốn cõi đan hồ. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ-tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi, quân giặc nhiều ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay :

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trận Bồ-Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà-Lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng,

---

(1) Dục đông : Ý nói muốn về lấy Đông-Đô.

(2) Hư-tả : Cỗ xe để không bên tay trái để đợi người hiền.

(3) Vọng-dương : Trông ra biển không thấy gì.

(4) Chửng-nịch : Vớt người chết đuối.

quân Thanh càng mạnh. Trần-Trí, Sơn-Thọ mất vía chạy tan, Phương-Chính, Quí-An tìm đường trốn tránh.

Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc, lấy Đông-Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-Kiều máu chảy thành sông, bến Tuy-Động sác đầy ngoài nội. Trần-Hiệp đã thiệt mạng, Lý-Lương lại phơi thây. Vương-Thông hết cấp lo lường, Mã-Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng kiệt-lực, bó tay không biết tính sao, ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui, ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người, tham công một thời, chẳng bõ bày trò dở duốc. Đến nỗi đứa trẻ ranh như Tuyên-Đức, nhàm vỗ không thôi, lại sai đồ nhút nhát như Thạnh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh-Mùi tháng chín Liễu-Thăng từ Khâu-ôn tiến sang. Mộc-Thạnh từ Vân-Nam kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc-quân, ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu-Thăng thua ở Chi-lăng, hai mươi Liễu-Thăng chết ở Mã-Yên. Hai mươi lăm, Lương-Minh trận vong, hai mươi tám Lý-Khánh tự-vẫn. Lưỡi dao ta đương sắc, ngọn giáo giặc phải lùi. Lại thêm quân bốn mặt vi thành, hẹn đến rằm tháng mười duyệt tặc. Sĩ-tốt ra oai tì hổ, thần thứ đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hổng sụt toang đê cũ. Thôi-Tụ phải quì mà xin lỗi, Hoàng-Phúc

tự trói để ra hàng. Lạng-Giang, Lạng-Sơn thây chất đầy đường, Xương Giang, Bình than máu trôi đỏ nước. Gớm ghê thay ! sắc phong vân cũng đổi, thảm đạm thay ! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-Nam nghển ở Lê-Hoa, sợ mà mất mật, quân Mộc-Thạnh tan chưng Thăng-trạm chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh-câu nước Sông rền-rĩ, thành xương Đan-Xá, cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cắm đầu trốn chạy, các thành cùng khấu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội, thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã-Kỳ, Phương-Chính, cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực. Vương-Thông, Mã-Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa về đến Tầu còn đổ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa. ngỏ lòng thú phục, ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Thế mới là mưu kế thật khôn, và lại suốt xưa nay chưa có. Giang-sơn từ đây mở mặt, xã-tắc từ đây vững nền. Nhật-nguyệt hối mà lại minh, càn-khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chắn chắn, thẹn nghìn thu rửa sạch làu làu. Thế là nhờ trời đất tổ tôn khôn thiêng che chở giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi !

Vẫy vùng một mảnh nhung y, nên công đại định, phẳng lặng bốn bề thái vũ, mở hội vĩnh-thanh. Bá cáo xa gần, ngỏ cùng nghe biết.

Sự xung đột cuối cùng giữa Việt-Nam và Trung-Hoa

(Trên đường tranh đấu chống ngoại xâm, người anh hùng áo vải đất Qui-Nhơn đã nối gót người anh hùng áo vải đất Lam-Sơn).

Từ năm 1428 đến năm 1527, nhà Lê trong một thế-kỷ truyền ngôi vua được 9 đời và trị vì yên ổn. Đến đời vua Lê-Chiêu-Tôn, Mạc-Đăng-Dung nhân dịp trong nước loạn lạc, chiếm ngôi và lập ra nhà Mạc. Tuy nhà Lê mất ngôi, lòng người vẫn còn tưởng nhớ đến công đức của vua Thái-Tổ và Thánh-Tôn, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê Trung-Hưng để chống với nhà Mạc. Ấy là thời Nam triều (nhà Lê Trung Hưng) và Bắc triều (nhà Mạc) hai bên đánh nhau trong sáu mươi nhăm năm (1527-1592).

Nhà Lê được Trịnh giúp, đánh đuổi được nhà Mạc, nhưng tuy cùng lấy danh nghĩa giúp Lê mà hai họ Nguyễn, Trịnh đều muốn gây thế lực và địa-vị riêng nên sinh ra hiềm khích nhau. Chúa Trịnh ở sát nách vua Lê ngoài Bắc, Chúa Nguyễn rút vào phía Nam, hùng cứ một phương. Hai chúa Nguyễn, Trịnh đánh nhau trong khoảng 45 năm giời từ 1627 đến 1672, tất cả bảy bận, không phân thắng bại. Tuy một mặt phải chống giữ chúa Trịnh ở mạn Bắc mà chúa Nguyễn vẫn mở mang được bờ cõi, lấy đất Chiêm-Thành từ sông Phan-lang

trở ra gọi là Thái-Ninh-Phủ, sau đổi là phủ Diên-Khánh (tức Khánh-Hòa bây giờ) sau lại sát nhập đất Phan-Ry (Phan-Ri) Phan-Lang (Phan-Rang) làm huyện Yên-Phúc và huyện Hòa-Đa. Các Chúa Nguyễn lại lấy đất của nước Chàn-Lạp, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long, sử Sài-Côn làm huyện Tân-Bình, đặt ra Trấn-Biên-Đình (tức là Biên-Hòa) và Phiên trấn đình (tức là Gia-Định) lại lấy Hà-tiên và phong cho người Tầu Mạc-Cửu làm tổng binh trấn giữ đất ấy vì đã có công khai thác trước tiên.

Vì có Trương-Phúc-Loan chuyên quyền, làm nhiều điều tàn ác, nên trong nước ai cũng oán giận chúa Nguyễn. Đến năm 1771, Nguyễn-Nhạc nổi lên ở đất Tây-Sơn dùng mẹo chiếm thành Quy Nhơn và lấy được một giải đất từ Quảng-Ngãi đến Bình-Thuận.

Năm 1775, Chúa Trịnh sai Hoàng-Ngũ-Phúc vào lấy thành Phú-Xuân, và đất Quảng-Nam. Chúa Nguyễn phải chạy vào Gia-Định. Chúa Trịnh muốn dùng Nguyễn Nhạc, phong cho Nhạc làm Trấn-Thủ Quảng-Nam. Anh em Nguyễn Nhạc đánh lấy được đất Gia-Định và đặt Tổng-Đốc Chu ở lại trấn thủ.

Đến năm 1778, Nguyễn-Nhạc xưng đế ở Quy-Nhơn. Tướng của chúa Nguyễn đánh được Tổng-Đốc Chu, khôi phục lại được Gia-Định và mời Chúa Nguyễn-Phúc-Ánh về.

Năm 1780, ông Nguyễn-Phúc-Ánh xưng Vương nhưng đến năm 1782, vua Tây-Sơn là ông Nguyễn-Nhạc và Nguyễn-Huệ đem hơn 100 chiếc thuyền vào cửa Cần-giờ đánh, Nguyễn-vương thua to phải chạy ra đảo Phú-Quốc.

Ở ngoài Bắc, họ Trịnh gặp phải loạn kiêu binh trong nước quân lính ỷ thế bóc lột dân chúng không nơi nào là yên ổn cả.

Vua Tày-Sơn thừa thế mang binh ra lấy đất Thuận-Hoá (1786) rồi tiến ra Bắc-Hà đánh chúa Trịnh thua chạy phải tự vẫn. Quân Tây-Sơn vào thành Thăng-Long yết kiến vua Lê.

Họ Trịnh giúp nhà Lê Trung-Hưng lên, rồi giữ quyền chính, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền từ Trịnh-Tùng đến Trịnh-Khải được 210 năm (1576-1786) đến đây là hết.

Vua Tây-Sơn, không có ý cướp ngôi nhà Lê, nên trả lại Bắc-Hà cho vua Lê-Chiêu-Thống mà rút quân về Nam. Bấy giờ vua nhà Lê không bị chúa Trịnh kiềm chế nữa, được cơ hội ít có để lập lại nền tự chủ của nhà Lê, nhưng tiếc vì vua Chiêu-Thống không có tài quyết đoán, nên việc nhớn không thành. Vì họ nhà Trịnh lại hoạt động nên Vua Lê phải phong vương cho Trịnh-Bồng và một mặt nhờ tướng nhà Tây-Sơn là Nguyễn-hữu-Chỉnh ra giúp để đàn áp Trịnh-Bồng. Chỉnh đánh đuổi Trịnh-Bồng và được vua Lê phong tước, cậy công làm nhiều điều trái phép.

Nguyễn-Huệ thấy Chỉnh chuyên quyền ở ngoài Bắc sai Vũ-văn-Nhâm mang quân ra bắt (1787) Nguyễn-hữu-Chỉnh thua trận, bị Nhậm giết. Vua Lê-Chiêu-Thống cũng chạy trốn và lên đất Lạng-Giang ẩn náu. Đời nhà Lê, từ vua Thái-Tổ khởi nghĩa (1428) đánh đuổi quân nhà Minh về Tầu, lập nền tự chủ, truyền đến vua Chiêu-Tôn thì bị họ Mạc cướp mất ngôi. Sau nhờ có họ Nguyễn

và họ Trịnh giúp đỡ nhà Hậu-Lê lại trung-hưng lên truyền đến vua Chiêu Thống thì hết (1788).

Tuy Vũ-văn-Nhậm đánh giết được Nguyễn-hữu-Chỉnh nhưng vẫn bị Bắc-Bình-Vương nghi ngờ. Nhậm lấy được Thăng-long rồi, có ý cậy tài và ra bộ kiêu ngạo. Bắc-Bình-Vương Nguyễn-Huệ ngày đêm đi gấp ra Thăng-Long giết được Nhậm, sau chỉnh đốn mọi việc, để Ngô-văn-Sở ở lại giữ Bắc-Hà và lại trở vào Nam.

Một chiến công rực rỡ của Hoàng - Đế Quang - Trung

Vua Lê-Chiêu-Thống khi ra nương náu ở Lạng-Giang, có ý muốn khôi phục lại nghiệp cũ. Bà Hoàng-Thái-Hậu đem Hoàng-Tử sang Long-Châu kêu van với quan Tầu, xin binh cứu viện. Tổng-Đốc hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây bên Tầu là Tôn-sĩ-Nghị tâu vua Càn-Long xin cho binh sang giúp vua Lê, và chủ ý là xâm chiếm nước Nam.

LỰC LƯỢNG QUÂN NHÀ THANH

Vua Càn-Long nghe lời, sai Tôn-Sĩ-Nghị làm chủ tướng sang đánh Tây-Sơn. Quân lính của 4 tỉnh Vân-Nam, Quý-Châu, Quảng-Tây, Quảng-Đông đều được huy động ráo riết. Tôn-sĩ-Nghị chia quân làm 3 đạo :

Đạo thứ nhất, do tổng binh tỉnh Vân-Nam và Quý-Châu thống xuất xâm nhập vào mạn Tuyên-Quang (tức là Hà-Giang, Lào-Kay, Yên-Bái bây giờ).

Đạo thứ nhì, do Sầm-nghi-Đống tri phủ Điền-Châu thống lĩnh tỉnh Cao-Bằng tiến về Thăng-

Long còn đạo thứ ba là đạo quân chính quy lấy ở Quảng-Đông, Quảng-Tây do Sĩ-Nghị và đề-đốc Hứa-thế-Hanh chỉ huy do cửa ải Lạng-Sơn mà đột nhập vào nước ta.

Quân Tầu đông đúc vì mỗi tỉnh bên Tầu đã có một số lính bằng số lính của cả nước ta, tính họ lại hung ác, đi đến đâu hại đấy, dân sự thật là khổ sở.

Tướng Tây-Sơn là Ngô-văn-Sở ở Thăng-Long, nghe tin, thế giặc mạnh và đông quá, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ từ núi Tam-Điệp (Giữa Ninh-Bình và Thanh-Hóa) ra đến bờ bể, rồi sai người về Phú-Xuân cáo cấp.

Tôn-sĩ-Nghị kéo quân đến Kinh-Bắc (Bắc-Ninh) Vua Chiêu-Thống ra chào mừng rồi theo quân Tầu về Thăng-Long. Sĩ-Nghị đóng đồn ở giữa bãi về phía Nam Sông Nhị-Hà, bắc cầu phao ở giữa sông để tiện đi lại và chia quân ra đóng giữ các mặt.

LỰC LƯỢNG QUÂN TÂY-SƠN

Bắc-Bình-Vương được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng-Long lập tức hội các tướng sĩ để đem binh ra đánh ; các tướng đều xin Ngài hãy chính thức lên ngôi, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh. Bắc-Bình-Vương lên ngôi Hoàng-Đế (1788) rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ-An nghỉ lại 10 ngày để kén thêm binh, cả thẩy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi.

Đến Tam-Điệp bọn Ngô-Văn-Sở, Ngô Thời-Nhiệm ra tạ tội.

Vua Quang-Trung không trách mắng gì mà còn nói rằng: « Chúng nó sang phen này chỉ mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân, đánh giữ đã định mẹo rồi, đuổi quân Tầu chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ nó là nước gấp 10 nước ta, sau khi nó thua một trận rồi, tất nó lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không thôi, dân ta hại nhiều ta không đành lòng được. Vậy đánh xong trận này ta phải nhờ Thời-Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến-tranh. Đợi mười năm nữa nước ta đủ sức phú cường rồi, ta không cần phải sợ nó nữa ».

Vua Quang-Trung truyền cho tướng sĩ ăn tết Nguyên-đán trước, để đến hôm trừ-tịch thì cất quân đi, định ngày mùng 7 tháng Giêng thì lấy lại thành Thăng-Long và mở tiệc ăn mừng ở đó. Ngài chia quân làm bốn đội lớn và phân phát công việc như sau :

— Đại Tư-Mã-Sở, Nội-Hầu-Lân đem tiền quân làm tiên phong.

— Hám-Hổ-Hầu đem hậu quân làm đốc chiến.

— Đại Đô-Đốc Lộc, Đô-Đốc Tuyết đem hữu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục-Đầu, Đô-Đốc Tuyết trông mặt Hải-Dương, tiếp ứng đường mé đông ; Đại Đô-Đốc Lộc kéo về vùng Lạng-Giang, Phượng-Nhỡn, Yên-Thế để chắn đường quân Tầu chạy về.

— Đại Đô-Đốc Bảo, Đô-Đốc Mưu đem tả quân cùng quân tướng mà đi đường núi ra đánh phía tây.

Đô Đốc Xuyên ra huyện Chương-Đức (nay là Chương-Mỹ) tiến đường kéo thẳng đến làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì đánh quân của Sầm-Nghi-Đống.

— Đại Đô-Đốc Bảo thống xuất quân tướng mà theo đường huyện Sơn-Lãng ra làng Đại-Áng thuộc huyện Thanh-Trì tiếp ứng cho mặt tả.

So sánh tinh thần quân Tây-Sơn và quân nhà Thanh

Quân Tây-Sơn tuy ít hơn nhưng là những quân tinh nhuệ, đã từng dự chiến luôn trong bảy tám năm giời, có kinh nghiệm, có trật tự và nhất là nức lòng giết giặc để cứu nước. Chủ tướng lại là một vị anh hùng cái-thế, có mưu trí, quyền, biến, mẹo mực như thần. Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ tuy là nhà võ xuất thân, sức khỏe phi thường nhưng không phải là hữu dũng vô mưu. Ngài là nhà tướng siêng năng, cần mẫn, săn sóc đến quân lính, năng cho luyện tập tuy rằng trong gần 10 năm trời chiến trận luôn mà những bữa nghỉ cũng vẫn bắt quân lính luyện tập cho khỏi quên. Ngài lại hay dùng chiến thuật chớp nhoáng, tập trung sức mạnh để tấn công địch nhiều hơn mà vẫn lâm vào thế cô. Có tài làm cho quân sĩ tín vào chủ tướng và sự thắng trận, vận chuyển binh mã rất nhanh chóng. Nếu thấy thế yếu thì rút lui ngay không ham chiến.

Đối với một quân đội của Tây-Sơn có kỷ luật nghiêm ngặt, có huấn luyện lâu năm, có tinh thần yêu nước, quân nhà Thanh lại chỉ là một

đội quân tuy nhiều người hơn nhưng hỗn hợp, người tỉnh nọ với người tỉnh kia coi nhau hầu như ngoại quốc, không có huấn luyện, không có tinh thần chiến đấu vì chỉ định sang nước khác ăn cướp, và không có tướng chỉ huy duy nhất.

Trận thế. — Quân của vua Quang-Trung đến hôm 30 Tết khua trống kéo ra ngoài Bắc. Khi quân tiến đến Huyện Phú-Xuyên thì bắt sống hết được toán quân Tầu đóng ở đấy, không một người nào thoát được, vì thế cho nên không có tin báo về, nhưng quân Tầu đóng ở làng Hạ-Hồi và làng Ngọc-Hồi không biết gì cả. Nửa đêm ngày mùng 5 tháng Giêng năm Kỷ-Dậu (1789) quân vua Quang-Trung đến làng Hạ-Hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi các quân dạ rầm lên, tưởng như có hàng muôn người. Quân canh đồn hốt hoảng, đều xin hàng, bởi thế quân Nam lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới.

Sáng mờ mờ ngày mồng năm quân Tây-Sơn tiến đến làng Ngọc-Hồi, quân Thanh bắn ra như mưa. Vua Quang-Trung bèn dùng mẹo để tránh tên nỏ, Ngài sai quân ghép ba mảnh ván làm một, ngoài buộc rơm, rắt dao nhọn tiến đến đồn giặc. Theo sau có 20 người cầm khí giới. Nhà vua cưỡi voi đi sau đốc chiến, quân Tây-Sơn đi vào gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh, Quân Thanh địch không nổi, xôn xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, chiếm được hết các đồn và giết quân nhà Thanh, thây nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chẩy như tháo nước.

Tướng nhà Thanh là Đề-Đốc Hứa-Thế-Hanh, tiên phong Trương-Sĩ-Long, tả-dực Thượng-duy Thăng đều tử trận cả.

Cánh quân tiến đánh gần Thăng-Long ở Đống-Đa (Thái-Hà-Ấp bây giờ) cũng toàn thắng, quân nhà Thanh bị giết vô kể, thây chất thành đống. Tướng Thanh chống giữ nơi ấy là Sầm-Nghi-Đống phải thắt cổ tự tử.

Tôn-sĩ-Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắng yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông sang Kinh-Bắc (Bắc-Ninh). Các trại ở đại bản doanh quân nhà Thanh nghe tin ấy, xôn xao tán loạn, tranh nhau chạy trốn sang cầu. Vì nhiều người sô nhau cầu đổ, quân lính xa xuống sông chết đuối rất nhiều.

Đạo quân Vân-Nam và Quý-Châu đóng ở miền Sơn-Tây (Sơn-Tây bây giờ gồm cả Phú-Thọ và Vĩnh-Yên) nghe tin Tôn-sĩ-Nghị đã thua cũng rút quân chạy về.

Ngày hôm ấy, vua Quang-Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng-Long sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam-Quan.

Thế là một cuộc chiến tranh vô cùng lớn lao đã kết liễu và chính sách ngoại xâm của Thanh-Triều hoàn toàn thất bại.

Nguyễn-Vương thống nhất nước Nam

Nhà Tây-Sơn tuy ngắn ngủi (1788-1792) nhưng đã lập được một chiến-công vô cùng rực rỡ đáng kể vào bậc nhất từ khi Việt-Nam có lịch-sử.

Sau này anh em trong nhà nghi kỵ nhau mà tiêu ma nghiệp lớn. Nguyễn-Vương được dịp may gặp Giám-Mục Bá-Đa-Lộc và vì có Giám-Mục, Nguyễn-Vương được nước Pháp viện trợ quân sự và bình định được Trung-Nam-Bắc-Kỳ, lập thành nước Việt-Nam thống nhất từ Ải Nam-Quan vào tới Mũi Cà-Mâu.

ÔNG Nguyễn-Phúc-Ánh vẫn nương náu ở Tiêm-La đến năm 1787 về lấy được Gia-định, và sau ba lần đánh mới lấy được Quy-Nhơn (1799) và đến năm 1801 thì thu phục được thành Phú-Xuân, và lên ngôi vua ở đấy (1802) đặt niên hiệu là Gia-Long nguyên-niên. Bắc Hà cũng trong năm ấy bị quân Nam ra lấy. Vua Tây-Sơn bị bắt rồi bị giết.

Vua Gia-Long khởi binh chống nhau với Tây-Sơn ở đất Gia-Định từ năm 1778, kể vừa 24 năm mới dứt được Tây-Sơn, thu phục được giang sơn cũ của nhà Lê khi xưa, và họp cả Nam Bắc lại làm một mối. Ngài xưng đế hiệu là Thế-Tổ, đặt quốc hiệu là Việt-Nam, đóng kinh đô ở Phú-Xuân (Huế bây giờ).

Vua Thế-Tổ sửa sang lại việc cai trị trong nước, việc tài chính, định lại thuế má, pháp luật,

Vua Thế-Tổ mất năm 1819 và truyền ngôi cho Thánh-Tổ, niên hiệu Minh-Mệnh. Vua Thánh-Tổ là một ông vua có tư chất thông minh, hiếu học và chăm công việc, việc gì ngài cũng xem xét đến, châu-phê vào sớ tâu rồi mới cho thi-hành. Về việc cai trị trong triều ngài lập ra Nội-Các, Cơ-mật-viện, Tôn-Nhân-Phủ, lập các phẩm cấp quan chế, sửa sang việc học, mở trường quốc tử giám, định lệ thi cử. Vua Thánh-Tôn mất năm 1840 và truyền ngôi cho Hiến-Tổ niên hiệu Thiệu-Trị. Trong đời vua Thiệu-Trị mọi việc đều theo lề lối của triều trước không có sự thay đổi gì. Năm 1847, vua Thiệu-Trị mất và Dực-Tôn lên kế vị niên hiệu Tự-Đức.

Đời vua Tự-Đức là đời vua dài nhất (1847-1883) trong những vị vua kế vị chính tông của vua Gia-Long và cũng là thời nước Pháp ở cách xa nước ta hàng muôn dặm đến xâm chiếm nước Việt-Nam, làm mất quyền tự chủ do vua Lê-Thái-Tổ lập nên từ năm 1428 và kéo dài được hơn 430 năm.

Cuộc Nam Tiến của Việt-Nam

NHỮNG nhà kê-cứu Pháp xét gốc tích Việt-Nam thì cho rằng người Việt-Nam và người Thái ở các miền núi Tây-Tạng theo sông Hoàng-Hà mà tiến về phía Nam lập thành nước Việt-Nạm bây giờ. Còn người Thái thì theo dọc sông Mékông cùng tiến như người Việt về phía Nam mà lập thành nước Tiêm-La (Xiam) ngày nay. Đến đời nhà Triệu, sử gia chép rằng Triệu-Vũ-Vương đóng đô ở Phiên-Ngung gần thành Quảng-Châu bây giờ và người Bách-Việt (Việt-Nam) theo sử Tầu khi còn là nước Âu-Lạc thì sinh sống ở Nam-Hải (Quảng-Đông) Quế-Lâm (Quảng - Tây) và Tượng - Quận (Bắc - kỳ). Cho nên sau này vua Quang-Trung nhà Tây-Sơn khi lực lượng hùng hậu đã có mộng chiếm lại Lưỡng Quảng (Quảng-Đông và Quảng-Tây) lấy cớ rằng hai nơi này là lĩnh thổ cũ của nước Việt-Nam. Ngài đã đem quân đi đánh hai tỉnh này nhưng công việc không thành không phải thất bại về chiến sự với người Trung-Hoa (ngài đi đến đâu thắng trận đến đấy) nhưng lại bỏ dở công việc để rút về vì những cuộc chính biến xẩy ra trong nước.

Tóm lại có thể nói rằng nguồn gốc của người Việt-Nam là ở loanh quanh mấy tỉnh miền Nam nước Tầu bây giờ cho đến ngày nay Quốc-gia Việt-Nam được kể từ ải Nam-Quan đến mũi Cà-Mâu.

Chúng tôi xin kể các lịch trình tiến triển về đất đai sau đây của Việt-Nam qua các triều đại cho tới bây giờ để người xem nhận định lực lượng sinh tồn của người Việt, mặc dầu trải bao nhiêu cuộc phế hưng.

Việc mở mang bờ cõi dĩ nhiên bắt đầu ngay từ các triều đại xa lắc xa lơ, nhưng đáng kể nhất từ nhà Lý.

Vua Lý-Thánh-Tông
(1074-1072)

Bấy giờ nước Chiêm-Thành thường hay sang quấy nhiễu ; ngài ngự giá đi đánh (1069). Đánh lần đầu không thành công, khi trở về thấy bà Nguyên Phi trông nom việc nước được chu đáo, Ngài lấy làm nghĩ, liền trở lại Chiêm-Thành đánh bắt được vua Chiêm là Chế-Củ.

Chế-Củ xin dâng đất 3 châu để chuộc tội là châu Địa-Lý, châu Ma-Linh và châu Bố-chính. Thánh-Tôn lấy ba châu ấy và cho Chế-Củ về nước.

Những châu ấy nay thuộc vào địa hạt Quảng-Bình va Quảng-Trị.

Dưới thời Lý-Nhân-Tôn
(1072-1127)

Nước Chiêm-Thành thỉnh thoảng cứ hay sang quấy nhiễu. Năm 1075 trước khi đi đánh Tống, Lý-Thường-Kiệt sang đánh Chiêm-Thành.

Năm Quí-Mùi (1103) ở Điền-Châu (Nghệ-An) có Lý-Giác làm phản. Lý-Thường-Kiệt vào đánh, Lý-

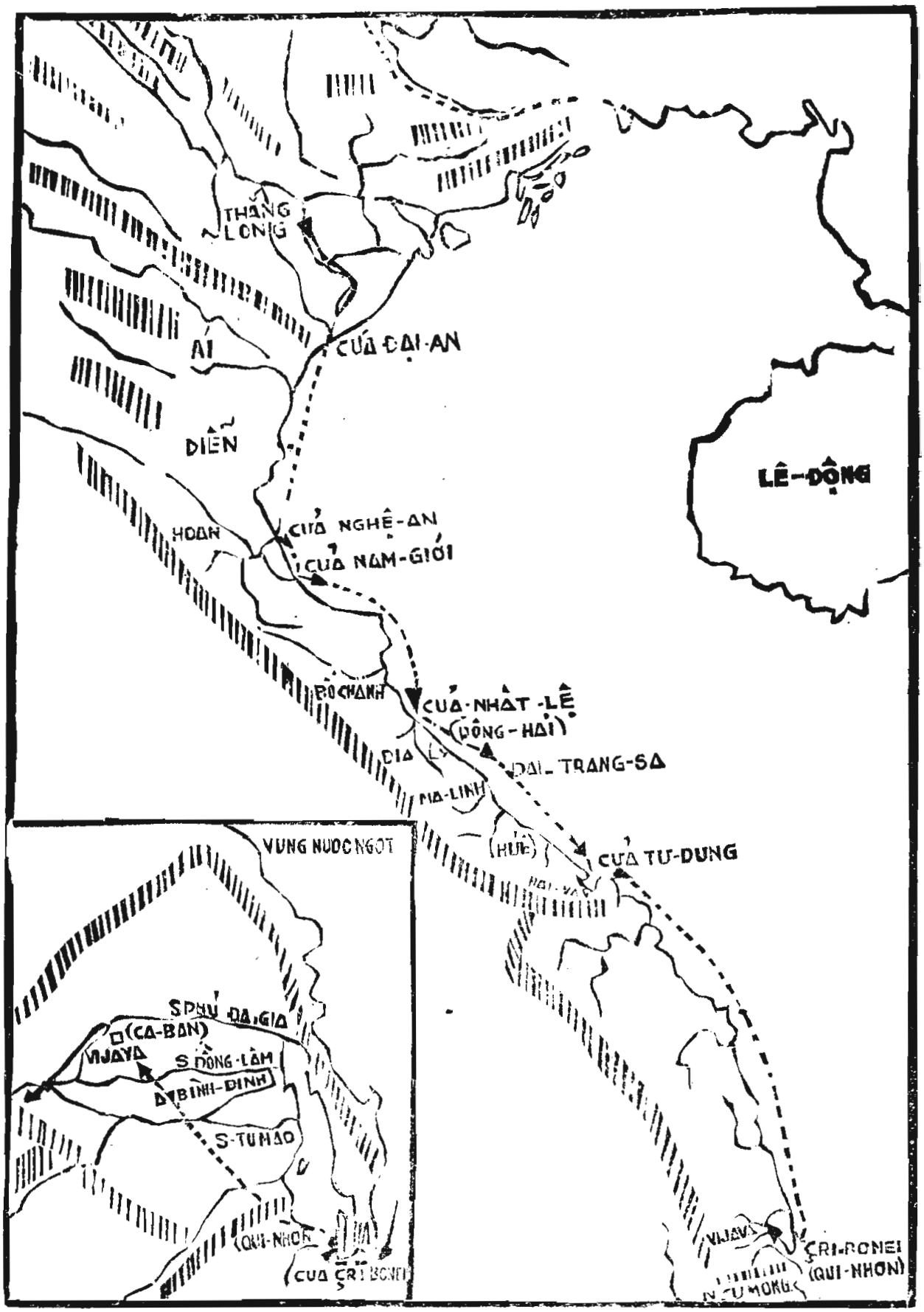

LÝ-THÁNH-TÔNG ĐÁNH CHIÊM-THÀNH

- - - (Những chặng đường phải qua để đến đất Chiêm)

Giác thua chạy sang Chiêm-Thành dụ quốc vương là Chế-Ma-Na sang đánh lấy lại 3 châu Ma-Linh, Bố-Chính, Địa-Lý. Sang năm sau là năm Giáp-Thân (1104) vua Nhân-Tôn sai Lý-thường-Kiệt vào đánh Chiêm-Thành. Chế Ma-Na thua chạy xin trả lại ba châu như cũ.

Dưới triều vua Anh-Tôn nhà Trần

Thái-Thượng-Hoàng là vua Nhân-Tôn sang chơi nước Chiêm-Thành (1301) có ước gả Huyền-Trân công-chúa cho vua Chiêm là Chế-Mân. Được ít lâu, Chế-Mân cho người đưa vàng bạc và các sản vật sang cống và xin cưới. Triều-đình có nhiều người không thuận. Chế-Mân xin dâng châu Ô và châu Ri để làm lễ cưới, bấy giờ Anh-Tôn mới quyết ý thuận gả. Đến tháng 6 năm Bính Ngọ (1306) Ngài cho công-chúa về Chiêm-Thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh-Tôn thu nhận hai châu Ô và Ri đổi tên là Thuận-Châu và Hóa-Châu (bây giờ là tỉnh Thừa Thiên) rồi sai quan là Đoàn-Nhữ-Hài vào kinh lý và đặt quan cai trị.

Dưới thời nhà Hồ

Năm Nhâm-Ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ-Mãn đem quân sang đánh Chiêm-Thành. Vua nước ấy là Bà-Địch-Lại sai cậu là Bồ-Điền sang dâng đất Chiêm-Động (phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam) để xin bãi binh, Quý Ly lại bắt phải dùng đất Cổ-Luỹ (Quảng-Ngãi) rồi phân đất ra làm châu Thăng, châu Hóa, châu Tu, châu Nghĩa và đặt quan Án-Phủ Sứ để cai trị các châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các bộ khác đem vợ

con vào ở, để khai khẩn đất những châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất Chiêm đóng và Cổ-Lũy người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả.

Năm Quí-Mùi, (1403) nhà Hồ lại muốn lấy những đất Bat-đat-Gia, Hạc-Bạch và Sa-li-Nha về phía Nam những đất đã nhường năm trước, bèn sai Phạm-Nguyên-Khôi và Đỗ-Mân đem thủy bộ cả thảy 20 vạn quân sang đánh Chiêm-Thành. Quân nhà Hồ vào vây thành Đồ-Bàn hơn một tháng trời, đánh không đổ, lương thực hết cả, phải rút lui về. Lần này hao binh tổn tướng mà không được ích lợi gì.

Dưới Triều Lê, vua Lê Thánh-Tôn đánh Chiêm-Thành lấy đất Bình-Định

Năm Canh-thìn (1470) là năm Hồng-Đức nguyên niên, vua nước Chiêm-Thành là Trà-Toàn muốn sinh sự với nước Nam. Một mặt thì cho người sang cầu viện bên nhà Minh, một mặt thì đem quân sang đánh phá ở đất Hóa-Châu.

Vua Thánh-Tôn cho sứ sang Tầu kể truyện Trà-Toàn làm nhiễu, rồi ngài tự làm tướng, cử đại binh hơn 20 vạn sang đánh Chiêm-Thành. Khi quân vào đến Thuận-Hóa, Thánh-Tôn đóng quân lại để luyện tập và sai người lẻn sang vẽ địa-đồ nước Chiêm để biết rõ chỗ hiểm yếu, rồi mới tiến binh vào đánh cửa Thi-Nại (Bình-Định).

Trà-Toàn thua trận rút quân về giữ kinh thành Đồ-Bàn. Quân nhà Lê kéo đến vây đánh phá được thành, bắt được Trà-Toàn.

Bấy giờ có tướng Chiêm-Thành là Bộ-Tri-Tứ chạy về đất Phan-Lung, sai sứ vào cống và xin

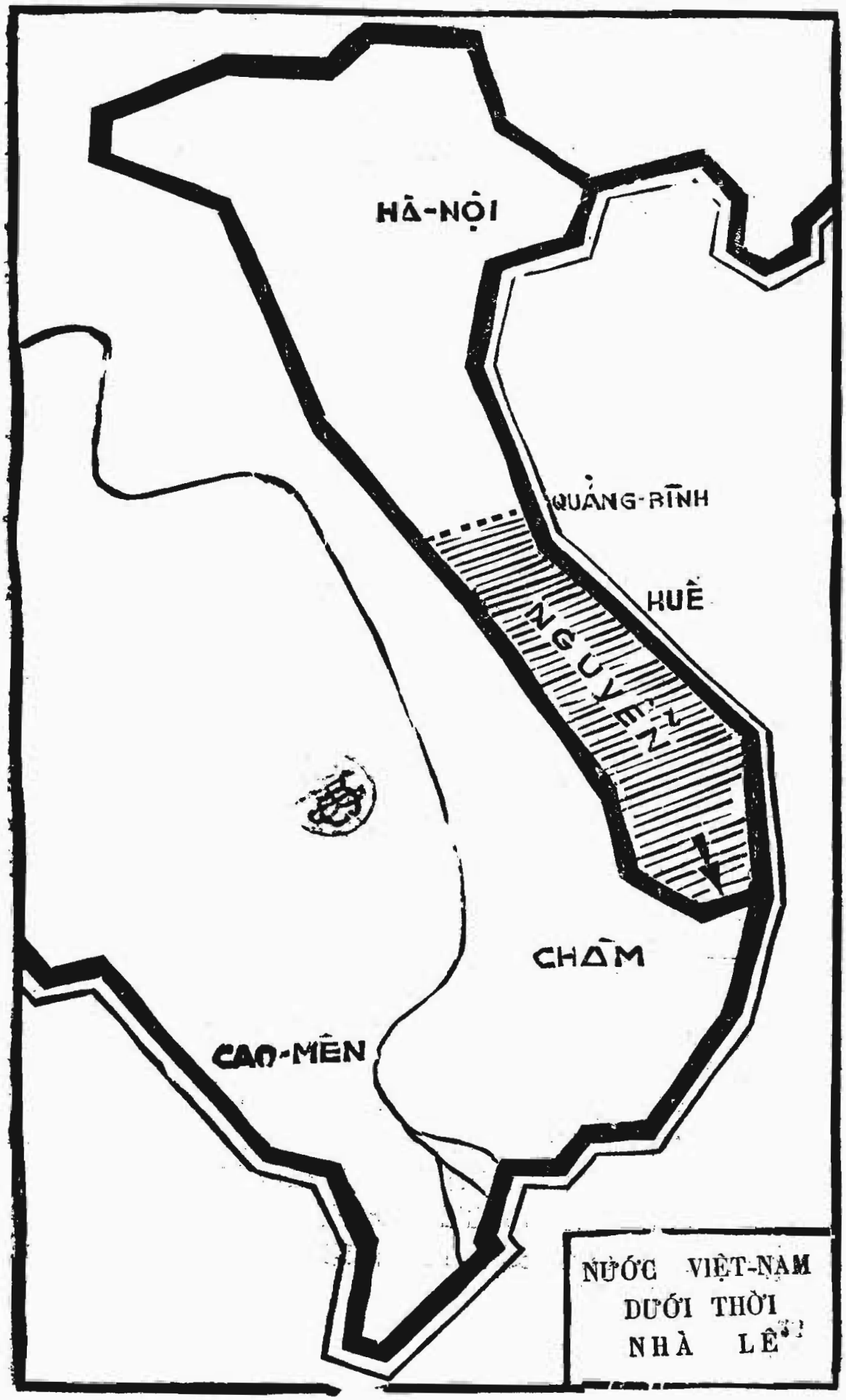

NƯỚC VIỆT-NAM DƯỚI THỜI NHÀ LÊ

xưng thần. Thánh-Tôn có ý muốn làm cho nước Chiêm yếu thế đi, mới chia đất ra làm 3 nước, phong làm 3 vua, một nước gọi là Chiêm-Thành, một nước gọi là Hóa-Anh, và một nước nữa là Nam-Phan.

Còn đất Đồ-Bàn, đất Đại-Chiêm và đất Cổ lũy thì vua Thánh-Tôn lấy để lập thêm đạo Quảng-Nam, có ba phủ huyện, rồi đặt quan cai trị

Chúa Nguyễn mở mang bờ cõi xứ Nam

— Năm Tân - hợi (1611) Nguyễn-Hoàng vào đánh nước Chiêm-Thành lấy đất lập ra phủ Phú-Yên, chia ra làm hai huyện là Đồng-Xuân và Tuyên-Hoá.

— Đến năm Quí-tị (1653) vua nước Chiêm-Thành là Bà-Bật sang quấy nhiễu ở đất Phú-Yên, chúa Hiền là Nguyễn-Phúc-Tần mới sai quan cai cơ là ngươi Hàng-Lộc sang đánh. Bà-Bật phải dưng thơ xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan-Lang trở vào cho vua Chiêm còn từ sông Phan-Lang trở ra lấy làm Thái-Ninh-Phủ, sau đổi làm phủ Diên-Khánh (tức là Khánh-Hoà bây giờ) đặt dinh Thái-Khang để Hùng-Lộc làm thái thú.

— Năm qúi-dậu (1693) vua nước Chiêm-Thành là Bà-Tranh bỏ không tiến cống chúa Nguyễn là Nguyễn - Phúc - Chu sai quan tổng binh là Nguyễn-hữu-Kính đem binh đi đánh bắt được Bà-Tranh và bọn thần tử là Tả-Trà-Viên, Kế-Bà-Tử cùng thân thuộc là Bà-Ân đem về Phú-Xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm-Thành làm Thuận-Phủ, cho Tả-Trà-Viên, Kế-Bà-Tử làm chức Khâm-Lý và ba người con của Bà-Ân làm đề đốc giữ Thuận-Phủ,

lại bắt phải đổi y phục theo như người Nam để phủ dụ dân Chiêm-Thành. Qua năm sau lại đổi Thuận-Phủ ra làm Thuận-Thành-Trấn cho Kế-Bà-Tử làm Tả Đô-Đốc.

— Năm Đinh-Sửu (1697) chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-Thuận lấy đất Phan-Lý (Phan-Ri) Phan-Lang (Phan-Rang) làm huyện Yên-Phúc và Huyện-Hòa-Đa. Tự đó nước Chiêm-Thành mất hẳn.

Chúa Nguyễn giao thiệp với nước Chân-Lạp và việc mở đất ở phía Nam

Người Việt vào nước Chân-Lạp khai khẩn làm ruộng ở Mô Xoài (Bà-rịa) và ở Đồng-Nai (tức là Biên Hòa bây giờ).

Năm Kỷ-Vị (1697) có quan nhà Minh là tổng binh trấn thủ đất Long-Môn (Quảng-Tây) Dương-ngạn-Địch và các tướng tá khác không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50 chiếc thuyền xin ở làm dân nước Nam, Chúa Hiền nhân muốn khai thác đất Chân-Lạp bèn cho vào ở đất Đông-phố (tức là Gia-Định bây giờ). Bọn này chia nhau ở đất Lộc-dã (tức Đồng-Nai thuộc Biên-Hòa) ở Mỹ-Tho (thuộc Định-Tường) ở Ban-Lân (thuộc Biên Hoà) rồi cầy ruộng làm nhà lập ra phường phố, có người phương tây, người Nhật-Bản, người Chà và đến buôn bán đông lắm.

Năm Mậu-dần (1698) chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Chu sai ông Nguyễn-hữu-Kinh làm Kinh-lược đất Chân-Lạp, chia đất Đông-Phố ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đồng-Nai làm huyện Phúc-Long và xứ Sài-Côn làm huyện Tân-Bình.

Đặt Trấn-biên-Dinh (tức Biên-Hòa) và Phiên-trấn-Dinh (tức là Gia-Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng-Bình trở vào để lập ra thôn xã và khẩn ruộng đất. Còn những người Tầu ở đất Trấn-Biên (Biên-Hòa) thì lập thành xã Thanh-Hà, những người ở đất Phiên-Trấn (Gia-Định) thì lập làm xã Minh-Hương. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta.

Lại có một người khách Quảng-Đông tên là Mạc-Cửu trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tầu bỏ sang ở Chân-Lạp, thấy ở phủ Sài-mạt có nhiều người các nước đến buôn bán, bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu-dân lập ra 7 xã, gọi là Hà-Tiên. Năm Mậu-tí (1708) Mạc-Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn, chúa phong cho làm chức tổng binh, giữ đất Hà-Tiên.

Đến khi Mạc-Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con Mạc-Cửu là Mạc-Thiên-Tứ làm chức Đô-Đốc trấn ở Hà-Tiên. Mạc-Thiên-Tứ đắp thành xây lũy, mở chợ làm đường và rước thầy về dậy học để khai hóa đất Hà-Tiên.

Năm Tân-Hợi (1729) quân Chân-Lạp sang quấy nhiễu ở đất Gia-Định. Chúa Nguyễn bèn đặt sở Điều-khiển để thống nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Nặc-Nguyên, vua nước Chân-Lạp thường hay hà hiếp rợ Côn-man và lại thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình ý ấy, đến năm quý-dậu (1753) sai bọn ông Nguyễn-cư-Trinh sang đánh Nặc-Nguyên. Năm Ất-Hợi (1755) Nặc-Nguyên thua bỏ thành Nam-Vang chạy sang Hà-Tiên nhờ Mạc-Thiên-Tứ.

Năm sau Mạc-Thiên-Tứ dâng thư về nói rằng Nặc-Nguyên xin dâng hai phủ Tam-Bôn và Lợi-Lạp để chuộc tội và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ ông Nguyễn-cư-Trinh dâng sớ bầy tỏ cách khai thác nên dùng kế « tàm thực » tức là nên lấy dần dần như tằm ăn lá dâu thì mới chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai phủ và cho Nặc-Nguyên về Chân-Lạp.

Nặc-Nguyên mất (1759) người chú họ là Nặc-Nhuận, đương định xin chúa Nguyễn phong cho làm vua thì bị con rể là Nặc-Hinh giết đi và cướp lấy ngôi vua.

Quan tổng-xuất là Trương-phúc-Du thừa thế sang đánh, Nặc-Hinh thua chạy bị thuộc hạ giết chết. Bấy giờ con Nặc-Nhuận là Nặc-Tôn chạy sang nhờ Mạc-thiên-Tứ ở Hà-Tiên. Mạc-thiên-Tứ dâng thư xin lập Nặc-Tôn làm vua Chân-Lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Mạc-thiên-Tứ đem Nặc-Tôn về nước.

Nặc-Tôn dâng đất Tầm-Phong-Long để tạ ơn chúa Nguyễn. Chúa bèn sai ông Trương-phúc-Du và Nguyễn-cư-Trinh đem dinh Long-Hồ về xứ Tầm Bào (tỉnh lỵ Vĩnh-Long bây giờ) và lại đặt ra 3 đạo là Đông-khẩu-Đạo ở Sadec, Tân-Châu-Đạo ở Tiền-Giang và Châu-Đốc đạo ở Hậu-Giang.

Nặc-Tôn lại dâng 5 phủ là Hương-Úc, Cần-bột, Trực-Sâm, Sài-mạt và Linh-Quỳnh để tạ ơn Mạc-thiên-Tứ.

Mạc-thiên-Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về Trấn Hà-Tiên cai quản.

Vậy đất 6 tỉnh Nam-Kỳ bây giờ là đất lấy của nước Chân-Lạp.

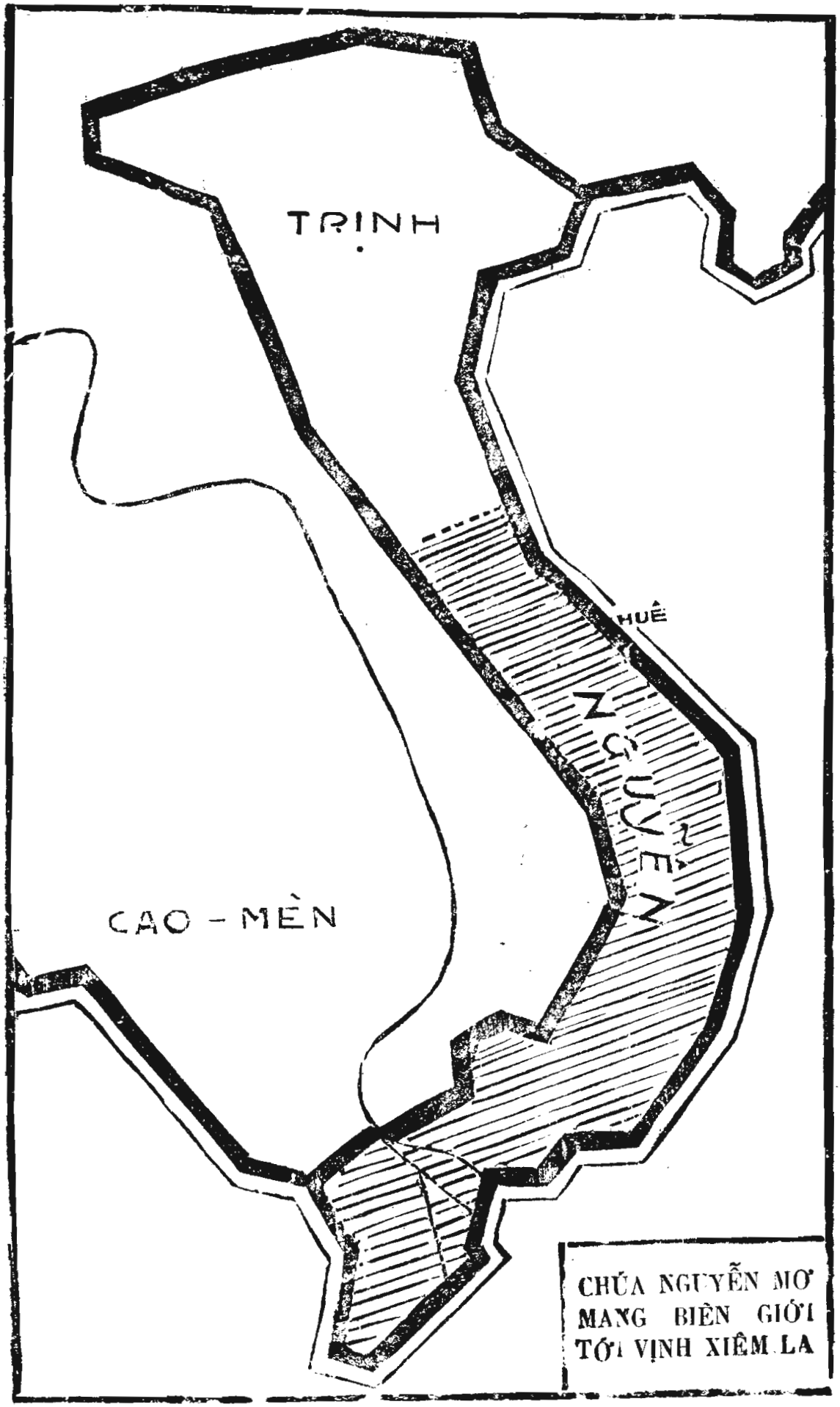
TRỊNH
HUẾ
NGUYỄN
CAO - MÈN
CHÚA NGUYỄN MỞ
MANG BIÊN GIỚI
TỚI VỊNH XIÊM LA

VIỆT-NAM CẬN ĐẠI

Cuộc đụng chạm với Tây Phương

Người Pháp bình luận tinh thần tranh đấu của Việt-Nam thế nào?

« NGƯỜI Pháp đến đây không phải là đến một nhà vô chủ. Với khí giới rất đơn sơ, dân tộc Việt-Nam chống cự lâu bền súng lớn của ta một cách oanh-liệt và đầy tinh-thần hy-sinh. Những kẻ bị ta bắt được tại trận, đem ra xử bắn hay chém, đều thản nhiên chịu chết không lộ vẻ gì nhu nhược, sợ hãi. Ta đánh chác nhọc nhằn suốt 30 năm mới tạm yên. Phải biết dân tộc Việt-Nam có nghị lực cang cường lắm lắm, mới đủ sức chi trì dai dẳng đến thế ».

Đại uý GOSSELIN

(*Trong cuốn Empire d'Annam*)

ẤY là lời Đại uý GOSSELIN trong quyển Empire d'Annam viết về thời cục Việt-Pháp, trong khoảng mấy năm hết thế-kỷ 19 đó thôi. Nếu giời còn để sống cho ông tới mãi hiện đại, để kể tiếp viết quyển « Nước-Nam » chúng ta tin chắc được đọc những lời phán đoán vô tư của ông, vạch rõ từ ngày trở nên Pháp thuộc mà đi, cho tới kết liễu Thế-giới đại-chiến vừa qua, dân tộc Việt-Nam đã liên miên không ngừng tranh đấu dành lại tự-do độc-lập; và bày tỏ cái ý chí tự cường, cái tinh thần vô-uý chung của nòi giống từ xưa nung đúc di truyền ra sao?

Tám mươi năm trở về đây

Các người ngoại quốc, mới làm quen với lịch sử Việt - Nam thường đổ cho Triều - đình nhà Nguyễn vì cấm đạo, giết giáo-sĩ ngoại quốc và giáo dân nên mới bị nước Pháp tới xâm chiếm. Điều này thật là sai lầm vì những lẽ sau đây :

a) Việc cấm giáo-sĩ Gia-Tô người Tây-Phương truyền đạo ở nước ta đã có từ đời chúa Trịnh, chúa Nguyễn mà sao lúc bấy giờ các nước Tây-Phương không mang binh lực đến đánh nước Nam?

b) Nguyên nước ta vẫn theo giáo lý của Khổng-Mạnh và Phật-Giáo, nay một đạo giáo mới nhập vào trong nước, mang sự chia rẽ trong dân gian, nên chỉ đứng về phương diện tôn giáo mà nói thì sự bành trướng của đạo Gia-Tô với tính cách lấn láp các đạo giáo khác của nó đã gây nên sự xung đột trong dân gian rồi.

c) Đạo Gia-Tô khuyên người đi đạo bỏ những giáo-lý của Nho-học, thứ giáo-lý tôn quân nên làm cho nhà vua tức giận. Các giáo sĩ cao cấp lại có nghi-vệ chẳng kém gì vua, quan càng làm cho triều-đình bực tức thêm.

Ta nên nhớ rằng đạo Gia-Tô là một đạo có tổ chức chặt chẽ, muốn bành trướng át những đạo khác đi, (xin nhắc cuộc chiến tranh giữa người đi đạo Gia-Tô Cơ-Đốc với người đi đạo Tin-Lành về thế-kỷ thứ 17 ở bên Pháp và các nước khác ở Âu-Châu), đến khi gây được thế lực vững vàng rồi thì át cả quyền cai-trị dân của các vua, chúa, (ở các nước Âu-Châu theo đạo Gia-Tô, quyền của Giáo-Hoàng rất rộng lớn và đã phải tổn xương máu bao nhiêu

người mới làm cho quyền hành chính thoát ly được áp lực của đạo Gia-Tô).

Vả lại đạo Gia-Tô trong khi muốn bành-trướng về phương diện chính trị tức là động chạm vào chủ quyền của nhà vua, một chủ quyền vẫn được coi là bất khả xâm phạm.

Các giáo-sĩ ngoại quốc, nào có phải là người truyền giáo không thôi đâu, phần đông họ là những tên lính tiên phong trong các cuộc chiếm đoạt đất đai; họ dò xét tình thế nước họ đến giảng đạo rồi báo cáo cho chính phủ họ biết để dùng vũ lực đến xâm lược.

Thí dụ như giám mục Pellerin sau khi trốn khỏi tù ở Đà-nẵng xuống tầu về Pháp đã tỏ bầy tình thế nước Việt-Nam cho hai Chính-phủ Pháp và Tây-Ban-Nha biết và yêu cầu các chính phủ đó mang quân sang chiếm nước ta.

d) Bảo rằng nước Pháp phải mang binh sang đánh nước Nam vì muốn bảo vệ cho các giáo dân và giáo sĩ Việt-Nam khỏi sự khủng bố của Triều Đình ta thì thật là một lối lý luận của kẻ khoẻ. Việc ngăn cấm giáo sĩ Việt-Nam truyền giáo, cấm dân gian không được theo đạo là việc thuộc về chủ-quyền nội bộ của Triều-đình vua ta, không can dự gì đến người ngoại quốc cả.

Vậy tuy việc cấm giáo sĩ ngoại quốc vào truyền giáo trong nước cấm dân gian theo đạo Gia-Tô và có khi xát hại giáo dân là một cử-chỉ thất sách có hại cho cuộc bang giao với nước ngoài chứ không phải là nguyên nhân chính trong sự mất còn của nền độc lập Việt-Nam.

Nguyên nhân sự thất bại của Việt-Nam

Việt-Nam lúc đó lại có cái bệnh chung các nước ở Á-Đông chỉ quen thu gọn việc nội bộ vào trong « tháp ngà » của mình, không bước chân đi đâu để nhận định các cuộc biến chuyển ngoài thế giới.

Lại thêm cái tính bảo-thủ cổ-truyền đã làm cho các vua ta từ Gia-Long đến Tự-Đức, cũng như các vua nhà Thanh bên Tầu chỉ biết có nền văn-hóa Á-Đông là tốt đẹp, chỉ biết tôn sùng giáo lý Khổng-Mạnh trên hết.

Ngay đến khi thấy sức mạnh của ngoại bang rồi mà cũng vẫn không chịu cho người xuất dương cầu học để thâu thái lấy cái hay mà xửa đổi. Tiếng súng của tầu binh Pháp nổ ở Đà-Nẵng làm đắm hết thuyền binh của ta năm 1847 đã không khiến cho ta tỉnh ngộ. Trái lại, vua ta lại càng khép chặt cửa không cho người ngoại quốc vào truyền giáo hay buôn bán, khinh rẻ và coi cái văn minh vật chất của Tây-Phương là dã-man, trái với Nho-Giáo.

Thảnh hoặc về sau mãi đến khi nước Việt-Nam đã mất một phần đất đai rồi mới có lác đác răm ba người có sáng kiến, yêu cầu nhà vua cho người đi du-học ở Thái-Tây ; nhưng bọn người sáng suốt ấy khốn thay chỉ là thiểu số nên bị triều đình bác lời đi. (Nguyễn-tường-Tộ, Bùi-Viện v.v...)

Ngược dòng lịch-sử người ta phải nhớ đến những cuộc giao tranh dòng rã ngót một thế-kỷ giữa hai dòng Chúa Trịnh và Nguyễn rồi đến cuộc chiến tranh cũng kéo dài hàng mấy mươi năm

tiếp tục giữa nhà Tây-Sơn và vua Gia-Long. Hơn một thế kỷ khói lửa mịt mùng, máu chảy thành sông, xương phơi tầy núi, nhân dân chán nản, cái sinh khí của dân tộc bị mòn mỏi quá nhiều, nhất là vào thời mấy vị thừa kế của vua Thế-Tổ kể từ Minh-Mạng đến Thiệu-Trị và Tự-Đức trong nước cũng nổi lên nhiều cuộc loạn ly nửa ngoài Bắc cũng như trong Nam (việc Lê-văn-Khôi, Nùng-trí-Cao, Cai Vàng v. v...)

Có nên nói rằng những việc đó xảy ra cũng vì võ công văn trị trong nước đã không được gửi vào những bàn tay xứng đáng ? Mà để đối đầu với cuộc xâm lăng Tây-Phương việc quân sự của Việt-Nam do chỗ kém tổ chức, thiếu chiến cụ lợi hại, lại thêm tinh thần suy nhược. Cấp chỉ huy tối cao lại ở những văn quan nghĩa là không có những tay chuyên-môn, sự thất bại ấy dĩ nhiên là phải sảy ra. Trái lại lúc đó Tây-Phương đang tiến mạnh về khoa-học, người Tây-phương lại có óc thực hành, có tài tổ-chức, nhiều sáng kiến, nay có cuộc va chạm với Tây-Phương thì Đông-Phương chống làm sao nổi. Xin nhắc thêm rằng cũng trong thời kỳ này người da trắng đặt chân lên đất Á-Châu, đi đến đâu họ cũng giữ phần chiến-thắng, từ Việt-Nam sang Trung-Hoa và Nhật-Bản. Rồi Việt-Nam đã phải ký hoà-ước 1862-1884, nhà Thanh bên Trung-Hoa cúi đầu phải hạ bút trên tờ thỏa hiệp Thiên-Tân và Nhật-Bản phải mở cửa cho các nước Tây-Phương vào sau những cuộc võ trang xùng đột.

Trong Nam-Kỳ do hoà-ước 1862,[1] triều-đình Tự-Đức đã mất hẳn Lục-tỉnh cho người Pháp, có

thể nói là mất hết miền này mà Việt-Nam đã đổ bao nhiêu xương máu mới xây dựng nên nó, và từ Trung-Bắc lưỡng kỳ người Pháp cũng đặt nổi chế độ Bảo-Hộ.

Điều này làm cho các sĩ-phu và dân chúng Việt-Nam lấy làm sỉ-nhục vô cùng cho nên tại Triều-Đình Huế vua Hàm-Nghi đã nghe hai vị Phụ-Chánh là Tôn-thất-Thuyết, Nguyễn-văn-Tường bí mật tổ-chức quân đội đánh nhau với người Pháp và đồng thời phong trào Cần-Vương cũng nổi lên khắp mọi nơi từ Nam ra Bắc.

Giai đoạn này bắt đầu mọi sự quyết liệt giữa nước Pháp với Việt-Nam. Chúng tôi xin trình bầy ra đây một cái bảng ghi chép các phong trào khởi nghĩa từ khi Nam-Kỳ bị mất cho tới ngày nay.

(Tài liệu trích ở Đặc San Cải-Tạo 80 năm tranh đấu phát hành ngày 22-1-1949 số 36-37).

Các bạn đọc sẽ hiểu rõ trong ngót một thế kỷ nay tình trạng Việt-Pháp trên giải đất này, và đồng thời sẽ hiểu rõ vì sao Việt-Pháp đã đi tới thỏa-hiệp mồng 8-3-1949 ký tại điện Elysée giữa Quốc-Trưởng Bảo-Đại đại diện cho Quốc-Gia Việt-Nam và Tổng-Thống Pháp Vincent-Auriol.

Bảng ghi từng năm của các cuộc vận động Độc-Lập của Việt-Nam từ 1861 đến mùa thu 1945

1858-1861

— Việt-Nam bắt đầu bị Pháp xâm chiếm hồi tháng 7 năm Mậu-Ngọ (1859, niên hiệu Tự-Đức thứ 11) Giữa ngày dương lịch 31 tháng 8 năm ấy, đại đội chiến thuyền và binh mã Pháp vào bắn phá cửa Đà-Nẵng (Tourane), ông Nguyễn-Tri-Phương lập đồn Liên-Tri để chống giữ.

— Tháng giêng năm sau (1859) Pháp phân binh vào đánh lấy thành Gia-Định, ấy là đất nước Việt-Nam bị mất lần đầu tiên.

— Năm sau (1860) Nguyễn-Tri-Phương đem quân vào Gia-Định, lập đồn Kỳ-Hòa (tức Chí Hòa gần Sàigon) để chống giữ quân Pháp. Đôi bên đánh nhau mấy trận đều bị tổn hại.

— Qua năm Tân-Dậu (1861), Pháp đem thêm 70 chiếc tầu, 3500 quân nhất định đánh phá đồn Kỳ-Hòa của ta. Ông Nguyễn-Tri-Phương đánh lại ráo riết trong hai ngày, sát hại trên 300 quân địch rồi mới chịu lui về Biên-Hòa.

— Quân Pháp thừa thắng, đánh luôn cả Định-Tường, Biên-Hòa rồi buộc triều đình Việt-Nam ký hòa-ước 1862, nhường đứt hai tỉnh ấy với tỉnh Gia-Định.

Lịch sử Việt-Nam vong quốc bắt đầu từ đấy. Và Lịch-sử Việt-Nam hơn 80 năm tranh đấu không ngừng, cũng khởi thủy từ đấy.

1862-1864

— Ông Phó-quân-cơ Trương-Định không chịu nhận chức Lãnh-Binh Ấn-Giang (do triều đình thăng thưởng, vì có công trạng chống giữ đồn Kỳ-Hòa) để ở lại Gia-Định, tự động khởi binh chống Pháp ở khắp vùng Chợ-Lớn, Tân-An, Gò-Công. Chiến lược du kích của ông làm cho Pháp tổn hại và khó khăn mới tổ chức nổi 3 tỉnh đã chiếm được Pháp nhờ triều-đình ra lệnh gọi ông đi tựu chức, nhưng ông kháng chiến ròng rã hai năm. Ông tử trận ở Kiến-Phước ngày 19-20 tháng tám 1864, bị bắn gẫy sương sống.

— Noi gương Trương-Định, nhóm sĩ phu quan lại Vĩnh-Long khởi binh để lấy lại tỉnh thành ấy.

1865-1866

— Hai ông Tri-Huyện Toại, và Thiên họ Dương cầm đầu dẫn binh, dấy nghĩa ở Đồng-Tháp-Mười, dùng lối du-kích đánh phá các đồn lẻ, các đoàn vận-tải và đường giao thông của quân đội Pháp.

1867

— Ngày 25 tháng 6 năm nay, Pháp chiếm nốt 3 tỉnh Vĩnh-Long, Ấn-Giang. Hà-Tiên (tỉnh Vĩnh-Long thất thủ từ 1861, sau Pháp trả lại, giờ mới lấy đứt) ông Phan-thanh-Giản uống thuốc độc chết, di chúc con cháu không làm việc gì với Pháp.

— Các ông Phan-Liêm, Phan-Tâm, Phan-Ngữ (con ông Phan-Thanh-Giản) cầm đầu dẫn binh kháng chiến ở Vĩnh-Long, Sa-đéc, Trà-Vinh, Bến-Tre Sau khi bại trận ở Nam chạy ra Bắc theo ông Nguyễn-tri-Phương kháng cự binh Pháp tại Hà-nội năm 1873.

1868

— Ông Nguyễn-hữu-Huân đỗ Thủ-Khoa lãnh-đạo nhóm Văn-Thân kháng chiến ở Mỹ-Tho, Tân-An. Mấy lần Pháp chiêu hàng ông đều cự tuyệt. Sau thất trận bị bắt và xử chém ở cù-lao Rồng khảng khái tựu nghĩa.

1869-1870

— Ông Phan-Tông khởi binh ở Bà-Rịa tử trận ở Giồng-Gạch.

1871 - 1872

— Dân chúng tự động kháng chiến ở vùng Ba-Điểm, Hóc-Môn, Gò-Vấp. Nổi tiếng nhất là trận đánh Thập bát phủ viên (18 vườn trầu), nghĩa-binh chống cự mấy ngày, tử trận gần hết còn sót lại hơn 70 người thề nguyền với nhau cùng đánh tới chết không một người nào chịu hàng.

— Khắp miền Vĩnh-Long, Cần-Thơ, Long Xuyên, quân cần vương nổi dậy tứ tung.

1873

— Pháp chủ tâm lấy xứ Bắc để thông đường sang Tàu ; sẵn dịp chú lái buôn Jean Dupuis chở, hàng trái phép, bị quân ta kháng nghị, Pháp sai tướng Francis Garnier đem binh ra can thiệp rồi

đánh thành Hà-nội. Ông Nguyễn-Tri-Phương đánh trận bị thương, người Pháp băng bó thương tích, ông tự xé băng ra mà chết. Cách ít lâu, tướng Garnier bị quân Cờ-đen giết chết ở Cầu Giấy.

1874

— Hai ông Đoàn-Công-Bửu, Nguyễn xuân Phụng khởi nghĩa ở Trà-Vinh. Gần khắp Nam-Bộ có quân Cần-Vương nổi dậy đánh phá nhiều nơi,

— Thấy triều đình nhượng bộ với Pháp luôn, nhân tâm sĩ khí hết sức phẫn khích. Tại Nghệ-An, Hà-tĩnh, hai ông Trần-Tân và Đặng như-Mai nổi lên, truyền hịch « Bình-tây sát-tả » đại ý nói : « Triều đình hòa với Tây mặc kệ, sĩ phu trong nước không chịu hòa, vậy trước hết xin trừ những giáo dân nào làm nội ứng cho Tây, rồi sau đánh Tây cho hết, để giữ lấy nền văn-minh Nho Giáo đã hơn 1.000 năm v.v... ». Vì năm ấy triều đình phải ký điều ước nhượng đứt 6 tỉnh Nam-Kỳ cho Pháp nên lòng dân sôi nổi, bức tức.

1875

— Trần-Bình, Lê-tấn-Kế — khởi nghĩa ở Trà-Vinh, nhất là miền Ba-Động.

— Mấy lần ông Nguyễn-tư-Giản dâng mật sớ lên vua Tự-Đức, xin phái người sang giao thiệp với Đức, nhờ Đức kiềm chế Pháp ở Việt-Nam, vì Pháp vừa mới thua Đức năm 1870-71. Nhưng Vua Tự-Đức không nghe, cũng như cách mấy năm trước không biết nghe mưu ông Bùi-Viện ngoại giao với Mỹ.

1876 - 1879

— Phong trào cần vương cứu quốc ở Nam-Kỳ lần hồi bị tiêu diệt hẳn. Tháng 6 năm 1879, Pháp bắt đầu phái văn quan sang làm Thống-Đốc, thay vào chế độ võ quan cai trị.

1880 - 1881

— Triều đình muốn luyện tập nhân tài để khôi phục đất nước, sai Lễ-bộ Thị-Lang Phạm-Bình đem một số nhi đồng sang học trường Anh tại Hương-Cảng. Đồng thời, sai sứ đi giao thiệp bí mật với Xiêm và Tàu.

1882

— Pháp đem binh ra đánh thành Hà-nội lần thứ hai, Tổng-Đốc Hoàng-Diệu đánh lại. Khi thành thất thủ ông lấy khăn thắt cổ tự tử, chứ không chịu hàng, không chịu để bên địch bắt được mình. Mấy hôm sau quân kháng chiến ta do Hoàng-kế-Viêm lanh đạo hợp với quân Cờ-đen giết được đại tá Henri Rivière cũng ở Cầu Giấy.

1883

— Quân Pháp đánh cửa Thuận-An, quân ta chống cự luôn 3 ngày đêm mới chịu mất thành Trấn Hai. Các quan trấn thành là Lê-Sĩ, Lê-Chuẩn tử trận, Lâm-Hoằng và Trần-thúc-Nhẫn nhảy xuống sông tự tử.

1884

— Trước sự uy hiếp, triều đình ta phải ký hòa-ước Patenôtre hồi tháng 5 năm Giáp-Thân (1884), nhìn nhận nước Pháp bảo-hộ cả Trung Bắc Kỳ.

— Tôn-Thất-Thuyết và Trần-xuân-Soạn lập trường giảng võ luyện binh ở kinh thành tổ chức quân đội. Phấn-Nghĩa, đi sai người ra ngoại quốc mua súng đạn khí giới, dự bị đánh nhau với quân Pháp. Lại ra mật lệnh cho quân dân các tỉnh không được hợp tác.

1885

— Tháng 5 năm Ất-Dậu (1885) Thống-Tướng Pháp Courcy đem theo 1700 quân vào Huế, định lấy võ-lực uy-hiếp triều đình Việt - Nam phải nhìn nhận cuộc Bảo-Hộ. Tôn - Thất-Thuyết đứng đầu phái chủ chiến, không chịu sang tòa Khâm-Sứ hội kiến với tướng Pháp.

Nửa đêm 22 rạng ngày 23, Thuyết với em là Tôn-thất-Liệt, cùng Trần - xuân - Soạn chia ba mặt đánh những nơi quân Pháp đóng. Sáng ngày quân ta hết đạn, tan vỡ, kinh thành thất thủ.

Tôn-Thất-Thuyết rước vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-Trị rồi đến sơn phận Hà-Tĩnh.

1886

— Vua Hàm-Nghi lập căn cứ kháng chiến ở Hà-Tĩnh, hạ chiếu kêu gọi cần-vương cứu-quốc. Thuyết để hai con là Thiệp và Đạm ở lại hộ giá và cầm binh, còn mình thì đi đường thượng đạo sang cầu viện nhà Thanh, nhưng bất đắc-chí, rồi ở luôn bên Tầu cho tới khi chết.

— Nhân - sĩ Trung - Bắc nổi lên cần - vương kháng-địch rất đông.

Nhiều ông đương làm quan to như Tể-tướng Nguyễn-Thuật, Đề-Đốc Tạ-Hiên v.v.. bỏ chức về

nhà mộ binh khởi nghĩa. Suốt từ miền trong ra ngoài, địa-phương nào cũng một hai người cầm đầu, năm ba nhóm kháng chiến. Đại khái kể ra sau đây những vai trọng yếu :

Phú-Yên, Bình-Định : Mai-xuân-Thưởng, Bùi-Điền, Nguyễn-đức-Nhuận.

Quảng - Nghĩa, Quảng - Nam : Trần - văn - Dự Nguyễn-Hàm, Nguyễn Hiệu.

Quảng-Bình : Nguyễn-phạm-Tuân, Lê-Trực.

Nghệ-An : Nguyễn-xuân-Ổn, Lê-doãn-Nha.

Hà-Tĩnh : Phan-đình-Phùng, Lê-Ninh, Đinh-văn-Chất, Thái-vinh-Chính, Cao-Đạt, Cao-Thắng.

Thanh - Hóa : Hà - văn - Mao. Cầm - bá - Thước, Tống-duy-Tân, Đình-công-Tráng, Phạm-Bành.

Hải-Dương : Tán-Thuật cùng hai em là Lãnh-Giang, Hai-Kế ; Đốc-Tích, Đốc-Khoát, Ba-Giang, Tống-Kính, Tuần-Văn, Đốc-Vinh, Đề-Đốc Tạ-Hiền, Thủ-Khoa Nguyễn-Cao.

Bắc-Ninh, Hưng-Yên : Đốc-Quế, Đốc-Sùng, Đội Văn, Hai-Tước, Lãnh-Điềm, Đốc-Mỹ.

Lục-Nam, Đông-Triều : Đốc-Thầy, Lãnh-Thừa, Lưu-kỳ.

Vùng sông Thái-Bình : Tiền-Đức, Lãnh-Ý, Đề-Hồng.

Bắc-Giang, Thái-Nguyên : Ba-Phúc, Đề-Nam, Hoàng-Hoa-Thám tức Đề-Thám.

Sơn-Tây, Hưng-Hóa : Đề-Kiều, Đốc-Ngữ, Cai-Văn, Đề-Thanh, Hoàng-công-Vinh, Nguyễn-quang-Bình v.v...

— Trong số trên đây, có người nổi tiếng kháng cự anh dũng, như ở xứ Bắc có bốn tay là

Đội-Văn, Đốc-Tích, Đề-Kiều, Đốc-Ngữ, làm cho quân Pháp nhọc nhằn suốt từ 1885 đến 1892.

Có ông gây nên thanh thế ảnh hưởng lớn, như Phan-đình-Phùng cầm cự vừa đúng 10 năm ; Đề-Thám khởi từ khoảng 1887 hay 1888, mà nay trá hàng mai lại đánh, kéo dài đến mãi 1912, có tiếng là con hùm Yên-Thế tới lúc thế cùng sức mỏi, bị ám hại mới thôi.

Có những trận oanh-liệt, như trận Ba-Đình của Đinh-công-Tráng, trận Bãi-Sậy của Tán-Thuật, trận Ngàn-Trươi của Phan-Đình-Phùng, trận Yên-Thế của Đề-Thám v.v... ngày nay còn truyền tụng thành sử, thành thơ ở trong tâm não ái quốc của người Việt-Nam.

1887

— Chiến khu Ba-Đình và Ma-Cao của Đinh-công-Tráng lập từ giữa năm 1885, hai tướng Metzinger và Dodds đến đánh đều thất bại. Qua đầu năm nay, Pháp sai đại tá Brissaud thống lĩnh 76 viên bộ tướng 3530 quân tinh nhuệ, đánh luôn mấy ngày và chịu hao tổn lắm mới phá vỡ được.

Đinh-công-Tráng chạy về Nghệ, bị bắn chết đêm hôm 5-10-1887 tại làng Tang-Yên trên bờ sông Cả. Tướng Pháp Masson khen họ Đinh là người có trật tự, cương trực, trọng kỷ luật, hay nghiêm trị những thủ hạ quấy nhiễu dân, lại có tri nhẫn nại, biết mình biết người cho nên không bao giờ hành binh một cách cẩu thả, để cho hao tổn quân độ.

Đã thế còn giỏi lập trận thế khéo như dụ quân Pháp vào chỗ nguy ».

Thành Ba-Đình rộng 400 thước, dài 1200 thước xây bọc ba làng Mậu-Thịnh, Mỹ-Khê, Thượng-Thọ, chống giữ từ tháng tư 1885 cho đến 20 tháng giêng 1887.

Trần-xuân-Soạn bộ tướng của Tôn-Thất-Thuyết định đánh tỉnh thành Thanh-Hóa, nhưng không thành sự.

1888

—Tháng 9, vua Hàm-Nghi bị bắt ở làng Tả-Báo, miền núi Quảng-Bình và Hà-Tĩnh do tên Trương-quang-Ngọc lập công trỏ đường cho Pháp.

Nhà vua bị đưa sang Algérie an trí

Lúc vua bị bắt, Tôn-Thất-Thiệp chống cự với quân Pháp bị bắn chết tại chỗ; (1) còn Tôn-Thất Đạm thì thắt cổ trong rừng. Người Pháp khen là hai vị thiếu niên anh hùng.

Tuy Vua Hàm-Nghi bị bắt, nhưng phong trào Văn-Thân ở Nghệ-Tĩnh không vì thế mà suy nhược. Trái lại, phong trào ấy do ông Phan-đình-Phùng lãnh đạo, bấy giờ lại càng bồng bột thêm.

1889

— Ông Tán-Thuật lập chiến khu ở Bãi-Sậy, chống với Pháp luôn 2 năm, sau tan vỡ, ông chạy lên Thái-Nguyên rồi sang bên Tầu, ở nhà tướng Cờ đen Lưu-Vĩnh-Phúc

— Trong năm này, mấy lần Pháp sai đại binh lên Yên-Thế đánh Đề-Thám nhưng vô hiệu quả.

---

(1) Trong V. N. S L. của cụ Trần-trọng-Kim thì nói Thiệp bị đâm giữa lúc vua Hàm-Nghi bị bắt.

1891

— Đốc-Ngữ, Đề-Kiều và Đề-Thám vẫn hoạt động ở ba tỉnh Bắc-Giang, Thái-Nguyên và Hưng-Hóa, phá cuộc giao thông tiếp tế của Pháp.

— Sau trận Ba-đình, hai ông Tống-duy-Tân và Cao-Đạt chạy ra Bắc, đến 1889 lại trở về Thanh lãnh đạo kháng chiến, nhất là ở vùng Nông-Cống. Hơn một năm, thế cùng lực kiệt, ông bị bắt và qua năm 1892 (Ngày 3 tháng 9 dương lịch) bị xử chém ở Thanh, Sĩ-Phu hết sức thương cảm.

1892-1893

— Lần thứ nhất người Việt-Nam với khí cụ và nhân công trong xứ mà tự chế ra được kiểu súng 1874 như kiểu súng Pháp, ấy là ông Cao-Thắng, bộ tướng của ông Phan-đình-Phùng. Thanh thế văn thân Nghệ-Tĩnh lặng lẽ mất vài năm, giờ lại phấn chấn dưới ngọn cờ họ Phan lãnh-đạo.

Đại Úy Gosselin viết quyển « Empire d'Annam » và chính là người dự cuộc đánh giẹp phong trào kháng chiến lúc bấy giờ phải khen ông Phan-đình-Phùng biết dùng quân và tự chế ra được kiểu súng tây, mà chính các nhà kỹ sư thế giới bên Tây phải lấy làm kinh ngạc.

— Cách đó ít lâu, Cao-Thắng đem binh từ Sơn-Trại xuống, định đánh úp tỉnh thành Nghệ-An chẳng may giữa đường bị tử trận, mới có 29 tuổi. Họ Phan và các tướng sĩ đều thương khóc và làm văn-tế cực cảm động.

1894-1895

— Từ cuối năm 1893 đến giờ, Pháp đánh quân kháng chiến ở Hà-Tĩnh Nghệ-An mãi mà không sao dẹp yên được, hao binh tốn của vô số. Vì họ Phan khéo dùng chiến-thuật du-kích và lưu động làm cho bên địch phải theo rồi rất nhọc nhằn.

— Nguyễn-Thân làm Tiết-Chế quân vụ đem quân ra Hà-Tĩnh dẹp Văn-Thân nhưng không đánh chác gì cả chỉ dùng lối bao vây và làm cho nghĩa quân tuyệt lương.

—. Ông Phan-đình-Phùng mang bệnh chết ở trong núi. Phong trào Văn-Thân ở Nghệ-Tĩnh tan rã, vì không có ai thay thế họ Phan lãnh đạo.

1896-1897

— Đề-Thám tiềm tàng ở Tam-Đảo bấy lâu, giờ lại về Yên-Thế hoạt động trong tay có độ 60 khẩu súng.

— Kỳ-Đồng Nguyễn-văn-Cẩm được ông Thống-Sứ Bihourd cho sang học ở Alger, tưởng rằng cho đi học như thế, tất hóa được đầu óc phản đối của ông, nhưng không ngờ kết quả trái lại. Ông sang Alger học từ 1887, năm đó mới hơn mười tuổi, đến 1896 đỗ Tú-Tài khoa-học.

Về nước, Kỳ Đồng mượn cớ đồn điền lập ấp tại Yên-Thế để chiêu tập đồng chí giúp đỡ cho Đề-Thám, và gây nên phong trào ái-quốc bằng tôn-giáo.

Gần khắp Hải-Dương, Thái-Bình và Nam-Định, cuối năm 1897 có phong trào gọi là « giặc Kỳ-Đồng» và « loạn Mạc-Thiên-Bình » do Mạc-Đình-Phú khởi

xướng, lấy danh-nghĩa là con cháu nhà Mạc đứng lên đánh Tây phục quốc.

Tòa-sứ và trại giám-binh Hải-Dương bị nghĩa binh ấy tấn công, xét ra dừ Kỳ-đồng chủ mưu.

Người Pháp bắt Kỳ-Đồng và đầy sang đảo Tahiti.

1898-1899

— Tháng chap dương lịch 1898, đến hôm 5 rạng ngày 6, vào khoảng 1 giờ khuya một toán rất đông và có khí giới, mà người Pháp gọi là quân cướp, nhưng kỳ thật là những bộ đội cần vương, từng mật mưu nội ứng, ngoại hợp với ông Đề-Thám nổi lên đột kích Hanoi.

Người Pháp điều khiển lính tập và cảnh sát đánh nhau với toán nghĩa-quân ấy hai giờ đồng hồ, họ mới chịu lui.

Nghĩa-binh có 4 người chết, 6 người bị thương và 71 người bị bắt. Vụ này làm cho người Pháp sửng sốt ra sức đề phòng.

— Các ông Phan-Sào-Nam, Đặng-Thái-Thân, Đại-Đầu, Thần-Sơn bàn định khởi binh kháng chiến ở Hà-Tĩnh, như ông Phan-Đình-Phùng thủ hiểm mấy năm trước, nhưng vì tính toán không có khí giới đầy đủ cho nên không làm.

— Lúc này ông Đề-Thám trá hàng người Pháp, để xây đắp lại lực lượng. Điều-kiện ông quy-phục là giữ quyền tự - chủ ở vùng Yên-Thế, người Pháp không được can thiệp xâm-phạm.

1900-1901

— Các cụ nhà nho bắt đầu có quan-niệm phẫn khích về quốc-gia chủng-tộc, hăng hái duy

tân tự-cường, nhận thấy lối học từ-chương khoa-cử sai lầm, vang bóng từ phong trào Duy-Tân và những sách mới do thầy trò Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu bên Tàu xướng khởi và phiên-dịch.

Phong trào này chi phối cuộc độc-lập vận động của Việt-Nam cho đến hết kỳ thế-giới đại-chiến lần thứ nhất (1914-1918).

1902-1903 -

— Ông Tăng-Bạt-Hổ, một chiến tướng cần-vương trong nhóm Mai-xuân-Thưởng ở Bình-Định: bỏ nước ra đi sau khi nhóm ấy thất bại, chu-du các nước Tàu, Nhật, Xiêm, bấy giờ trở về cổ động nhân-sĩ xuất dương hoạt động cứu quốc.

– Sào-Nam tiên-sinh gặp Tăng-Bạt-Hổ rồi đi khắp nam bắc liên lạc các bạn đồng chí, tuyên-truyền cách-mạng. Trong dịp ấy, tiên sinh có vào tận đồn Phồn-Xương giao thiệp với Đề-Thám.

1904-1905

— Sào-Nam tiên-sinh họp đồng-chí ở sơn trang Nam-thịnh của ông Nguyễn-Hàm trong Quảng-Nam, thành lập « Việt-Nam Quang-Phục-Hội », tôn ông Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để làm hội trưởng. Rồi tiên-sinh cùng Tăng-Bạt-Hổ sang Nhật giao-thiệp với các yếu nhân chính giới như Khuyển-Dưỡng-Nghị và Bá-Nguyên Phương để sửa soạn đưa ông Cường-Để sang ở Đông-Kinh.

— Quyển « Lưu-Cầu huyết-lệ tân-thư » của Phan Tiên-sinh viết ra năm trước, cái nhục của dân Lưu-Cầu mất nước để ám chỉ vào tình-cảnh nước Việt-Nam, cốt đưa cho các cụ triều-thần lúc

bấy giờ xem để họ giúp đỡ cách-mạng. Tuy không đạt kết quả vật chất, nhưng thu được kết quả tinh thần rất to : quyển sách được truyền tụng và khích phát tấm lòng yêu nước của sĩ-phu suốt từ Nam, Nghĩa ra đến Bắc-Hà. Tiên-sinh liên kết được nhiều bạn đồng-chí và có danh vọng to trong Lịch-sử Việt-Nam cách-mạng, bắt đầu từ đó.

— Lúc này các danh sĩ, chí sĩ trong nước, như Phan-Châu-Trinh, Nguyễn-Thượng-Hiền, Trần-quý-Cáp, Ngô-Đức-Kế, Huỳnh-Thúc Kháng, Lương-ngọc-Can v.v. cả thảy đến mấy trăm vị, cùng Phan-Sào-Nam tiên sinh kết thúc đồng tâm thề nguyền mỗi người một việc, hy sinh cho nước.

— Ông Phan-Tây-Hồ vừa đỗ Phó-Bảng, làm chức Viên-Ngoại bộ-Công, bỏ chức ra về, để hoạt động cách mạng, sĩ-phu thời ấy theo gương rất đông.

1906

— Các ông Cường-Để, Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh, Đặng-Tử-Kính sang Nhật mở ra phong trào Đông-Du cầu học cứu quốc.

— Ông Lương-Ngọc-Quyến, biệt hiệu Lập-Nham tự động bỏ nhà sang Nhật vào học trường binh học Chấn-Võ. Ông là người Thanh-niên Việt-Nam du học bên Nhật đầu tiên. Cách sau vài tháng, thanh niên lục tục trốn sang cực nhiều, ông Cường-Để và Sào-Nam tiên-sinh xếp đặt cho mỗi người có chỗ ăn học và được tiếp tế. Lúc này ông Nguyễn-Hải-Thần cũng sang Nhật quan sát, rồi về ở luôn bên Tầu, hoạt động cách mạng.

— Các chí sĩ cùng Sào-Nam tiên sinh Đông-du có hai mục đích cốt yếu : một là đưa nhiều thanh

niên sang Trung-Quốc, Nhật-Bản cầu học, để rèn đúc nhân tài cách mạng; hai là mua khí giới gửi về giúp phe kháng chiến trong nước.

— Nhân dịp Tây-Hồ về nước, Sào-Nam gửi về hai tập « *Hải-ngoại huyết-thư* » để cổ võ dân tâm sĩ khí. Hai tập văn tuyên truyền này có vang bóng trong nước to lắm.

— Sau khi ở Nhật về, Tây-Hồ gửi thư công khai cho Chính-phủ Pháp (ngày 15-8-1906) yêu cầu phải thành thực cải cách cho Việt-Nam, tận lượng mở mang tân học và trừ tiệt những mối tệ quan tham lại nhũng.

1907

— Các nhà nho duy tân ở Bắc-Hà: Lương Ngọc-Can, Đào-Nguyên-Phổ, Phan-Tuấn-Phong, Lê-Đại, Dương-Bá-Trạc, Nguyễn-Quyền, Đặng-kinh-Luân, Phan-huy-Thịnh v.v.. hợp nhau mở ra trường tư Đông-Kinh Nghĩa-Thục tại Hà-nội theo gương Phúc-Trạch bên Nhật mở trường Khánh-Ứng-Nghĩa-Thục, để mở mang giáo dục cho dân.

— Lúc đó, Pháp còn chậm chạp mở mang tân học cho ta, nên chi các cụ nhà nho ta trả lời bằng cách tự động giáo-hóa ấy.

Trường mở ra liền có ngay trên nghìn học sinh: tất cả được cấp giấy bút, miễn học phí và dạy kiêm ba thứ chữ Việt, Hán, Pháp. Bề ngoài là trường học, nhưng kỳ thực bên trong là tổ-chức Cách-Mạng, chuyên việc tuyên-truyền phản đối ở trong nước và tiếp tế đồng chí ở hải ngoại. Vì thế trường mở ra tháng ba, đến tháng chạp, đương-cuộc Pháp bắt đóng cửa.

— Đồng thời, các nhà nho ở Nghệ-Tĩnh, Nam Nghĩa cũng hoạt động hăng hái lập ra Minh-Xá và Âm-Xá: chủ trương trên là những người Cách-mạng bằng văn-hóa, kinh-tế, chủ trương dưới là những người cách mạng bằng võ lực kháng chiến.

— Phong-trào cách-mạng trong Nam lại nhóm lên, bởi hai nhà ái quốc Xã-Định và Trần-Chánh-Chiếu tức Gilbert Chiếu. Ông Xã-Định bán cả sản nghiệp giúp vào nghĩa-đảng và cho hai con sang Nhật học; ông Phủ Chiếu — vì ông làm quan Phủ — lập hội Minh-Tâm, liên lạc đồng chí khắp Lục tỉnh.

1908

— Tháng 6, phát ra vụ đầu độc ở trại lính Pháp tại Hà-nội. Chủ mưu là nghĩa-đảng có liên lạc với Đề-Thám. Tổ-chức là bọn Đội Bình, Cai Ngà, Chánh Song, Đội Hỗ, bàn định ở nhà hàng cơm chứa trọ của Hai Hiên tại phố Cửa Nam, nguyên làm đầu bếp trong thành lính tây. Họ định bỏ thuốc độc cho lính Pháp, rồi đảng Đề-Thám tiến vào hãm thành. Việc này không may bị tiết lộ.

Buổi tối hôm ấy quả có một số lính Pháp trúng độc, đau bụng phát điên, rồi có hai toán nghĩa-binh đột kích vào Hà-nội do đường Hàm Long và đường Sinh-Từ, nhưng đều bị đánh lui.

Kết quả nhiều người bị bắt, bị án. Chính-Phủ Pháp xét ra từ việc này do ảnh hưởng của nhóm Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Các yếu nhân trong tổ-chức này bị kết án và đày ra hải ngoại khá đông. Toàn bộ Bắc-Hà sôi nổi.

— Đồng thời, ở khắp các tỉnh Trung-kỳ, nhất là mấy tỉnh Bình-Định, Quảng-Nghĩa, Quảng-Nam, Thừa-Thiên, cùng phát ra những cuộc dân chúng biểu tình vận động, do đám nhà nho duy tân xướng khởi. Tại Quảng-Nam dân kéo nhau hàng nghìn đến tỉnh-lỵ, yêu cầu bãi bỏ sưu thuế. Tại Bình-Định cũng vậy. Dân chúng đều mặc áo cộc, đội nón lá, sau lưng đeo nồi niêu và thực phẩm. Giọc đường thấy ai mặc áo dài đen thì họ xúm lại xé áo, và cắt tóc ngắn, rồi bắt nhập bọn đi biểu tình. Vì thế gọi là « loạn đầu bào » hay là « vu cúp tóc ».

— Nhân hai vụ trên, nhân sĩ Trung-Bắc bị đày bị bắt hàng nghìn. Bi thảm nhất là ông Tiến-sĩ Trần-Quý-Cáp bị chém tại Khánh-Hòa.

1909-1910

—Đầu năm, quân đội Pháp đi đánh Đề-Thám ở Yên-Thế. Chính hôm tổng tấn công (28 tháng Giêng 1909, tức mùng 7 tháng Giêng, niên hiệu Duy-Tân thứ 3), Thống-Sứ Bắc-Kỳ yết thị khắp 4 tỉnh Bắc-Giang, Bắc-Ninh, Thái-nguyên, Phúc-Yên, một tờ tuyên cáo dân chúng, kể tội Đề-Thám trá hàng, vẫn tiếp tục những việc hành động phản bội nước Pháp.

— Ông Đề-Thám bỏ đồn Phồn-Xương, rút vào chiến khu trong rừng, chuyên dùng lối đánh lưu động du kích. Những bộ tướng có danh là Cả Trọng, Cả Dinh và Cả Huỳnh.

— Mấy năm trước Đề-Thám có để một nơi trong khu vực Yên-Thế của ông cho Sào-Nam tiên-sinh lập ấp luyện binh, tụ họp những bạn thanh niên

Nghệ Tĩnh và bộ hạ của cụ Phan-Đình-Phùng ngày trước. Căn cứ này do ông Tú Phạm-Văn-Ngôn lãnh đạo. Con cụ Tán-Thuật là Cả Tuyển cũng ở trong chiến khu đó. Chuyến này quân Pháp đánh ông Đề-Thám, chiến sĩ Nghệ-Tĩnh và Cả Tuyển dự đánh nhiều trận kịch liệt, như trận ở núi Hàm-Ếch, chính là quân ở đồn này.

— Chí-sĩ Hải-Ngoại đã dời căn cứ hoạt động ở Nhật sang Tầu, vì Nhật đã ký thương ước với Pháp, trở mặt đuổi học sinh Việt-Nam và Sào-Nam tiên sinh ra khỏi Nhật-Bản.

Lúc này, cụ Nguyễn-Thượng-Hiền đang ở Bắc Kinh, quen nhiều chính khách Tầu, hết sức giúp đỡ anh em cách-mạng, qua bước gian nan (như cấp lộ phí và xin thông hành).

1911-1912

— Người Pháp ân xá cho ông Phan-Chu-Trinh ở Côn-Lôn về ở Nam-Bộ mấy tháng, rồi đưa ông sang ở Ba-Lê. Nhân dịp ông viết thơ cho Hội Nhân Quyền, tố cáo những vụ án bất công đã xử năm 1909 sau việc Đông-Kinh Nghĩa-Thục ngoài Bắc và phong trào « xin xâu, cúp tóc » ở Nam-Nghĩa.

— Một âm mưu chính trị phát giác ở Gò-Công hồi tháng 6 năm 1911, mục đích là giết hết người Tây trong tỉnh và chiếm lấy tỉnh-lỵ.

1913

— Viên Khâm-sứ Trung-Kỳ Mahé đào mả vua Tự-Đức để tìm vàng bạc, châu báu. Việc này làm

vua Duy-Tàn cực phẫn khích và nhân tâm xao xuyến bình luận.

— Tháng 3 Nguyễn-khắc-Cần và Phạm-văn-Tráng, đảng viên cách-mạng ở Hải-ngoại về ném bom ở Thái Bình, giết ông Tuần-Phủ Nguyễn-duy Hàn ; cách mấy hôm sau, lại ném bom giữa khách sạn Hanoi Hôtel ở phố Hàng Trống, giết chết hai viên võ quan Pháp (Mongrand và Chapuis) và làm nhiều người bị thương. Mục đích là cảnh cáo người Pháp phải xửa đổi chính-trị ở Việt-Nam.

— Một âm mưu cách mạng phát giác ở Nam-Kỳ do ông Gilbert Chiểu thủ xướng.

Chính phủ thực dân lập hội đồng đề hình tại Hà-nội để xử những đảng viên cách mạng. Tất cả 120 người bị bắt. Hội đồng ấy họp hồi tháng 9 làm 14 án xử tử, trong số đó 7 người bị chém (vụ ném bom ở Thái-Bình và Hà-nội) và 7 người tử hình vắng mặt, có 4 ông : Sào-Nam, Cường-Để và Nguyễn-văn-Thụy tức Hàn-Ninh, Lương-Ngọc-Quyến.

— Lương-Tam-Kỳ giúp sức cho người Pháp truy nã ông Đề-Thám, sai 3 tên thủ hạ khách — còn nhớ một tên là Ly-Seng-Kong — vào chiến khu Yên-Thế, cốt nhập đảng và làm cho Đề-Thám tin cậy, rồi thừa khi ông ngủ chúng đâm chết ông. Lúc ấy là hồi 4 giờ rưỡi sáng ngày 10 tháng 2 dương lịch ; Ông bị hai nhát búa và nhiều nhát đâm ở trong rừng xâu, cách chợ Gò 2 cây số. Người ta chặt đầu ông bêu ở Nhã-Nam. Cố nhiên, Lương-Tam-Kỳ được Pháp trọng thưởng.

— Chính-phủ thực dân đút lót Đô-Đốc tỉnh Quảng-Đông là Long-Tế-Quang bắt Cụ Phan-Bội-

Châu giam lại và định giải về Đông-Dương, nhưng đảng cách mạng Tàu giúp cụ thoát nạn.

1914-1915

— Nhân lúc Âu-Châu chiến tranh, đảng cách mạng Việt-Nam hoạt động rào riết.

Ngày 20 tháng 10 năm 1914, Trương-Nhị đánh phá đồn Lục-Nam.

Ngày 13 tháng 3 năm 1915, Nguyễn-Hải-Thần, Hoàng-Trọng-Mậu và Phan-Sào-Nam, mộ quân từ biên giới Quảng-Tây về đánh đồn Tà-lùng (Lạng-Sơn).

Ngày 28 tháng 9 chính trị phạm phá ngục Lao-Bảo.

1916

— Tháng 5, vua Duy-Tân cùng hai nhà chí-sĩ Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân mật mưu khởi nghĩa ở Huế. Có lính tập và lính mộ sung Tây giúp sức.

Công việc bại lộ, nhà vua định vào Quảng-Nam mà ông Thái-Phiên đã lập sẵn căn cứ, nhưng mới đi cách Huế mấy cây số thì bị bắt lại, rồi bị đầy ra Cù-Lao Réunion, nơi Phụ-Hoàng Thành-Thái đã bị an trí từ mấy năm trước.

Thái-Phiên và Trần-Cao-Vân cùng nhiều người khác nữa bị chém. — Một nhóm chí-sĩ Nam-Bộ mưu đồ khởi sự năm trước tôn Phan-Xích-Long làm Hoàng-Đế, lấy lòng mộ đạo để hiệu triệu nhân tâm cho dễ. Có cuộc đánh phá khám lớn Saigon, Phan-Xích-Long chạy ra đến Phan-Thiết thì bị bắt.

Pháp lập tòa án quân-sự tại Saigon (Chưởng lý Michel, ủy viên chính phủ Héron) xử cả thảy 70 vụ án chính trị gồm có 1440 bị cáo.

1917

Ông Lương-Ngọc-Quyến ở Nhật-Bản về đến Hương-Cảng bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp đưa về tòa án binh trên Cao-Bằng xét xử về tội bạo động ở biên giới, rồi giải về đề lao Thái-Nguyên giam giữ cực nghiêm. Công-sứ Darles sai dùi thủng bàn chân mà xỏ giây sích, vì thế ông bị què hẳn 1 chân. Tuy vậy, ông cùng anh em cách mạng (phần nhiều bộ hạ Đề-Thám) giam trong Đề lao, tìm cách cổ động binh lính về nghĩa ái-quốc.

Đêm hôm 31 rạng ngày mồng 1 tháng 9, ông đội Trịnh-văn-Cấn kéo cờ khởi nghĩa ở giữa trại lính, cướp kho bạc, thả tù phạm, treo cờ Việt-Nam quang phục, chiếm giữ tỉnh thành Thái-Nguyên được 7 ngày. Quân Pháp tiến đánh, ông Lương Ngọc-Quyến vì què không đi được khẳng khái tự tử để cho anh em chiến sĩ rút lui, khỏi phải bận lòng về mình. Ông đội Cấn đánh nhau hăng hái rồi mới rút lui ra ngoài, ẩn hiện quanh miền Tam-Đảo Yên-Thế luôn trong mấy tháng. Hơn 300 quân tử trận mòn mỏi ông thế cùng lực kiệt, rút súng tự bắn mình chết, chứ không chịu nhục. Hai người vệ sĩ của ông cũng chết theo.

1918-1922

Trong mấy năm nay phong trào cách-mạng chỉ tiềm tàng không có việc gì quan hệ phát hiện. Còn ở hải ngoại thì các chí-sĩ bôn ba lao khổ, mỗi người ẩn thân một nơi. Cụ Sào-Nam viết báo sinh nhai, thỉnh thoảng lại bôn tẩu sang Xiêm, khuyến khích những anh em đồn điền tập võ ở đây để chờ

thời. Kỳ-Ngoại-Hầu ở Nhật, nhờ có Khuyển-Dưỡng-Nghị chu-cấp. Mai-Sơn tiên-sinh ở Hàng-Châu chán nản, vao chùa tu.

Tuy nhiên trong nước vẫn có những thanh niên ái quốc, tự động sang Tầu, sang Xiêm làm việc cách-mạng.

1923

Ông Toàn-quyền Đông-Dương Martial Merlin đi công vụ bên Nhật, trở về đến Quảng-Châu, các giới Pháp Kiều đặt tiệc tẩy trần ở Khách-Sạn-Victoria trong tô giới Sa-Diện. Thanh niên chí-sĩ Phạm-Hồng-Thái theo dõi mãi về đến đấy, tối hôm 19 tháng 6, ném bom định giết Toàn-quyền Merlin, nhưng ông này thoát hiểm. Hồng-Thái nhẩy xuống sông Châu-Giang tự tử. Hiện giờ vẫn còn mộ và bia Việt-Nam liệt sĩ Phạm-Hồng-Thái ở Hoàng-Hoa-Cương.

Việc làm của Hồng-Thái không thành nhưng có ảnh hưởng rất to là nhờ đấy mà các đoàn thể ái quốc trong nước thành lập, trong khi ở Quảng-Đông có Tâm-Tâm-Xã ra đời, do Sào-Nam tiên-sinh điều khiển.

1924-1925

Bây giờ bước vào thời kỳ tổ chức đảng phái hoạt động chính trị.

Thoạt tiên là Việt-Nam chi bộ của hội « Á-Tế-Á bị áp bức nhược-tiểu dân tộc » thành lập tại Quảng-Châu, do Nguyễn-Ái-Quốc tức Lý-Thụy và Nguyễn-Công-Viên tức Lâm-Đức-Th chỉ huy trên đất Tầu. Trong nước cũng lập chi bộ ấy do

Vương-Thúc-Oánh tức Hoàng-Lương và Mai-Ngọc-Thiệu tức Cả-Sâm chỉ huy. Sau đổi ra « Việt-Nam Thanh-niên cách mạng đồng chí hội ».

Thời kỳ này, thanh niên học sinh trong nước lại bồng bột sang Tầu cầu học và chịu huấn luyện cách mạng.

Ngày 30 tháng 6 1925, Sào-Nam tiên-sinh bị bắt ở Thượng-Hải đưa về nước. Mấy tháng sau có Hội-Đồng đề-hình xét án tiên-sinh, giảm tử hình xuống chung thân cấm cố.

Phong trào vận động ân xá Sào-Nam cực sôi nổi. Toàn-quyền Varenne vừa sang nhàm chức, ân xá tiên-sinh để lấy lòng dân Việt-Nam rồi đưa tiên-sinh vào ở Huế, gần như giam lỏng.

Ở Paris có đảng Việt-Nam độc-lập do Nguyễn Thế Truyền tổ-chức trong giới học sinh và anh em làm tầu biển.

1926

Tân-Việt cách mệnh đảng, tức đảng Phục-Việt cũ hoạt động nhất ở Nghệ-Tĩnh và Saigon, do ông Lê-Văn-Huân và Nguyễn-Đình-Kiện lãnh đạo.

Phan-Tây-Hồ tiên sinh mất tại Saigon, vừa ở bên Pháp được mấy tháng. Phong trào học sinh bãi khóa vì tự động làm lễ truy điệu Tây-Hồ lan khắp trong nước.

Tại Saigon có phong trào đình công quan trọng ở xưởng Công-Binh và ở Nhà-Bè.

1927

Nam-Đồng Thư Xã do nhóm thanh-niên ái quốc Phạm Tuấn Tài và Nhượng Tống tổ chức,

chuyên việc xuất bản những sách khêu gợi lòng ái-quốc. Do đấy, thành lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, một đảng đầu tiên trong nước có quy củ phân minh dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Khắc-Nhu tức Xứ-Nhu.

Đảng thành lập không bao lâu, đã kết hiệp được nhiều đảng viên có chi bộ bí mật hầu khắp xứ Bắc, và bắt đầu tiến triển vào Trung Nam.

Trong khi đó tại Quảng-Đông có đảng Việt-Nam toàn quốc cách mệnh đảng do cụ Nguyễn-Hải-Thần lãnh đạo.

1928

Đảng Nguyễn-An-Ninh ra đời, có thanh thế nhất ở vùng Hóc-Môn Bà điểm.

Đệ tứ Quốc-Tế do Tạ-Thu-Thâu và Trần-văn-Thạch tổ chức.

Hòa-Đồng-Hiệp đảng do Quách-Vỹ và Nguyễn-mạnh-Thường lập tại Hòa-Bình.

1929

Nhân ngày lễ lao động 1-5 bọn Trần-Văn-Cung, Ngô-Gia-Tự, Nguyễn-Tuân tức Kim-Tôn phá đổ V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. lập ra Đông-Dương Cộng-Sản đảng, chủ trương giai cấp tranh đấu và gây cuộc đình công đầu tiên ở hãng Aviat tại Hà-nội và nhà máy chai ở Haiphong.

Sau vụ ám sát Bazin, Việt-Nam Quốc-dân đảng vỡ lở, một số đồng chí lớn bị bắt và đày ra Côn-đảo. Mấy tay lãnh đạo trốn thoát.

1930

Mùng 10 tháng 2 dương lịch, Nguyễn-Thái-Học, Xứ-Nhu và V.N.Q.D.Đ. chỉ huy khởi nghĩa ở Yên-Báy, Lâm-Thao. Nhiều nơi khác đã ước hẹn hưởng ứng, nhưng việc không thành.

Toàn thể Bắc-kỳ ở trong tình trạng khủng-bố. Số người bị bắt nhiều vô kể. Máy bay thả bom xuống làng Cổ-Am.

Xứ-Nhu tuẫn tiết ở trận Lâm-Thao, còn Thái-Học, thì lẩn tránh và định sang Tàu, nhưng mấy hôm sau bị bắt ở Hải-dương đến ngày 17 tháng 6 lên đoạn đầu đài tại Yên-Báy với Phó-Đức-Chính và 11 đồng chí khác.

1931-1936

Hai năm 31 và 32, hầu khắp Nam, Bắc có những cuộc dân chúng biểu tình do đảng Cộng-Sản bí mật tổ chức. Tại Nghệ-An có nhiều đám biểu tình bị lính Lê-Dương đàn áp bằng súng đạn, mỗi lần chết và bị thương mấy chục người. Ở tỉnh Quảng-Ngãi và các miền Chợ-mới, Cao-lãnh trong Nam cũng vậy.

Mấy năm kế tiếp, có phong trào Đệ-Tam và Đệ-Tứ Quốc-tế, một mặt cổ võ anh em vô sản tranh đấu, bên nào vì chủ nghĩa bên ấy, một mặt tìm cách phá hoại các đảng Quốc-Gia đối lập, tự gây nên trong dân chúng có những sự khuynh phục chém giết lẫn nhau chỉ bởi mầu sắc dị đồng về chính-trị. Thậm-chí ở ngoài Côn-đảo, quốc-sự phạm Cộng-Sản và Quốc-Gia đánh nhau đấm nhau. Thực dân lợi dụng sự chia rẽ ấy, càng dễ đàn áp.

1937

Bên Pháp mặt trận bình-dân lên cầm chính quyền. Nhân cơ hội ấy, ở nước ta có phong trào tổ chức ra Đông-Dương Đại hội-nghị, để yêu cầu cải cách chính trị và giải phóng quốc sự phạm.

Nam-Bộ do nhóm Tạ-Thu-Thâu, Trần-văn-Thạch, Hồ-Hữu-Tường, Nguyễn-văn-Tạo, Dương Bạch-Mai, Phan-văn-Hùm, Phan-văn-Chánh xướng xuất,

Trung-Bộ thì do Hà-Huy-Giáp, Trần-văn-Cung, Phan-văn-Quân, Nguyễn-văn-Lợi, Lê-văn-Hiến, Hải Triều, Phan-đăng-Lưu.v.v..

Bắc-Bộ thì có Huỳnh-văn-Phương, Đặng-Thái Mai, Võ-Nguyên-Giáp, Trần-Huy-Liệu, Trịnh-văn-Phú, Nguyễn-văn-Tiến, Vũ-Liên, Cả-Sâm,v.v..

Đồng thời có nhóm tự trị do Vũ-Đình-Dy và Lộc-già tức Nguyễn-Đắc Lộc chủ trương.

1838-1939

Trong hai năm nay, lại ra đời thêm một vài đảng phái mới. Ví dụ Đông-Dương Liên-Đoàn Quốc-Gia Cách-Mạng do cụ Hoàng-văn-Khải tức cử Ngọ (Thanh-Hóa) Nguyễn-đạo-Kỳ, Nguyễn-văn-Viễn, Mai-Ngọc-Thiệu, Nguyễn-đức-Kính.v.v.. lãnh đạo.

Thế rồi đến kỳ thế giới đại chiến thư hai bùng nổ. Cách không bao lâu, phong trào cách mạng ở nước ta xoay ra một tình thế mới.

Việt-Nam cách-mang Đồng-Minh hội thành lập ở Quảng-Đông, cụ Nguyễn-Hải-Thần lãnh đạo.

1940

Pháp thua Đức ở Âu-Châu, quân đội Nhật thừa thế của phe Trục, kéo vào chiếm đóng Đông-Dương, để bịt đường tiếp tế khí giới cho Tầu và phòng lấy căn cứ chiến tranh với Anh, Mỹ.

Phục-Quốc-quân đánh chiếm Lạng-Sơn do Trần-Trung-Lập và Đoàn-Kiểm-Điểm chỉ huy. Ban đầu, quân Phục-Quốc được Nhật khuyến khích và viện trợ, sau họ giao thiệp với Pháp nhận được phần lợi rồi bỏ rơi ta thành ra quân Phục-Quốc bị hãm vào tình thế cô-lập, nguy hiểm. Tuy vậy cũng cầm cự được ít lâu, mới bị vây hãm và tuyệt địa, chủ tướng Trần-Trung-Lập bị bắt, còn anh em tan lạc, người trốn vào rừng, người qua biên giới.

Đảng Duy-Dân của Nguyễn-Hải-Thần và Lý-Đông-A,

Cũng xấp xỉ lúc đó, Lê-Hồng-Phong và vợ là Nguyễn-thị-Minh-Khai hô hào dân chúng Nam-Bộ khởi nghĩa, nhưng kết quả bị đàn áp chết người đổ máu rất nhiều. Những cảnh rùng rợn làm cho ai nghe cũng phải phẫn uất.

1940-1945

Trước khi người Nhật kéo vào Đông-Dương để hưởng ứng với Trục Bá-Linh — Đông-Kinh — La-Mã thì tại Việt-Nam đã nhóm lên đảng Đại-Việt Dân-Chính do ông Nguyễn Tường-Tam và nhiều bạn trí-thức, công chức cùng sinh viên tổ chức tại Bắc Việt. Công việc buổi đầu lan rất rộng, có nhiều vẻ khả-quan. Chủ trương mà Đại-Việt Dân-Chính là lợi dụng người Nhật để giải

phóng cho Việt-Nam. Theo như lời tuyên ngôn của Nhật trong chương trình Đại Đông Á.

Khi quân đội Nhật kéo vào Lạng-Sơn thì hình như thời cuộc Quốc Tế không lợi cho họ và người Pháp đã khôn khéo điều đình với Đại Tướng Nishihara nên thái độ của người Nhật thay đổi ngay và thừa dịp đó người Pháp liền cho bắt các đảng viên của Đại Việt Dân-Chính. Ông Nguyễn-Tường-Tam trốn thoát sang Tầu, các đồng chí bị bắt tới 30 người bị đi đầy tại trại an-trí Vụ-Bản Hòa-Bình (Nguyễn-gia-Trí, Vương - các - Đạo. Trần-văn-Lư, Nguyễn-văn-Toản,v.v...) Đại-Việt Dân-Chính tan rã sau biến thành Đại-Việt Quốc-Xã do các ông Nguyễn - văn - Tiếu, Hà - Châu, Nguyễn - Đăng - Đề, Trương-Đình-Trí, Đặng-văn-Hinh tiếp tục.

1941

Đội Cung thống xuất anh em Bảo-an-binh ở đồn Đô-Lương (Nghệ-An) giết viên giám binh Pháp và chiếm giữ đồn ấy.

Ông định xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị, kéo về đánh lấy tỉnh thành Nghệ-An mà trong trại lính đã có bạn đồng chí hẹn hò nội ứng. Nhưng khi đến nơi, chính ông bị quân Pháp tập kích mà chết. Nhân sĩ Nghệ An thương ông anh dũng, có lam bài văn tế cực thống thiết.

1943-1944

Thêm Việt-Nam Ái-Quốc đảng của ông Nguyễn-xuân-Chữ, Vũ-Đình-Di, và Lê-Toàn.

Năm sau có Dân-chủ đảng của ông Dương-đức-Hiền, Vũ-đình-Hoè, Phan-Mỹ.v.v... sau nhập vào mặt trận Việt-Minh, nhưng hoạt động của

Dân-Chủ Đảng rất là yếu tuy rằng trong Dân Chủ Đảng có nhiều trí-thức tham-gia.

Đến sau cuộc đảo-chính mùng 9 tháng 3 năm 1945 thì có Đại-Việt Quốc-Gia Liên Minh của Nguyễn-xuân-Mai, Bùi-như-Uyên, Ngô-thúc-Địch, Nguyễn-Thế-Nghiệp, Nguyễn-Ngọc-Sơn, Nhượng-Tống v. v.

Nhưng không đảng nào mạnh và khéo tổ chức hơn Việt-Minh (tức Đông Dương Cộng Sản đảng hóa thân), cho nên sau khi Nhật-Bản đầu hàng thì Việt-Minh chụp ngay cơ hội cướp được chính-quyền lôi cuốn được dân chúng.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, mặt trận Việt-Minh nắm chính quyền ở Bắc-Bộ ; ngày 24, vua Bảo-Đại thoái-vị ; ngày 25, ảnh hưởng Việt-Minh tràn khắp Trung, Nam-Bộ. Qua mùng hai tháng 9, tuyên bố thành lập Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-hòa chính thể.

Bản thống-kê các cuộc khởi nghĩa trên đây là một chứng cớ tự nó đủ hùng biện để bầy tỏ không cách nào rõ rệt hơn cái tinh thần tranh đấu của Việt-Nam cận đại.

Nếu chúng tôi nói trong 80 năm, người Việt-Nam mất độc lập, thì xét trong 80 năm vừa đây nước Pháp thực dân cũng đã trải bao nhiêu nhọc nhằn mới nắm được chủ quyền trên đất này.

Cuộc chiến tranh lúc loè ra khói lửa, lúc âm ỷ như hòn than phủ một lượt tro chỉ rình cơ hội để lại bùng ra. Đó là một sự-trạng đã kéo dài trong giai đoạn 80 năm giữa Việt và Pháp.

Đáng kể nhất trong các cuộc khởi nghĩa bằng võ trang hay các cuộc vận động cách mạng là

phong trào Cần-Vương do cụ Phan-Đình-Phùng tại Nghệ-Tĩnh, Hoàng-Hoa-Thám ở Bắc-Giang, việc Đông-Kinh Nghĩa-Thục do các cụ Lương-văn Can, Nguyễn-Quyền v.v.. chủ trương trên đây năm chục năm rồi đến những hoạt động cách mạng và chính trị của hai đảng Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng và Đông-Dương Cộng-Sản Đảng.

Những chiến sĩ quốc gia đó từ phái cựu học đến tân học cho đến những người bình dân rất nhiều kế tiếp nhau từ thế hệ này qua thế hệ khác tỏ rõ tinh hoa của xứ này không phải là ít trước công cuộc giải phóng dân tộc.

Nói đến chiến sự thì phần nhiều người Việt chỉ áp dụng chiến thuật du kích bởi kém khí-cụ lợi hại, nhân sự ít ỏi, việc tiếp tế không được xung mãn thế mà đối phương cũng phải lao đao khốn khổ vô cùng. Cuộc khởi nghĩa của cụ Phan-Đình-Phùng kéo dài đúng 10 năm. Cụ Hoàng - Hoa - Thám kháng cự tại miền Trung và Bắc Việt dòng dã 30 năm khiến quân đội Pháp chết hại không biết bao nhiêu mà kể và cũng nên nhận rằng : để chinh phục Việt-Nam, người Pháp đã cố gắng rất nhiều về sinh mệnh và tiền tài. Về phần người Việt, những anh hùng liệt nữ cùng dân chúng bị giết hại và cầm tù cũng hàng vạn ở Côn-Đảo và các miền lam sơn chướng khí. Vậy mà cuộc tranh đấu vẫn cứ tiếp tục đến giờ phút cuối cùng này.

Bình luận về hình thức của các phong trào tranh đấu kể trên, Tuần Báo Cải-Tạo (số đặc sản) nói :

« Phong trào 80 năm tranh đấu của ta, mới xem có thể tưởng như rời rạc, không có liên quan

với nhau. Kỳ thật, nó có hệ-thống nối liền một mạch. Bắt đầu từ Văn Thân vận động, trải qua hải ngoại vận động, cho tới phong trào dân chung, đảng phái nhất nhất có từng lớp liên lạc, tương sinh mà không tương khắc. Có khi phong trào vận động này phải thất bại điêu đứng để rồi dẫn tới phong trào tranh đấu kia, hay là vận động này chỉ là tiềm tàng lực lượng để nuôi lên vận động khác.

Đã thế, chúng ta lại nhận thấy cuộc tranh đấu liên tiếp hơn 80 năm, phát hiện ra đủ cách, đủ vẻ, tùy thời tiến triển, không một sắc-thái nào, không một phương pháp nào mà chẳng có.

Về quân sự ư? Thoạt tiên nghĩa sĩ Trương-Định và văn thân trong Nam kế tiếp dấy binh kháng Pháp bằng gậy tầm vông, dần dà ra đến Trung Bắc, quân sự tranh đấu của ta mỗi ngày một tiến tới hơn. Những trận Ba-Đình, Bãi-Sậy, Hương-Khê, Yên-Thế, Thái-Nguyên, Tà-Lùng, Yên-Báy, Đô-Lương v.v... Kế tiếp nhau phát khởi, tỏ ra sự tranh đấu của dân tộc ta không thể xem thường. Nhất là đối với chiến lũy Ba-Đình, năm 1887, Pháp điều động một lúc hơn 4 nghìn quân và vây đánh 3 tháng mới phá nổi.

Về ngoại giao ư? Bước sang đầu thế kỷ này, nhà nho ta tự động duy tân, sang Tàu, sang Nhật ngoại giao cầu viện, mở ra phong trào Đông Du, thanh niên được xuất dương cầu học rất đông. Cái phản hưởng của phong trào ấy là bắt buộc chính quyền thực dân phải bỏ « *chính sách ngu dân* » họ định làm ở xứ này, mà lần hồi mở mang việc

học mới. Ta không nên quên dưới triều Tự-Đức có những nhân sĩ ái quốc như ông Bùi-Viện tự động sang Mỹ ngoại giao vì mục đích chính trị, hay ông Nguyễn-tư-Giản dâng sớ xin bí mật ngoại giao với Đức, để họ kiềm chế bớt thế lực Pháp đang bành trướng ở Việt-Nam.

Về vận động học sinh và dân chúng ư ? Nhiều người tưởng đâu nước ta sau 1925 trở đi, mới phát khởi phong trào ấy. Sự thật từ 1885 đã có phong trào học sinh ái quốc nhóm lên rồi : Mấy nghìn học sinh đang thi cử ở Bình-Định ầm ầm phá trường đi ra khi nghe tin kinh thành thất thủ. Từ 1908, ở nhiều tỉnh Trung-Bộ kéo nhau đi hàng nghìn, đòi bớt sưu thuế, ấy là trang đầu lịch-sử dân chúng vận động ở nước ta vậy.

Chúng tôi đã nói cuộc tranh đấu của dân tộc Việt-Nam trải 80 năm, phương pháp nào và sắc thái nào cũng có cả. Nào văn hóa, nào lao công, nào báo chí tự do, nào kết xã lập hội, nào kinh tế hoạt động, mặt nào cũng có người đứng ra gây nên phong trào tranh đấu và chịu hy sinh. Bước sang đầu thế kỷ này, các cụ nhà nho Bắc-Hà và Trung-Bộ tổ chức những hiệu buôn nọ và xưởng kỹ nghệ kia, đối với chính sách thực-dân cũng là một tội ; vì thế mà các cụ bị án đi đầy chẳng phải ít.

Nhưng, với sự nhận định thời thế mới, với sự hiểu biết mới, đồng bào ta mỗi ngày khuynh hướng công thương một nhiều vì lòng yêu nước, vì muốn tranh đoạt về cho Tổ Quốc những quyền lợi kinh tế hầu hết ở trong tay ngoại nhân nắm giữ. Công việc hoạt động của những người có óc

kinh doanh lớn lao ,như Bạch-Thái-Bưởi, Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn-Thiều, Cai Ba Thục v.v . . ta không thể nào không để sự nghiệp kinh tế của họ vào quyền sử dân tộc tranh đấu.

Các bạn xem đó, non một thế kỷ Pháp thuộc dân tộc Việt-Nam có chịu ngừng tranh đấu lúc nào không?

Chọi với chế độ thực dân mặc dầu có sức mạnh gấp trăm gấp nghìn, chủ nghĩa quốc gia dân tộc Việt-Nam luôn luôn sôi nổi ở trong tấc lòng yêu nước và phát ra những việc làm có mục đích tranh đấu để dành lại chủ quyền cho Tổ quốc.

Ta thấy 80 năm qua, nước Pháp có giập tắt được phong trào tranh đấu ấy đâu, hay là chỉ làm cho nó càng ngày bồng bột thêm, rắn chắc thêm, tất phải đi tới kết quả đúng theo trào lưu thế giới và dân nguyện Việt-Nam.

Nghĩa là *Việt Nam phải được độc-lập và thống nhất thực sự, không thì dân tộc này còn phải tranh đấu mãi không thôi.*

Trước khi giới thiệu mấy tổ chức và phong trào Cách-mạng của người Việt-Nam chúng tôi xin kể một vố công mà người Pháp cực lực thán phục vừa về phương diện tổ chức vừa về phương diện tinh thần :

Trận Ba Đình.

Trận này đã làm cho người Pháp tai hại rất nhiều. Ba Đình là một chiến lũy vô cùng hiểm trở gồm có ba làng Mỹ-Khê, Mậu-Thịnh và Thượng-Thọ ở vào giữa một cánh đồng lầy và một khuỷu sông.

Chung quanh chiến lũy này là tre và đất xây thành ụ chỉ có một đường độc đạo để liên tiếp với đồn Ma-cao cách nhau 30 cây số. (Ba-Đình thuộc về Thanh-Hóa). Chiến lũy chỉ rộng 400 thước và dài vào khoảng 1200 thước. Nơi đó chôn không biết bao nhiêu sinh mệnh chiến sĩ Việt Pháp.

Ba-Đình thành chiến địa lúc đó vì kinh thành Huế bị lọt vào tay quân Pháp Vua Hàm-Nghi cùng bọn ông Tôn-Thất-Thuyết chạy ra Hà-Tĩnh để lo cuộc khôi phục. Ông Trần-Xuân-Soạn được ủy ra Thanh-Hóa hợp lực với các nhân sĩ Ái-Châu (Thanh-Hóa) lập một căn cứ mục đích chẹn đường tiếp tế của quân Pháp từ Bắc vào Trung,

Cái kỳ công xây dựng nên chiến lũy Ba-Đình là ở ông Đinh-Công-Tráng một người bình dân giỏi quân sự, rất nhiều kinh nghiệm vì khi xưa đã theo Hoàng-Kế-Viêm và Lưu-Vĩnh-Phúc, chủ tướng quân Cờ Đen, Cờ Vàng, trong nhiều trận giao tranh với Pháp, trên đất Bắc.

Nam quân lúc đó không có nhiều, chỉ độ 600 người khí giới chỉ là giáo, mác, mã-tấu, súng đạn thì rất ít và rất cổ sơ.

Buổi đầu quân Pháp khinh địch, sau bị nhiều trận mất người hại của vì những cuộc đột kích mãnh liệt nên họ phải tấn công ráo riết nếu không họ mất sự liên lạc và con đường tiếp tế thuận lợi nhất từ Bắc vào Trung.

Pháo binh hạng nặng hạng nhẹ nhằm chiến lũy Ba-Đình bắn vào như mưa mà chiến lũy vẫn không lay chuyển. Họ cho từng tốp lội nước, lội đồng mà tiến vào đến đâu chết đến đấy.

Cuối năm 1885, ba tướng BRISSAUD, METZINGER và DODDS được ủy mang 4000 quân, ngót một nửa (1900) là lính bản xứ còn toàn lính người Âu và Lê-Dương đủ mặt: pháo binh, công binh, sĩ quan có tới 76 viên trong đó có Đại-úy Joffre sau này được thăng Thống-Chế hồi Đại-Chiến 1914-1918.

Lúc đánh Ba-Đình đại úy Joffre bị trúng thương suýt chết sau nhờ một người lính tập cõng chạy thoát.

Đó là chiến sự về mặt bộ, còn về mặt thủy, nhà binh Pháp đem 4 chiến hạm do các tướng Thusmine, Surcouf, le Prieur và Daudin tấn công vào.

Hai bên xô xát kịch liệt; về bên quân đội Pháp, họ cũng rất mạo hiểm. Qua ngày mồng 6 tháng Giêng 1887, họ lại xung phong một lượt nữa bị chết 50 người và 4 sĩ quan. Ba-Đình vẫn bất di bất dịch một cách ngạo nghễ.

Tướng Brissaud liền huy động hết lực lượng quân sự ngoài Bắc đưa vào, vây bọc Ba-Đình các mặt. Đại bác nã vào như mưa, quân đội Pháp lấy ván bắc cầu leo vào thành qua ngày 20 mới hạ nổi.

Nhưng lúc đó thì quân Việt đã rút về Ma-Cao. Quân Pháp đuổi theo thì Đinh-công-Tráng chạy vào Nghệ-An bị trúng đạn tử trận.

Nhà chép sử cho rằng trận Ba-Đình là một võ công oanh liệt bậc nhất.

Phong trào Văn-Thân Việt-Nam

VIỆC mất lục tỉnh Nam-kỳ do hòa-ước 1862 và 1874 đã là một tiếng sét lớn rung chuyển cả bầu trời Việt-Nam khiến triều Tự-Đức cùng các sĩ-phu thời đó xúc-động vô cùng. Cuộc chính biến ấy kích thích mạnh vào tinh thần quốc gia Việt-Nam và cái bản-năng tự cường của dân tộc này đã từng trải qua bao nhiêu sự thử thách gay go của thời cuộc.

Mở đầu cho phong trào Văn-Thân là hai ông Trần-Tấn và Đặng-Như-Mai người Nghệ-Tĩnh cùng 3000 đồng-chí trong hạt. Bài hịch : Bình-Tây-Sát-Tả của hai vị đại ý nói rằng :

« Mặc dầu triều đình đã hòa với Pháp, nhưng sĩ-phu Việt-Nam, không tán đồng và chủ trương chống nhau với người Pháp để lấy lại đất đai và chủ-quyền Việt-Nam ở những nơi bị chiếm và để bảo tồn nền văn-minh cố-cựu của Á-Đông . . . »

Tổng-Đốc Nghệ-An là ông Tôn-Thất-Triệt cũng có ý nghiêng về Văn-Thân và phong trào này càng ngày càng lan rộng, tạm kể các ông Sơn-Phòng-Sứ Trần-Văn-Dự cùng các thân hào Quảng-Nam lập ra nghĩa hội, Trương-Đình-Hội, Nguyễn-Tự-Như ở Quảng-Trị, Nguyễn-Phạm-Tuân ở Quảng-Bình, (Nguyên tri-phủ) Lê-Hinh (Hà-Tĩnh) Nguyễn-Xuân-Ôn tức Nghè Ôn, Lê-Doãn-Nhạ, Quan Sơn Phòng-sứ (Nghệ-An) Hà-Văn-Mao (Thanh-Hóa) Mai-Xuân-Thưởng, Bùi-Điền, Nguyễn-Đức-Nhuận

(Phú-Yên và Bình-Lục). Ngoài Bắc-Hà bấy giờ cũng vô cùng rối ren về giặc Tầu, Cờ-Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng và nhiều đảng khác do người Việt nổi lên, đồng thời quân đội Pháp của Đại-Tá Henri Rivière ra Hanoi (1881) hạ thành này hồi 11 giờ ngày 8 tháng 3 năm Nhâm-Ngọ và sau đấy nhiều tỉnh khác của Bắc-Hà cho tới khi Việt-Pháp ký kết hòa-ước Patenôtre năm 1884 là Hiệp-Ước thừa nhận đặt quyền Bảo-Hộ của người Pháp trên giải đất này. Nhân sĩ đất Bắc cũng cùng lòng công phẫn như nhân sĩ Trung-Việt có ông: Tán-Tương Nguyễn-Thiện-Thuật điều khiển phong trào bãi Sậy, Đề-Đốc Nam-Định Tạ-Hiện, Án-sát-Sứ Phạm-Vũ-Mậu, Tri-Phủ Hoàng-văn-Hoè, Đốc Tít xưng hùng ở Kinh - Môn (Hải-Dương) Vũ-văn-Lợi quật khởi ở Nam-Định và Đề Thám ngang tàng một cõi ở Nhã-Nam (Bắc-Giang), thanh thế rất lừng lẫy.

Trong triều-đình Huế, bọn ông Nguyễn-văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết không chịu được sự uy hiếp của Thống-Tướng De Courcy vừa sang Bắc-kỳ ngày 18 tháng 4 năm Ất-Dậu (1885) lại vào Huế luôn. Ngày 19 tháng 5 ông bắt buộc Triều-Đình Việt-Nam phải chịu quyền Bảo-hộ của nước Pháp. Trong việc giao thiệp với nhà vua ông đã tỏ nhiều *cử chỉ trịch thượng và khiếm nhã* (1).

---

(1) Thống Tướng đòi Triều Đình Huế phải mở cửa giữa không những mình Thống-Tướng vào để yết kiến nhà Vua lại cho cả quân đội vào nữa. Triều Đình xin chỉ mình Thống Tướng vào, như ngày xưa Triều-Đình Việt-Nam đã tiếp Đại-Sứ Trung-Quốc.

Thống Tướng không chịu. Ông Tôn-Thất-Thuyết cáo ốm có ông Nguyễn-văn-Tường cũng là Phụ-Chính ra đón Thống-Tướng. Ông nhất định đòi khiêng ông Thuyết đến.

Thái độ này cho ta biết rằng lúc đó Pháp đình quyết định xâm chiếm Việt-Nam cũng như nhiều nước Tây Phương từ đầu thế kỷ 15 ở Viễn-Đông.

Đồng thời nó báo trước cho sĩ-phu Việt-Nam biết nước Pháp bắt đầu thi-hành chính sách của kẻ mạnh. Triều đình Huế thấy rõ mọi sự mềm rẻo. hòa-hoãn (1) đều đã thất bại và tình thế của mình đã bị rồn đến bước đường cùng, nên đành phải mở cuộc binh đao, có lẽ đâu không biết tự lượng sức mình.

Theo ý chúng tôi đây chỉ là một vấn đề quốc sỉ (2).

Lúc đó mọi việc của Triều đình do bọn ông Thuyết định đoạt. Tối hôm 22 tháng 5 thì quân Pháp (trong thành Mang-Cá) bị đánh úp nhưng quân Việt-Nam không thâu lượm được kết qủa gì đáng kể. Trước khi xảy ra chiến tranh, ông Thuyết đã rước vua Hàm-Nghi rời kinh thành, ít ngày sau

---

1) Ngoài Bắc-Hà việc Đồ-Phổ Nghĩa tự do mở đường thông thương trên sông Nhị-Hà không lý gì đến việc điều đình của quan lại Việt-Nam là phạm vào hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) và y lại còn bắt viên quan phòng thành Hà nội giam lại cho tới khi Thiếu-Tướng Dupré bấy giờ là Thống Đốc Nam-kỳ cử Đại-úy Francis-Garnier ra Bắc nó để thu xếp việc Đồ-Phổ Nghĩa mà chính là để chiếm Bắc-kỳ cho nên ít bữa sau 15.10.1873 (Quí Dậu) đã xảy ra việc hạ thành Hà nội và các tỉnh Bắc-Kỳ. (Trước đó ông đã viết về Bộ Thuộc Địa ở Ba-Lê nói rằng cần lấy Bắc-Kỳ thì sự cai trị của người Pháp ở Viễn Đông mới vững chắc).

2) Chúng ta hãy tưởng tượng nếu trong giai đoạn này người Pháp cứ dàng hoàng lấy hết xứ này đến xứ khác, Triều-Đình và nhân sĩ Việt-Nam cứ khoanh tay không có một phản lực nào thì chúng ta, về điểm này, trả lời Quốc-Tế và thế-hệ sau của chúng ta ra sao?

ra tới Quảng-Bình. Ông làm hịch Cần Vương truyền đi các nơi. Đại tá Chaumont đem quân ra đóng Quảng-Bình để chặn bọn ông Thuyết không cho giao thông với Bắc-Kỳ. Nhưng ở Nghệ-An và Thanh Hóa nghĩa quân hoạt động rất mạnh. Thiếu-tá Grégoire được ở lại giữ Quảng-Bình, còn Đại-tá Chaumont trở về Đà-Nẵng lấy thêm viện binh và tầu chiến ra đóng ở Nghệ-An và tuần tiễu các nơi.

Tháng 9 năm Bính-Tuất 1886, ông HOÀNG-KẾ-VIÊM được vua Đồng-Khánh phong làm An-phủ Kinh-Lược đại sứ ra Quảng-Bình chiêu dụ vua Hàm-Nghi và các Văn-Thân yêu cầu các vị trở về và sẽ được hưởng các địa-vị như cũ. Việc chiêu dụ này có thể nói là thất bại vì các lãnh tụ Cần-Vương không ai nghe theo, trừ một số thủ hạ không đáng kể. Ông Hoàng-Kế-Viêm bị rút công-tác tháng 5 năm Đinh-Hợi (1887) vì lẽ đó.

Bấy giờ quân Cần Vương rải rắc chiến đấu khắp nơi, ông Đề Đốc Lê-Trực đóng ở Thanh-Thủy thuộc huyện Tuyên-Chánh ; Tôn-Thất-Đạm (con ông Thuyết) đóng ở Ngàn Hà-Tĩnh ở hai hạt Kỳ-Anh và Cấm-xuyên Tôn-Thất-Thiệp (con ông Thuyết) và Phạm-Tuân cùng vua Hàm-Nghi loanh quanh ở huyện Tuyên-Hóa.

Xuốt Trung-Nam-Bắc lúc đó rối ren, người Pháp phải chia nhau đi đánh dẹp các nơi bởi mọi cuộc phủ dụ đều thất bại.

Đại-úy Mouteaux ở Quảng-Bình cùng với Cố Tortuyaux đem quân đi đánh ông Lê-Trực ở Thanh-Thủy vì biết ông Lê-Trực là người nghĩa khí nên ông Monteaux có viết thư mời ông về nhưng ông khước từ bằng lời thơ sau này :

« Tôi vì vua vì nước, chết sống cùng một lòng làm cho hết bổn-phận chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa ».

Bấy giờ Pháp đóng quân ở đồn Minh-Cầm, bọn ông Trực phải lui về phía trên, sau đó ông Lê-Trực ra mạn Hà-Tĩnh, ông Nguyễn-Phạm-Tuân ra đóng ở Yên-Lộc miền nam sông Gianh. Qua tháng ba do thám mách Đại-Uý Mouteaux nơi ông Nguyễn-Phạm-Tuân đồn trú (Yên-Lộc). Người ta vây bắt được cả bọn, ông Tuân bị đạn bên cạnh sườn; mấy ngày sau thì mất.

Điều người Pháp cần nhất là tìm bắt vua Hàm-Nghi, biết rằng dân chúng rất có cảm tình với nhà vua mà vì thế cuộc khởi nghĩa của Cần-Vương được một phần hậu-thuẫn rất mạnh. Người Pháp khi ấy chưa dò được tung-tích của Ngài thì ít tháng sau có kẻ mách rằng muốn bắt được vua Hàm-Nghi thì phải có tên Trương-Quang-Ngọc ở làng Trà-Mạc lúc đó đang được ra vào hầu cận. Ngọc là kẻ tiểu nhân có thể mua chuộc được. Đại-Uý Mouteaux liền dùng tiền bạc danh lợi dỗ được bọn tổng-lý hạt Minh-Cầm nên liên lạc được với Trương-Quang-Ngọc, y nhận giúp quân Pháp nhưng chưa dám hẹn có thể bắt được nhà vua ngay. Khi ấy, bên cạnh vua Hàm-Nghi có Tôn-Thất-Thiệp một thanh niên anh dũng không bao giờ rời vua nửa bước. Kẻ nào bàn đến việc về thú đều bị giết ngay lập tức vì vậy mà bọn Trương-Quang-Ngọc còn e-dè. Còn bọn ông Lê-Trực và Tôn-Thất-Đạm cùng nghĩa-quân lưu-động nay chỗ này mai chỗ kia ; người Pháp mệt sức mà cũng không tiêu diệt nổi, vì vậy Đại-Uý Mouteaux xin về Pháp nghỉ.

Thay ông trong công việc này là viên Đại-tá chỉ-huy ở Huế, ông này ra Quảng-Bình tiếp tục công cuộc kể trên nhưng tình thế của đôi bên cũng không ra khỏi chỗ bế tắc : người Pháp vẫn không diệt nổi Văn-Thân mà Văn-Thân cũng chỉ làm được việc quấy rối lung-tung khắp nơi cho đến ngày tháng 9 năm ấy quân lính Pháp mỏi mệt đã định rút về miền bể thì một kẻ hầu cận vua Hàm-Nghi là Xuất-Đội Nguyễn-Định-Tình ra thú ở đồn Đồng-Cả, phía trên đồn Minh-Cầm. Tên này khai rõ ràng tung tích của vua Hàm-Nghi và nhân-sự quanh Ngài. Người Pháp dùng hắn để liên-lạc với Trương-Quang-Ngọc và tên Bược, bọn này tình nguyện mấy hôm sau sẽ bắt được vua Hàm-Nghi. Lệnh của quân Pháp là phải bắt sống vua Hàm-Nghi, ngoài ra ai chống cự thì cứ giết. Rồi ngày 26 tháng 9 năm đó là ngày tuyệt vọng của ông vua bô-đào, là ngày tan vỡ mộng khôi phục lại chủ-quyền và giang san của tổ-tiên, là ngày tàn lụi của nhân-sĩ Việt-Nam : Vua Hàm-Nghi bị bọn vong bản bắt nộp cho người Pháp. Bấy giờ vào hồi nửa đêm, Ngọc và Tình đem 20 thủ hạ người làng Thanh-Lang và Thanh-Cuộc đến vây làng Tả-Bảo là chỗ trú ẩn của nhà vua.Tôn-Thất Thiệp đang ngủ nghe có biến vùng dậy cầm gươm nhẩy ra thì bị chúng đâm chết ngay.

Vua Hàm-Nghi nhận thấy Ngọc giận uất vô cùng, trao cho nó thanh kiếm và bảo rằng :

« *Mày giết tao đi còn hơn đem tao nộp cho Tây* ».

Một kẻ nhanh tay lẻn ôm lưng Ngài và kẻ khác giật lấy thanh kiếm. Từ lúc bị bắt cho tới khi đến trại Pháp, Ngài đau đớn không nói năng được nửa lời. Sáng hôm sau bọn tên Ngọc võng Ngài ra bến

Ngã-Hai xuống một chiếc bè đi hai ngày tới đồn Thanh-Lang nộp cho Đại-Uý Boulangier. Ngay lúc đó ông Boulangier đưa Ngài về đồn Thuận-Bài gần chỗ đồn bên tả-ngạn sông Gianh. Rồi Ngài xuống tầu về Thuận-An và sau đó bị đầy đi Algérie, mỗi năm được cấp 25.000 phật lăng. Bấy giờ Ngài mới 18 tuổi.

Trương-Quang-Ngọc được thưởng hàm Lãnh-Binh, Nguyễn-Định-Tinh thăng trật.

Việc vua Hàm-Nghi bị bắt đã đem lại một ảnh-hưởng tai hại cho phong trào Cần-Vương như chúng tôi đã nói trên đây và làm nản lòng một phần chiến sĩ trong hàng ngũ cứu-quốc. Ngoài ra, địa vị của người Pháp mỗi ngày một vững vàng và rộng rãi, trái lại sức tranh đấu của Văn-Thân không tiến được nhiều cho nên sau này lực-lượng cứu-quốc tan rã dần đi.

Tôn-Thất-Đạm nghe tin vua Hàm-Nghi bị bắt liền hội các tướng sĩ đến hiểu-dụ rằng tình thế mỗi ngày mỗi bất lợi, kéo dài cuộc chiến tranh càng thêm hại và khuyên mọi người ra thú để về an-cư lạc-nghiệp. Ngoài ra ông có gửi về hai bức thư một cho vua Hàm-Nghi là cả một thiên trường-hận của người tôi trung, một thiếu-niên anh-hùng chỉ biết sống còn cùng đất nước. Một cho Thiếu Tá Dabat ở đồn Thuận-Bài chắc để yêu cầu sự an-toàn cho các đồng-chí.

Viết thư xong rồi ông nói :

« *Quân Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm mả ta ở trong rừng.* » Ngay bấy giờ ông thắt cổ mà chết. Hai bức thư này đại-uý Gosselin có phiên dịch ra tiếng Pháp và in trong cuốn Empire d'Annam của ông, lời lẽ rất cương quyết và khảng khái,

Phan-Đình-Phùng

Ngày 27 tháng 12 năm Mậu-Tí (1888), vua Đồng-Khánh qua đời, sau khi Triều đình Huế ký giấy nhường cho người Pháp làm nhượng-địa ba thị-trấn : Đà-Nẵng, Hà-nội, Hải-phòng, tháng 8 năm ấy. Vua Thành-Thái lên kế-vị lúc đó mới 10 tuổi.

Phong trào Văn Thân bắt đầu nhạt dần. Một ít người ra thú còn nhiều người mai danh ẩn-tích trong các nơi thâm sơn cùng-cốc. Không nản lòng mặc dầu thời cuộc mỗi ngày một khó khăn cho mình, ông Phan-đình-Phùng vẫn tiếp tục tranh đấu.

Ông là người làng Đông-Thái, Tổng Việt-Yên, huyện La-Sơn tỉnh Hà-Tĩnh. Năm 1825 khi vua Hàm-Nghi ở trong miền Thượng-Du Hà-Tĩnh ông có đến bái yết. Vua phong cho ông làm Tán-Lý quân vụ thống xuất các đạo nghĩa-binh.

Ông mở đồn điền Vũ-Quang phía Bắc huyện Hương-Khê thuộc về Hà-Tĩnh, cắt cử người sang Xiêm và Trung-Hoa học đúc súng đạn và các thứ quân khí.

Trung tuần tháng 11 năm Quý-Tị (1893) ông mang quân đến vây nhà Trương-Quang-Ngọc ở làng Thanh-Lạng, huyện Tuyên-Hóa, bắt Ngọc chém đầu để trừng phạt làm gương cho những kẻ phản quốc.

Có nên nói rằng : ông là tay kiệt hiệt nhất trong đám Văn - Thân ? Ông đỗ Đình-Nguyên đời vua Dực-Tôn giữ chức Ngự-Sử trong triều. Hồi đó vua Dực-Tôn qua đời ngày 16-6 Quí-Mùi (1883). Lăng-Quốc-Công huý Hồng-Dật lên ngôi hiệu là Hiệp-Hòa. Vốn là người trung-trực và rất ái-quốc, ông đã dám đứng lên phản đối việc bỏ vua Dực-Đức mà lập

em vua Dực-Đức là Lăng-Quốc-Công trong khi này dưới quyền độc đoán của các quan phụ-chính Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường luôn luôn chém giết, không ai dám hé răng. Vì việc này mà ông bị giam sau bị cách chức đuổi về.

Không những họ Phan có tài văn chương, lại giỏi cả về binh cơ thao lược, có óc tổ chức quân sự, biết gây tinh-thần kỷ-luật. Người Pháp, ông Gosselin bàn đến phong trào Văn-Thân trong cuốn Empire d'Annam phê bình ông Phan như sau :

« *Quan Đình - Nguyên Phan - Đình - Phùng là người có tài về quân sự, biết tổ chức và huấn luyện binh sĩ theo lối Thái - Tây. Quân đội của ông mặc quần áo cùng một kiểu, dùng súng kiểu 1874 do ông sáng chế ra đúng như súng của người Pháp (chỉ khác nòng không sẻ dãnh nên bắn không xa lắm).*

Năm 1886, lực lượng của ông đã khá, ông chiếm đóng làng Hương-Sơn, nhưng năm sau ông thất bại nhiều lần phải bỏ Hương-Sơn, Hương-Khê ra Bắc để liên-lạc với các nhân sĩ Bắc-Hà. Ông có một đại-tướng là Cao-Thắng đủ can đảm, mưu-cơ trí lược giúp ông trong những khi ông vắng mặt. Từ núi Vũ-Quang đến Trung-Khê, Trí-Khê đồn trại của Văn-Thân san sát kéo dài trên vài trăm cây số, chia ra 15 nơi quân thứ đủ văn võ để lo liệu mọi việc.

Tuần Phủ Đinh-Nho-Quan lĩnh chức Tiễu-Phủ Quân vụ miền Hương-Sơn để đàn áp quân Nghĩa-Dũng và đã bị sa vào tay Nghĩa-Dũng sau một trận lớn. Đinh-Nho-Quan bị bắt đem về xử tội hồi đó là năm 1892.

Năm sau Nghĩa-Quân khởi thế công rất dữ rội vào thành Nghệ-An và nhiều đồn Pháp ở dọc đường không may Cao-Thắng tử trận nên Nghĩa-Quân lại rút về giữ thế thủ ở Hương-Khê (Hà-Tĩnh).

Năm 1895, Nghĩa-quân lại đánh mạnh và toàn thắng ở Vũ-Quang làm quân Pháp bị thiệt hại nặng nề : tử trận ba sĩ quan, mất 100 khẩu súng, đồ đạc và tiền nong rất nhiều.

Trong 10 năm kháng chiến của Cần-Vương, trận này đáng kể hơn cả.

Sau cùng đến năm 1895, ông Phan-đình-Phùng lúc đó đã ngoài 70 tuổi gian lao nhiều quá, bị bệnh lỵ rồi mất. Từ đó Nghĩa-quân tan vỡ dần và đi tới chỗ tuyệt diệt.

*
*

Ôi, luận sự nghiệp anh-hùng có đâu nhìn vào chỗ thành hay bại, giá trị người hào kiệt là ở chỗ dám làm những việc mà kẻ khác non gan. Đem ngọn bút lông chống với đại bác, họ Phan có đâu không biết lượng sức mình sức người, nhưng nếu chịu còng lưng cúi cổ cho người đặt ách lên vai, không những là làm nhục Lịch-Sử thời ấy mà còn làm mất cái hào khí của những người sau. Kẻ vì nước vì dân chỉ nghe tiếng gọi của núi sông, chỉ tin-tưởng ở mình có giòng máu của bao liệt-nữ anh-hùng đã từng đánh bại xâm-lăng mà vung gươm xông vào nơi rừng tên núi đạn, ví như dân tộc Việt-Nam không có tin-tưởng ấy thì đất nước Việt-Nam đâu còn đến bây giờ !

Bằng cái chết của mình, họ Phan như bao nhiêu chiến-sĩ Lạc-Hồng, đã nuôi cái tinh thần

tranh đấu của dân tộc. Cái bại hôm qua phải chăng là nguồn gốc của cái thắng ngày nay ?...

Để tỏ tấm lòng cương cường của nhà cách mạng họ Phan, chúng tôi xin trích ra đây bức thư của họ Phan trả lời ông Hoàng-Cao-Khải khi ấy được người Pháp ủy ra chiêu dụ họ Phan biết rằng giữa Phan và Hoàng là chỗ cố tri thuở trước, lại vừa là người đồng hương nữa.

« Hoàng quý-đài các hạ.....

« Gần đây, tôi vì việc quân, ở mãi trong chốn rừng rú, lại thêm lúc này tiết trời mùa đông, khí hậu rét quá, nông nỗi thiệt là buồn tênh. Chợt có người báo có thơ của cố nhân gởi lại. Nghe tin ấy, không dè bao nỗi buồn rầu lạnh lẽo tan đi đâu mất cả. Tiếp thơ, liền mở ra đọc, trong thơ cố nhân chỉ bảo cho điều họa phúc, bày tỏ hết chỗ lợi hại, đủ biết tấm lòng cố nhân, chẳng những muốn mưu sự an toàn cho tôi thôi, chính là muốn sự yên-ổn cho toàn hạt ta nữa. Những lời nói gan ruột của cố nhân tôi đã hiểu hết, cách nhau muôn dặm tuy xa, nhưng chẳng khác gì chúng ta được ngồi cùng nhà nói chuyện với nhau vậy.

« Song le tâm sự và cảnh ngộ của tôi có nhiều nỗi muôn vàn khó nói hết sức. Xem sự thế thiên hạ như thế kia, mà tài lực tôi như thế này, ý như lời cố-nhân đã nói **thân con bọ ngựa là bao mà giám giơ cánh tay lên muốn cản trở cỗ xe sao nổi mà không biết**; *việc tôi làm ngày nay, sánh lại còn quá hơn nữa, chẳng phải như chuyện con bọ ngựa đưa tay ra cản xe mà thôi.*

« Nhưng tôi ngẫm nghĩ lại, nước nhà mình mấy nghìn năm nay, chỉ lấy văn hiến truyền nối nhau

đời nầy đến đời kia, đất nước chẳng rộng, quân lính chẳng mạnh, tiền của chẳng giầu, nhưng có chỗ ỷ-thị dựa nương để dựng nước được, là nhờ có cái gốc vua tôi cha con theo năm đạo thường mà thôi. Xưa kia nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh, bên Tầu, bao nhiêu phen lăm le muốn chiếm lấy đất ta làm quận huyện của họ mà vẫn không chiếm được.

«Ôi ! nước Tầu với nước ta, bờ cõi liền nhau, sức mạnh hơn ta vạn bội, thế mà trước sau họ không thể mạnh mà nuốt trôi nước ta được, nào có vì lẽ gì khác đâu, chẳng qua non sông nước Nam, tự trời định phần riêng hẳn ra rồi, và cái ơn huệ thi thơ lễ nghĩa vẫn có chỗ đủ cho mình tự có thể trồng cậy dựa nương lắm vậy. Đến nay người Pháp với mình, cách xa nhau không biết là mấy muôn dặm, họ vượt bể lại đây, đi tới đâu như là gió lướt tới đó, đến nỗi nhà vua phải chạy, cả nước lao xao, bỗng chốc non sông nước mình biến thành bờ cõi của người ta, thế là trọn cả nước nhà, dân nhà cũng bị đắm chìm hết thảy, chớ có phải là riêng một châu nào hay một nhà ai phải chịu cảnh lầm than mà thôi.

«Năm Ất-Dậu, xa giá thiên-tử ngự đến Sơn-Phong Hà-Tĩnh, giữa lúc đó, tôi đang còn có tang bà mẹ chỉ biết đóng cửa cư tang cho trọn đạo, chớ trong lòng há dám mơ tưởng đến sự gì khác hơn. Song vì mình là con nhà thế thần cho nên đôi ba lần Đức Hoàng-Thượng giáng chiếu vời ra, không lẽ nào có thể từ chối, thành ra tôi phải gắng gỗ đứng ra dâng chiếu, không sao đừng được.....

Gần đây Hoàng-Thượng lại đoái tưởng lựa chọn tôi mà giao phó cho việc lớn, ủy thác cho quyền

to, ấy mạng vua ủy-thác như thế, nếu cố-nhân đặt mình vào trong cảnh tôi, liệu chừng cố-nhân có đành chối từ trốn tránh đi được hay là không?

«Từ lúc tôi khởi nghĩa đến nay, đã trải 10 năm trời, những người đem thân theo việc nghĩa, hoặc là bị trách phạt, hoặc là bị chém giết, vậy mà lòng người trước sau chẳng hề lấy thế làm nản trí ngã lòng bao giờ. Trái lại họ vẫn ra tài giúp đỡ cho tôi, vả lại số người mạnh bạo ra theo tôi càng ngày càng nhiều thêm mãi. Nào có phải người ta lấy điều tai vạ hiểm nguy làm sự sung-sướng thèm thuồng mà bỏ nhà dấn thân ra theo tôi như vậy đâu. Chỉ vì họ tin cậy lòng tôi, lượng xét trí tôi, cho nên hăm hở vậy đó thôi. Ấy lòng người như thế, nếu như cố-nhân đặt mình vào cảnh của tôi, liệu chừng cố-nhân có nỡ lòng nào bỏ mà đi cho đành hay không?

«Thưa cố-nhân, chỉ vì nhơn tâm đối với tôi như thế, cho nên cảnh nhà tôi đến nỗi hương khói vắng tanh, bà con xiêu tán, tôi cũng chẳng dám đoái hoài. Nghĩ xem kẻ thân với mình mà mình còn không đoái hoài huống chi là kẻ sơ; người gần với mình mà mình còn không bao bọc nỗi huống chi người xa. Vả chăng hạt ta đến nỗi điêu đứng lầm than quả không phải riêng vì tai họa binh đao làm nên nông nỗi.

« Phải biết quân Pháp đi tới, có lũ tiểu-nhơn mình tứa ra bày kế lập công, thù vợ oán cha, những người không có tội gì chúng nó cũng đâm thọc buộc ràng cho người ta là có tội, rồi thì bữa nay trách thế nọ, ngày mai phạt thế kia; phàm có cách gì đục khoét được của cải của dân, thì chúng nó cũng dùng tới nơi hết thảy. Bởi đó mà thói hư mối tệ

tuôn ra cả trăm cả ngàn, quân Pháp làm sao biết thấu cho cùng những tật khổ của dân trong chốn làng xóm quê mùa, như thế thì bảo dân không phải tan lìa trôi dạt đi sao được ?

« Cố-nhân với tôi, đều là người sanh đẻ tại châu Hoan, mà ở cách xa ngoài muôn ngàn dặm, cố nhân còn có lòng đoái tưởng quê hương thay huống chi là tôi đây đã từng lấy thân chịu đựng và lấy mắt trông thấy thì sao ? Không nói cảnh-ngộ bó-buộc, vả lại sức mình chẳng làm được theo lòng mình muốn, thành ra phải đành, chớ không biết làm sao cho được. Cố-nhân đã biết đoái hoài thương xót dân nầy thì cố-nhân nên lấy tâm sự tôi và cảnh ngộ tôi thử đặt mình vào mà suy nghĩ xem, tự nhiên thấy rõ ràng, có cần gì đến tôi phải nói dông dài nữa ư ? »

PHAN-ĐÌNH-PHÙNG
phúc thơ

Chúng ta xem bức thư của họ Phan đáp lời họ Hoàng thì hiểu họ Hoàng đã bầy tỏ sự lợi hại để dụ người chiến-sĩ, chứ chưa chắc đã dám đem mồi danh lợi ra dử con người tiết-tháo nên thư của họ Phan không có nhắc tới ý-kiến này. Nhưng họ Hoàng đã cho rằng đương đầu với quân đội Pháp là làm *chuyện con bọ ngựa đơ càng cản xe* thì thật là đáng buồn cho Hoàng dù sao cũng là một nhân sĩ thời đó. Ngay đến giờ phút này đối với cuộc kháng chiến của toàn dân, nhiều kẻ vào hàng trí-thức bình-luận đến thời cuộc cũng có cái luận-điệu như Hoàng. Với những kẻ mù-quáng vì danh lợi, hoặc vì tinh thần yếu hèn ấy, có chăng chỉ kiếp cá chậu chim lồng là đẹp hơn cả... Đây là một bài học về lịch sử, một giáo-lý thờ vua thờ nước, tiếc rằng cho đến ngày nay nhiều kẻ mũ cao áo giải cũng còn chưa lĩnh-hội nổi.

Hoàng và Phan là hai thân thế, hai sự nghiệp.

Một lưu danh muôn thuở, một bia miệng ngàn thu ...

Việt-Nam mất độc-lập do những hòa-ước nào?

SAU bao nhiêu triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, v.v. Việt-Nam giữ vững được nền Độc-lập của Quốc- Gia, đến cuối thế-kỷ thứ 19 so sánh với nền văn-minh Âu tây thì Á-Đông sút kém nhiều. Vì yếu hèn như nhiều dân tộc khác, Việt-Nam bị chinh-phục và đô hộ trước sự bành trướng của chính sách thực-dân của người da trắng. Việc thất trận của Triều Đình Huế từ Nam ra Bắc và của kháng chiến đã mở đường cho hai hòa-ước (1862 và 1874). [Chúng tôi thiết tưởng cần trình bầy ra đây mấy điều chính cương của hai hiệp-ước này do đó nền độc-lập của Việt-Nam đã bị thủ tiêu.]

Ngày 9.5.1862 (Nhâm-Tuất) Thiếu-Tướng Bonnard và sứ-thần Việt-Nam là hai ông Phan-Thanh-Giản, ông Nguyễn-trọng-Hiệp, những khoản quan-trọng là:

Khoản I) 1. — Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước I-Pha-Nho được tự-do vào giảng đạo, và để dân-gian được tự-do theo đạo.

2. — Nước Nam phải nhường đứt cho nước Pháp, tỉnh Biên-Hòa, tỉnh Gia-Định và tỉnh Định-Tường, và phải để cho chiến-thuyền của Pháp được ra vào tự do ở sông Mékong.

3.— Nước Nam không được đem binh khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho nước Pháp.

4. — Hễ nước Nam có giao-thiệp với nước nào khác, thì phải cho chính phủ Pháp biết, và khi nào muốn nhường đất cho nước nào, thì, phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được,

5. — Người nước Pháp và nước I-Pha-Nhe được ra vào buôn bán tự do ở cửa Đà-Nẵng, cửa Ba-Lạt (Nam-Định) *và cửa bể ở Quảng-Yên.*

6. — Nước Nam phải trả tiền binh-phí 4.000.000 nguyên, chia làm 10 năm, mỗi năm trả 40 vạn nguyên.

7. — Nước Pháp trả tỉnh Vĩnh-Long lại cho nước Nam, nhưng quân Pháp cứ đóng ở tỉnh-lỵ cho đến khi dẹp yên giặc-giã ở tỉnh Gia-Định và tỉnh Định-Tường thì mới rút về.

Ngày 27 tháng Giêng năm Giáp-Tuất (1874) tức là năm Tự-Đức thứ 27, giữa Hải quân Thiếu Tướng Dupré và hai ông Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường có sự ký-kết 22 khoản đại lược là:

Khoản II. — Quan thống-lĩnh nước Pháp nhận độc-lập của vua nước Nam không phải thần phục nước nào nữa, và khi nào vua nước Nam có cần đến việc gì để đánh dẹp giặc giã, thì nước Pháp sẵn lòng giúp mà không cầu điều gì.

Khoản III. — Vua nước Nam phải đoan nhận y theo chính-lược ngoại-giao của nước Pháp, và chính-lược ngoại giao hiện lực bây giờ thế nào phải để nguyên như thế, không được đổi khác đi.

Quan Thống-lĩnh nước Pháp lại tặng vua nước Nam :

1) — 5 chiếc tầu có đủ máy móc súng ống.

2) — 100 khẩu súng đại bác, và mỗi khẩu có 200 viên đạn.

3) — 1000 khẩu súng tay và 5000 viên đạn.

Khoản IV. — Quan Thống-Lĩnh nước Pháp hứa cho quân binh sang giúp vua nước Nam để dậy tập lính thủy, lính bộ ; cho những kỹ sư sang dậy làm mọi việc, và cho những người giỏi việc tài chính sang tổ-chức việc thuế má và việc thương-chính v.v...

Khoản V. — Vua nước Nam phải thuận nhường đứt đất 6 tỉnh Nam-kỳ cho nước Pháp,

Khoản IX. — Vua nước Nam phải để cho giáo sĩ được tự do đi giảng đạo, và để cho dân trong nước được tự-do theo đạo.

Khoản XI. — Vua nước Nam phải mở cửa Thị-Nại (Qui-nhơn) cửa Ninh-Hải (Hải-phòng) thành Hà-nội và sông Hồng-Hà, cho ngoại quốc vào buôn bán.

Khoản XIII. — Nước Pháp được quyền đặt lĩnh-sự ở các cửa bể và các thành-thị đã mở ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

Khoản XV. — Người nước Pháp hay là người ngoại-quốc, hễ có giấy thông hành của quan lĩnh-sự Pháp và có chữ quan Việt-Nam phê nhận thì được phép đi xem các nơi trong nước.

Khoản XVI. — Người nước Pháp và người ngoại-quốc có điều gì kiện tụng tại đất Việt-Nam, thì do lĩnh sự Pháp phân xử.

Khoản XX. — Khi nào tờ hòa-ước này ký xong, thì quan Thống Lĩnh nước Pháp đặt sứ-thần ở Huế, để chiếu những điều đã giao-ước mà thi-hành. Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ-thần ở Paris và ở Saigon.

Hòa-Ước Harmand (năm Quý-Mùi 1883 ngày 27 tháng 7) có chữ ký của ông Harmand, ông De

Champeaux, ông Trần-đình-Túc và ông Nguyễn-trọng-Hợp. Tất cả có 27 khoản :

Khoản thứ nhất nói rằng : «Nước Nam chịu nhận nước Pháp Bảo-Hộ có việc gì giao-thiệp với ngoại quốc thì phải do nước Pháp chủ trương.

Khoản thứ hai : Tỉnh Bình-Thuận thuộc về Nam-Kỳ.

Khoản thứ ba. — Quân Pháp đóng giữ ở núi Đèo-Ngang và ở Thuận-An.

Khoản thứ 6. — Từ tỉnh Bình-Thuận ra đến Đèo-Ngang thì quyền cai trị thuộc về Triều-Đình.

Những khoản sau nói rằng quan Khâm-Sứ ở Huế được quyền tự-do ra vào yết-kiến nhà vua. Còn đất Bắc-Kỳ kể từ Đèo-Ngang trở ra thì nước Pháp đặt công-sứ ở các tỉnh kiểm sát những công việc của quan Việt-Nam. Nhưng quan Pháp không dự vào việc cai trị ở trong hạt.

Hòa-Ước Patenôtre ký hồi tháng 5 năm Giáp Thân 1884.

Cả thảy có 19 khoản, đại để thì cũng như tờ hòa-ước của ông Harmand, chỉ đổi có mấy khoản nói về tỉnh Bình-Thuận và 3 tỉnh ở ngoài Đèo-Ngang là Hà-Tĩnh, Nghệ-An, Thanh-Hóa vẫn thuộc về Trung-Kỳ.

Chính sự của Việt-Nam đã do hòa-ước này chi phối cho tới cuộc Đảo chính 9-3-1945 của Nhật-Bản tại Đông-Dương trong khi cuộc Thế-giới chiến kỳ thứ hai bùng nổ.

Nếu ta xét Hòa-ước 1862, ta thấy rằng Việt-Nam mất đứt xứ Nam-Kỳ cho người Pháp làm thuộc-địa. Còn với hòa ước 1883 và hòa-ước 1884 thì Trung-Bắc-Kỳ chỉ chịu quyền Bảo Hộ của nước Pháp mà thôi. Nhưng đến khi thi hành thì nước Pháp cứ lấn dần cho tới gần đây chủ-quyền của Việt-Nam không còn mảy may. Có nên tự trách rằng chỉ vì tinh thần bạc nhược của những người lãnh đạo dân tộc trong 80 năm qua mà chúng ta thua thiệt đến thế không?

Các đảng Cách-Mạng Việt-Nam

ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỤC là một tổ-chức Cách-Mạng lấy hình thức một trường học do các nhân-sĩ Việt-Nam điều khiển. Nó bắt đầu chương trình của nó là giáo hóa nhân tâm để khêu gợi lòng ái-quốc của toàn dân.

Đứng đầu Đông-Kinh Nghĩa-Thục là cụ Lương-Ngọc-Can, Đào-Nguyên-Phổ, Nguyễn-Quyền v.v... Đây là phương pháp tranh đấu bằng văn-hóa khi mà võ lực và quân sự đã thất bại để mở mắn ra bao nhiêu tổ-chức khác liện tiếp nhau rất có mạch lạc, hệ thống tự các nhà nho cho đến phái tân học giờ phút cuối cùng này.

Được ít lâu Đông-Kinh Nghĩa-Thục cũng bị tan vỡ và các người cầm đầu bị đi Côn-Đảo. Sau khi hoặc được ân giảm, hoặc đã mãn hạn về, các cụ Huỳnh-Thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế, Hoàng-văn-Khải, Nguyễn-đình-Kiên, Phúc-Bình v.v . . không chịu bỏ dở công cuộc tranh thủ độc-lập cho tổ-quốc. Các cụ lại họp nhau lại, kẻ ở Huế làm báo, người vào Sài-gòn làm thuốc hoặc ra Hà-Nội mở hiệu đối trướng để tiếp tục công việc.

Năm 1924, các cụ cùng với các bạn trẻ, phần đông là sinh viên trường Cao-Đẳng Hà-nội, như các ông Nguyễn-văn-Phùng, Tôn-Quang-Phiệt, Lê-xuân-Phương, Nguyễn-xuân-Chữ, Nguyễn-Đắc-

Lộc, Trần-Vỹ, Nguyễn-văn-Ngọc, v.v.. tổ chức ra đảng Phục-Việt.

Sang năm sau, 1925, nhân dịp cụ Sào-Nam bị bắt và bí mật đưa về Hà-Nội giam ở nhà pha Hỏa-Lò, đảng Phục-Việt điều tra được liền phát truyền đơn tố cáo với dư luận.

Năm 1926, Toàn quyền Varenne sang nhậm chức, đảng lại phát một tờ truyền đơn thứ hai, kêu gọi dân chúng hưởng ứng yêu cầu ân xá cho nhà đại ái-quốc cùng là tổ chức những cuộc biểu tình, phần đông có sinh viên dự, để yêu cầu nhà Xã-Hội Varenne phải lập tức phóng thích cụ Phan.

Quả nhiên ông Varenne đã làm vừa ý dân chúng Việt và cụ Sào-Nam được ra khỏi Hỏa-Lò về nằm ở Bến Ngự (Huế).

Đảng lại phái hai đại biểu là Nguyễn-văn-Ngọc và Nguyễn-Đắc-Lộc sang Ba-Lê để dự vào phong trào vận động độc-lập do Phục-Quốc Đảng của ông Nguyễn-thế-Truyền lúc ấy đang hoạt động ở kinh đô nước Pháp.

Sự thật thì đảng Phục-Việt khi đó tuy có tổ chức nhưng là sự tổ chức rập theo kiểu mẫu cổ xưa, đảng cương và đảng quy không rõ rệt và cũng không có điều gì mới mẻ đặc sắc cả. Ảnh hưởng trong dân chúng cũng không sâu xa cho lắm.

Đồng thời lại vấp phải sự hoạt động có phương pháp khoa học và tổ chức có hệ thống của « Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mệnh Đồng-Chí Hội » nên chi Phục-Việt không sao bành trướng nổi. Một số đông đảng viên tân tiến của Phục-Việt bị đội tuyên truyền của V.N.T.N.C.M.Đ.C.H thu hút mất.

Xin nhớ rằng trước khi tan rã hẳn Phục Việt hai lần thay đổi thành « Việt-Nam Cách-Mạng Đồng-Chí-Hội» và «Tân-Việt Cách-Mạng-Đảng» Một số của P.V. ra lập « Đông-Dương Liên-Đoàn Cộng-Sản » cùng thất bại.

Từ Việt-Nam Thanh Niên Cách-Mệnh Đồng Chí Hội Đến Đông-Dương Cộng-Sản Đảng

Trước khi cụ Phan-Bội-Châu bị bắt (1925) cụ ở bên Tầu đã cùng ông Lý-Thụy tức Nguyễn-Ái-Quốc bàn lập « Liên-Đoàn các dân tộc bị trị» gọi là «Á-Tế-Á áp bách nhược tiểu dân-tộc Việt-Nam chi bộ ». Đôi bên lúc đó cùng đồng ý rằng kinh tế ở Á-Đông còn lạc hậu, kỹ nghệ không đáng kể, Việt-Nam chỉ là một xứ nông-nghiệp. Lực lượng của công nhân đã không có gì và nông dân lại chưa giác ngộ được về cách mạng vô sản. Ý này là do cụ Phan Sào-Nam đề cập ra rồi hai bên cùng chủ trương: « *Phải qua cái cầu Cách mạng quốc gia đã* ».

Đến khi cụ Phan-Sào-Nam bị bắt thì Lý-Thụy lập ra *Việt-Nam Thanh-niên Cách-mạng đồng chí Hội*, vẫn theo chủ chương kể trên nhưng đây là một giai đoạn để tiến tới Cách Mạng Thế Giới sau này.

Tổng bộ gồm có :

1.— Lý-Thụy tức Nguyễn-Ái-Quốc.

2.— Hồ-Tùng-Mậu.

3.— Lê-Văn-Phấn tức Hồng-Sơn.

4.— Lê-Hồng-Phong.

5.— Lê-Quốc-Đạt tức Tsan-tắc-Coóng,

6.— Trương-Văn-Lệnh.

7.— Lâm-Đức-Thụ.

Công việc ở trong nước thì giao cho mỗi người chỉ huy một địa phương :

Bắc-kỳ: Mai-ngọc-Thiệu

Trung-kỳ: Vương-Thúc-Oánh tức Hoàng-Lương

Nam-kỳ: Ngô-Thiềm tức Thắng ở Xiêm thì có Đặng-văn-Hứa và Cao-hoài-Nghĩa.

Trụ sở của V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. ở Quảng-Châu. Cuối năm 1925 ban tuyên truyền của đảng được lệnh về nước huy động quần chúng.

Về phương diện chủ nghĩa, tổ chức Cách Mạng này dạy cho đảng viên biết một cách khách quan các chủ nghĩa, các học thuyết đã có tự xưa đến nay. Được huấn luyện như vậy, các đảng viên có một căn bản chắc chắn, cái tầm mắt rộng rãi bao quát về Cách-Mạng rồi tự mình chọn lấy con đường đi trong khi làm nhiệm vụ chiến đấu.

Ngày 6 tháng 4 năm 1927, Chính-Phủ Quốc-dân-Đảng Trung-Hoa do Thống-Chế Tưởng-Giới-Thạch cầm đầu gây ra cuộc bài Cộng. Lý Thụy phải trốn, nhiều nhân viên của đảng bị bắt, sau nhờ có sự mâu-thuẫn giữa Chính-Phủ Trung-Hoa với Chính-Phủ Đông-Dương họ lại hoạt động được như thường, nhưng Tổng-Bộ rời về Hương-Cảng.

Trong nước, số đảng viên lên tới hàng vạn, nhờ sự tổ chức khéo léo của các người cầm đầu ngay ở bên Xiêm cũng có tới 2 nghìn đảng viên lúc đó.

Sau vì có cuộc bất hòa trong kỳ Toàn Quốc đại biểu họp lần thứ nhất ở Hương-Cảng giữa bọn

Ngô-gia-Tự, Nguyễn-Tuân tức Kim-Tôn và Trần-văn-Cung cùng Dương-hạc-Đinh là đại biểu trong nước sang với Chủ-Tịch buổi họp là Lâm-Đức-Thụ nên bọn này về lập đảng Cộng Sản Đông-Dương (nhưng Cộng-Sản Đông-Dương sau này cũng thất bại).

Tổng bộ Thanh-Niên được biết chuyện này vội vàng lại triệu tập một hội nghị nữa rồi đổi V. N.T.N.C.M.Đ.C.H ra làm « Annam Cộng-Sản Đảng » và đệ đơn xin Đệ-Tam Quốc-Tế thừa nhận.

Thế là ở Đông-Dương có hai đảng Cộng-Sản. Lại thêm Tân-Việt Cách-Mạng đang thấy sự hoạt động của đôi bên bành trướng mạnh cũng lập thêm một đảng Cộng-Sản nữa là ba.

Tháng 4 năm 1930, Nguyễn-ái-Quốc được anh em mời đến Hương-Cảng để thu xếp sự hỗn loạn này và nhờ sự khôn khéo của ông, Việt-Nam Cộng-Sản đảng ra đời là sự hợp nhất của các đảng. Lúc này Nguyễn-ái-Quốc chỉ huy « Á-Đông-Bộ » nên ông có quyền thừa nhận Việt-Nam Cộng-Sản Đảng. Tháng hai 1931, Việt-Nam Cộng-Sản đảng lấy tên là Đông-Dương Cộng-Sản đảng vì đảng Cộng-Sản còn phải lĩnh đạo cả phong trào ở Mên và Lào.

Từ 1930 đến 1932, các nhà đương cục Pháp thấy Đông-Dương Cộng-Sản Đảng hoạt động rữ rội nên thẳng tay đàn áp. Hàng vạn người bị tù đầy và công việc của Đ.D.C.S.Đ. bị ngừng hẳn lại khá nhiều.

Đến năm 1936-37, Chính-Phủ Bình-Dân ở Pháp lên cầm quyền ra lệnh ân xá cho các chính trị phạm Việt-Nam. Được trở về họ lại tiếp tục hoạt động như cũ.

Qua năm 1939, Thế Giới chiến tranh kỳ thứ hai bùng lên, quân đội Nhật vào Đông-Dương uy hiếp người Pháp, nên người Pháp lại bí-mật bảo trợ Đ.D.C.S.Đ. tiền bạc và khí giới để lập chiến khu mục-đích gây một thế lực chống Nhật. Đ.D.C.S.Đ. liền lập ra Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội tức là mặt trận Việt-Minh đang lĩnh đạo cuộc kháng chiến hiện thời. Ông Hồ-Chí-Minh đã tuyên bố giải tán Đ.D.C.S.Đ để tránh những sự mâu thuẫn với các cường quốc Đồng-Minh đã vì mầu sắc của đảng Cộng-Sản mà ít có thiện cảm với nền Độc-Lập của Việt-Nam. Sau này giải Pháp Quốc Gia ra đời là vì lý do trên đây.

Việt-Nam Quốc-Dân Đảng

Những trang sử trên đây gồm cả niên biểu kê dành dọt từng năm các cuộc khởi nghĩa của các anh hùng chiến sĩ Việt-Nam từ khi người Pháp đặt nền Bảo-Hộ ở xứ này đã vạch rõ sự tranh đấu không ngừng của những sĩ phu và người Bình-Dân đất Việt.

Phong trào Văn-Thân nổi lên định giải quyết thời cục bằng sắt và máu bị bại. Bao nhiêu người con yêu của đất nước phải bỏ mình vì chính nghĩa, còn lại một số khá đông phải lẫn lút ra ngoại quốc. Đó là phong trào xuất ngoại và thủ lĩnh phong trào này là hai cụ Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh đã từ Á sang Âu vận động cách mạng bằng đủ các đường lối :

A. — Cụ Phan-Bội-Châu cùng các đồng chí qua Tầu qua Nhật lập VIỆT-NAM QUANG PHỤC HỘI, tôn cụ Cường-Để làm minh chủ, vận động với hai

chính phủ này để lấy hậu-thuẫn cho việc khôi phục chủ quyền V.N.

B. — Cụ Phan-Chu-Trinh qua Pháp cũng định liên lạc với các đồng bào Việt-Nam và các đảng phái ở Pháp cùng một mục đích.

C. — Cụ Phan-Bội-Châu bôn ba các nước ở Đông-Nam Á-Châu, kinh doanh được nhiều món tiền mua khí giới gửi về cho ông Đề-Thám lúc đó đang đánh nhau với người Pháp ở Bắc-kỳ.

Năm 1913 xảy ra hai vụ ném bom ở Thái Bình và Hanoi-Hôtel, Cụ Phan và Cụ Cường-Để bị án tử hình vắng mặt. Trong các đồng chí của cụ, 14 người bị án chém.

Cuộc vận động của Việt-Nam Quang-Phục-Hội không thâu lượm được kết quả như ý muốn trong các giai đoạn vừa qua vì Nhật-Bản và Trung-Hoa lúc đó đang giao hảo với Chính-Phủ Đông-Dương nên họ đã bỏ rơi các chiến sĩ Việt-Nam.

Năm 1925 Phan tiên-sinh bị bắt giữa hôm 30 tháng 6 khi tiên sinh xuống tầu đi Quảng-Đông để dự buổi họp với các anh em đồng chí.

Cụ Phan bị đưa về nước, Hội-Đồng Đề-Hình do Brides chủ tọa đã kết án khổ sai chung thân, sau nhờ có ông Varenne khôn khéo, thấy nhân tâm sao động quá nhiều nên ân xá cho cụ. Một việc nữa cũng đã làm cho người Việt-Nam bị kích thích rất mạnh là sau cuộc Âu-Châu đại chiến mấy năm, Toàn quyền Merlin du hành sang Sa-Điện (Quảng-Châu) bị Phạm-Hồng-Thái, một tiểu chiến sĩ Việt-Nam 15 tuổi mưu sát bằng bom tự động nhưng không thành công.

Các việc này đã phá tan sự yên lặng trong tâm người Việt (tuy nhiên sự yên lặng khi ấy chỉ là tương đối mà thôi) và có ảnh hưởng rất lớn cho tinh thần thanh niên trí thức tại Việt-Nam bấy giờ.

Đầu năm 1926 Phạm-Tuấn-Tài và anh ruột là Phạm-Quế-Lâm, Hoàng-Phạm-Trân tức Nhượng-Tống lập ra Nam Đồng Thư Xã ở số 9 con đường 69 (Hà-nội) sau có Nguyễn-Thái-Học và Nguyễn-Thế-Nghiệp gia nhập.

Nam-Đồng Thư-Xã là một cơ quan truyền bá tư tưởng Cách-Mạng hồi đó và là cái cầu để đi tới các đồng chí bốn phương.

Đến tháng 11 năm 1927 thì Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ra đời. Cuộc tuyên truyền và tổ chức lan rộng khắp ba kỳ. Mục đích của V.N.Q.D.Đ. là tranh thủ ĐỘC-LẬP cho Tổ-Quốc và làm cách mạng dân tộc theo Tam Dân Chủ-Nghĩa của nhà lĩnh tụ Trung-Hoa Tôn-Dật-Tiên — áp dụng chế độ Dân chủ trực tiếp giúp các dân tộc bị trị đòi lại chủ quyền.

Đảng tổ chức ra các chi bộ, tỉnh bộ, kỳ bộ và Tổng Bộ.

Nguyễn-Thái-Học được bầu làm đảng trưởng.

Có hai ban : Lập Pháp và Hành-Chính.

Lập pháp do Nguyễn-khắc-Nhu làm chủ tịch.

Hành chính do Nguyễn-thế-Nghiệp điều khiển.

Có 7 tiểu ban phụ trách các công việc :

1. — Tuyên truyền
2. — Binh vụ

3. — Cảm tử
4. — Kinh tế
5. — Ám sát.
6. — Ngoại giao
7. — Trinh sát.

Công việc hoạt động hồi ấy kể cũng rất mạnh. Tại Hà-nội V.N.Q.D.Đ. có lập một trụ sở tức là Việt-nam khách sạn làm chỗ giao dịch của các đảng viên. Chu-Diễm-Bình được lệnh mang một số tiền lớn sang Quảng Tây giao thiệp với phái quân nhân Trung Quốc.

Trong giai đoạn này tại Hương Cảng và Quảng Đông, Việt-Nam Thanh-Niên-Cách-Mệnh-Đồng-Chí Hội cũng đang hoạt động ráo riết. Quốc Dân Đảng liền bí mật giao thiệp để cùng nhất trí hành động, nhưng việc đoàn kết này không có kết quả. Ta nên nhớ rằng V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. là do ông Nguyễn-Ái-Quốc chỉ huy, làm việc có phương pháp khoa học hơn. Trái lại V.N.Q.D.Đ. lại quá bồng bột và khi ấy hoạt đồng gần như bán công khai nhất là sự tuyên truyền về phía binh sĩ.

Đảng lại cử Nguyễn Ngọc Sơn, Hồ văn Mịch, Phạm-Tư-Tiềm sang Noong Khay và Duboun (Xiêm) giao thiệp với anh em Cách Mạng và Việt Kiều nhưng nơi này đã bị Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội thu hút mất rồi.

Dầu vậy V.N.Q.D.Đ. cũng đã có mặt khắp mọi nơi. Vào năm 1929 vì việc mộ phu đi Tân-Thế-Giới tai hại cho nhiều gia đình bình dân Việt Nam, Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội phát truyền đơn các nơi phản đối làm sôi nổi dư luận Bắc-Kỳ.

V.N.Q.D.Đ cũng hòa theo nhịp, liền cho ám sát Bazin là tên chủ mộ phu.

Ngay khi này vì sự thiếu kinh nghiệm trong việc tổ chức lại thêm sự hoạt động có phần khinh xuất nên sở Liêm Phóng bấy giờ cho lọt được một tay sai là Bùi-Tiến-Mùi tức Thừa Mai vào đảng. Mọi việc của đảng đều bị Thừa Mai tố cáo hết với người Pháp.

Nếu vụ ám sát Bazin chưa sẩy ra thì người Pháp còn hoãn việc diệt trừ V.N.Q.D.Đ. , nhưng họ sợ phong trào khủng bố lan rộng nên hạ lệnh truy nã các đảng viên của V.N.Q.D.Đ.

Hội đồng Đề Hình do Brides chủ tọa đã bắt tới 700 đảng viên Q.D.Đ. nhiều tay quan trọng sa lưới trừ Nguyễn Thái Học và Xứ Nhu. 74 yếu nhân bị đưa ra phiên công khai ngày 2 và 3 tháng 7 năm 1929 kết án từ 2 năm tù đến 20 năm cấm cố, còn bao nhiêu tha hết.

Bọn ông Học và Nhu không chịu xuất ngoại, sau cùng tình thế thúc đẩy nên cuộc bạo động ở Yên-Báy bùng ra đêm 10 rạng 11 tháng hai năm 1930, ông Xứ Nhu tử tiết ; Nguyễn-Thái-Học, Phó Đức-Chính, Đoàn-trần-Nghiệp tức Kỷ Con và 13 đồng chí lên đoạn đầu đài. V.N.Q.D.Đ. từ đó gần đi đến chỗ tan rã. Sau này một số anh em Lê-Hữu-Cảnh, Nguyễn-Xuân-Huân, Lê-tiến-Sự cố gây dựng lại đảng nhưng bị bại lộ, kẻ bị bắn, bị chém kẻ bị đầy sau mấy vụ ám sát Giáo Du, Phạm-Thành-Dương, Nguyễn-văn-Kính.

Năm 1931 bọn các anh Nghiêm-Toản, Vũ-Thế Lữ cố cải tổ lại V.N.Q.D.Đ. nhưng cũng không

đi tới kết quả rồi cũng bị bắt hết. Đến đây thì cuộc vận động của Quốc Dân Đảng cáo chung, những đảng viên còn sót lại gia nhập V.N. Độc Lập Đồng Minh Hội tức là Việt Minh và một số đứng ngoài.

Phong trào phản kháng bằng báo-chí

Trong lịch sử tranh đấu độc lập của Việt Nam, báo chí góp vào một địa vị quan hệ, một công việc trọng yếu. Nhất là ở khoảng giữa hai kỳ Thế-giới Đại Chiến. Ngay từ cuối thế-kỷ 19 và bước sang đầu thế-kỷ này, trong nước đã có báo chí xuất hiện, nhưng chính phủ thực dân kiểm duyệt rất ngặt, báo chí không thể bày tỏ ý nguyện của dân. Các nhà văn thân muốn tuyên truyền cách mạng phải đặt thành ca, thành vè, truyền bá trong dân gian một cách bí mật.

Đến kỳ đại chiến 1914-18, chính phủ Pháp muốn cho yên dân tâm hứa hẹn xong chiến tranh sẽ cải cách thế nọ, cho tự trị thế kia, nhưng rồi chẳng giữ được điều nào. Thêm phần chính trị, kinh tế lại bó buộc khó khăn hơn. Nhân tâm rất phẫn khích.

Bây giờ đến phái thanh niên tân học đứng ra điều khiển dư luận chống lại những chính sách sai lầm. Những báo Quốc văn còn bị kiểm duyệt gắt gao, các nhà tiên phong phản đối bằng báo chí, không ngần ngại ra báo viết thẳng bằng chữ Pháp, cốt cho chính giới bên Pháp được nghe những tiếng than phiền của dân tộc Việt Nam. Rồi đến khoảng 1934-35 về sau, chế độ kiểm duyệt

bãi bỏ, các báo quốc văn tự do xuất hiện nhiều. Sự thật, phong trào phản kháng bằng báo chí cũng đi tới ít nhiều kết quả, nhất là cản trở phái thực dân không dám hoành hành vô kỳ như trước.

Theo chỗ khả năng của trí nhớ, chúng tôi kê biên những báo chí phản đối công khai từ khoảng 1924 đến 1939 như sau đây, chưa kê những báo xuất bản bí mật.

1920-1930

— Báo « Cloche-Fêlée » (Chuông rạn) của Nguyễn-An-Ninh xuất bản ở Saigon.
— Báo « Annam » do Phan-văn-Trường tạo lập cũng xuất bản tại Saigon.
— Báo « Echo-Annamite » của Nguyễn-Phan-Long.
— Báo « Tribune Indigène » của nhóm Nguyễn-Phú-Khai và Bùi-quang-Chiêu.
— Báo « Việt-Nam-Hồn » của nhóm Nguyễn-thế-Truyền xuất bản ở Ba-Lê.
— Báo « La Jeune Indochine » do Vũ-Đình-Dy và Bùi-Ngọc-Ái chủ trương, cũng ở Saigon.
— Báo « Tribune Annamite » của Nguyễn-Phú-Khai lập ở Ba-Lê được ít lâu.
— Báo « Người Nhà Quê » do Nguyễn-Khánh-Toàn làm chủ.

1931-1935

— Báo « Đông-Dương-Liên-Hiệp » tên tây là «L'Union Indochinoise » viết bằng Pháp văn do nhóm Vũ-Đình-Dy, Bùi-Ngọc-Ái, Nguyễn-Đắc-

Lộc tức Lộc già và Mai-Ngọc-Thiệu xuất bản tại Hà-nội rất được dư luận Việt-Pháp chú ý.

— Báo « Thần-Chung » của Diệp-văn-Kỳ xuất bản tại Saigon.

— Báo « La Lutte » của nhóm Tạ-Thu-Thâu ,Trần-văn-Thạch, Phan-văn-Hùm, Phan-văn-Chánh xuất-bản ở Saigon, có lần bị cấm, hoặc vì tài chính kiệt quệ nhưng rồi lại tục bản và kéo dài đến cuối 1939.

— Báo « Tương-Lai » do Mai-Ngọc-Thiệu, Nguyễn-Đăng-Thục. Vũ-đình-Huỳnh, Vũ-Đình-Dy chủ trương tại Hà-nội.

— Báo « Le Militant » của nhóm Hồ-Hữu-Tường làm tại Saigon,

1936-1939

— Báo « Le Travail » do Nguyễn-văn-Tiến, Trịnh-văn-Phú, Nguyễn-duy-Dực, Huỳnh-văn-Phương, Đặng-Thái-Mai, Võ-Nguyên-Giáp, Nguyễn-đức-Chính, Nguyễn-Đức-Kính, Trần-Huy-Liệu, Mai-Ngọc-Thiệu, Trần-Đình-Long, Vũ-Liên, Nguyễn-công-Truyền và Nguyễn-Đệ v.v.. xuất bản ở Hà-nội.

— Báo « Việt-Nam » của Nguyễn-Phan-Long làm ở Saigon.

— « Nhành Lúa » có Hải-Triều và Nguyễn-Khoa-Văn xuất bản ở Huế.

— « Hồn Trẻ » do Nguyễn-uyển-Diễm chủ trương.

— Báo « Hà-Thành Thời-Báo » do Nguyễn-đức-Kính và Trần-Huy-Liệu chủ trương và xuất bản ở Hà-nội.

— Báo « Kiến - Văn » do Nghiêm - Thượng - Văn, Nguyễn-thượng-Nghi, Mai - Ngọc - Thiệu, Trần-Huy-Liệu, chủ trương.
— Báo « Tin-Tức » và « En Avant » do nhóm Cộng-Sản đệ-tam: Đặng-xuân-Khu, Hạ-Bá-Cang, Đặng-Thái-Mai, Võ-Nguyễn-Giáp và Trần-Huy-Liệu xuất bản tại Hà-nội v.v...

Phong Trào Phục Quốc Quân ở Lạng Sơn.

1939! Cuộc thế giới chiến kỳ thứ hai xảy ra. Nước Pháp bị Phát-xít Đức đánh bại tại chính quốc. Điều này đã có ảnh hưởng rất tai hại cho nước Pháp về mặt tinh thần cũng như về mặt vật chất tại các thuộc địa. Uy tín của người Pháp dĩ - nhiên giảm sụt rất nhiều ở Việt-Nam, lại thêm cuộc tuyên-truyền chủ-nghĩa Đại-Đông-Á của Nhật-Bản bấy giờ lan rộng khắp các nước ở Á-Đông bài xích kịch liệt chính sách Thực-Dân của người da trắng, hứa hẹn giải-phóng các dân tộc bị trị ở Đông-Nam-Á được tin tưởng khá mạnh.

Các đoàn thể cách mệnh Việt-Nam liền chuẩn bị để nắm thời cơ về phía quốc-gia cũng như về phía Cộng-Sản. Đáng chú ý về phía Quốc-Gia là Đại-Việt Dân-Chính do bọn ông Nguyễn-Tường-Tam cầm đầu và về phía Cộng-Sản cho ra đời Mặt Trận Việt-Minh dưới sự lãnh đạo của ông Hồ Chí-Minh sau đó ít lâu.

Ngày 23 tháng 9 năm 1940, quân Nhật do đường Long-Châu (Trung-Hoa) tiến vào nội địa Việt-Nam. Dân chúng Việt-Nam ồ ạt nổi lên liên-hiệp với Nhật-Bản chỉ trong vòng 15 hôm hai vạn thanh

niền và binh linh trong hàng ngũ Pháp (cả Thổ lẫn Việt) đứng dậy, tổ chức các cơ quan và bộ đội tấn công vào các vị trí của Pháp ở dọc biên thùy Cao-Bằng, Lạng-Sơn, Thất-Khê, Na-Chàm, Bản-Xàm, Lộc-Bình, Điềm-He, Phó-Bình-Gia, Bắc-Kạn, Na-Dang, Đồng-Mỏ, Cao-Lộc. Bộ Tổng-chỉ huy của quân đội Pháp bị yếu thế và rất lúng túng.

Cụ Trần-Trung-Lập, là một vị đại tá người Việt-Nam trong hàng ngũ quân Nhật và là một nhà Cách-Mạng bôn ba mấy chục năm ở hải ngoại nhân cơ hội ấy điều động bộ Tổng-Tư-Lệnh của Phục-Quốc-Quân lúc đó đóng ở Lũng-Lùa (thuộc phủ Vạn-Uyên) chống nhau với quân đội Pháp. Đang khi khí thế hăng hái, lòng người phấn khởi thì quân đội Nhật thấy tình thế quốc tế không lợi cho mình và cần phải hòa hoãn với người Pháp nên ngừng chiến sau cuộc đàm phán giữa Đại Tướng Nhật là Nishihara và ông Decoux, Toàn Quyền Đông Dương hồi ấy.

Người Việt mất hẳn hậu-thuẫn về phía Nhật-Bản. Bấy giờ vào đầu tháng chạp, quân đội Pháp liền tập trung toàn lực ở Trung-Châu lên đàn áp phong trào Cách-Mạng Việt-Nam, rội bom xuống vị trí của quân Cách-Mạng khắp nơi và lục quân chia ra làm hai đường vây đánh Lạng-Sơn. Đạo thứ nhất do đường thuộc-địa số 4 từ Moncay tiến lên nhưng bị phản công kịch-liệt. Đạo thứ nhì theo đường thuộc-địa số 1 từ Bắc-Giang xông tới. Quân Cách-Mạng rút lui vào các miền rừng núi.

Khi quân Pháp sắp tiến vào Lạng-Sơn thì toàn dân ở đấy phẫn-khích vô cùng, vận dụng tất cả

các đồ dao, búa, gậy gộc hòng cùng quyết tử với đối phương, nhưng bị quân Nhật cản trở lại. Xét tình thế bất lợi đến nơi, cụ Trần-Trung-Lập liền triệu tập một hội nghị quân sự trọng yếu rồi thi hành kế-hoạch chia lực lượng ra làm hai phần :

A. — Phần thanh niên được lệnh rút sang bên Trung-Hoa do cụ Hoàng-Trung-Lương chỉ huy mục-đích giữ lấy một phần lực lượng để đào tạo những nhân tài dự bị cho các phong trào tương lai.

B. — Phần quân đội cũng chia ra làm hai cánh tiến về khu Đông-Triều làm thế vĩnh-cửu,

Cụ Trần-Trung-Lập lĩnh đạo đội quân thứ nhất tới Đồng-Mỏ nhưng đến Bao-Vàng thì gặp quân Pháp. Hai bên xô-xát mấy trận kịch liệt. Quân Việt tất nhiên lâm vào thế yếu vì không đầy đủ lương thực và quân khí như quân Pháp, rút đến gần đồn Mẹt (Phố Vị) bị bao vây. Một số chiến sĩ quốc gia bị tử trận còn cụ Trần-Trung-Lập cũng bị bắt và đưa về Lạng-Sơn chịu tử hình. Hồi đó viên Công-Sứ Lạng-Sơn là Chauvet đã bắt hàng nghìn người tình nghi và xử bắn ngay tại chỗ khiến người Việt-Nam rất công phẫn.

Còn đạo quân thứ hai tiến về Ba-Sơn, An-Châu cũng gặp quân Pháp ở Đèo-Ngà đánh nhau mấy trận. Một chỉ huy có tiếng trong quân đội Cách-Mạng là Đoàn Kiểm-Điểm (sinh quán tại Lạng Sơn) bị tử trận. Thiếu Úy Ý dẫn gần 200 đồng chí còn sót chạy sang Tầu theo cụ Hoàng-Trung-Lương.

Sau cuộc thất bại của Phục-Quốc-Quân, người Pháp còn bắt bớ nhiều chiến sĩ Cách-Mạng Việt-Nam đủ các đảng đầy đi Sơn-la, Hòa-bình (Vụ-Bản) những

người này xưa kia đã được ân xá ở Côn-Đảo về và thêm mấy chục người của Đại-Việt Dân-Chính trừ anh em ông Nguyễn-Tường-Tam và mấy bạn của ông: Nguyễn - Gia - Trí, Nguyễn - Tường - Long Nguyễn-Tường-Bách trốn thoát sang Tầu. Tới ngày 9-3-45 là cuộc đảo chính Nhật ở Đông-Dương các nhà tù được mở hết nên các chiến sĩ cách mạng lại được phong xá.

Đây cũng là một dịp cho người Việt-Nam hiểu vọng-ngoại là một điều rất viển vông và cái mặt thật của chủ nghĩa Đại-Đông-Á. Thật là một cuộc kinh nghiệm vô cùng chua chát, nhưng sau đó chủ-nghĩa này thất bại cũng là dịp để mở mắt cho các Đế Quốc nhận thấy các thủ đoạn bợm bịp che đậy bằng cái bình phong «chính nghĩa» là con dao sắc để tự họ đâm vào cổ họ trước nhất.

Mặc dầu máu đã chảy, làn sóng Cách-Mạng ở đây vẫn không ngừng vì sau phong trào Phục-Quốc, những chiến sĩ Cách-Mạng Việt-Nam không phân biệt mầu sắc chính trị lại tập trung trong Mặt Trận Việt-Minh dù do Cộng-Sản điều động để lại tiếp tục tranh đấu cho tới giờ phút cuối cùng này, chỉ nhằm vào hai chữ Độc-Lập của Tổ Quốc.

Sau cuộc Đảo Chính 9-3-45 Quân Phiệt Phù Tang lập lên một Chính-Phủ do người Việt cầm đầu, Chính Phủ Trần-Trọng-Kim gồm có nhiều nhân sĩ tân cựu đáng chú ý có cụ Bùi-bằng-Đoàn, các ông Trần-văn-Lai, Nguyễn-mạnh-Hà, Phan-Anh, Hoàng-xuân-Hãn, Vũ-văn-Hiền. Tại

---

Chú thích: ông Nguyễn-tường-Long chết một cách đột ngột và rất khả nghi ở Quảng-châu.

Bắc-kỳ, Nhật đặt một vị Khâm-Sai (Phan-kế-Toại) và trong Nam-kỳ có ông Nguyễn-văn-Sâm thay vị Thống-Đốc người Pháp. Vua Bảo Đại vẫn giữ nguyên vị.

Trong dịp này các đảng phái Quốc-Gia tập hợp lại thành một mặt trận mệnh danh là Đại-Việt-Quốc Gia Liên-Minh do các ông Nguyễn-văn-Tiếu (Đại-Việt Quốc-Xã) Nhượng-Tống, Nguyễn-Ngọc-Sơn, Nguyễn-thế-Nghiệp (Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng)... điều động và Ủy-Ban chính trị Bắc-kỳ đã hoạt động dưới quyền của Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minh, có liên lạc với Nhật.

Trong giai đoạn này mặt trận Việt-Minh nhờ sự tuyên truyền khéo léo nên được dân chúng có cảm tình nhiều — Ngày 14-8-45 Nhật đầu hàng Đồng-Minh, thì chính quyền Bắc-Việt sang ngay tay Việt-Minh. Sự thành công của Việt-Minh ở Bắc Việt xong thì ở Trung và Nam lòng người cũng nghiêng theo. Nội-các Trần-trọng-Kim từ chức, vua Bảo-Đại, mặc dầu quân đội Nhật lúc đó tự hiến giúp nhà vua quét sạch Việt-Minh, nhưng vua Bảo-Đại không muốn trông thấy cảnh thủ túc tương tàn nên vui lòng rút lui. (1) Đại-Việt Quốc-Gia Liên-Minhđóng vai trò Lịch-sử của nó đến đây là hết. Nối theo đây là cuộc Cách-Mạng tháng 8-45 do Đông Dương Cộng-Sản Đảng lĩnh đạo. Công hay tội của Đ.D.C.S.Đ hiện thời chưa thể nói được. Chúng tôi xin nhường các sử-gia sau này sẽ có nhiều căn cứ và nhận định rõ rệt hơn.

---

(1) Cuối sách này có đoạn nói về sự rút lui của Hoàng-Đế Bảo-Đại, đáng chú ý là những lời chiếu hết sức thống thiết lâm ly bầy tỏ được hết tâm trạng một ông Vua đặt ngai vàng dưới quyền lợi của quốc gia dân tộc.

Cuộc cách-mạng tháng tám 1945

Chúng tôi đã có dịp nói đến Việt-Minh là một mặt trận gồm có các chiến sĩ quốc gia và Cộng-Sản. Điều khiển mặt trận này là Cộng-Sản đã biết lợi-dụng tinh thần quốc gia luôn luôn thức tỉnh và lòng ái quốc của các tầng lớp xã hội Việt-Nam.

Đảng Cộng-Sản Đông-Dương đã rất khôn khéo náu hình sau cái bình-phong quốc-gia để lĩnh-đạo quần-chúng, đưa ra khẩu hiệu « Đánh Nhật đuổi Pháp » trên lập-trường « *giải-phóng dân-tộc* ».

Lửa đang cháy lại đổ thêm dầu, đó là tình-trạng quốc-gia Việt-Nam trong cuộc hoàn-cầu đại chiến vừa qua (1939-1945), Đông-Dương lúc đó là chỗ giao-tranh của hai lực-lượng Nhật và Pháp. Trước sự khuynh-loát nhau của hai cường-quốc này, dân đau khổ đã nhiều lại thêm cuộc đại-chiến thứ hai bùng nổ. Sự gay-go do cuộc đụng chạm hàng ngày giữa Nhật và Pháp là cơ hội nó thúc đẩy người Việt-Nam sấn ra trường tranh đấu. Đó là nguyên-nhân chính-trị. Ngoài ra đời sống vật chất của người bình dân Việt-Nam bị phá-sản mạnh do những tai nạn sau đây :

1o) *Việc thu thóc :* vét của chính-phủ Đông-Dương cạn sạch vựa thóc của người bình-dân Việt-Nam, làm trên hai triệu người đã chết đói ở khắp đầu đường xó chợ do sự xung công cho quân đội Nhật 185 ngàn tấn gạo ở Bắc-Việt. Chính đại tá Bernard là một trong những người Pháp đã lên tiếng tố cáo hành động này của đô-đốc Decoux lúc đó giữ chức Toàn-Quyền Đông-Dương.

2o) *Việc thu thầu dầu, đay, gai, bông* : Đây cũng là một tai nạn nó xô người dân Việt-Nam đến

bước đường cùng và cũng là ngày phá sản của chủ nghĩa Thực Dân. Nhiều nơi đồng ruộng đang trồng ngô, khoai, mạ lúa phải hủy đi để trồng các thứ cây kể trên nộp cho Nhật và là một dịp cho bọn quan lại bóp nặn dân chúng. Họ đã phải bán vợ đợ con, bán cả đình chùa, đồ thờ là những thứ tối thiêng liêng để góp cho đầy túi của bọn tham tàn và cung cấp cho kỹ-nghệ chiến tranh của quân-phiệt Phù-Tang.

Hai động lực này tự nó đã có thể lôi cuốn rất mạnh người Việt-Nam lại thêm động-lực thứ ba kịch liệt hơn là việc đảo-chính Nhật mùng 9 tháng ba 1945, sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ đã làm bật người Pháp ra khỏi chính-quyền ở Đông-Dương. Đối với người Việt-Nam việc đảo-chính này chỉ là một trò dịch chủ tái nô *không lợi gì cho mình hết.*

Cuộc hoạt động cách-mạng của mặt trận Việt-Minh đã bắt đầu bán công-khai ngay từ 1944 ở các tỉnh lớn, ở Bắc-Việt. Một vài cuộc khủng-bố của Việt-Minh đã phát-xuất đối với các quan lại, những đại-lý thu những thổ-sản kể trên và các nhân viên sở Mật Thám Pháp và có những cuộc giao-tranh lẻ tẻ với Nhật-Bản ở miền Phú-Thọ, (Đồn-Vàng) Yên-Bái, Tuyên-quang và Thái-Nguyên.

Ngày 14 tháng 8 năm 1945, bom Nguyên-Tử ra đời đưa sự đầu hàng của Nhật lại cho Đồng-Minh thì Việt-Minh ra nắm chính quyền công-khai. Lực lượng đảng vụt lan rộng thành một lực lượng quốc-gia cho tới ngày nay trong cuộc giao-tranh Việt-Pháp, sự hùng hậu của nó về vật-chất cũng như về tinh-thần đã làm cho nước Pháp nhiều lần chán nản phải tuyên-bố :

« Phải giải quyết vấn đề Việt-Nam bằng chính-trị, nghĩa là đôi bên đi tới chỗ điều-đình... Võ-lực không giải-quyết được cuộc xung đột Việt-Pháp... »

Đây là lời của Cao-Uỷ Bollaert, người thay thế ông D'Argenlieu vị Cao-Ủy đầu tiên ở Đông-Dương và ý kiến của các nhân sĩ Pháp tại Chính-Phủ, Quốc-Hội và trong các giới trí thức đến ngày nay cũng chưa thay đổi sau bao nhiêu cuộc điều tra về tinh thần và lực lượng của người Việt Nam.

Chính-phủ Hồ-Chí-Minh ra đời ngày 19-8-45.

Quân đội Đồng-Minh hai ngả tiến đến. Quân Anh từ Tân-gia-Ba lên chiếm đóng Nam-Bộ và quân Trung-Hoa đột nhập Bắc-Việt, cả hai đều do lệnh của Đồng-Minh đến, nói là để giải giáp quân đội Nhật và đưa họ hồi hương.

Điều mà người Việt không ngờ là quân đội Anh mở cửa Nam-Việt cho quân đội Pháp kéo vào Sài-gòn.

Tuy chính phủ Hồ-Chí-Minh chưa kịp chỉnh bị về quân sự ở Nam-Việt, nhưng ở đó Khâm Sai Nguyễn-văn-Sâm và đảng Quốc-Gia Độc Lập nhường cho bọn ông Trần-văn-Giầu (Cộng-Sản) lập uỷ ban hành chánh Nam-Bộ và tuy về quân sự không đầy đủ lắm, Việt-Nam cũng mở cuộc giao tranh với Pháp. Lòng người Việt-Nam sôi nổi nhất là ở ngoài Bắc. Người ta hoạt động rất kịch liệt : *lập các uỷ ban nhân dân để điều động các ngành hành chính*, lập tuần lễ vàng (để có tiền chi dùng vì Chính-Phủ mới lên không có tiền) *tổ chức quân sự* (thâu nhặt được các khí giới ở các trại lính khố xanh, khố đỏ của Pháp.) Với quân đội Trung-Hoa đặt chân vào Bắc-Việt nhiều lãnh tụ các đảng quốc

gia trở về, đáng chú ý bọn các ông Nguyễn-Hải-Thần, Nguyễn-tường-Tam, Vũ-Hồng-Khanh là những đảng trưởng của Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh hội, Việt-Nam Quốc-Dân Đảng. Các ông này đã cộng-tác cùng chính phủ Hồ-Chí-Minh trong việc thiết lập một chính-phủ liên-hiệp, nhưng sau này chính kiến bất đồng nhất là về thỏa hiệp 6-3-46 nên lại rút lui ra hải-ngoại.

Quân đội Trung-Hoa tiến vào nội địa Việt-Nam đóng từ Bắc vào tới vĩ tuyến 16 trùng trùng điệp điệp có tới mấy chục vạn làm cho chính-phủ Hồ rất là lúng túng và dần dần có nhiều cuộc tàn sát Quốc Cộng đến nay còn là một kỷ-niệm đau đớn trong lòng người Việt-Nam yêu nước. Về phía người Pháp, ông Sainteny người đã bí mật liên lạc với Việt-Minh từ Trung-Hoa đến gặp ông Hồ-Chí-Minh, nhiều lần để mở cuộc bang giao Việt Pháp.

Thỏa-hiệp 6-3-46

Sau đó hồi cuối tháng hai năm sau 1946 Chính phủ Hồ-Chí-Minh cùng Pháp thỏa thuận mấy điều đại cương sau đây :

1.— Nước Pháp nhìn nhận nước Việt-Nam là một nước tự do đứng trong khuôn khổ Liên-Bang Đông-Dương và Liên-Hiệp-Pháp.

2.— Sự gia nhập xứ Nam-Kỳ vào Việt-Nam sẽ do một cuộc trưng cầu dân ý định đoạt.

3.— Xứ Việt-Nam có quân đội riêng, nhưng quân đội Pháp được quyền chiếm đóng trong xứ trong kỳ hạn 5 năm : mỗi năm số quân đội Pháp phải rút bớt 1 phần năm. Số quân đội Việt-Nam không quá 10.000 người(khoản này đã được giữ kín).

Cuộc hội đàm giữa ông Hồ-chí-Minh và ông Sainteny trước khi ký Sơ-Ước 6-3-46

4.— Nước Việt-Nam có tài-chính riêng, nhưng phải chịu chế-độ quan thuế chung và đồng bạc do Ngân-Hàng Đông-Pháp phát hành sẽ được thông dụng như trước.

5.— Nước Việt-Nam có quyền đặt lãnh-sự tại mấy nước lân cận.

6.— Nước Việt-Nam có quyền tiếp nhận lãnh sự của mấy nước lân cận.

Những người ký tên là Hồ-Chí-Minh, Vũ-Hồng-Khanh và Sainteny.

Nhà lão cách-mạng Nguyễn-Hải-Thần và ông Nguyễn-tường-Tam không đồng ý với ông Hồ-Chí-Minh về các chính cương trong Thỏa-hiệp 6-3-46 nên đã rút đi Lạng-Sơn rồi sang Trung-Hoa ba ngày trước khi ông Hồ cùng ông Sainteny đặt bút trên tờ Hiệp-định

Hiệp định Sơ Bộ hôm 6-3 ra đời theo tinh thần kể trên và do đó quân đội Pháp được đàng hoàng đổ bộ lên bến Hải-phòng. Dân chúng Việt-Nam phần nhiều không hài lòng về việc ký kết này nhưng về phần Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh thì không còn làm cách gì khác được bởi nhờ có sự thỏa thuận nói trên đây Chính Phủ Hồ mới dảnh tay đối phó với các đảng Quốc Gia lúc đó cũng hoạt động ráo riết và đối với Pháp, Chính Phủ Hồ cũng cần yên để củng

---

Chú thích: Gần đây phê bình thời cuộc năm 1945-46 một số trí thức cho rằng Chính-Phủ Hồ và Nước Pháp đã gặp nhau ở điểm này: *Diệt phái Quốc-Gia* Việt-Nam vì Việt-Nam ở trong khu vực bài Cộng của Anh Mỹ. Do đó quân đội Pháp đã cộng tác với quân đội của ông Hồ-chí-Minh để tiêu diệt phái Quốc Gia. Trái lại nếu Việt-Nam ở khu vực ảnh hưởng của Cộng-sản thì chắc rằng Pháp đã không có hành động này.

cố địa vị và tổ chức nội bộ, như vậy tất nhiên Hiệp định Sơ-Bộ phải là một sự nhượng bộ rất nhiều.

Sau việc ký kết mồng 6-3, Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng Hòa Việt-Nam mở một cuộc đàm phán ở Đà-Lạt tháng 5-1946 sau lại cử một phái đoàn đi dự hội nghị Fontainebleau ở Pháp do ông Phạm-văn-Đồng làm trưởng phái đoàn. Hội Nghị này không đưa lại một kết quả nào và chỉ là một cuộc cãi lộn để đi đến chỗ tan vỡ. Phái đoàn bỏ về nước. Cách đó ít ngày ông Hồ-Chí-Minh phải ký cùng ông Moutet bản Tạm Ước 14-9-46 để hòa hoãn tình thế nhưng với tạm ước này Việt - Nam thua thiệt nhiều quá.

Cuộc bang giao tưởng đến thế là yên bởi người Pháp được lợi rất nhiều mà Chính Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa ký hai bản thỏa hiệp đó là một sự bất đắc dĩ trong khi tình thế quá găng, nhưng vài tuần sau Tạm Ước 14-9-46 tiếng súng của người Pháp nổ trên đất Hải - phòng. Có người nói : quân đội Pháp khởi hấn trước không phải chỉ là để chiếm ty Quan thuế hay thương cảng (1) này mà vì có sự can thiệp của các cường quốc Đồng Minh bởi các cường quốc đó không muốn có một Chính-Phủ Cộng-Sản trên đất Việt-Nam. Ông Hồ-Chí-Minh là một lĩnh tụ quan trọng và có tiếng ở Đông Nam Á lại là Chủ Tịch Chính Phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt-Nam thì dù ông mềm mỏng

(1) Sau này người Pháp đánh Hải-phòng vin vào cớ có sự tiếp tế khí giới lậu ở nơi này. . . theo ý chúng tôi đấy chỉ là một cớ nhỏ mà thôi.

đến thế nào người ta cũng tìm cách tiêu diệt mặc dầu đảng Cộng Sản Đông Dương đã tự động giải tán để cởi mở tình thế cho Chính Phủ.

Người Pháp lại gửi tối hậu thư cho Chính phủ D.C.C.H. đòi trả lại Bắc-Bộ-Phủ, Nha Liêm Phóng ở Hà-nội trước ngày 21-12-46. Bọn ông Hồ-Chí-Minh lúc đó đã sửa soạn chiến tranh ở các nơi và ngay cả ở trong thành phố, cho đào các hố, đục tường để áp dụng chiến thuật du kích. Đêm 19-12-46, cuộc xung đột Việt-Pháp bùng nổ.

Cuộc xung đột này kéo dài hơn hai tháng thì quân đội Việt-Nam rút lui ra khỏi Thủ-Đô. Một điều đáng chú ý : Cuộc giao tranh với quân Pháp trong giai đoạn này hoàn toàn do Tự vệ Thành của Thành Phố điều khiển còn thực lực của quân chính quy đều rút lui ra khỏi địa hạt này trước khi khởi chiến ít lâu. Hàng vạn lương dân trong thành phố Hà-nội bị giết hại.

Dù sao cuộc chiến tranh giữa quân đội Việt-Nam và Pháp cũng rất kịch liệt tuy rằng quân đội Pháp có cơ giới hóa lại thêm không quân yểm hộ. Người ngoại quốc được dịp chứng kiến cuộc xô sát này hẳn nhận thấy tinh thần cảm tử và hy sinh của tự-vệ quân Việt-Nam cao đến bậc nào.

Từ ngày ấy cuộc chiến-tranh lan rộng khắp nơi từ Bắc vào Nam. Chiến-thuật du-kích của Việt-quân được dùng làm căn-bản để chống với quân-đội Pháp cho tới cuối năm 1947 vào khoảng 10 tháng sau người Pháp thấy rằng máu của bao nhiêu thanh-niên ưu-tú Pháp chảy lênh-láng hàng ngày chẳng đưa lại kết-quả nào khả-quan. Người Pháp lại chó mở cuộc điều-đình.

Thay ông D'Argenlieu vị Cao-ủy Pháp thứ nhất tại Đông-Dương là ông Bollaert. Ông này trước khi mở cuộc đàm phán dĩ nhiên đã thỏa-thuận cả với đại-tướng Leclerc là vị Tổng-chỉ-huy quân-đội Pháp tại Việt-nam. Ông Leclerc và ông Valluy trước đây hẳn đã cho rằng chỉ năm bảy tuần là bình-định nổi xứ này, rồi sau các vị quân-nhân đó cũng tự-nhận là hiểu nhầm tinh-thần anh dũng và rẻo rai của Kháng-chiến-quân Việt-Nam nên cũng đồng-ý ngừng chiến.

Ông Bollaert liền chọn tỉnh lỵ Hà-đông là nơi bị hoang-tàn vì chiến-tranh đã đọc một bài diễn-văn lịch-sử trên những đống ngói gạch của những bức tường siêu vách đổ để kêu gọi sự yêu chuộng Hòa-Bình trong lòng người Việt-Nam trước những thê-thảm của chiến-tranh. Thật là một sự rất khéo léo và tâm lý.

Dư luận báo giới Việt-Nam phê bình rằng bài diễn-văn ấy có tính-cách một cuộc *mà cả* bởi ông Bollaert có ý nói *một là người nhận hết hay từ chối hết những điều ông đã đề nghị*. Tóm tắt đại-cương bài diễn-văn ấy thì người Pháp vẫn tiếp-tục thiết lập chế-độ Liên-bang Đông dương, một tổ-chức chính-trị đặt Việt-Nam dưới quyền nước Pháp về đủ các phương-diện : tài-chính, quân-đội, ngoại-giao, kinh-tế, chính-trị v.v... và thêm nữa chế-độ Liên-bang Thái, Nùng, Thổ, Tây-Kỳ... tất cả những thứ này đều đã xuất-hiện ở tờ Sơ-bộ 6-3-46 hồi đầu năm.

Bài diễn-văn ấy là cả con đường chính-trị của nước Pháp hồi đó, vì ông Bollaert trước khi thảo bài diễn-văn kể trên đã trở về Pháp và đã

thảo-luận mọi việc với Pháp-đình. Bài diễn-văn ấy có đoạn yêu-cầu chính phủ Hồ-chí-Minh trả lời thì chính-phủ này đã lên tiếng trong đài phát-thanh rằng hoàn-toàn bất đồng-ý.

Cuộc chiến-tranh cứ tiếp-diễn. Dân-chúng bên Pháp hàng ngày nao lòng vì sự thiệt hại cả người lẫn của về quân-đội viễn-chinh mỗi ngày một lớn. Hàng ngàn gia-đình kêu gào đình chiến và quỹ chiến tranh cho Đông-Dương vừa đây là 65.000 triệu quan hại 1/5 ngân-sách của nước Pháp. Các phái thiên tả và tả-đảng cùng những người Pháp sáng-suốt thức thời lớn tiếng trong nghị trường đòi chấm rứt cuộc chiến tranh Việt-Pháp để dốc toàn lực phục hưng nước Pháp.

Nhưng điều-đình với ai ?

Với ông Hồ-chí-Minh thì cuộc điều-đình thất-bại rõ-rệt mà ý-kiến của Đồng-minh thì không muốn Pháp tiếp-tục điều-đình theo phương hướng này. Đại-sứ Mỹ ngồi ở quốc-hội Pháp thường ngỏ ý-kiến đó vì vậy chính-phủ Pháp phải mở cuộc điều đình với phái quốc-gia và các gia-đình chính-trị, trí-thức Việt-Nam : Cây bài Bảo-đại ra đời thay thế cho cày bài Hồ-chí-Minh.

Ông Vĩnh-Thụy tức Cựu-hoàng Bảo-Đại được người Pháp và cả người Việt-Nam tán đồng là người đại-diện xứng đáng nhất cho dân-tộc Việt-Nam bởi lòng ái-quốc cùng sự hy sinh tuyệt đối của ông. Hơn nữa, ông không ở đảng phái nào hết. Đó là một đặc điểm để người ta tin chắc ông có thể thu hút được nhân sĩ các giới trong nước.

Thế là đoạn tuyệt xong với bọn ông Hồ thêm một lần nữa sau bài diễn văn của ông Bollaert thì

vài tháng sau bọn ông Cousseau ở phủ Cao-ủy Pháp tại Đông-dương được cử sang Hồng-Kông thăm dò ý kiến của Cựu-hoàng. Người ta nhận thấy người Pháp đã hoạt-động ráo riết để kết liễu tình trạng nặng nề thê thảm đã do cuộc xung đột Việt-Pháp gây nên nhưng lúc nào cũng vẫn cố tranh lấy phần hơn. Ông Bollaert lúc đó tuyên bố ngay :

« *Sau cuộc xung đột này phải rằng không ai thắng mà cũng không ai bại* » (A l'issue de ce conflit, il faut qu'il n'y ait ni vainqueur ni vaincu).

Câu này là cả một sự khôn khéo của nhà chính trị ấy và người Việt-Nam cũng hài lòng chút đỉnh vì đã nhìn qua câu nói ấy con đường chính trị của nước Pháp bắt đầu mở rộng. Giữa lúc này tại các khu vực tạm chiếm, người Pháp đặt các cơ quan hành-chính : ở Bắc thì có Hội Đồng An-Dân — ở Trung có Hội-Đồng Chấp-Chính — ở Nam có Chính Phủ Nam-Kỳ tự trị lần lượt do các ông Nguyễn-văn-Thinh, Lê-văn-Hoạch, Nguyễn-văn-Xuân cầm đầu.

Kết cục ngày 5-6-48 tại Vịnh Hạ-Long trên chiến hạm Duguay Trouin, hồi 12 giờ trưa, Thiếu-tướng Nguyễn-văn-Xuân được cử làm đại-diện cho Chính-phủ Trung-ương Lâm thời Việt-Nam ký cùng ông Bollaert đại diện chính phủ Pháp một bản Sơ ước như sau này :

1. — Nước Pháp trân trọng thừa nhận nền độc lập của nước Việt-Nam, tự nước Việt-Nam có quyền thực hiện thống nhất. Nước Việt-Nam công bố gia nhập khối Liên-hiệp Pháp với tư cách là nước Liên hiệp với nước Pháp.

2. — Nền độc lập của Việt-Nam không bị hạn định gì ngoài việc Việt-Nam gia nhập khối Liên hiệp Pháp.

3. — Nước Việt-nam cam đoan tôn trọng các nguyên-tắc dân chủ và dùng các viên cố vấn và chuyên môn Pháp trước người các nước khác trong các công-cuộc tổ chức nội bộ và nền kinh tế Việt-Nam.

4. — Ngay sau khi chính phủ Trung-Ương Lâm thời thành lập, các đại-biểu Việt-Nam cùng các đại-biểu Pháp sẽ ký kết những thỏa-hiệp riêng về các vấn đề văn-hóa, ngoại-giao, quân-đội, kinh-tế, tài chính cùng các vấn đề kỹ thuật chuyên môn.

Cựu Hoàng phó-thự vào bản Hiệp-Định 5-6-48 rồi đi Pháp để gặp gỡ các yếu nhân chính trị Ở Genève và Cannes, Ngài cũng đã gặp ít nhiều đại biểu của Anh Mỹ.

Sau chín tháng đi xâu vào cuộc điều đình, ngày 8-3-49, Ngài cùng Tổng-Thống Vincent Auriol Chủ-Tịch Liên-Hiệp Pháp ký bản Thỏa-Hiệp ngày nay được mệnh danh là Thỏa-Hiệp Bảo-Đại Vincent-Auriol gồm có những điều sau đây :

1) Nước Việt-Nam thống nhất 3 kỳ Trung Nam Bắc.
2) Nước Việt-Nam có quyền gửi đại sứ đi ngoại quốc.
3) Nước Việt-Nam có quyền tiếp nhận các đại sứ của ngoại quốc.
4) Nước Việt-Nam có quyền nhận lãnh sự ngoại quốc.
5) Nước Việt-Nam có quyền đặt lãnh sự tại ngoại quốc.
6) Nước Việt-Nam có quyền điều đình và ký kết những hiệp-ước quốc tế.
7) Nước Việt-Nam có quyền gia nhập Liên Hiệp Quốc.

8) Nước Việt-Nam hoàn toàn sử dụng những đặc quyền thuộc về chủ quyền nội bộ.

Những quyền hành đó các nhà đương cục Pháp nắm giữ trước đây sẽ trả lại Việt-Nam theo như thể thức sẽ định trước ngày 31-12-49

9) Nước Việt-Nam sẽ lựa trọn trước hết trong các thuộc dân Liên-Hiệp-Pháp mỗi khi cần đến các nhà cố vấn chuyên môn trong các cơ quan có tính cách công.

10) Nước Việt-Nam có quyền xét xử các việc tố tụng về dân sự, thường sự và hình sự trên toàn thể lãnh thổ quốc-gia.

11) Về các bậc trung học và tiểu học, nước Pháp có thể tự do mở tại V. N. những trường công và tư, chỉ phải tuân theo các luật lệ áp dụng trên lãnh thổ V. N.

Các luật lệ đó sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp phân biệt người Việt-Nam và người Pháp.

12) Nước Việt-Nam có quân đội quốc-gia nhiệm vụ là giữ gìn trật tự an ninh nội bộ và bảo vệ lãnh thổ Việt-Nam. Trong trường-hợp thứ ba quân đội V.N. có thể có quân đội L.H.P. giúp sức.

13) Chính Phủ Việt-Nam sẽ toàn quyền quản trị nền tài chính của mình, sẽ thiết lập và quản lý ngân sách quốc-gia. Đồng bạc « piastre » của viện phát hành Đông-Dương là tiền tệ duy nhất lưu hành trên khắp lãnh thổ Liên-Hiệp.

Thế là từ 1946 đến 1949 chưa đầy ba năm hai lần Việt Pháp bắt tay với nhau, ký kết với nhau trong hai trường-hợp khác nhau.

Nhìn vào nghi-thức của việc ký kết độ người ta thấy rằng ông Hồ-Chí-Minh ký với ông Bộ Trưởng Pháp-Quốc Hải-Ngoại (Marius Moutet) 14-9-46. Ông Vĩnh-Thụy tức Cựu-Hoàng Bảo-Đại ký với Chủ-Tịch Liên-Hiệp-Pháp, Tổng-Thống Vincent-Auriol.

Xét các điều đại cương của hai bản Hiệp-định thì ta thấy Thỏa-Hiệp Bảo-Đại — Vincent-Auriol rộng rãi hơn Sơ-Ước 6-3-46. Điều này không đáng lạ vì tình thế Quốc-Tế mỗi ngày một nghiêm trọng thêm và sau 4 năm khói lửa võ-lực của người Pháp không giải quyết nổi vấn-đề Việt-Nam.

Nhưng bảo rằng Thỏa-Hiệp trên hay dưới đã trả lời được hết nguyện vọng quốc-gia của dân tộc Việt-Nam thì chỉ là một phần nào thôi. Toàn dân Việt-Nam cho rằng Thỏa-Hiệp ký sau cùng này chỉ là bước đầu trong cuộc bang giao và phải đi xa hơn nữa. Các cường quốc Anh — Mỹ đầy thiện chí với hòa bình cũng đã lên tiếng thúc dục Việt Pháp mau kết liễu « cuộc chiến tranh vô nghĩa lý này » (lời ông Bollaert, Cao Ủy Pháp) và nhiệt liệt chúc tụng Chính-Phủ Bảo-Đại chóng đi tới đích là Tự-Do và Độc-Lập thật sự.

Khi chúng tôi viết tới đây hai Chính-Phủ Việt Pháp đang đi vào giai đoạn thi hành Thỏa-Hiệp Elysée.

Cuộc bang giao này còn có thể xảy ra điều bất ngờ gì nữa chăng chúng ta không thể lường trước được. Thời gian sẽ trả lời chúng ta, còn ngoài bưng khói lửa của chiến tranh vẫn mù mịt bốn phương trời.

Bạn đọc đến đây đã nhận thấy rằng từ ngàn xưa máu người Việt-Nam đã đổ chan hòa vì hai chữ Tự-Do, Độc-Lập. Lại ngót thế-kỷ nay xúc tiếp với Tây Phương, người Việt-Nam nhỡ một nước cờ nên phải rơi vào vòng nô lệ. Vừa mất nước, con cháu của dòng Hồng-Lạc lại vùng ngay dậy cầm lấy khí giới của ông cha thuở trước, vung khắp non sông xương trắng máu hồng hòng giải phóng giống nòi dân tộc.

Thế-hệ này gục, thế-hệ khác lại kế tiếp ngay. Tại Quốc-Hội Pháp năm 1943 nhiều nhân sĩ công nhận người Việt-Nam đã tiến hóa, đã già dặn về chính trị và ông Devinat một nghĩ-sĩ nói : người Việt-Nam có một tinh thần quốc-gia vô cùng dũng mạnh nó đã ăn xâu bén rộng trong tâm hồn họ và thành một sức bất diệt....

Như vậy thì còn một sức nào có thể cản trở được một dân tộc đang rồi rào nhựa sống, đã từng chiến thắng qua bao nhiêu cuộc tranh đấu gian nguy, đã từng chạm trán với những kẻ thù bội phần giầu mạnh?

Giờ đây, ánh sáng của Tự-Do đã loé nơi chân trời, cùng các bạn nhược tiểu dân tộc Đông Á, Việt-Nam phá tan cùm xích nô lệ để đi tới Độc-Lập và Vinh-Quang.

Việt-Nam tiến và Loài người đang tiến.

PHẠM-VĂN-SƠN

Quốc-Trưởng BẢO-ĐẠI

Trên sân khấu chính-trị hiện đại

Hai vai trò lịch-sử — Hai bức tranh đậm nét của Thời-Đại :
Cựu-Hoàng Bảo-Đại và Chủ-tịch Hồ-Chí-Minh

TA xem trên đây từ ngót một thế-kỷ đến nay những anh hùng liệt nữ của Việt-Nam chiến đấu hy sinh rất nhiều ở những hoàn cảnh tuyệt vọng (thời Cần-Vương, Đề-Thám, Đội-Cấn, Việt - Nam Quốc - Dân - Đảng) cũng như ở hoàn cảnh thuận lợi mà cuộc thế-giới chiến (1939-45) vừa qua đã tạo nên.

Chúng tôi đã được dịp dẫn chứng điều đó bằng lời đại-úy Gosselin. Đó chỉ là nhận xét lượm lặt trong những buổi đầu tiên có cuộc đụng chạm giữa Pháp và Việt-Nam. Những nhà chỉ huy các phong trào : — Cần-Vương. Cụ Phan-Đình-Phùng;

Đề-Thám : Cụ Hoàng-Hoa-Thám ở Nhã-Nam (Bắc-Giang),

Thái-Nguyên : Ông Đội-Cấn,

Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng : Nguyễn-Thái-Học, đã được người Pháp tuy coi là kẻ thù nhưng phải thán phục vô cùng. Lại còn hàng nghìn vạn anh hùng khác hữu danh và vô danh, những trang anh kiệt cả trai lẫn gái đang đứng trong hàng ngũ kháng chiến hiện thời.

Bằng xương trắng máu hồng, họ xây đắp vinh quang cho dân tộc.

Trong giờ phút này giữa đám người chiến đấu bằng quân-sự chính-trị và ngoại-giao, thế-giới đang chú ý đến hai người mà chúng tôi xét có nhiệm vụ trình bầy ra đây đang làm sôi nổi thời cục, từ Á sang Âu và hoạt động của hai người đó đang được năm châu theo rõi :

Cựu-Hoàng-Đế : Bảo-Đại.

Chủ-tịch Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa : Hồ-Chí-Minh.

Chúng tôi nhận thấy rằng thời nào nước Việt-Nam do những biến chuyển thường đưa ra một số nhân vật khả úy khả kính để luôn luôn giữ gìn, phát triển nguồn sống hùng hậu của nòi giống.

Cựu-Hoàng Bảo-Đại và ông Hồ-Chí-Minh là người thế nào ?

Người ngoại quốc đọc cuốn sử này. thấy phải tò mò để đòi hiểu biết đến những vị trên đây mới nhận định rõ ràng nhân sự và thời cục của xứ này.

Hiện nay mỗi vị đóng một vai trò lịch sử vô cùng quan hệ trên sân tuồng chính trị Việt-Nam. Ta hãy gác bỏ lý tưởng hay chủ-nghĩa của hai nhân vật đó ra một nơi, thì ta thấy rằng tuy đi hai đường khác nhau nhưng hai người trong giai đoạn hiện tại đều cùng nhắm vào một mục đích là nền Độc-Lập của Quốc-gia.

Để màu sắc chính trị riêng biệt một bên, Cựu-Hoàng Bảo-Đại được lập trường Quốc-tế, được khối Dân-Chủ ủng hộ mạnh, ông Hồ được Liên Bang Sô-Viết và nhiều nước Cộng Sản có cảm tình không phải làkh ông có thanh thế.

Quốc dân Việt-Nam phần lớn chỉ biết ai đòi được Độc-Lập, ai mưu được hạnh-phúc thật sự là nghiêng theo. Sự thực dẫn dị là như vậy.

I

Cựu-Hoàng Bảo-Đại

Trong buổi thiếu thời người thanh niên ấy đã trải lâu năm ở nước Pháp cũng như nhiều ông Hoàng, nhiều quý tộc, nhiều du học sinh mà các nước trên thế-giới đầy đưa tới Ba-Lê để thâu nhặt tinh hoa của Tây-Phương. Có nên nói rằng cái nó hấp dẫn bất cứ một người nào, nhất là người đó ở các xứ Á-Đông, một phần thế giới chìm đắm trong bao nhiêu thế-kỷ dưới chế đô mục nát của nền quân chủ và phong kiến hủ bại là cái tinh cách dân chủ của Tây-Phương. Nước Pháp của các chiến sĩ 1793 quả đã có một sức thu hút mãnh liệt những tâm hồn ấy! Do đó chúng tôi nhận thấy rằng Cựu-Hoàng Bảo-Đại cũng như bao nhiêu du học sinh khác một khi rời đất Pháp đã mang về quê hương, cái đáng quý nhất không phải là mảnh văn bằng nó thường chỉ là cái cần câu cơm áo đối với những người thường, mà là cái tinh thần khoáng-đạt của Âu-Châu.

Vừa đây Ngài tuyên bố chính sách « Dàn-Vi-Quý » và Ngài muốn sau này áp dụng ở Việt-Nam chính thể *xã-hội cấp tiến* có đâu là điều chúng ta ngạc nhiên một phần nào. Và quốc dân Việt-Nam nếu có trông ở ông Hoàng trẻ tuổi đi du học là sự lĩnh-hội tinh thần dân chủ Tây-Phương trên một quy mô xã-hội rộng rãi để sau này về nước tổ chức lại quốc gia Việt-Nam cho hợp với trào lưu quốc tế.

Người ta mong thế đó, không hơn không kém, và ông Hoàng đó có lẽ đã không phụ lòng sở-ước của cả một dân tộc.

Năm 1925, ngày mồng 6 tháng Một, Đức Khải-Định băng hà. Hoàng-Tử Vĩnh-Thụy đã từ giã đất Pháp về nối ngôi ngày 18-1-1926 lấy hiệu là Bảo-

Đại. Sau đó Ngài tạm giao chính quyền cho Tòa Khâm-sứ và Viện Cơ-Mật để rồi trở lại Ba-Lê theo học trong một giai đoạn nữa.

Năm 1932, Ngài về nước và lúc ấy mới thực trị vì cho tới cuộc đảo-chính 9-3-45 là khi quân đội Nhật-Bản đã gạt người Pháp ra khỏi chính quyền ở Việt-Nam. Có nên nói rằng trong 13 năm ngồi trên ngai vàng Ngài vừa không được gần gụi thần dân và cũng không thực hành mối sở nguyện, vì với chế-độ Bảo-hộ khi xưa, người Pháp đã nắm hết địa vị trên giải đất này. Nỗi hận ấy, nỗi cay đắng và nhục nhã ấy, có lẽ đã gây một trạng-thái vô cùng bi đát trong lòng Ngài, cho nên sau ngày 9-3-45, Ngài phế bỏ Nội-các Phạm-Quỳnh, vời học-giả Trần-Trọng-Kim ra thay, Ngài đã có dịp thổ lộ tâm sự một cách rất thống thiết trong tờ chiếu thoái vị ngày 25.8.45 dưới đây . . .

Có lẽ rằng nếu ông Hoàng Vĩnh-Thụy xưa kia không có dịp vươn ra nơi bể rộng trời cao thì đâu có tấn bi-kịch ấy trong lòng. Chí-nguyện không thành, nhìn đến lê dân thì một đoàn nô lệ lầm than; với những kẻ gọi là phương diện quốc gia quanh mình thì hầu hết là những bọn vong bản hại dân, hại nước. Vậy mà Ngài đã cứ phải sống trong tình thế đó mười mấy năm trường. Mười mấy năm ấy là cả một thiên trường hận.

Mặc dầu quân phiệt Phù-Tang cố tâm tự đặt mình vào guồng máy thống trị ở đất nước này, Ngài cùng Nội-Các Trần-Trọng-Kim vẫn tuyên bố Việt-Nam độc-lập và gây một phong trào dân tộc tự tin, tự cường và đáng chú ý là phong trào thanh niên của ông Bộ-Trưởng thanh niên Phan-Anh. Ta phải thành thực mà công nhận rằng cuộc biến

chuyển này đã làm tươi lòng người Việt như trận mưa rào lên vườn cây héo. Nhất là trong đám thanh niên, ngọn lửa ái-quốc lại sôi réo lên khắp các trái tim. Các phái quốc gia và Cộng-Sản hoạt động ráo riết. Ngày 14-8-45, Nhật-Bản đầu hàng. Mặt trận Việt-Minh nhanh tay nắm được chính quyền.

Ngài cùng Nội-Các Trần-Trọng-Kim nhường vai trò lịch-sử cho mặt trận Việt-Minh để tránh một cuộc nội-chiến, mặc dầu lúc đó quân đội Nhật-Bản đã tự hiến giúp Ngài quét sạch Việt-Minh khi ấy chưa mạnh mẽ lắm, ngay ở Thủ-Đô Hà-nội, kể chi các tỉnh lẻ nhất là Trung và Nam-Việt lúc đó còn hoàn toàn trong tay Nội-Các Trần-Trọng-Kim.

Cử chỉ ái quốc này đã được bầy tỏ khi chính quyền Việt-Minh mới chớm nở ở Bắc-Việt một tuần lễ sau (25-8-45) từ kẻ bình dân đến người trí thức cho đến cả những tay quá khích xưa nay đã hiểu nhầm Ngài một cách quá nông nổi cũng phải cảm động. Trên đây chúng tôi đã nói Cựu-Hoàng từng sống mười mấy năm ở nơi Kinh-Thành Ánh Sáng biết rõ hơn ai hết, với trào-lưu tiến hóa hiện thời, chủ-nghĩa Dân-Chủ là một làn sóng mạnh mà không sức gì cản trở nổi, chế-độ thực-dân đã phá hết uy tín của Hoàng-Triều thì nay dùng võ lực của ngoại bang mà tàn phá đồng bào chưa chắc đã có thể củng-cố được lâu đài ngai vàng của Tổ Tiên mà để một trò cười trong lịch-sử. Lòng dân đã hướng về phong trào mới nên Ngài liền thể theo lòng dân, như vậy Ngài đã bầy tỏ được cả lòng hy-sinh tuyệt đối và sự sáng suốt của mình trong một lúc do những lời chiếu thoái vị dưới đây :

Chiếu thoái vị

Ngày 25 tháng 8 năm 1945

« Hạnh-Phúc của dân Việt-Nam »
« Độc-Lập của nước Việt-Nam »

Muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy-sinh tất cả mọi phương diện và cũng vì mục đích ấy, nên Trẫm muốn sự hy-sinh của Trẫm phải bổ ích cho Tổ-Quốc.

Xét thấy điều bổ ích nhất cho Tổ-Quốc lúc này là sự đoàn-kết toàn thể quốc-dân. Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi rằng :

Trong giờ nghiêm trọng này, đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết.

Nay thấy nhiệt-vọng dân chủ của quốc-dân Bắc-Bộ lên cao quá, nếu Trẫm cứ ngồi yên mà đợi Quốc-Hội thì không thể mà tránh nạn Nam-Bắc phân tranh, đã thống khổ cho quốc-dân lại thuận tiện cho người ngoài lợi dụng.

Cho nên mặc dầu Trẫm hết sức đau đớn nghĩ tới công lao Liệt-Thánh vào sinh ra tử trong gần 400 năm để mở mang giang sơn đất nước từ Thuận-Hóa tới Hà-Tiên,

Mặc dầu Trẫm hết sức bùi ngùi cho nỗi làm vua 20 năm, mới gần gũi quốc-dân được mấy tháng chưa làm được điều gì có ích lợi cho quốc-dân như lòng Trẫm muốn,

Trẫm cũng quả quyết thoái vị để nhường quyền điều khiển Quốc-dân lại cho một Chính-Phủ Cộng-Hòa.

Trong khi trao quyền cho Chính phủ mới, Trẫm chỉ mong ước có ba điều sau này :

1.— Đối với tôn miếu và lăng tẩm của Liệt-Thánh, Chính Phủ mới xử-trí thế nào cho có sự thể.

2.— Đối với các đảng phái đã từng phấn-đấu cho nền độc-lập Quốc-Gia nhưng không đi sát phong trào dân chúng, Trẫm mong Chính-Phủ sẽ lấy sự ôn-hòa xử-trí để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào sự kiến-thiết quốc-gia và tỏ rằng Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa nước ta đã xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể Quốc-Dân.

3.— Đối với Quốc-Dân, Trẫm khuyên hết tất cả các giai cấp, các đảng phái cho tới các người Hoàng-Tộc cũng vậy, đều nên hợp nhất mà triệt để ủng hộ Chính-Phủ Dân-Chủ, giữ vững nền độc lập của nước chứ đừng vì lòng quyến luyến Trẫm, sau 20 năm ngai vàng bệ ngọc, đã biết bao ngậm đắng nuốt cay !

Từ nay Trẫm lấy làm vui được làm dân tự do của một nước Độc-Lập, chứ Trẫm nhất quyết không để cho ai lợi-dụng danh-nghĩa của Trẫm hay của Hoàng-Gia mà lung lạc Quốc-Dân nữa.

Việt-Nam độc lập muôn năm !
Dân-chủ Cộng-hòa muôn năm !

Khâm-Thử
Phụng-ngự-ký : BẢO-ĐẠI

Việc thoái vị này tất nhiên đã gây nhiều sự thắc mắc buồn phiền trong Hoàng-gia nên Ngài ban chiếu tại Lầu Kiến-Trung ngay hôm đó để giải thích ý kiến của Ngài.

Việt-Nam Hoàng-Đế ban chiếu cho bà con trong Hoàng-tộc :

Kể từ ngày Đức Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng-Đế vào trấn ở Thuận-Hóa đến nay đã 388 năm. Trong non bốn thế-kỷ, Liệt-Thánh chúng ta đã trải qua biết bao nhiêu sự gian lao nguy hiểm vì nước vì dân mới truyền ngôi lại cho Trẫm được đến ngày nay.

Cái gia tài quý báu di truyền đã gần 400 năm ấy trong giờ phút Trẫm bỏ hết, bà con trong Hoàng-Tộc ai nghe cũng phải đau đớn ngậm ngùi.

Song Trẫm biết rằng, đó chỉ là cái cảm tình thoảng qua trong chốc lát mà thôi, chứ bà con ta ai cũng sẵn tính bình tĩnh, sẵn trí sáng suốt để xét rộng thấy xa, cho nên sau khi đã chuẩn định lấy ba chữ **dân vi quý** *làm khẩu hiệu của chính thể mới sau khi đã tuyên bố « để hạnh phúc dân lên trên ngai vàng », «* **làm dân một nước độc-lập còn hơn làm vua một nước nô lệ** *» : nay Trẫm nhất định thoái vị để giao vận mệnh quốc gia lại cho một Chính-phủ có đủ điều kiện huy động hết cả lực lượng của toàn quốc để giữ vững nền độc-lập của nước và mưu hạnh-phúc cho dân.*

Độc-lập của nước, hạnh phúc của dân, vì tám chữ đó mà trong 80 năm vừa qua biết mấy mươi vạn đồng bào đã rơi đầu bỏ xác nơi nước thẳm non xa, trong lao đen ngục tối.

Đối với những sự hy sinh của những kẻ anh-hùng liệt nữ ấy, của muôn ngàn chiến sĩ vô danh ấy Trẫm cho sự thoái vị của Trẫm là thường.

Vậy Trẫm chắc rằng bà con trong Hoàng-Tộc sau khi nghe lời thoái vị, ai ai cũng vui lòng để

nghĩa nước lên trên tình nhà mà đoàn kết chặt chẽ với toàn thể quốc-dân để ủng-hộ Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa giữ vững nền Độc-Lập cho Tổ-quốc. Thế mới là một cách chân chính cao thượng, giữ chữ Trung với Trẫm, chữ Hiếu với Liệt-Thánh.

Việt-Nam độc lập muôn năm !
Dân-Chủ Cộng-Hòa muôn năm !

Khâm-Thử
Phụng-Ngự ký : **BẢO-ĐẠI**

Ban chiếu tại lầu Kiến-Trung ngày 18 tháng 7 năm Bảo-Đại thứ Hai mươi (25-8-1945)

Số hiệu 1872 Ngự tiền văn phòng cung lục.

Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa do ông Hồ-Chí-Minh lãnh đạo thành lập, chưa được bao lâu thì gặp nhiều sự rắc rối như trên đây chúng tôi đã có dịp nói đến. Giờ phút này từ địa vị Hoàng-Đế Ngài đã bước xuống địa vị một người công-dân. Những nhà chính trị thời bấy giờ đã khéo léo hết sức đặt ngài lên làm Cố-vấn tối cao cho Chính-Phủ dân-chủ Cộng-Hòa (Sắc lệnh ngày 20-9-1945). Người ta phê bình rằng Ngài đã đóng vai trò chính-trị ấy một cách hết sức lơ đãng vì ngài hiểu tình thế của ngài bấy giờ hơn ai hết cho tới ngày 15-3-46 ông Hồ-Chí-Minh đến nhà riêng của ngài yêu cầu ngài cầm đầu phái đoàn ngoại giao Việt-Nam qua Trung-Hoa. Việc này tới nay vẫn gần như là một bí-mật chính trị mà hiện thời chúng ta chưa rõ lắm. Người ta xôn xao rằng Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa ra đời lúc đó địa vị chưa vững lắm vì một phần dân còn mến tiếc Cựu-Hoàng, lại

do cuộc tuyên truyền của một hai đảng phái quốc gia (nhóm Thiết-Thực do ông Phạn-Huy-Đán, sinh viên trường Y-Khoa đại học hồi đó đứng lên xuất bản báo, phát truyền đơn, gây biểu tình phản đối chính-Phủ Hồ-Chí-Minh và đòi Cựu-Hoàng Bảo-Đại ra làm Tổng-Thống tại Hà-nội một thời kỳ đã ồn ào và không phải là không tai hại cho uy-thế của Chính-Phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa. Ông Đán sau này có dự vào Chính-Phủ Nguyễn-văn-Xuân chừng ngót hai tháng rồi bất đồng chính kiến nên đi Pháp và từ chức với chính phủ này). Người ta thấy Cựu Hoàng là cả một sự cản trở nên nhân dịp quân đội Trung-Hoa (cuối năm 1945) lấy danh nghĩa sang đóng từ Bắc-Việt vào tới vĩ tuyến 16 giải giáp quân đội Phù-tang, chính phủ Dân-Chủ Cộng-Hòa vận động với một hai tướng lĩnh Trung-Hoa (Lư-Hán, Hoàng-Cường hay Tiêu-Văn) sau đó chính phủ Tưởng-giới-Thạch chấp nhận tiếp một phái đoàn ngoại giao Việt-Nam. Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh liền cử Cố-Vấn Vĩnh-Thụy cầm đầu phái đoàn đi Trung-Hoa để một thời kỳ ngài vắng mặt đi.

Một giả thuyết nữa nói rằng vì Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh có mầu sắc cộng-sản nên vừa mới thành lập Đồng-Minh biết ngay và tỏ ý không tán thành. Một nhóm Quốc-Gia đã vận động với Chính-Phủ Tưởng, hoặc do mưu kế của Đồng-Minh mà Chính-Phủ Tưởng đã bầy mưu yêu cầu Chính-Phủ Hồ cử phái đoàn ngoại giao đi Trùng-Khánh để có dịp mời cố vấn Vĩnh-Thụy sang chơi rồi mời ngài ở lại đất Tầu.

Ngày Ngài đi là 16-3-46 nghe nói rằng: sang tới Côn-Minh thì các nhà đương-cục Trung-Hoa liền

mời Ngài lên luôn chiếc máy bay khác đi Trùng-Khánh còn toàn thể nhân viên của phái đoàn bị triệt hồi về Việt-Nam trong đó có ông Nghiêm-Kế-Tổ Thứ Trưởng Bộ Ngoại Giao và là một đảng viên của Việt-Nam Quốc-dân-đảng tham gia Chính Phủ liên hiệp bấy giờ.

Lại có người nói rằng phái đoàn của Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh có được theo Cựu-Hoàng đến Trùng-Khánh và khi họ trở về Việt-Nam, Cựu-Hoàng có trao cho họ một lá thư cho Chính Phủ dân-Chủ Cộng-Hòa trong đó ngài ngỏ ý từ chức Cố-Vấn tối cao.

Giả thuyết này có thể có ít nhất một phần sự thực nào và như thế Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh đã chơi một nước cờ hớ hay vì tình thế đã chẳng đừng được chăng? Cựu-Hoàng sau khi hội kiến với Tưởng Thống-Chế cũng có gặp cả Đại-Tướng Marshall ở Trùng-Khánh để bầy tỏ tình thế Việt-Nam trong những giờ cuối cùng và có trao cho Đại Tướng một chứng-kiến-thư nhấn mạnh về sự tiến triển của Việt-Nam qua bốn nghìn năm Lịch-Sử và nguyện vọng duy nhất của Việt-Nam là được Độc-Lập để cộng tác cùng Quốc Tế xây dựng Hòa-Bình cho Nhân-Loại. Rồi ngài qua Hồng-Kông ít bữa sau để không trở về Việt-Nam nữa.

Lúc này trên bán đảo Đông-Dương, cuộc bang giao của Việt-Nam và Pháp đang ồ ạt: Hiệp định 6-3-46 ra đời rồi Hội-Nghị Đà-Lạt, Hội-Nghị Fontainebleau ở Pháp cho tới Tạm ước 14-9 giữa Chủ-Tịch Hồ-Chí-Minh và ông Moutet (Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại) cuộc tình duyên Việt-Pháp như ta xem đến 19-12-46 là đứt đoạn sau việc người

Pháp chiếm ty quan thuế Hải-phòng và chừng vài tuần sau đến cuộc xung đột tại Thủ-Đô Việt-Nam cho tới ngày nay.

Ở Hương-Cảng, Ngài được dịp tiếp xúc với nhiều nhà Cách-Mạng Quốc-Gia: ông Nguyễn-Hải-Thần, ông Nguyễn-Tường-Tam và nhiều vị khác nữa sau này họp thành Mặt Trận Quốc-Gia toàn quốc nhóm ở Hương-Cảng ngày 17-2-47 thảo một bản chương trình ủng hộ Cựu-Hoàng đứng ra thương thuyết với nước Pháp.

Mặt trận này gồm có: Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội.

Việt-Nam Quốc-dân-Đảng.

Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội-Đảng.

Việt-Nam Quốc-Gia thanh-niên-đoàn.

Đoàn thể dân chúng Tịnh-Độ Cư-Sĩ Cao-Đài tuyên bố ủng hộ ngài.

Giữa lúc này, chiến tranh kéo ngót một năm dòng, người Pháp chẳng lượm được kết quả khả quan nào nên lại lên tiếng điều đình với Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh. Tại Hà-Đông ngày 10 9-47 Cao-Ủy Bollaert đã đọc một bài diễn văn để kêu gọi ngừng chiến. Sự thất bại của Cao-Ủy và các cuộc tiến triển kế tiếp thế nào chúng tôi đã nói ở những trang trên đây.

Cũng ngay khi đó, trong nước, Hội-Đồng Chấp Chánh Trung-Kỳ, Hội-Đồng An-Dân Bắc-Kỳ, Hội-Đồng Nam Kỳ, các đảng chính-trị và tôn giáo như Cao-Đài, Hòa-Hảo, Quốc-Gia Liên-Hiệp, Liên-Đoàn Thanh-Niên, Liên-Đoàn báo giới, Liên-Đoàn Trí-Thức gửi điện văn thỉnh cầu Hoàng Đế đứng ra thương thuyết với nước Pháp, trở về chấp chính

quyền để hòa-bình chóng phục hồi trên đất nước. Những cuộc biểu-tình từng xã, từng Huyện, từng Tỉnh, lần lượt tổ chức cũng không ngoài mục đích nói trên.

Vì thấy dân chúng một lòng nhiệt thành hậu thuẫn Ngài mới cả quyết đứng ra lãnh trọng trách mở cuộc thương thuyết với nước Pháp.

Ngài chuyển giao cho hãng Reuter một bức thông điệp :

« Nhận được điện văn của các nhóm chính-trị, các nghiệp đoàn, và các tôn-giáo trong nước gửi sang yêu cầu tôi đem lại trật tự và an - ninh cho Tổ-Quốc, tôi yêu cầu các lãnh - tụ đảng - phái chính-trị hiện-hữu cùng tôi giải bầy tình-hình chính trị trong nước.

Tôi mong gặp các đại-biểu trong ngày 9-9-47 »

Theo lời hiệu triệu, đại-biểu các đảng chính-trị, Công-giáo đều tề tựu tại Hương-Cảng.

Một cuộc hội nghị họp vào hai hôm 10 và 11-9 đã tán đồng một bản quyết nghị tỏ lòng ủng-hộ Hoàng-Đế Bảo-Đại trong cuộc tranh thủ độc-lập thống-nhất :

Hoàng-Đế Bảo-Đại gửi cho quốc-dân một bản tuyên-ngôn đại-ý :

Vì muốn tránh cuộc lưu-huyết, nên Ngài đã nhường ngôi, lánh mình ra hải-ngoại. Tuy thế, không một lúc nào Ngài không theo rõi tình hình trong nước. Nay quốc dân thỉnh cầu Ngài đứng ra thương thuyết với nước Pháp, Ngài bằng lòng nhận trọng trách quốc-dân đã giao phó; trước hết, Ngài muốn dành được độc-lập và thống nhất theo nguyện vọng thiết tha của quốc dân. Ngài

muốn đi đến những hiệp-ước được đôi bên bảo đảm và quả quyết đem lại Hòa-Bình cho đất nước.

Ngài tuyên bố với báo chí ở Hương Cảng : Tôi chỉ trở về Đông-Dương khi nào những điều-kiện thương thuyết đã được hai bên chấp thuận, nhất là nước Pháp phải công-nhận Việt-Nam là một nước hoàn toàn độc-lập, cần phải có ngoại giao, tài chính và kinh-tế riêng.

Sau khi Hoàng-Đế Bảo-Đại nhận lời đứng ra thương thuyết với nước Pháp, Cao-Ủy Bollaert sai đặc-phái-viên Cousseau, luôn trong mấy tháng trời qua về Sài-gòn, Hương-Cảng để thông tin tức. Và đến ngày 16 tháng 12 năm 1947 thì có cuộc hội-kiến đầu tiên ở Vịnh Hạ-Long giữa Cao-Ủy Bollaert và Hoàng-Đế Bảo-Đại.

Hôm 6-12-47 hai nhà đại-diện Việt-Pháp đã khảo sát tổng quát tình thế.

Ngày 5-6-48 Hiệp Định Hạ-Long ra đời do Trung Tướng Nguyễn-văn-Xuân (lúc đó là Thiếu Tướng) ký cùng ông Bollaert đại diện cho nước Pháp. Cựu-Hoàng có phó-thự vào bản Hiệp Định này trên chiếc tầu Duguay Trouin. Chính Phủ Nguyễn-văn-Xuân thành lập dưới sự bảo trợ của Ngài. Sau việc ký kết này ít lâu và trong những tháng này Ngài có qua tiếp xúc cả với nhiều nhân viên cao cấp của Pháp Đình và các đại-diện Đồng-Minh.

Ngày 8-3-49, Ngài cùng Tổng Thống Pháp Vincent Auriol có cuộc trao đổi quốc thư rất long trọng tại điện Elysée. **Lập trường của Ngài là Việt Nam phải được độc-lập và thống-nhất thực sự.**

Xét đại cương thỏa hiệp 8-3 nhiều đảng phái nhất là phái cực hữu ở Pháp đã kịch liệt phản đối rằng: Bảo-Đại yêu sách hơn Hồ-Chí-Minh nhiều lắm . . .

Mặc dầu gặp những phản-lực này nước Pháp trước cuộc tiến triển của tình thế Quốc-tế mỗi ngày một mạnh, đã phải cả quyết công nhận Việt-Nam độc-lập và thống-nhất. Chúng ta nên nhớ rằng riêng vấn-đề thống-nhất của Việt-Nam cũng đã là chuyện vô cùng gay go giữa các lực lượng chính-trị bên Pháp.

Việt-Nam thống-nhất là nước Pháp mất đứt một lĩnh thổ hải-ngoại, là thủ tiêu hiệp-ước 1862 và 1873 do triều-đình Huế ký với Pháp.

Nó gay go đến nỗi Cựu-Hoàng phải nói : *Nước Việt-Nam không thể Độc-lập nếu không thống-nhất.*

Rồi ngày 3-6-49 một cuộc đầu phiếu của Quốc-Hội Pháp chính thức công nhận Nam-Việt trở về với Đại gia-đình Việt-Nam.

Tiếp tới ngày 14-6-49 có cuộc trao đổi văn kiện trọng-thể tại Sài-gòn giữa Cựu-Hoàng và Thượng Sứ Pignon.

Ngày 30-12-49, cũng tại Sài-gòn hai Chính-Phủ Việt-Pháp làm lễ trao trả chủ quyền nội-bộ Việt-Nam. Đáng ghi rằng những ngày tháng cuối cùng năm 1949 do sự thắng trận của Mao-Trạch-Đông, nhà lĩnh tụ Cộng-Sản Trung-Hoa, mà cuộc bang-giao Việt-Pháp được tiến hành mau lẹ hơn mặc dầu nhóm Thực-Dân vẫn cố gây các trở lực và các phong trào phân ly ở Nam-Việt. Từ nay theo nguyên tắc, Việt-Nam định đoạt lấy vận mệnh của mình sau ngót một thế-kỷ chìm đắm trong vòng nô-lệ. Lúc này tình hình Đông-Nam-Á do sự hoạt động

Cuộc trao đổi văn kiện 8-3
giữa Hoàng đế Bảo-Đại và Cao-Ủy Pignon tại Sài-gòn

của Đệ-tam quốc-tế trở nên rất nghiêm trọng. Do chương trình bài Cộng, các đặc sứ Anh-Mỹ luôn luôn qua lại giao dịch với Chính-Phủ Bảo-Đại và ngỏ ý thừa nhận và ủng hộ Chính-Phủ quốc-gia Việt-Nam đầu năm 1950 (đồng thời với Chính-Phủ Tân-Trung-Hoa).

Từ nay Việt-Nam đã có mặt có tên trong trường Quốc-Tế và địa-vị của tân quốc-gia Việt-Nam có thể nói là rất quan-hệ cho cục diện quốc-tế hiện giờ.

Nhìn về tương lai ta thấy có rất nhiều hy-vọng nhưng trên đường tranh đấu của người Việt-Nam giai đoạn này vẫn chưa là giai đoạn chót. Dân tộc của chúng ta mới vượt được những nỗi khó khăn đầu tiên là đưa được mình ra nơi biển rộng trời cao, góp mặt trong đại gia-đình các nước tự-do trên thế-giới, còn phải tranh đấu để thực-hiện nền Độc-Lập và củng-cố địa-vị mới này giữa năm châu, đó không phải là công-trình riêng của các người lĩnh-đạo mà còn của toàn dân nữa.

Mỹ đã nhìn nhận Việt-Nam:

Hoa-Thịnh-Đốn 21-6-49. — Trả lời cho một câu hỏi trong cuộc hội nghị báo chí hàng ngày hồi trưa bữa 21-6, một phát ngôn nhân của Bộ ngoại-giao Mỹ có tuyên bố như sau này: « Việc thành lập tân quốc gia Việt-Nam thống nhất và lời tuyên bố mới đây của đức Bảo-Đại nói rằng dân Việt-Nam sẽ tự ý chọn lựa hiến pháp tương lai của mình, là những sự phát triển đáng hoan nghênh sẽ giúp cho việc lập lại hòa bình ở Việt-Nam được sớm và giúp cho Việt-Nam bước lên địa vị chánh đáng của mình trong gia đình các nước ».

« Chánh-Phủ Mỹ hy vọng rằng hiệp-ước mồng 8 tháng 3 ký kết giữa Tổng-Thống Vincent-Auriol và Hoàng-Đế Bảo-Đại là người đã chân thành gắng sức để hợp nhất các phần tử quốc gia chân chính Việt-Nam, sẽ làm nền tảng cho sự thực hiện lần hồi những nguyện vọng chánh đáng của dân tộc Việt-Nam. Nếu đôi bên cứ theo đuổi chánh-sách sáng suốt đã định trong lúc dự thảo hiệp-ước này, thì mọi sự sẽ phát triển mau-lẹ. »

Sau khi Mỹ tỏ cảm tình với Việt-Nam

Lời tuyên bố của Hoàng-Thân Bửu-Lộc phát ngôn viên của Cựu-Hoàng Bảo-Đại.

Đà-lạt 23-6. — Sau khi nước Mỹ tỏ thái độ rõ rệt đối với Việt- Nam, ông Bửu-Lộc phát-ngôn-viên chánh thức của Cựu-Hoàng Bảo-Đại có tuyên bố như sau đây :.

« Chúng tôi rất cảm ơn chánh phủ Mỹ đã tỏ cảm tình với tân Chánh Phủ Việt-Nam theo sự xác nhận của Cựu-Hoàng sẽ điều khiển công việc của mình theo nguyên tắc dân chủ.

« Cựu-Hoàng rất cảm động đối với sự ca-ngợi Ngài đã dầy công lo vãn hồi Hòa-Bình mà mọi người đều mong mỏi và đoàn kết các phần tử Việt-Nam chỉ muốn làm thỏa mãn nguyện vọng quốc gia. Trong nhiệm vụ mà Ngài vẫn biết là khó khăn, Cựu-Hoàng rất lấy làm vui mừng được những sự khuyến khích của các nước mà mục-đích sinh tồn chú trọng vào nền hòa bình, các nguyên tắc dân chủ và sự tôn trọng sự tự do cá nhân mà đứng đầu các nước ấy là nước Mỹ.

Cựu-Hoàng mong rằng trong đại gia đình các nước tự do, nước Việt-Nam sẽ góp sức để bồi đắp nền Hòa Bình và sự an ninh quốc-tế ».

Sau lời tuyên bố của bộ ngoại-giao Anh : tỏ thái độ đối với Việt-Nam

Luân Đôn. — Một phát ngôn viên của bộ ngoại giao Anh tuyên bố rằng chánh phủ Anh xin chào mừng việc Cựu-Hoàng Bảo-Đại ra cầm đầu quốc-gia Việt-Nam như là một phương pháp hay nhất để mau đem lại Hòa Bình trong xứ này, và để cho dân tộc Việt Nam có thể chiếm địa vị xứng đáng trong gia đình các nước.

Về việc này các quan sát viên chánh trị cho rằng : từ trước đến giờ Anh đã giữ một thái độ dè dặt đối với chánh sách Pháp ở Đông-Dương, sau những lời tuyên bố của Mỹ vừa rồi, đã thiết tha đứng bên luận thuyết của Pháp.

Cựu-Hoàng Bảo Đại đáp lại tấm cảm tình của bộ ngoại-giao Anh

Lời tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Anh.

Đà-lạt.— Hoàng-Thân Bửu-Lộc phát ngôn viên chính thức của Cựu Hoàng Bảo-Đại tuyên bố :

« Cựu-Hoàng Bảo-Đại tiếp nhận một cách thỏa mãn lời tuyên bố của bộ ngoại-giao Anh, có ý nghĩa tương tự như lời tuyên bố vừa rồi của bộ Quốc-Vụ Mỹ. Nên nhắc lại rằng, vừa rồi bộ ngoại giao Anh có tuyên bố chào mừng việc Cựu-Hoàng Bảo-Đại ra cầm đầu quốc gia Việt-Nam và cho đó là phương sách hay nhất để vãn hồi hòa bình. Hoàng-Thân Bửu-Lộc tiếp :

« Cựu-Hoàng Bảo-Đại cảm ơn chánh phủ của Anh Hoàng Georges đệ lục về những lời cầu chúc của Ngài đối với công trình hoà bình mà Cựu Hoàng đang lo thực hiện. Nước Anh, nguồn gốc của nền dân chủ mà sự vinh quang căn cứ một phần lớn trên sự hòa mục hoàn toàn giữa nhà vua và dân chúng, vẫn luôn luôn có lòng mến phục Cựu-Hoàng Bảo-Đại người trước đây đã ước mong xứ sở của chúng ta sẽ có được một sự thăng bằng chánh-trị và xã-hội như của Anh Quốc. Như vậy đủ biết Cựu-Hoàng chú trọng cách nào đến dư luận của chánh-phủ Anh, mà theo đó thì tạm ước mồng 8 tháng 3 dương lịch năm 1949, bản hiến chương của sự bang giao Việt Pháp trong tình thế hiện tại, sẽ là nền tảng để thực hiện tuần tự những nguyện vọng chính đáng của dân tộc Việt-Nam. Cựu-Hoàng Bảo-Đại rất cảm ơn bộ ngoại giao Anh về việc mong ước được thấy Việt-Nam chiếm được địa vị khả quan giữa các dân tộc tự do và dân chủ ở Đông Nam Á, trong số này vài dân tộc đã được giải phóng một phần lớn nhờ chánh sách rộng rãi và quả cảm của chánh phủ Anh-Hoàng. »

Hội nghị Kinh tế Á-Đông đã quyết định nhận chính-phủ Bảo-Đại.

Tám nước : Úc, Trung-Hoa, Ấn-Độ, Hòa-Lan, Tân Tày-Lan, Anh, Mỹ, Pháp đã bỏ phiếu cho Chính-Phủ Bảo-Đại chống lại một phiếu của Nga-Sô.

Đề nghị của Nga Sô về Việt-Nam bị bác.

Đã chấp thuận :

Tân-Gia-Ba, 21-10-49.— Hội-nghị Kinh-Tế Á-Đông ÉCAFÊ đã quyết định nhận cho nước Việt-Nam của

Chính-Phủ Bảo-Đại gia nhập Hội-Nghị. 8 nước đã chấp thuận quyết nghị đó là Úc, Trung-Hoa, Pháp, Ấn-Độ, Hòa-Lan, Tân-Tây-Lan, Anh và Mỹ. Một nước bỏ phiếu chống lại là Nga-Sô và 3 nước bỏ phiếu trắng. Như thế nước Việt-Nam đã thành một nước hội viên của Hội-Nghị Kinh-Tế Á-Đông, một hội-nghị chi nhánh của Liên-Hiệp-Quốc.

Đề nghị của Nga để chấp nhận chính-phủ Cộng Hòa của cụ Hồ đã bị 7 nước bác đi (Úc, Trung-Hoa Pháp, Hòa, Tân-Tây-Lan, Anh, Mỹ) chống với hai phiếu Ấn-Độ và Nga và 3 phiếu trắng.

Đại biểu Pakistan vắng mặt.

Từ ngày 22-10 đại biểu Việt-Nam do ông Nguyễn-phan-Long cầm đầu đã chính thức ngồi dự vào Hội-nghị ECAFE.

Chính-phủ Bảo-Đại trên trường quốc-tế

Tân-Gia-Ba, 21-10. — Trên trường ngoại giao quốc tế đã được các nước công nhận, nước Việt-Nam do chính-phủ Bảo-Đại cầm đầu vừa vượt qua một giai đoạn đầu tiên khi gia nhập vào hội-nghị kinh-tế Á-Đông.

Cuộc tranh luận về việc Việt-Nam kéo dài 3 tiếng rưỡi đồng hồ.

Mấy vấn đề khó khăn mà Quốc-Trưởng Bảo-Đại và chính-phủ của Ngài đã gặp và đương tiếp tục tranh đấu

Chúng tôi thấy cần phải chép ra đây mấy bài tuyên ngôn mà Cựu-Hoàng Bảo-Đại đã đọc trong dịp du hành Trung-Nam-Bắc trước khi Ngài

thân cầm chính quyền để trực tiếp giải quyết mọi việc gồm có mấy điểm chính sau đây : mấy điểm này đã gián tiếp trình bầy nội tình của chúng ta về mặt chính trị và xã hội cần được cấp tốc giải quyết trong giờ phút này :

A.— Với Nam-Việt mặc dầu việc thủ-tiêu chế độ Thuộc-Địa tại phần huyết mạch này của Quốc-gia Việt-Nam đã trọn vẹn trên lập-trường pháp-lý một phản-lực của Thực-Dân và của một nhóm phân ly vọng-bản đã gây nên nhiều sự trướng ngại cho việc nội-trị trong giờ phút cuối cùng này. Ngài đã phải áp dụng một chính sách hòa hoãn để êm dịu tình thế.

B.— Với Trung-Việt, Hoàng-Gia và dân chúng một phần còn lưu-luyến nền quân-chủ, Cựu-Hoàng đã an-ủi dân chúng nên tin tưởng ở vận-mệnh Tổ-Quốc do các tiên-liệt đã cố công xây dựng và một phần nữa nhấn mạnh về sự phục-hồi cương-thường lấy hai chữ giáo dưỡng làm khẩu hiệu trong cuộc canh-tân.

C.— Với Bắc-Việt, nơi đã bị chiến tranh tàn phá hơn hết cả, mọi người đều lâm vào cảnh đói rét, thiếu ăn thiếu mặc, nên Ngài chú trọng đặc biệt về vấn đề xã-hội và dân-sinh để tránh nạn đói tái diễn và nạn khan nhà ở nghĩa là vấn đề kiến-thiết lại quốc gia và cải tổ đời sống của dân chúng về mọi phương diện cần phải thực hiện ngay để có thể tái tạo được sức mạnh của quốc gia. Ngài không quên để ý đến nông-dân, giới cần-lao và thanh-niên là những yếu-tố căn-bản để phục-hưng đất nước và xây dựng nền độc-lập.

Tuyên Ngôn của Đức Bảo Đại tại Hà-nội ngày 16-7-1949

Đồng bào thân mến,

Cuộc hội-ngộ của tôi cùng quốc dân ngày hôm nay, tôi mong đợi từ lâu.

Cách đây 4 năm, đã có dịp tôi tạm dừng chân ở đất Thăng-Long này. Chung sống với đồng bào trong 6 tháng, tôi đã thấy rõ tinh thần sáng suốt, chí khí anh hùng, và đức tính cần lao của mọi từng lớp quốc dân. Tôi thấy đồng bào không bao giờ thiên về lý-tưởng nào, chỉ có một nguyện vọng thiết tha : nền Độc-Lập của giang sơn Tổ-Quốc.

Tôi đã cùng đồng bào sống những ngày sôi nổi của Lịch Sử. Khi đó trái tim chúng ta đã hòa cùng một nhịp, vì bao giờ chúng ta cũng vẫn hoài bão lý-tưởng cao siêu ; cho nên ở nơi đất khách, khi tôi được tin chốn cố đô lại một phen sa vào vòng binh lửa, lòng tôi xiết bao thắc mắc ngậm ngùi.

Suốt mấy nghìn năm lịch sử, đô-thành cổ kính của nước Việt-Nam đã trải qua bao buổi thăng-bình ? Khắp trên lãnh thổ chúng ta, không nơi nào còn ghi nhiều di tích của thời dĩ vãng hơn nơi này. Cố đô Quốc-già Việt-Nam vừa là kho tàng văn hiến ngàn xưa, mà cũng lại chính là lò hun đúc hồn thiêng Tổ-Quốc. Dưới lớp rêu xanh, bên những tấm-bia ghi công của các danh hiền, vẫn còn những viên gạch nhắc ta nhớ luôn đến cái chí anh dũng tiền nhân.

Đồng bào thân mến ; trong giờ phút này, tôi chúc đồng bào cũng như tôi, chúng ta cùng cảm thấy như có một sức mạnh từ quá khứ đưa tới, làm phấn

khởi tâm hồn chúng ta, khiến cho lòng tin tưởng vào tương lai càng thêm vững chắc.

Quá khứ oanh-liệt bao nhiêu, thì bổn phận chúng ta ngày nay nặng nề bấy nhiêu.

Trong cơn giông tố vừa qua, kinh thành Hà-nội đã bị tàn phá hơn cả mọi nơi. Cảnh tượng tiêu điều hiện ra trước mặt tôi ngày nay còn làm cho tôi thán phục sự hy-sinh của toàn thể đồng-bào trong cuộc tranh thủ Thống-Nhất và Độc-Lập Quốc-Gia.

Cảnh tượng đó lại càng thúc dục chúng ta phải cố gắng làm thỏa mãn những nguyện vọng chính đáng của dân-tộc. Cảnh tượng đó lại càng bắt buộc chúng ta phải sớm hàn gắn những vết thương của đồng bào xây dựng lại điêu tàn của đất nước.

Công cuộc kiến thiết ấy, có việc phải làm ngay, có việc cần phải một chương trình lâu dài.

Trong các vấn đề khẩn cấp, có vấn đề tiếp tế gạo. Nhất định cảnh thảm khốc vì đói kém 1945 không thể tái diễn. Nhất định giá gạo ở Bắc-Việt không thể giữ mực cao như bây giờ, trong khi Nam Việt có thể cung cấp được đủ cho đồng bào ở đây. Tình đoàn kết cố hữu của dân tộc chúng ta từ Nam tới Bắc không khi nào để tình thế đó kéo dài mãi. Cuộc thống nhất nhân tâm đã mang lại sự thống nhất lãnh thổ. Cùng với tinh thần ấy sẽ vượt được những nỗi khó khăn, trong công cuộc tương trợ cần kíp này. Đứng trước một tình thế liên quan đến đời sống của quốc dân, Chính phủ sẽ áp dụng những phương tiện thích hợp. Rồi đây, chẳng những sẽ đủ thóc, gạo tiếp tế cho dân, mà còn đủ để phòng kỳ giáp hạt, cùng là sự bất trắc có thể xảy ra về đê điều.

Một vấn đề cần kíp nữa là vấn đề nhà ở. Tại Hà-nội cũng như tại các thành phố khác, cuộc tàn phá bởi chiến tranh gây nên khiến cho hàng triệu đồng bào khốn đốn về sự thiếu nơi ẩn trú. Rồi đây Chính Phủ trù tính xây dựng những căn nhà gọn ghẽ, hoặc cho thuê rẻ tiền, hoặc bán lại và cho góp dài hạn. Ngoài ra sẽ có quy chế ấn định rõ ràng thể lệ cho thuê nhà tại các đô thị lớn.

Đi đôi với những việc nói trên, còn cần giải quyết ngay vấn đề may mặc, vấn đề giúp các giới nông công thương, để có thể sớm tiếp tục hoạt động.

Trên đây chỉ là những khoản cần được thi hành cấp tốc. Nhưng muốn cho nước Việt-Nam trở nên một quốc gia có năng lực, muốn cho dân chúng được an cư lạc nghiệp, sống một cuộc đời tươi sáng hơn, cần phải áp-dụng một chương trình đầy đủ và rộng rãi.

Nghề nông ở Nam-Việt, vựa thóc của nước Việt-Nam, phải cải tổ theo những phương pháp khoa học, trong khi Bắc-Việt, với nguyên liệu rồi rào, nhân công thừa thãi, sẽ được kỹ-nghệ-hóa một cách mạnh mẽ. Còn Trung-Việt sẽ tăng sức khai thác các nguồn lợi lâm sản và hải sản. Ba xứ mỗi xứ một nhiệm vụ, họp thành một khối chắc chắn, có đủ điều kiện để làm cho nước Việt-Nam trở nên một quốc gia phú cường tại Á-Đông.

Chúng ta cũng cần mở rộng phạm-vi kinh-tế quốc-gia bằng sự khuyếch trương những phương tiện giao thông đường thủy, đường bộ, và tạo nên một đội thương thuyền ăn nhịp với sự nhu cầu của một nước độc-lập.

Giới cần lao sẽ được Chính-Phủ săn sóc tới một cách thiết thực. Qui định luật lao động, lập quỹ bảo hiểm xã-hội là những việc cần được thực hiện, mục đích là làm cho cuộc đời khó khăn hiện tại được đôi phần êm dịu. Giữa giới lao-động và giới chủ, sẽ là một sự cộng tác mật thiết đặt trên nền tảng sự tôn trọng nguyên tắc công lý xã-hội.

Cải tổ chế độ hương thôn là một việc hệ trọng phổ thông những điều cần thiết về khoa học, vệ sinh, về công dân giáo dục, nâng đỡ những gia đình nghèo khổ đông đúc, cần mở mang triệt để nền phổ thông giáo dục để nâng cao tinh thần dân chúng. Nền học chuyên nghiệp sẽ được mở mang, và Chính Phủ sẽ phái nhiều du học sinh ra ngoại quốc để tạo nên một số lớn nhà chuyên môn rất cần dùng cho nước nhà.

Gây và nuôi óc tự chủ và tự cường trong dân chúng ; bảo vệ những thuần phong mỹ tục của dân tộc nhưng phải bài trừ những thói mê tín dị đoan.

Tóm lại Chính-Phủ mà tôi trực tiếp lãnh đạo sẽ gắng công thực hiện một chương trình cải cách Xã-hội để kiến thiết một chế-độ hợp lý, công bằng và nhân đạo.

Tôi mong toàn thể dân chúng, gồm cả các dân tộc tuy không cùng một nòi giống, song vẫn thuộc đại gia-đình Việt-Nam, góp sức với Chính Phủ để thực hiện chương trình tôi vừa phác họa.

Trong công cuộc này, lẽ dĩ nhiên là thanh niên sẽ đóng một vai quan trọng. Biết bao thanh niên, đã xả thân đền nợ nước trong các năm

tháng gần đây. Ai treo gương sáng cho toàn thể đồng bào làm rạng vẻ giống nòi trước năm Châu, nếu không phải là Thanh-Niên Việt Nam? Hướng về tương lai, cũng do một tấm lòng yêu nước ấy, Thanh-Niên sốt sắng bắt tay vào một công trình tái tạo đất nước. Bổn phận của Thanh-Niên chẳng những chỉ là hy-sinh, mà còn gồm thâu hai chữ « Phụng-sự ». Quốc-gia đặt nhiều hy vọng vào tinh thần cao quý, chí khí hăng hái, lòng can đảm, óc mạo hiểm của Thanh-Niên. Tôi mong Thanh-Niên Việt-Nam sẽ chẳng phụ lòng trông đợi của Quốc-Dân.

Dân vốn là nền tảng của nước, nên trong mọi việc hành động luôn luôn Chính-Phủ nghĩ tới dân, mưu hạnh phúc cho dân, làm sao cho Chính-Phủ và dân có một cảm tình thân mật. Chính-Phủ hiểu biết quyền lợi của dân, dân biết trọng và mến Chính-Phủ.

Làm công dân Việt-Nam vào buổi này, không thể đặt mình ra ngoài việc nước được. Vận mệnh là vận mệnh chung. Mỗi người tất phải có một nhiệm vụ gánh vác một phần việc nước. Vì không ra sức đảm đương trách nhiệm nhất là trên quãng đường hiểm nghèo ngày nay của Lịch-Sử, thì định mặc cho ai thay thế?

Nước chúng ta sau bao cơn giông tố, nay đã tới kỳ phải lập lại trật tự an ninh, để tái tạo đất nước và xây dựng nền Độc-Lập.

Chúng ta còn phải cố gắng nhiều lắm mới thực hiện được chương trình nói trên; nhưng nếu cả một dân tộc đoàn kết nỗ lực, lấy việc

thịnh suy nước nhà làm trọng, thì thời thế nào mà không chuyển dịch được. Và nhất định công cuộc kiến thiết trên đây phải thành công.

Như vậy những hy sinh lớn lao của quốc dân cũng sẽ được đền bù một cách xứng đáng và anh hồn các chiến-sĩ đã phơi thây trên sa trường cũng khỏi phải tủi hờn.

Ngày hôm nay, trở về tới cố đô, tôi muốn tha thiết kêu gọi đồng bào toàn quốc hãy cùng tôi nhận lấy trách nhiệm kiến quốc đó.

Tôi tin ở Quốc-dân, tôi đặt hy-vọng nơi Quốc-dân, và tôi chắc rằng với sự ủng hộ linh ứng của tiền nhân và các anh hùng liệt nữ với chí cương cường bất diệt của giống nòi, với đức cần lao kiên nhẫn của đồng bào đất Bắc, nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta sẽ chuộc lại sự chậm trễ bấy lâu và sẽ sống một đời sống vẻ vang cùng với non sông trường cửu.

Bản tuyên cáo Đức Bảo-Đại đọc tại Huế ngày 12-7-1949

Đồng bào Trung-Phần,

Ở nơi này bốn năm trước, vì tôn trọng nguyên tắc « Dân vi Quý » và để tránh một cuộc huynh đệ tương tàn, tôi đã rời bỏ đế vị.

Ngày nay cũng vì quyền lợi tối cao của Tổ-Quốc và cũng để chấm rứt một cuộc chiến-tranh, tôi lại thể lời thỉnh cầu của quốc-dân mà đích thân đứng lên chấp chính.

Đoái trông cảnh tàn phá của nơi cung-miếu còn ghi di-tích Liệt-Thánh, tôi chạnh nhớ công ơn của

Người xưa, lại tưởng nghĩ tới những khó khăn đang chờ đợi quốc dân trong cuộc tái tạo nước nhà. Tôi cũng biết nhiệm vụ đó ngày nay vô cùng phức tạp; song tôi tin cậy ở lòng kiên quyết, chí cần năng của đồng bào ở đây, cũng như tôi tin cậy ở trí sáng kiến, lòng hăng hái của đồng bào Nam-Bắc.

Trong khu vực Thuận-Hoá này, kể từ ngày Đức Thái-Tổ dựng cờ mở cõi, trải qua bao nhiêu thế kỷ, vượng khí non sông đã đào tạo được bao nhiêu con dân anh dũng hoặc tranh đấu cho vinh quang Tổ-quốc trong rặng Hồng-Lâm, rừng Bố-Trạch, hoặc lấy công-lao huyết hãn khai thác những vùng cao nguyên hoang dã, cùng những khu ma thiêng cọp dữ ở Bình-Thuận, Khánh-Hòa, để làm giàu thêm gia tài của Tổ-Phụ.

Ngày nay nữa, trong nước Việt-Nam thống-nhất với những phù-nguyên trù-mật ở vùng Thanh-Hóa, Khánh-Thuận, với tinh thần qủa cảm của con dân đất Nghệ-Tĩnh, với nho phong khu Từ-Quang, Thừa-Thiên, Trung-phần vì vị-trí thiên-nhiên, sẽ phải đảm nhận sứ mệnh lịch-sử liên-lạc, điều hòa Bắc-Nam, và làm đạo lãm cho một nền văn hóa mới.

Rồi đây trên thuần phong mỹ tục truyền thống chúng ta sẽ dùng nguyên liệu mới mẻ kiến tạo một xã hội hợp thời trong đó tinh-thần trật tự cố-hữu sẽ được dung hòa với tinh thần tân tiến hiện đại.

Trong việc biến chuyển lịch sử vừa qua, cương thường luôn luôn bị rầy xéo, tôn ti lắm khi bị đảo lộn, gia trị tinh thần nhiều lần bị rẻ khinh.

Quốc dân không nên quên rằng trong nước Việt-Nam quân-dân cộng chủ từ nghìn xưa này; cương

thường vẫn là căn bản của giáo hóa, tôn-ti là cơ-sở của xã-hội.

Cho nên việc cấp bách là việc « phục hưng luân-lý » tái-tạo tinh-thần để gây lại lòng tin tưởng ở vận mệnh của Tổ-Quốc, tin tưởng ở những lý tưởng cao quý của Giống-Nòi và nhân-loại.

Ta lại phải nghĩ tới đời sống hằng ngày của dân chúng ; khai thác những nguồn lợi mới, cải-thiện đời sống của dân quê, dân chài, dân thợ, làm cho cuộc tranh đấu với thiên nhiên bớt hiểm nghèo, việc mưu tìm cơm áo thường ngày đỡ khó nhọc.

Nuôi dân cho dân được yên vui, no ấm ; dạy dân cho dân đủ tin tưởng, kiến văn, hai mục tiêu đó sẽ nêu cao trong cuộc canh tân lấy hai chữ « giáo dưỡng » quốc dân làm khẩu hiệu.

Mục đích ấy, 16 năm về trước, tôi đã mưu đồ thực hiện ; song vì hoàn cảnh đương thời ngang trái, nên việc không thành.

Ngày nay, nước ta đã lấy lại được chủ-quyền thì việc thực hành thành hay bại, trách nhiệm ở ta.

Ngay bây giờ phải lập ngay lại trật tự nội bộ đoàn kết toàn thể dân chúng, ngõ hầu huy động tử lực toàn quốc, để cho nước Việt-Nam có thể theo kịp các nước tiền tiến trên bước đường lịch sử.

Đồng bào Trung Phần,

Hãy noi gương tổ phụ, giữ vững tinh thần tôn trọng trật tự và chí khí quật cường, truyền thống mà phụng sự Tổ Quốc.

Bản tuyên cáo của Hoàng-Đế Bảo-Đại đọc tại Sài-gòn ngày 1-6-1949

Tại Tòa Thị-Sảnh Sài-gòn, sáng hôm 14-6 đã cử hành lễ trao đổi văn kiện ngoại giao một cách trọng thể giữa Hoàng-Đế Bảo-Đại và Cao-Ủy Pignon. Sau đấy, trước máy vô tuyến truyền thanh Hoàng-Đế Bảo-Đại đã đọc bản tuyên cáo với toàn thể quốc dân.

Quốc dân Việt-Nam,

Hôm nay, đặt chân trên đất Nam-Phần, tôi không thể nén nổi lòng cảm động chứa chan hòa với vui mừng vô hạn. Lãnh thổ này, giòng Hồng Việt đã dầy công khai thác từ bao thế-kỷ. Ninh-Vương, Minh-Vương và Võ-Vương đều kế vị tại đây. Và cũng từ đây, Đức Gia-Long cùng biết bao anh hùng liệt sĩ các xứ Đồng-Nai, Gia-Định khởi nghĩa Cần-Vương trùng hưng nghiệp cả, tô vẽ lại non sông từ Sài-gòn qua Thuận-Hóa, ra Thăng-Long tới Biên-Thùy Trung-Quốc. Bầu nhiệt huyết của tiền nhân vẫn còn sôi chảy cổ truyền nòi giống, trong rừng rậm nơi bùn lầy, biết bao nhiêu chiến-sĩ quyết chí hy-sinh đi phấn đấu cho chính nghĩa. Lãnh-thổ của Tổ-Tiên ngày nay đã quy về một khối. Được như vậy là nhờ chí anh dũng của toàn dân, lòng tận tụy của đồng bào các giới và nhờ tình hữu-nghị của dân tộc Pháp.

Sau bao năm sống riêng biệt, đồng bào Nam phần đã tỏ ra rằng người Việt-Nam không bao giờ quên nguồn gốc giống nòi. Trong công cuộc xây dựng lại quốc gia, Nam phần đã đặt viên đá đầu tiên, đã ghi một công nghiệp vẻ vang trong lịch-sử.

Công nghiệp ấy chỉ có thể tồn tại và phát-triển nếu dân tộc ta tiến-triển trong vòng kỷ-luật trật-tự và an-ninh.

Nhưng ròng rã 4 năm nay, chỉ vì nguyện vọng quốc dân chưa đạt được, nên nạn chiến tranh kéo dài, tàn phá đất nước. Còn cảnh nào thê thảm bằng hai dân tộc Việt Pháp, xưa nay vẫn thiết tha với hòa-bình, yêu chuộng tự do và công-lý, mà ngày nay phải dùng võ-lực bạo tàn để đối phó với nhau.

Để chấm dứt thảm trạng ấy, tôi không ngần ngại đảm nhận trách nhiệm tìm phương pháp hòa bình để giải quyết sự xung đột, và làm thỏa mãn những nguyện vọng thiết tha của dân tộc. Vì cần phải có một lập trường quốc-tế hợp pháp nên tôi đảm nhận địa vị xưa nhưng đối với quốc dân, ý định của tôi vẫn không thay đổi. Một lần nữa, tôi trịnh trọng tuyên bố: Chính thể nước Việt-Nam sau này sẽ do quốc dân định đoạt.

Quốc dân đã dũng cảm phấn đấu cho nền độc-lập của Tổ-Quốc, lẽ dĩ-nhiên, quốc dân lại là nguồn gốc mọi sự hoạt động của Quốc-gia. Nhưng vì tình hình quốc tế nghiêm trọng và vì tình thế chính trị hiện tại chưa thuận tiện để đồng bào có thể phát biểu ý kiến sau một cuộc tổng tuyển cử, nên từ ngày nay, tôi nhận đứng điều khiển bộ máy quốc gia.

Trước đây nửa giờ, đã cử hành lễ trao đổi văn kiện với vị Đại-diện tối cao của nước Pháp Như quốc dân đã biết, cuộc thương thuyết giữa Chính-Phủ Pháp và tôi đã đi tới thỏa hiệp ký ngày 8-3. Thỏa-Hiệp này chỉ là một phác họa những nguyên tắc căn bản cho nền bang giao Việt, Pháp, trên lập

trường Thống-Nhất và Độc-lập nước Việt-Nam, Thỏa-Hiệp ấy đánh dấu và là kết quả của tình-thế chính-trị trong giai đoạn hiện thời.

Cũng như các Hiệp-Định khác sẽ ký, thỏa-hiệp 8-3 sẽ do Quốc-Hội Việt-Nam sau này chuẩn y. Quốc dân Việt-Nam theo đúng nguyên tắc thỏa-hiệp nói trên. Sự thống-nhất lãnh-thổ Việt-Nam ngày nay đã được thực hiện. Ngày 3 tháng 6 vừa rồi, Quốc-Hội Pháp cũng đã biểu quyết long trọng thừa nhận sự sát nhập Nam-Phần vào lãnh-thổ Việt-Nam.

Như vậy, thể chế thuộc địa do các hòa ước 1862 và 1873 tạo nên, đã hoàn toàn thủ tiêu. Nền Độc-Lập nước nhà đã tái hiện và từ nay, nước Việt-Nam sẽ tự điều khiển công việc mình trên trường quốc-tế, như về mặt nội bộ.

Phương diện quốc-tế, nước ta có đủ quyền năng một nước Độc-Lập ; quyền ngoại giao riêng, quyền đặt sứ quán tại ngoại quốc, quyền tiếp nhận các sứ đoàn ngoại giao ngoại quốc, quyền đặt lãnh sự tại các nước, quyền điều đình và ký Hiệp-ước quốc-tế, cùng là quyền gia nhập tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc để thực hiện các quyền này. Chính-phủ thành lập nay mai có nhiệm vụ sẽ hành-động để dành cho nước nhà có một địa vị xứng đáng trong khu vực Đông-Nam Á-Châu.

Các việc cần thực hiện ngay là việc đặt các lãnh sự tại ngoại quốc và việc đặt đại sứ Việt-Nam đến các nước đã định rõ trong Thỏa-Hiệp 8-3. Chúng ta thiết tha mong đợi các nước bạn sớm cử đại biểu đến nước ta và mau chóng đến ngày Việt-Nam gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc. Sở dĩ chúng ta cố gắng hành-động để có một địa vị xứng đáng trên trường quốc-

tế là vì chúng ta tin tưởng rằng nước Việt-Nam có sứ mạng phải cộng tác với các nước khác, để bảo vệ tất cả các phong thể của loài người, căn cứ vào lòng yêu chuộng hòa-bình, dân chủ và tôn trọng tự do cá nhân.

Về phương diện nội bộ, tổ-chức quốc-gia với ý dân là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Danh dự dân tộc thúc dục ta phải nên hành động sao cho thế-giới thấy hình ảnh nước Việt-Nam tân tiến tiến bộ, biết trọng kỷ-luật, biết yêu chuộng công-lý. Trước hết về mặt hành chính, các cơ quan đặt ra là để làm việc cho dân. Một tổ chức gì đi ngược căn bản ấy, không thể nào tồn tại được. Vậy cần phải có một quy chế mới cho công chức làm việc. Quy chế ấy cần phải tôn trọng quan niệm thiết yếu là tương tín, năng lực cá-nhân cùng làm việc, và sự dùng năng lực cho hợp lý và công bằng.

Một chương trình cải tạo xã-hội cũng sẽ được ấn định và thực hiện. chúng ta phải theo đuổi cuộc chống nạn mù chữ, mở mang giáo dục phổ thông, nâng cao dân trí. Giới cần-lao là gốc của mọi cuộc canh-tân, sẽ được Chính-Phủ săn sóc đến, mục-đích là nâng cao mực sống đồng bào.

Nhưng dầu chính-trị tốt đẹp đến đâu mặc lòng, cũng sẽ mất hết ý nghĩa và không còn ảnh hưởng gì nếu trong nước dân ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Bởi thế ta cần gấp mở mang kỹ nghệ, khuếch-trương thương-mại, chấn chỉnh nông-nghiệp để xây dựng nước Việt-Nam mới. Một người thợ phải có một ngôi nhà, một người dân cày có một cây cày. Tôi ước mong những nhà chuyên môn các nước

có cảm tình với ta góp sức cùng chúng ta để chóng thực hiện chương trình kiến thiết mà tôi vừa phác họa.

Lẽ dĩ-nhiên những quyền lợi xứng đáng của ngoại kiều đều được bảo-vệ và tôn trọng.

Trong phạm vi đại gia-đình Việt-Nam mới, Nam-Phần, với những tài nguyên trù-mật, sáng kiến khả năng, với những tập quán cố hữu, cần được tôn trọng, sẽ đóng một vai quan hệ trên đường tiến triển sau này.

Nam-Kỳ tuy là quê hương của chúng ta, nhưng trước kia đối với tôi thường chỉ được coi như một nơi tạm nghỉ cho người khách lạ. Nam-Phần ngày nay là máu thịt Việt-Nam, là gốc nguồn của sinh lực mới, là trung tâm của ngành hoạt động quốc gia.

Từ nay tôi mong toàn thể quốc dân cùng tôi cố gắng, mỗi người sẽ đem hết tâm trí, tài năng ra gánh vác một phần nhiệm vụ mới, lấy việc thịnh suy nước nhà làm trọng, gạt bỏ tư lợi, óc đảng phái và chia rẽ.

Dưới mái nhà quốc gia phục hưng và duy nhất, dưới mái từ-đường Tổ-Quốc trùng tu, tôi thiết-tha nhắn nhủ toàn thể quốc dân hãy trở về với an ninh và hòa-mục, để cùng nhau xây dựng một Tổ Quốc xứng đáng mà phụng sự.

Bao năm hy sinh của đồng bào là một bảo đảm chắc chắn cho sự thành công.

Tin tưởng vào tương lai quốc-gia, nòi giống, cùng nhau chúng ta họp sức và bắt đầu viết trang sử mới của Tân Quốc-Gia Việt-Nam.

Những bức thư đáng chú ý

Hoàng-Đế Bảo-Đại
gửi Tổng-Thống Truman

Được tin Chủ-Tịch Chính-Phủ Lâm-Thời Pháp sẽ qua yết kiến các-hạ để giải quyết tình thế tương lai của Đông-Dương, Quả-Nhân xin tin các-hạ biết rằng các nước Đông-Dương đã tuyên bố độc-lập và cả quyết giữ vững nền độc-lập ấy.

Riêng về phần dân-tộc Việt-Nam, chúng tôi không coi kiều dân Pháp là kẻ thù, lại trọng nhân mạng và tài sản của họ, nhưng chúng tôi sẽ cực lực phản kháng việc nước Pháp lập lại nền thống trị của họ trên đất Việt-Nam bất cứ theo một chế độ nào.

Chính sách thực-dân nay không hợp thời nữa. Một dân tộc như dân tộc Việt-Nam, đã có 4000 năm lịch sử và một dĩ vãng vẻ vang không thể chịu ở dưới quyền một dân-tộc khác.

Nước Pháp nên cúi đầu theo lẽ công bằng ấy, mà Mỹ quốc là nước hào hiệp đã tuyên bố và bênh vực.

Nước Pháp phải vui lòng thừa nhận chân lý đó để tránh khỏi tai vạ và chiến tranh có thể xảy ra trên đất chúng tôi. Trong cuộc chiến tranh vừa kết liễu, dân-tộc chúng tôi không dự chiến mà cũng đã chịu bao nhiêu nỗi khổ, nên chúng tôi chỉ mong tham dự vào cuộc kiến thiết mọi cuộc hòa-bình hợp với công-lý trên thế-giới.

Quả nhân nhờ các-hạ chuyển đạt thư này, sang quý Chính-phủ ANH, TẦU, NGA.

Xin quý Tổng-Thống vui lòng nhận lời cảm ơn của Quả-Nhân và dân-tộc Việt-Nam vì công-lý và nhân đạo mà giúp chúng tôi.

BẢO - ĐẠI

Hoàng-Đế Bảo-Đại gửi Đại-Tướng de Gaulle

Lúc thiếu thời Quả-nhân đã ở nước Pháp nên nay Quả-nhân muốn lấy tư cách một người bạn hơn là một đấng Quốc-Trưởng để tỏ tỉ lời với cả dân-tộc Pháp và với người đã giải phóng nước Pháp và hiện còn làm Thủ-lĩnh Pháp.

Các ngài hãy nhớ lại những hồi đau đớn khổ sở mà các Ngài đã phải chịu trong bốn năm qua nước các Ngài bị nước ngoài xâm chiếm thì các Ngài sẽ hiểu rằng thời này một dân-tộc có hơn 4000 năm lịch sử vẻ vang chắc không thể nào chịu để cho người ngoài áp-chế hoặc cai-trị nữa.

Sự ấy, nếu các Ngài thấy rõ hiện tình xứ này và biết cái sức mạnh của bầu nhiệt huyết đã tràn trề trong tâm can dân-tộc Việt-Nam không nhẫn lực nào đè nén nổi: thì các Ngài liền hiểu thấu rõ hơn nữa. Vả lại vạn nhất mà các Ngài cố lấy lại được quyền cai-trị xứ này thì quyền đó cũng không ai phục tòng nữa. Mỗi một làng sẽ chở nên một sào huyệt phản kháng, mỗi một người cộng-tác cũ sẽ trở nên một người cừu địch và bọn quan lại và thực dân của các Ngài sẽ phải tự xin lui không thể nào ở được trong bầu không khí chết ngạt ấy.

Quả-Nhân muốn các Ngài hiểu rằng: Cách độc nhất vô nhị để giữ lại quyền lợi người Pháp và ảnh hưởng tinh thần của người Pháp ở xứ này là các Ngài đường đường chính chính công nhận nền Độc-Lập của nước Việt-Nam và đừng có nghĩ gì đến việc lấy lại chủ quyền hoặc lập lại nền cai-trị Pháp bất cứ theo cách nào.

Nếu các Ngài bỏ hẳn cái mộng tưởng trở lại làm chủ đó, thì chúng ta sẽ hiểu nhau mà trở nên bạn hữu một cách dễ dàng.

Nước Pháp là một nước sùng thượng lý-tưởng chủ nghĩa. Quốc-Trưởng Pháp là một người rất khôn ngoan, vậy Quả-Nhân mong rằng đang lúc tiếng thái-bình và hoan hỉ đã reo chung cho tất cả thế giới, các Ngài sẽ chú ý đến lời cảnh cáo này để cho dân-tộc bản-xứ và ngoại quốc ở Đông-Dương cộng vinh cộng lạc với tất cả các dân-tộc khác trên hoàn cầu.

BẢO-ĐẠI

Lời tuyên bố của Hoàng-Đế Bảo-Đại với Quốc dân tại Hương-Cảng

HỠI QUỐC-DÂN VIỆT-NAM!

Vì muốn tránh máu đổ, Trẫm đã từ ngôi của các bậc Tiên đế để lại vì quốc dân muốn giao phó vận mạng nước nhà cho những nhà lãnh đạo mới.

Trẫm đã tự ý tránh mặt, thoái vị, chọn con đường đi lưu trú ở hải-ngoại để tránh khỏi phải chịu một sự thí nghiệm mà trong ý của quốc-dân

là sẽ đem lại hạnh phúc. Ở nơi đất khách quê người mà Trẫm hiện nay còn lưu trú, Trẫm rất quan tâm đến những sự biến chuyển của lịch sử nước nhà. Đôi khi có tia hy vọng, nhưng lúc nào Trẫm cũng buồn. Mặc dầu những nhà độc tài muốn che lấp tiếng nói của quốc-dân, nay Trẫm cũng biết được những hy vọng đau đớn của quốc-dân vì chế-độ độc-tài. Hiện nay Trẫm nghe tiếng rên xiết của mọi người, được nghe tả những cảnh đau khổ, những nỗi tai hại của nước Việt-Nam yêu dấu của chúng ta đã phải chịu. Sau hai năm kinh nghiệm dưới quyền hành tuyệt đối của những nhà lãnh đạo mới, dần dần mối hy vọng hạnh phúc đã tiêu tan, một hạnh phúc mà lối tuyên truyền khôn khéo đã làm nẩy nở trong thâm tâm quốc-dân.

Sau những nỗi lầm than, quốc-dân đã kêu gọi đến Trẫm, để đem lại cho quốc-dân đã bị sự tàn phá của chiến tranh, của cảnh cốt nhục tương tàn, một nền hòa bình thích hợp với các quốc gia tự-do và bình-đẳng, một nền hòa-bình nội-trị đem lại sự an-ninh. Quốc-dân đã yêu cầu Trẫm đứng ra thương-thuyết với Pháp, chính nước Pháp đã do vị đại. diện tối cao ở Việt-Nam là Thượng-Sứ Bollaert đề xướng trong bài diễn văn đọc tại Hà-Đông, đề cử những nhân vật được quốc-dân tín nhiệm. Đáp lại lời kêu gọi của quốc-dân Trẫm chấp nhận sứ mạng mà quốc-dân giao phó cho Trẫm, Trẫm sẵn sàng tiếp súc với nhà đương cục Pháp và cùng họ xét những đề nghị mà Pháp đã đưa ra cho chúng ta. Trước hết Trẫm muốn dành độc-lập và thống-nhất Quốc-gia hợp theo nguyện vọng của Quốc dân. Khi

đã đi đến một sự thỏa hiệp được bảo đảm cho đôi bên, quả quyết rằng những lý tưởng mà vì đó chúng ta đã kháng chiến đã đạt được, lúc ấy, Trẫm sẽ đem uy quyền của Trẫm đề ngừng chiến vì một khi mục đích của chúng ta đã thâu hoạch được thì không còn gì cản trở sự phục hồi hòa-bình. Đấy là một nền hòa-bình phong phú, thịnh vượng và an ninh mà Trẫm sẽ đem về cho Quốc-Dân và Trẫm muốn duy trì nền hòa bình ấy. Thời gian sẽ làm êm dịu các dục-vọng.

Trong sự thống nhất, tất cả quốc-dân Việt-Nam sẽ xây-dựng lại nước nhà trên những nền-tảng mới, dựa theo những nguồn sinh-lực cổ-truyền anh-dũng của chúng ta.

BẢO - ĐẠI

(Theo nguyên-văn Đài phát-thanh Sài-gòn ngày 19-9-1947).

Tuyên ngôn của Hoàng-Đế Bảo-Đại

(Định rõ lập trường của Ngài đối với Thời-Cuộc, gửi cho những Đại-Biểu các tổ chức chính-trị và Tôn-giáo Việt-Nam, ngày 26-3-48 tức là trước sự ký kết Thỏa-hiệp Hạ-Long)

... Tuy cuộc tranh đấu gay go vì Độc-Lập vẫn triền miên, hết thảy quốc dân ta đều muốn sớm thỏa hiệp với nước Pháp. Để nêu cao tư tưởng hiếu hòa đó, hưởng ứng lời dân chúng yêu cầu tôi mở cuộc thương thuyết, ngày 6 tháng 12 năm 1947, tôi nhận lời mời của Thượng-Sứ Pháp ra Vịnh Hạ-Long. Cuộc đàm phán tiếp tục ở Genève và hiện chưa kết thúc.

Mặc dầu tình thế có chiều phức tạp, đối với nước Pháp xưa nay vẫn chuộng tự do công bình, lại đã nhiều lần tuyên bố sẵn sàng công nhận Việt-Nam thống-nhất và độc-lập trong một tổ chức Liên Hiệp Pháp có ý nghĩa rộng rãi, chúng ta có thể hy vọng sớm muộn sẽ tìm được sự thỏa-hiệp phải chăng.

Những cuộc đàm phán đã qua, về phần tôi, chỉ có tính cách cá nhân. Tôi có trở lại chính quyền, cuộc đàm phán mới chính-thức và mới có thể đưa những kết quả định đoạt tương lai nước ta. Nhưng nguyện vọng quốc dân chưa đạt được thì có bao giờ tôi nghĩ đến việc trở lại chính quyền, vả chăng đó chỉ là việc phụ.

Trong khi chờ đợi, quốc dân có thể thành lập một Chính-Phủ trung ương lâm thời để thực hiện việc thống-nhất quốc-gia là vấn đề thuộc phạm vi nội bộ Việt-Nam mà nước Pháp đã tuyên bố không can dự đến . . . . . .

ÔNG HỒ-CHÍ-MINH

Ông Hồ-Chí-Minh

KHÔNG còn ai chối cãi rằng ông Hồ-Chí-Minh không là một tay quan trọng. Bằng khối óc thông minh lỗi lạc, sự hiểu biết chính-trị sâu sắc, sự từng trải lâu năm trong trường cách-mạng, sự kiên-quyết và lòng tin tưởng cực-đoan, ông đã thành một địch thủ rất lợi hại giữa hàng ngũ Cách-Mạng trứ danh quốc-tế. Nhất định rằng ông là tay cừ-khôi nhất của Đệ-Tam Quốc-Tế tại Đông-Nam-Á.

(Lời phê bình của S.E.)

(Tài liệu bài khảo cứu lý-lịch và đời Cách-Mạng của ông Hồ-Chí-Minh trong Nguyệt-San SUD-EST số 2 phát hành tháng 7-1949 rút ở bản điều tra của các nhà chức trách Pháp)

Lời phê bình bằng tiếng Pháp

« *Hồ-chí-Minh est sans conteste une figure puissante. Sa vive intelligence, son sens politique aigu, sa longue pratique de l'action révolutionnaire, sa ténacité et son fanatisme, en font un adversaire de grande classe de la classe des grands révolutionnaires internationaux. C'est incontestablement le plus remarquable agent de la Troisième Internationale dans tout le Sud-Est-Asiatique.*

II

Hồ-Chí-Minh

Chủ Tịch Chính Phủ Dân Chủ Cộng Hòa

Hồ-Chí-Minh chỉ là một huy-hiệu cuối cùng của một người mà chính danh là Nguyễn-tất-Thành. Ông này do những cuộc bôn ba cách-mạng đã đeo nhiều tên khác nữa như: Nguyễn-ái-Quốc, Nguyễn-Bá-Can, Sanh-Con, Song-man-Tcho, Nguyễn-sinh-Côn và Lý-Thụy v. v. . .

Quê quán của ông là làng Kim-Liên, tổng Lam-Tinh huyện Nam-Đàn thuộc về tỉnh Nghệ-An là một địa hạt đã sản xuất ra rất nhiều cuộc khởi nghĩa ghê gớm.

Ông Nguyễn-tất-Thành sinh ngày 15 tháng Giêng 1894. Có chỗ nói ông ra đời năm 1892. Gia đình ông có ba anh chị em, ông vào bậc thứ.

Ông cụ thân sinh ra ông Thành là một viên tri-huyện nghiện rượu nên hay đánh đập thuộc hạ vì thế đã bị cách bãi năm 1910. Anh em ông đều theo cách-mạng hồi ấy. Chị ông là Nguyễn-thị-Thanh năm 1918 bị chín năm tù khổ sai vì thông đồng ăn cắp súng tại Vinh. Ông anh là Nguyễn-tất-Đạt cũng tù vì chứa chấp những đảng viên cách mạng.

Không những ông bị ảnh hưởng của gia-đình mà còn của thời đại nữa vì khi đó luôn luôn có những cuộc tuyên truyền khởi nghĩa qua phong trào «Canh-tân quốc-gia» — Ông sinh đúng sau cuộc thắng trận của Nhật-Bản (Nga-Nhật chiến-tranh) Việc này đã làm rung động tinh thần chủng tộc của người da vàng và kích thích mạnh cả cái tinh thần quốc-gia ở Á-Đông nữa không ngoài mục đích đòi

Độc-lập và thoát ly khỏi cuộc đô-hộ của nước Pháp. Xướng xuất phong trào giải-phóng là các văn thân như cụ Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh lúc đó tôn phù Hoàng-Thân Cường-Để hiện nay còn ở đất Nhật. Cuộc lùng bắt ráo riết của người Pháp đã thúc đẩy họ đi ngoại quốc, người thì phiêu bạt sang Trung-Hoa, kẻ thì qua Nhật với Kỳ-ngoại-hầu (1).

Cụ thân sinh ra ông Thành bực mình vì bị thải hồi nên cũng gia nhập vào phong trào và các con đều theo cụ.

Về sự học của ông Nguyễn-tất-Thành trong buổi thiếu niên người ta không hiểu rõ lắm chỉ biết rằng sau khi qua bực sơ-học hình như ông vào trường Quốc-Học Huế nhưng dù điều này có đúng chăng nữa thì ông Nguyễn-tất-Thành cũng chưa qua khóa Tú-Tài.

Theo Cộng-Sản.

— Tháng 7 năm 1911 ông Thành chưa tới 18 tuổi thì đi làm bồi trên tầu Latouche Treville là một thương thuyền. Được tiêm nhiễm nhiều ý tưởng mới, ông đổi tên là Nguyễn-ái-Quốc, để tiện đi hoạt động các nơi. Ông qua Hoa-Kỳ, Anh-Cát-Lợi rồi đến năm 1919 ông lên bộ và sinh sống ở Ba-Lê làm nghề sửa ảnh ở số 9 ngõ Compoint (Quận 17) trong một căn nhà nhỏ hẹp bình dân.

Ông gọt rũa Pháp-văn. tập viết các bài báo ngắn, các đoản thiên và ca kịch nữa như bản : « Con Rồng bằng tre » là một áng văn châm biếm một vị quốc-vương Á-Đông bất lực, hôn mê, không có tính quyết đoán. Ông hay đi lại các báo quá

1) Kỳ-ngoại-hầu là tước vị của cụ Cường-Để.

khích, quen bọn các ông Vaillant Couturier, André Berthon, Marcel Cachin trong việc viết lách.

Ông hay đi dự họp với « Phái ngoại-thành » (Club du Faubourg), mà lãnh tụ là Léon Poldès chuyên giáo hóa về chủ nghĩa Cộng-Sản hay ít nhất là thân Cộng. Ông cũng thường lên diễn đàn để thảo luận chính trị, năm 1921 và 1922. Rồi ông tuyên-truyền mọi tư tưởng của « Mác » cho các Việt-Kiều ở Ba-Lê. Marcel Cachin đã đưa đẩy ông vào trường chính-trị năm 1920, ông dự cuộc hội-nghị ở Tours tại đó đã xảy ra cuộc bất hòa của các đảng viên Xã-hội, phái tả nhập vào Đệ-Tam Quốc-Tế sau thành ra đảng Cộng-Sản Pháp.

Ông Thành ghi tên trong hàng ngũ của họ đầu tiên.

Trong hội nghị thứ nhất của đảng Cộng-Sản Pháp ở Mạc-Xây hồi tháng chạp năm 1921, ông yêu cầu đảng lập một chương-trình chính-trị Cộng-Sản thuộc-địa.

Ông là đảng viên chi nhánh quận 17 của Liên-đoàn Cộng-Sản hạt Seine. Rồi năm 1921, ông tổ chức Liên-minh thuộc-địa nhược tiểu dân-tộc hội m , đích tập trung các dân-tộc bị trị dưới lá cờ của Cộng-Sản (các dân-tộc do nước Pháp đô hộ).

Năm 1922, ông xuất bản tờ Le Paria, cộng tác với tờ Libertaire phát hành bản tuyên ngôn : « Lời yêu sách của dân Việt-Nam » và cuốn sách nhan đề : « Bản án về chế-độ thuộc địa Pháp ».

Những tác phẩm này bây giờ không tìm đâu ra được nhưng hồi đó được người Việt-Nam tìm mua rất nhiều xem xong rồi hủy đi vì những luận điệu bài Pháp kịch liệt chẳng như ngày nay

ông Thành chủ trương trái hẳn lại nghĩa là thân thiện với Pháp.

Những dân da đen và Bắc-Phi coi chừng không hưởng-ứng với chủ nghĩa Cộng-Sản nên sau ông chỉ chuyên chú vận động với đồng bào Việt-Nam của ông mà thôi. Ông liền chọn cán bộ cho đi huấn luyện ở Mạc-Tư-Khoa.

Từ Mạc-Tư-Khoa tới Quảng-Đông

Tháng 6 năm 1923, đảng Cộng-Sản Pháp cắt ông làm đại biểu tại hội-nghị Đệ-Tam Quốc-Tế (Quốc-Tế Nông-dân) họp tại Mạc-Tư-Khoa ngày tháng 10 năm ấy. Ông từ biệt Pháp hồi đó cho tới 1946 ông mới lại tái hồi.

Tại Nga, ông đeo tên là Song-Man-Tcho. Ông đại diện cho các thuộc địa tại ủy-ban thường-trực vì lúc đó ông thấy đảng Cộng-Sản Pháp hoạt động rất ít cho thuộc-địa (nên ông không trở lại đất Pháp nữa). Ông đã dự cuộc hội-nghị thứ V của Quốc-tế Cộng-Sản.

Vào khi ấy thì nước Trung-Hoa, miền Nam có nhiều liên lạc với Chính-Phủ Sô-Viết qua các đại diện là tướng Gallen và ông Borodine. Bấy giờ người ta cần đến một người thông ngôn tiếng Tầu thế là Song-Man-Tcho được ủy nhiệm vào chức này và rời Mạc-Tư-Khoa đi Quảng-Đông đầu năm 1925. Sự thực thì ông ở Lãnh-Sự quán Nga lần này với cái tên Lý-Thụy. Việc của ông là tuyên truyền cho Cộng-Sản Tầu và chỉ huy mọi hoạt động Cộng-Sản ở Việt-Nam.

Vẫn ở Quảng-Đông, ông lập ra « Chi nhánh liên đoàn dân tộc bị trị » sau thành « Việt-Nam Thanh-niên Cách-Mệnh Đồng-Chí hội » nó đã thu hút hết

thấy những người Việt-Nam có đầu óc đang trôi nổi trên đất Tầu hồi bấy giờ, ông lại điều khiển cả những học sinh Việt-Nam tại trường Hoàng-Phố do các giáo sư Nga huấn luyện quân sự và kỹ-thuật Cách-Mạng.

Đảng V.N.T.N.C.M Đ.C.H. chỉ là một đảng quốc gia vì người sáng lập ra nó hồi đó cho rằng lập Cộng-sản-đảng thì khí sớm (1). Năm 1927, tại Mạc-Tư-Khoa, ông Lý-Thụy đã tuyên bố như vậy, nghĩa là các đảng viên Việt-Nam không hiểu Cộng-sản là gì hết. Nhưng ông tính hấp dẫn họ dần dần vào chủ nghĩa Các Mác và Lý-Ninh. Đối với thuộc địa chương-trình Cách-Mạng có hai điểm là tranh thủ Độc-Lập để xây dựng một chế độ dân-chủ tư sản đã sau mới là triệt để cộng sản và liên Nga.

Ông có nhiệm vụ lập các ổ Cộng-sản ở Đông-Dương liên lạc với các phong trào cách mạng Á-Đông. Năm 1926, ông gửi Lê-Hồng-Phong đi Nga học tập. Phong là thủ túc và có thể sau này kế chân ông. Ông đứng ra giao thiệp với Nga, thay mặt đảng giữa Đệ Tam Quốc tế và được Nga bảo trợ về tài chính trong các việc tuyên truyền và vận động. Ngày 6 tháng 4 năm 1927, khi Trung-Hoa ly dị với Nga-Sô thì các tổ chức của ông tiến-hành đang mạnh. Ông đi Phúc-Kiến và Hán-Khẩu dự « Hội Nghị Đông Á Lao Động ». Ông lại qua Mạc-Tư-Khoa và ở đó ông triệu một số anh em đến

---

1) Trước đây khi cùng hoạt động với cụ Phan-sào-Nam ông Lý-Thụy đồng ý rằng Việt Nam chỉ là một xứ nông nghiệp và nông nghiệp Việt-Nam chưa giác ngộ về *Cách-Mạng vô sản* nên phải làm *Cách-Mạng quốc gia* đã... Sau này Đông-Dương Cộng-sản-đảng g ấp rút hoạt động là vì sự cần cấp của Đệ Tam Quốc Tế chăng?

huấn luyện cách mạng ở các Đại Học đường Staline — Tôn-dật-Tiên học hiệu v.v. tức là bọn ông Dương-Bạch-Mai lấy tên «Bourov», Trần-Ngọc-Danh « Blokov » đại diện của Chính-Phủ dân-chủ Cộng-Hòa Việt-Nam tại Ba-Lê mới đây.

Đông-Dương Cộng-Sản đảng

Sau khi Nguyễn-Ái-Quốc rời đất Tầu thì trong T.N.C.M.Đ.C.H. có sự bất hòa tại nội bộ. Giữa năm 1928, ông lại bí mật từ giã Nga sang Xiêm ngụ ở làng Bản-Đông gần thị trấn Pichit, tại nhà ông Võ Tùng (một cựu đảng viên cách mạng) tức Lưu-Khải-Hồng. Ông định lập lại đảng Cộng-Sản ở đấy và coi là một địa hạt mới vì V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. ở Tầu rời rạc gần như tan rã. Lúc này Việt Kiều ở Xiêm có vào khoảng ba vạn người. Ông định tổ chức Cộng-sản trong đám đồng bào này và hy-vọng họ sẽ nhiệt thành hơn đảng Cộng-Sản Việt-Nam ở Tầu. Trong việc này ông đã hoàn toàn thành công và sau đó phong trào Cộng-Sản ở Thanh-Nghệ-Tĩnh bùng lên là do Cộng-Sản Việt-Nam ở Xiêm trở về hoạt động.

Ông Nguyễn-Ái-Quốc ở đó một năm thì các lãnh tụ Cộng-Sản Việt Nam ở Hồng-Kông (V.N.T.N.C M.Đ.C.H.) biết tin liền mời ông qua Tầu để lại điều khiển các việc cho đảng như xưa. Ông ngần ngại sau cũng thuận đi Hồng-Kông.

Ba tháng sau, trong một cuộc hội nghị ở Hương-Cảng hồi tháng giêng năm 1930, ông lập lại Đảng Cộng-Sản bằng những cựu đảng viên và những bạn có cảm tình với Cộng Sản. Tháng tư năm 1931 Đảng Cộng Sản Đông Dương được thừa nhận là một chi nhánh độc lập của Đệ Tam Quốc Tế rồi

chuyển về nước để hoạt động, trừ ông Nguyễn-Ái-Quốc vẫn lưu lại Hương Cảng giữ chức chỉ huy «*Đông Nam Á vụ*» dưới quyền ban «*chỉ huy Viễn Đông*» tại Thượng Hải mà tổng thư ký là người Pháp Noulens.

Nguyễn-Ái-Quốc nhận mỗi tháng 5000 quan tiền Pháp kể từ 1931 của Đệ tam Quốc Tế để dùng vào việc của đảng. Tháng tư 1930 ông đi Tân-Gia-Ba để đại diện cho đảng, dự phiên họp của Liên Đoàn Cộng Sản Nam-Dương sau đó ông trở về Hương-Cảng. Ông cho Lê-Quang-Đạt đi tuyên truyền công binh ở các trại Pháp tại Thượng Hải và nhiều cán bộ về Đông Dương gây phong trào 1930-1931 rồi liên tiếp đến vụ Yên-Báy bùng ra tại Bắc-Kỳ do Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng là một đảng cách mạng Quốc-Gia.

Đông Dương Cộng Sản Đảng được tổ chức theo như Mạc-Tư-Khoa, biết dùng khủng bố trong các cuộc vận động quần chúng, biết đánh vào yếu-điểm của nông dân đang căm hờn chế-độ thuộc-địa lại bị mất mùa và đói kém nên từ Trung Nam Bắc, Cộng-Sản đã lưu-huyết khắp nơi và các nhà cầm quyền Pháp đã thẳng tay đàn áp kịch liệt nhưng chỉ là tạm yên.

Với sự hoạt động lung tung của Nguyễn-Ái-Quốc khắp các nước Đông-Nam-Á (không riêng ở Đông Dương) các nhà chức trách Anh để ý, rồi ông bị bắt ở Hương-Cảng tại Kowloon ngày 5 tháng 6 1931. Chính Phủ Đông-Dương hồi ấy yêu cầu Anh giao ông cho họ vì ông đã bị kết án tử hình vắng mặt ngày mồng mười tháng 10-1929 do tòa án Vinh, án này sau được Cơ-Mật viện ở Huế đổi sang khổ sai chung thân. Những lời này không được chấp thuận.

Bắt đầu từ 1933, Nguyễn-Ái-Quốc ở ngoài địa phận Đông-Dương và gần như chỉ chuyên mở mang thế lực cho đảng tại Đông Dương mà thôi. Lúc ông ở Hương-Cảng qua Quảng-Đông và Ma-Cao, ông chia Đ.D.C.S.Đ. làm hai chi nhánh : một ở trong đóng tại Nam-Kỳ, một ở ngoại quốc là ban chỉ huy. Ông đứng làm trung gian để nhận mệnh lệnh của Mạc-Tư-Khoa cho tới 1940.

Từ 1933 đến 1936 Đệ-Tam Quốc-Tế cho lệnh hoạt động chống Đế-Quốc Pháp rất kịch liệt. Từ 1936 đến 1938 (hồi Chính Phủ Bình Dân cầm quyền ở Pháp) ông lại chủ trương liên hiệp Pháp để được thừa nhận các tự do dân chủ.

Năm 1937, ông ly khai vĩnh viễn với Đệ-tứ Quốc-Tế vì trước đây Đệ-Tam và Đệ-Tứ cùng hoạt động theo một chương trình. Sau cuộc tình duyên đứt đoạn này, Đông-Dương Cộng-sản đảng hành-trướng mỗi ngày một mạnh.

Việt-Minh, một hình thức Quốc-gia của Đông-Dương Cộng-Sản Đảng.

Năm 1940, quân đội Phù-Tang tràn vào Đông-Dương sau khi nước Pháp bại trận bên Âu-Châu. Ông Nguyễn-Ái-Quốc đã nắm được một cơ hội tốt để lợi dụng. Ông đi Vân-Nam, Quảng-Tây và lần mò về tới biên thùy Hoa Việt để gặp gỡ các đồng chí. Tại Tsing-Si một địa hạt cách Bắc-Kỳ 100 cây số, hồi tháng 5 năm 1941 Đông-Dương Cộng Sản Đảng đổi ra là Việt-Minh tức Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh-Hội, một hình thức quốc gia để che đậy chân tướng Cộng Sản. Danh từ này thật là khéo đặt do hai chữ Độc Lập nó kích thích lòng ái

quốc của quần chúng và tránh được mọi sự mâu thuẫn với các đảng phái.

Muốn kín đáo hơn nữa, Nguyễn-ái-Quốc lại đổi tên là Hồ-chí-Minh, tên này từ nay được ghi vào lịch sử.

Việc thứ nhất của Việt-Minh là tung ra một bản tuyên-ngôn ngày 25-10-41 bầy tỏ hết tinh-thần dân chủ và khêu gợi hai chữ Độc-Lập, kêu gào chống Fát-Xít Nhật. Nhất là về phương diện quốc tế Việt-Minh ve vẫn Hoa-Kỳ là một nước chống thực dân mục đích vận-động sự hậu thuẫn cùng cảm tình của cường quốc này.

Dụng tâm của Trung-Hoa

Từ bao nhiêu lâu Chính-Phủ Trung-Hoa vẫn giúp đỡ và dung nạp các nhà Cách-mệnh Việt-Nam không phân biệt mầu sắc đảng phái. Việc này có dụng ý lúc lâm thời có việc sẽ dùng đến các nhà Cách-Mệnh ấy.

Đại tướng Trương-phát-Khuê ở Quảng-Tây đã nâng đỡ các đảng viên Cộng-Sản Đông-Dương và huấn luyện họ về quân sự ở Deon-Tcheou, Tsing-Si và đối với tàn quân của Phục Quốc-Quân sau khi họ bại trận ở Lạng-Sơn rút sang Tầu năm 1940 cũng vậy.

Việt-Minh cũng có kế hoạch riêng để lợi dụng tình thế. Với sự hỗ-trợ của Trung-Hoa, họ gây nhiều sự rối loạn tại biên-giới Bắc-kỳ lúc đó, thất bại thì họ cũng đã có chỗ cẩn thận để rút lui.

Sau khi thành lập được một hôm thì mặt trận Việt-Minh đã hoạt động ngay ở miền thượng du Bắc-Kỳ mục đích cổ-động và tuyên-truyền trong dân chúng. Họ ném truyền đơn, giết vài người kỳ

hào, nhân viên sở Mật-Thám, tấn công vài đồn khố xanh v. v . . . để gây cảm tình với dân thượng du và lấy thêm đảng-viên, chứ họ chưa tính đến việc lớn hơn.

Trong khi mà Việt-Hoa đang cùng chung một tình thế ổn định thì Đại-Tướng Trương-phát-Khuê dò biết rõ rằng chủ-trương của ông Hồ-Chí-Minh là không phụ họa vào kế hoạch của mình, liền hạ ngục ông Hồ-Chí-Minh. Mười tám tháng sau nghĩa là năm 1943 ông Hồ mới ra khỏi nhà tù.

Giữa lúc này thì Trương-Phát-Khuê sửa soạn lại chương-trình chính-trị của ông bằng cách ép các đảng viên Cộng-Sản và Quốc-giaV.N., cả những đảng viên Phục-Quốc đã một thời liên lạc với quân đội Nhật-Bản vào Lạng-Sơn, lập thành một mặt trận gọi tắt là Đồng-Minh-Hội cũng chủ trương lấy lại Độc-Lập cho Việt-Nam.

Mặt trận này vì tính cánh hỗn hợp nên không có tinh thần duy nhất lắm, nhưng tạm thời khi ấy cũng thu xếp xong. Đến tháng 3 năm 1944, tại Liễu Châu, Chính Phủ Cộng-Hòa Việt-Nam tuyên bố ra đời. Đứng đầu là một vị lão thành Cách-Mệnh tên là Trương-Bội-Công bôn ba ở đất Tầu từ 1908. Ông Hồ-chí-Minh cũng được cử vào một chân Bộ Trưởng. Chính Phủ này chủ trương chống Pháp không úp mở, bất điều đình và kháng Nhật nữa. Ông Hồ dĩ nhiên là cũng tán thành chương trình này vì nó là giai đoạn đầu tiên cần thiết của một cuộc Cách-Mệnh phản Đế, nhưng thâm tâm của ông thì chỉ tin tưởng con đường của Nga-Sô, còn đổi chế độ Bảo-Hộ của Pháp lấy chế độ Bảo hộ của

Trung-Hoa thì ông đã làm Cách-Mệnh 25 năm đâu lại nghĩ quẩn như vậy.

Ông liền ly khai với Đồng-Minh-Hội rồi đem 700 đồng chí về lập chiến khu ở Thái-Nguyên hồi tháng một năm 1944, cố ý lan tràn xuống Trung-Du.

Trong giai đoạn này ông Hồ du hành sang Tầu nhiều phen, lúc thì ở Vân-Nam, lúc Quảng-Tây, Côn-Minh (hình như ông ngụ ở đây đến 6 tháng) để tìm kiếm, hồi tháng hai 1945, các học sinh Cách Mệnh Việt-Nam. Ông lại lần đến các võ quan Mỹ O.S.S. ở địa phương đó và ông lấy danh nghĩa là một lãnh tụ quốc-gia bầy tỏ việc ông lập được một chiến khu chống Nhật. Sau đó, người Mỹ có thả xuống Thái-Nguyên nhiều chiến cụ. Những thứ này giờ phút cuối cùng đã dùng để đánh Pháp.

Báo Climats ngày 18 tháng hai năm 1949 bình luận đến cuộc vận động của ông Hồ đã khen ông rất khôn khéo đứng về phương diện Cộng-Sản, cùng cho cuộc vận động đó là chiến lược của Mạc-Tư-Khoa không sai chút nào.

Theo Cộng-Sản thì « Trong cuộc chiến tranh chống Đế-Quốc kẻ thù ở nội địa ». Cho nên từ 1940 đến ngày 9 tháng 3 năm 1945, đích của cuộc Phản Đế là Pháp vì vậy bao nhiêu phong trào bạo động đã xảy ra từ Nam-kỳ ra tới Thái-Nguyên.

Mặc dầu các công cuộc bạo động ráo riết ấy, thế lực Việt-Minh bấy giờ cũng chỉ loanh quanh ở mấy miền Thượng-Du bởi người Pháp vẫn đàn áp được họ một cách hiệu quả.

Cướp Chính Quyền.

Sau cuộc Đảo Chính mồng 9 tháng 3, người Pháp bị truất quyền ở Việt-Nam lại thêm nạn đói, Việt-Minh mới được cơ hội để phát triển. Họ tuyên truyền và đưa người vào các cơ quan Chính-Phủ. Đối với Nhật Bản, họ có thái độ rất khôn khéo trừ một vài cuộc xung đột để quảng cáo ở Tam-Đảo ngày 6-7-45, ở chợ Chu tháng 6-45 chẳng hạn cho tới khi Nhật hàng Đồng-Minh.

Đầu tháng 6-45 Việt-Minh và Nhật đồng ý với nhau lập một khu trung lập là khu giải phóng Thái Nguyên. Khi người Nhật thất bại nước cờ Đại-Đông-Á thì họ mặc cho Việt-Minh tung hoành nên đến ngày 15-8-45 các cơ quan hành chính quân sự liền lọt vào tay Việt - Minh. Nếu không có sự đồng lõa ấy thì với bộ đội của họ, súng ống đầy đủ thì làm gì họ chẳng tiêu diệt dễ dàng Việt-Minh.

Ngày 20 tháng 8, buổi trưa, Bắc-kỳ bị rơi vào tay của « Ủy Ban Nhân Dân Cách Mệnh » trong khi chờ ông Hồ-Chí-Minh trở về. Vài hôm sau ông Hồ cùng một số thủ túc tốt nghiệp ở Mạc - Tư - Khoa đứng ra lập Chính Phủ lâm thời với một vài nhân vật trung lập nhưng xu hướng khác nhau lấy đủ hình thức Dân Chủ Tây-Phương. Ngày ấy là ngày ông Hồ bước ra ngoài bóng tối. . .

Sau này ông được bầu lên địa vị Chủ-Tịch Chính-Phủ Dàn-Chủ Cộng-Hòa Việt-Nam; đại khái ông đã làm và đang làm những việc quan hệ chúng tôi đã ghi chép trên đây. Tất nhiên cuộc bang giao Việt-Pháp và nền chính-trị Việt-Nam còn chứa

nhiều cái bí ẩn mà ngày nay chúng ta mới chỉ nhìn thấy bề ngoài. Do tình thế chiến tranh, nhiều tài liệu còn thiếu xót, nhưng chúng tôi cũng cố ghi lấy những biến chuyển lịch-sử được phần nào hay phần ấy. Mong sau này các sử-gia sẽ có cơ hội thuận tiện để bổ khuyết những chỗ sai lầm của chúng tôi.

Kết Luận

Ngót một thế-kỷ tranh đấu cho cuộc giải phóng dân tộc bao nhiêu chiến-sĩ anh-hùng đã vùi thân trong chốn cát lầm có lẽ đâu chỉ kể đến một hai người. Nhưng nếu chúng tôi đem thân-thế sự-nghiệp của Quốc-Trưởng Bảo-Đại và ông Hồ-Chí-Minh phô bầy ra đây là vì hai vị đó đang nắm trong tay then chốt của thời cuộc, vận mệnh của nòi giống trong giai đoạn lịch-sử hiện tại.

Trên con đường sự-nghiệp hai vị đó đang đi, mọi sự phê bình lúc này đều là quá sớm. Nhưng ít ra ta cũng thấy ở Đức Bảo-Đại, một tấm lòng yêu nước sáng ngời và lòng yêu nước đó nếu không có cuộc đảo-chính 9-3-45 và lời chiếu thoái-vị nửa năm sau thì đã mấy ai biết được ! Cho tới khi Ngài bôn ba hải-ngoại trở về đây, bốn năm trời ấy, ai người có thể phủ-nhận được những cuộc tranh đấu của Ngài đã từng làm cho đối-phương nhiều phen khó chịu mà phải nhượng-bộ. Ngài đã chủ-trương thiết lập một chính thể xã-hội cấp tiến cho quốc gia. Chủ trương đó rất hợp thời để Việt-Nam có thể tiến-triển mạnh mẽ trên trường cạnh tranh Quốc-Tế và có đủ bảo đảm cho đời sống của các tầng lớp dân chúng.

Với ông Hồ-Chí-Minh, ba mươi năm trôi nổi nơi đất khách quê người là cả một cuộc đời chiến-sĩ. Vai trò lãnh-tụ cách-mạng vô-sản của ông ở Đông-Nam-Á không phải là không quan hệ đến năm Châu. Cuộc cách mạng xã-hội mà ông cầm đầu ở đây đã phá một phần quan-hệ nền tảng của phong-kiến, đã quét sạch những sự thối tha của thực-dân và đã kéo quần-chúng Việt-Nam ra khỏi chỗ sa lầy của bao nhiêu thế-hệ trước. Cuộc cách-mạng đó rồi đây thành hay bại cũng sẽ dọn đường cho những cuộc cải cách xã-hội mai sau. Người Việt-Nam từng đem xương máu xây dựng nền độc-lập của Tổ-Quốc, đến giờ phút này chỉ thiết-tha chiến-đấu cho Tự-Do, Hạnh-Phúc của toàn dân, cho nền Công-Lý của xã-hội trong quốc-gia cũng như ngoài quốc-tế.

Những manh tâm chia-rẽ dân-tộc, những ý tưởng phụng-sự quyền-lợi cá-nhân hay đảng phái có thể là thù nghịch với Tổ-Quốc và phương hại rất nhiều cho nền độc-lập của quốc-gia.

Nền độc-lập đó đến giờ phút cuối cùng này một phần nhờ hoàn cảnh quốc-tế thuận tiện đã bắt đầu được thực hiện. Nhưng tuy rượu đã rót ra rồi, từ cốc đến môi không phải là không có thể xảy ra sự bất trắc.

Vận-mệnh của xứ-sở dĩ-nhiên là ở các người lãnh-đạo, nhưng người công-dân Việt-Nam còn phải nhận thấy mình cũng có nhiều phần trách-nhiệm và hiện-tại chưa phải là giai-đoạn chót trong công cuộc tranh-đấu của dân-tộc.

PHẠM-VĂN-SƠN

Niên-biểu

Về lịch-sử đối chiếu của ba nước Việt-Nam, Trung-Hoa và Pháp

Năm theo Dương-Lịch	Việt-Nam	Trung-Hoa	Pháp
		Phục-Hi-Thị (4480-4365 trước Tây lịch Kỷ nguyên.	
2879-258 trước Tây-lịch kỷ-nguyên	Họ Hồng-Bàng.	Thần-Nông-Thị (3320-3080).	
		Viên-Hiên-Thị Hoàng Đế (2700-2600)	
		Đào-Dương-Thị Đế-Nghiêu (2359-2259).	
		Hữu-Ngu-Thị Đế Thuấn (2256-2208).	
		Hà (2205-1766).	
		Thương (1766-1122).	
		Chu (1122-256.	
258-207	Nhà Thục.	Tấn (221-206).	
20 111	Nhà Triệu.	Tây Hán (202-trước Tây lịch — 8 sau Tây lịch)	
111 trước tây lịch — 39 sau tây lịch	Bắc thuộc lần thứ nhất.	Tây Hán, Tân, Vương, Mãng (923).	
40-43	Trưng-Nữ-Vương.	Đông Hán (25-220).	
43-544 187-226	Bắc thuộc lần thứ hai Sĩ-Nhiếp.	Đông Hán.	

Năm theo Dương-Lịch	Việt Nam	Trung - Hoa	Pháp
248	Triệu-Ẩu.	Tam Quốc Đông-Ngô (222-265).	
399-413	Giặc Lâm Ấp.	Tấn (265 - 420). Nam Bắc triều: Tống (420-477) Tề (479-501).	
544-602	Nhà Tiền-Lý	Lương (502-587)	Họ Mérovingiens (481-752)
554	Tiền Lý-Nam-Đế.	Trần (557 - 587)	
549	Triệu Việt - Vương		
571	Hậu Lý-Nam-Đế.		
603-939	Bắc thuộc lần thứ ba.	Tùy (589 - 617)	
722	Mai-Hắc-Đế	Đường (618-907)	Họ Carolingiens (762-987)
701	Bố Cái Đại-Vương.		
862	Giặc Nam-Chiếu – Cao-Biền.		
906-923	Họ Khúc.	Ngũ-Quý (907 - 955)	
939-944	Nhà Ngô.		
945-967	Thập Nhị Sứ Quân.	Tống (960-1278)	
968-980	Nhà Đinh		
981-1009	Nhà Tiền-Lê		Họ Capétiens (987-1328)
1010-1225	Nhà Lý.		
1010	Lý-Thái-Tổ lên ngôi và dời đô ra Thăng-Long.		
1048	Giặc Nùng-Trí-cao.		
1069	Vua nhà Lý lấy đất Chiêm Thành mở ra đất Quảng-Bình, Quảng-Trị		
1073	Lý - Thường - Kiệt đánh Tầu.		
1225-1400	Nhà Trần.		

MỤC-LỤC

	TRANG
— Nước Việt-Nam qua các triều đại	11 - 29
— Chúng ta đã gặp gỡ người Trung-Hoa (Hai bà Jeanne d'Arc của Việt-Nam thượng cổ thời đại)	21 - 26
— Bà Triệu-Ẩu	26 - 28
— Ngô-Vương-Quyền, người đặt hòn đá đầu tiên cho nền độc lập Việt-Nam.	28 - 29
— Đánh Tống bình Chiêm	29 - 31
— Việt-Nam dưới triều Lý đã đo gươm thử sức với Trung-Quốc thế nào ?	31 - 42
— Nhà Trần xung đột với Mông-Cổ	43 - 68
— Người anh hùng áo vải đất Lam-Sơn hay là cuộc đụng chạm bằng binh đao với nhà Minh.	68 - 75
— Bình Ngô đại-cáo	76 - 80
— Sự xung đột cuối cùng giữa Việt-Nam và Trung-Hoa vua Quang-Trung đánh nhau với nhà Thanh)	81 - 89
— Nguyễn-Vương, thống nhất nước Nam	90 - 91
— Cuộc Nam tiến của Việt-Nam	92 - 102
— Việt-Nam cận đại — Cuộc đụng chạm với Tây Phương	103 - 110
— Bảng ghi từng năm của các cuộc vận động Độc-Lập của Việt-Nam từ 1861 đến mùa thu 1945	111 - 145
— Phong trào Văn-Thân Việt-Nam	146 - 159
— Việt-Nam mất độc lập do những hòa ước nào ?.	160 - 163
— Các đảng Cách-Mạng Việt-Nam — Cuộc cách-mệnh tháng 8	164 - 196
— Trên sân khấu chính trị hiện đại.	198 - 199
— Cựu-Hoàng BẢO-ĐẠI	200 - 238
— Ông HỒ-CHÍ-MINH	240 - 254
— Niên biểu về lịch sử đối chiếu của ba nước Việt-Nam, Trung-Hoa và Pháp	255 - 256

Đính chính

Số trang	Số giòng	In là	Xin đọc là
3	4	Như hà nghịch *lỡ* lai xâm phạm	Như hà nghịch *lỗ* lai xâm phạm
6	2	thắng-cường lân	thắng cường-lân
16	12	Võ công, văn *tự*	Võ công, văn *trị*
	20	Nhà Đinh	Nhà Hậu Lê
25	19	Mã-Viện dem *quàn*	Mã-Viện dem *quân.*
31	18	quốc *sử* có *đường mới*	quốc *sự* có *đường mối*
32	5	Việt-Nam *bây* giờ	Việt-Nam *bấy* giờ
33	4	(Trường-sinh)	(Trường-sinh)
36	13	*nui* đá	*núi* đá
41	31	Tống có trả thù *vào* Giao-Chỉ	Tống có trả thù Giao-Chỉ
17	2	Nguyên vẫn *cay* với Việt-Nam	Nguyên vẫn *cay đắng*
63	16	đi ra bể *đánh* vào Thanh-Hóa	đi ra bể *lánh* vào Thanh-Hóa
88	11	*nhưng* quân Tầu	*những* quân Tầu
96	21	Trà-toàn *làm* nhiễu	Trà-Toàn *nhũng* nhiễu
108	4	chỉ quen *hu* gọn	chỉ quen *thu* gọn
108	27	Nguyễn *tường* Tộ	Nguyễn *Trường* Tộ
109	7	loạn-ly *nửa* ngoài Bắc	loạn ly *nữa*, ngoài Bắc
109	27	Trung-Hoa cúi đầu *phải* hạ bút	Trung-Hoa *phải* cúi đầu hạ bút.
110	6	vô *cung*	vô *cùng*
190	9	Tinh - thần anh dũng *rẻo rai*	tinh thần anh dũng và *dẻo dai*
190	12	nơi bị *hong* tàn	nơi bị *hoang* tàn.
190	20	một là người nhận hết	một là người *Việt-Nam* nhận hết
245	29 30	và nông *nghiệp* Việt-Nam	và nông *dân* Việt-Nam

Năm theo Dương-Lịch	Việt-Nam	Trung - Hoa	Pháp
1225	Trần-Thái-Tôn lên ngôi.		
1257	Quân Mông-Cổ đánh Vân-Nam trản sang nước Nam.		
1284	Thoát - Hoan đánh nước Nam lần thứ nhất.	Nguyên	
1287	Thoát - Hoan đánh nước Nam lần thứ hai.		
1306	Vua Chiêm - Thành dâng đất Thừa-Thiên.	Minh (1358-1628)	Họ Capétiens chi Valois (1328 1589).
1383	Vua Chế-Bồng-Nga đánh kinh thành Thăng-Long.		Cuộc chiến tranh 100 năm (1338-1453)
1396	Hồ-Quý-Ly đời đô vào Tây-Đô.		
1400-1407	Nhà Hồ.		
1400	Hồ - Quý - Ly cướp ngôi Nhà Trần.		
1402	Nhà Hồ lấy đất Chiêm-Thành mở ra đất Quảng Nam Quảng Nghĩa.		
1406	Nhà Minh đánh nhà Hồ.		
1407-1427	Thuộc nhà Minh		
1408	Nhà Hậu Trần dấy binh đánh quân Minh.		
1418-1427	Ông Lê-Lợi khởi nghĩa.		Jeanne d'Arc cứu Chúa (1429 - 1431).
1427-1527	Nhà Lê.		
1428	Lê-Thái-Tổ lên ngôi		

Năm theo Dương-Lịch	Việt-Nam	Trung Hoa	Pháp
1470	Lê Thánh-Tôn đánh Chiêm-Thành lấy đất Bình-Định.		
1527-1592	Nhà Mạc.		
1527	Mạc - Đăng - Dung cướp ngôi nhà Lê.	Minh - thế - Tôn (1522 - 1566).	
1532-1788	Nhà Lê Trung Hưng		
1532	Ông Nguyễn - Kim lập vua Lê ở Ai-Lao.		
1543	Ông Nguyễn - Kim khôi phục đất Nghệ-An và Thanh Hóa lập ra Lê Nam-Triều.		
1545	Ông Trịnh-Kiểm giữ binh-quyền		
1558	Ông Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận hóa		
1592	Ông Trịnh-Tùng dứt nhà Mạc khôi phục kinh thành Thăng-Long.		Họ Capétiens chi Bourbons (1589 - 1792) Henri IV (1589-1610).
1161	Ông Nguyễn Hoàng đánh Chiêm Thành lấy đất Phú-Yên		Louis XII (1610 1643).
1627-1672	Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn đánh nhau ở Quảng-Bình và Hà Tĩnh	Nhà Thanh (1614-1191).	Louis XIV (1643-1715).
693	Chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm Thành vào đến Bình Thuận	Thanh thánh Tổ (Khang-Hi 1662-1722).	

Năm theo Dương-Lịch	Việt-Nam	Trung Hoa	Pháp
1698-1757	Chúa Nguyễn lấy đất Cao Miên lập ra sáu tỉnh Nam-Kỳ.	Thanh thế Tôn (Ung - Chính) (1723 - 1735).	Louis XV (1715-1774).
1771	Ông Nguyễn - Nhạc khởi binh đánh Chúa Nguyễn ở Quy-Nhơn.	(Càn Long) 1736-1795.	Louis XVI (1774-1793)
1775	Chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ - Phúc vào lấy thành Phú Xuân và đất Quảng Nam. Chúa Nguyễn chạy vào Gia-Định		
1776	Anh em ông Nguyễn-Nhạc đánh lấy Gia-Định		
1778	Ông Nguyễn - Nhạc xưng đế ở Quy-Nhơn.		
1780	Ông Nguyễn - Ánh xưng vương ở Nam-Kỳ.		
1782	Loạn Kiêu Binh ở kinh thành Thăng-Long.		
1783	Nguyễn-Vương nhờ ông Bá - Đa - Lộc đem Hoàng-Tử-Cảnh về Pháp cầu cứu.		
1784	Ông Nguyễn Huệ phá quân Tiêm-La ở đất Gia-Định.		
1786	Ông Nguyễn Huệ lấy thành Phú-Xuân rồi ra Bắc-Hà dứt họ Trịnh.		

Năm theo Dương-Lịch	Việt-Nam	Trung - Hoa	Pháp
1787	Vũ văn-Nhậm đánh Bắc Hà. Nhà Lê mất ngôi.		
1788	Nguyễn - Vương ở Tiêm-La về khôi phục Gia-Định.		
1788 802	Nhà Nguyễn Tây-Sơn		Cuộc Đại Cách-Mệnh (1789)
1789	Ông Nguyễn-Huệ lên ngôi Hoàng Đế rồi ra phá quân Thanh ở Thăng-Long.		Dân Quốc Cộng Hòa thứ I. (1792-1804)
1792	Vua Quang - Trung mất.	Thanh Nhân-Tôn (Gia - Khanh 1796-1820	
1799	Nguyễn-Vương khôi phục thành Qui-Nhơn.		
1801	Nguyễn-Vương khôi phục thành Phú Xuân.		
1802-...	Nhà Nguyễn.		
1802	Nguyễn-Thế-Tổ (Gia-Long) lên ngôi rồi ra đánh lấy Bắc Hà.		Đế Quốc lần thứ nhất (1804 - 1814).
1819	Nguyễn-Thế-Tổ mất		Nã-Phá-Luân I xưng đế (1804)
1820	Nguyễn - Thánh - Tổ (Minh-Mệnh) lên ngôi.	Thanh - Tuyên Tôn (Đạo - Quang) (1821 - 1851)	Họ Capétiens chi Bourbons trung hưng (1814 - 1848)
1826	Giặc Phan-bá-Vành ở Nam-Định.		Louis XVIII (1814 1824)
1833	Lê-duy-Lương khởi binh ở Ninh Bình		Charles X (1824-1830)

Năm theo Dương Lịch	Việt-Nam	Trung-Hoa	Pháp
	Lê-văn Khôi khởi ngụy ở Gia-Định.		Cuộc Cách mệnh lần thứ hai (1830).
	Nông-văn-Vân dấy loạn ở Bắc Kỳ.		Louis Philippe (1830 - 1848
1834	Giặc Tiêm-La		
1835	Lấy nước Cao Miên lập ra Trấn-Tây thành.		
1840	Nguyễn - thành - Tổ mất.		
1841	Nguyễn - Hiến - Tổ (Thiệu - Trị) lên ngôi lập lại nước Cao Miên		
1847	Chiến thuyền của Pháp bắn vào các đồn ở Đà - Nẵng.		
	Nguyễn Hiến-Tổ mất		
1848	Nguyễn - dực - Tôn (Tự-Đức) lên ngôi.	Loạn Thái Bình Thiên - Quốc (1849 - 1864).	Cuộc Cách-mệnh lần thứ ba (1848).
1858	Chiến thuyền của Pháp và của I-Pha-Nho đánh Đà Nẵng.	Thanh - văn - Tôn (Hàm - Phong) 1851-1861.	Dân Quốc Cộng-Hòa lần thứ hai (1848 - 1851).
1859	Quân Pháp đánh lấy Gia Định.		Đế-Quốc lần thứ hai (1851 - 1870) Nã-Phá Luân II xưng đế (1851).
1861	Đồn Kỳ Hòa thất thủ		
1862	Hòa - Ước nhượng ba tỉnh phía đông Nam-Kỳ.	Thanh-Mục-Tôn (Đồng-Trị) 1862-1874.	

Năm theo Dương-Lịch	Việt Nam	Trung - Hoa	Pháp
1864	Lập cuộc bảo-hộ ở Cao-Miên.		
1867	Lấy ba tỉnh phía tây Nam-Kỳ. Phan-thanh - Giản tự tận.		Phổ-Pháp chiến-tranh (1870-1871)
1872	Đồ-phổ-Nghĩa đem thuyền vào Hà-Nội		Dân Quốc Cộng-Hòa lần thứ ba (1870.....)
1873	Francis Garnier hạ thành Hà - Nội Nguyễn - Tri - Phương tử - tiết.		
1874	Hòa - Ước trả lại đất Bắc Kỳ.	Thanh - Đức - Tôn (Quang - Tự) 1875-1902.	
1882	Henri Rivière hạ thành Hà - Nội Hoàng-Diệu tử tiết.		
1883	Cuộc Bảo - hộ của nước Pháp.		
1883	Vua Dực Tôn mất, Hòa - Ước nhận cuộc bảo hộ.		
1884	Hòa-Ước Patenôtre định các thể lệ Bảo-hộ.		
1885	Tôn - Thất - Thuyết đánh phủ Khâm Sứ-Huế.		
1883	Vua Hàm - Nghi bị bắt.		
1893	Phan - Đình - Phùng khởi sự ở Hà-Tĩnh		